NĂM THỨ TÁM • # 100 • AUGUST 1997

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

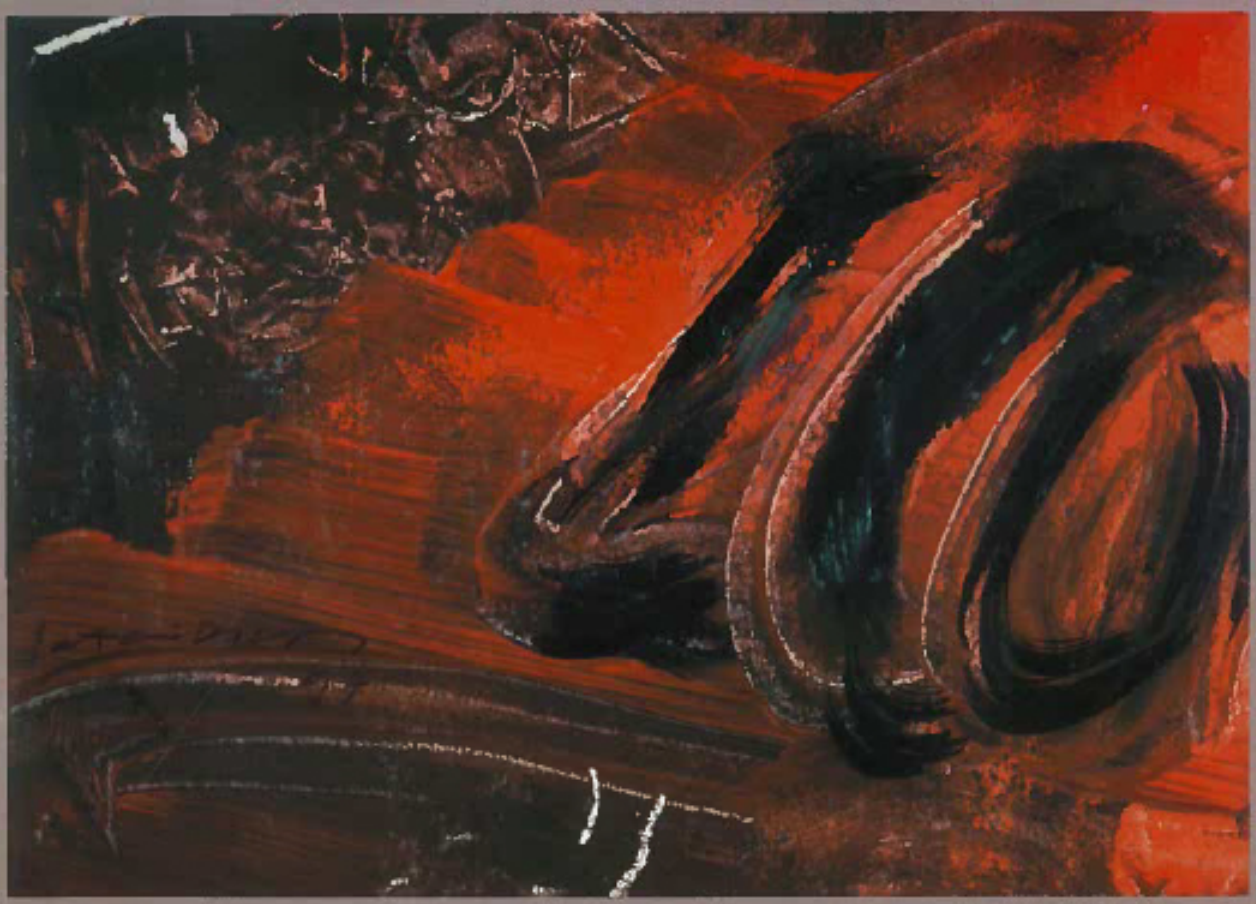

BỨC TƯỜNG **NGUYỄN THỊ VINH**

CHẮT CHIU KỶ NIỆM
HỒ TRƯỜNG AN

NGŨ PHỤNG BAY VỀ ĐÂU
TRẦN GIA PHỤNG

THẾ KỶ GOLDEN MATE INC.

GIỚI THIỆU 2 MÁY MỚI NHẤT Hoàn Mỹ EV-97

TỪ ĐIỂN ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-ANH

Lớn nhất bao gồm
Từ điển thông dụng
+ Từ điển kỹ thuật tổng hợp

Ngoài ra, còn riêng một bộ từ điển Bách Khoa với 8 ngành đặc biệt thích ứng nhu cầu học đường và nghề nghiệp chuyên môn chưa một từ điển nào có được. Tổng thiết lập riêng cho bộ bách khoa này.
Y Khoa, Toán Học, Thương Mại, Kinh Tế, Điện Tử, Điện Toán, Cơ Khí và đặc biệt ngành Thẩm Mỹ với từ chuyên môn cùng các câu hỏi trắc nghiệm mẫu

Gộp chung trong bộ từ điển Anh-Việt để tiện việc tra cứu.
Do Whizmate, phân bộ của Golden Mate thực hiện

Anh-Việt Việt-Anh Anh-Anh

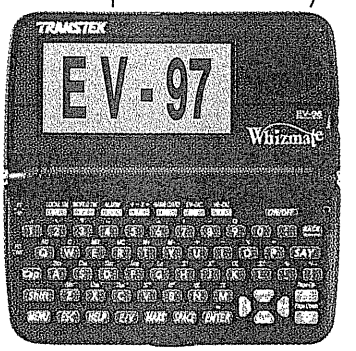

Giá $279 + Tax
(Cho những người đặt mua trước.
Giới hạn trong thời gian khai trương)
Giá chính thức $319+Tax

LINH KIỆN THIẾT BỊ CỦA SHARP CHẾ TẠO
BẢO ĐẢM BỀN BỈ VÀ TINH VI
HỆ THỐNG PHÁT ÂM CỦA VIỆN TIÊU CHUẨN
KỸ THUẬT BERKELEY-USA ĐÀI LOAN SẢN XUẤT

BẠN ĐANG SỐNG TRONG THẾ GIỚI MỞ RỘNG, GIAO DỊCH VÀ LÀM VIỆC VỚI NGƯỜI NGOẠI QUỐC, HỌC NGÔN NGỮ LÀ CHUYỆN CẤP THIẾT KHÔNG THỂ XAO LÃNG.

Hãy nhớ đến
ĐẠI TỪ ĐIỂN TỬ PHÁT ÂM GOLDEN

NHẬN SỬA CHỮA TẤT CẢ CÁC LOẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ

Thế Kỷ VEC- 888

3 NGÔN NGỮ: ANH - VIỆT - HOA
5 BỘ TỪ ĐIỂN: ANH-ANH, ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-HOA, HOA-ANH

CHUYỂN TỪ NGÔN NGỮ NÀY QUA NGÔN NGỮ KIA CHỈ DÙNG MỘT NÚT BẤM

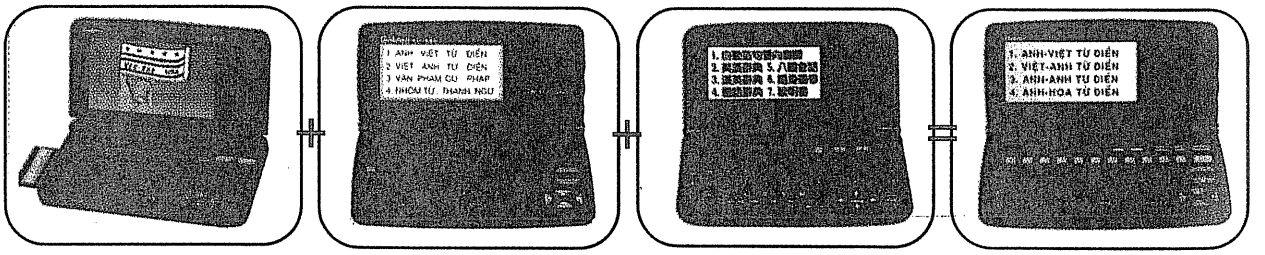

ENGLISH DICTIONARY | ENGLISH-VIETNAMESE VIETNAMESE-ENGLISH EV-555 | ENGLISH-CHINESE CHINESE-ENGLISH EC-9001C | ĐẠI TỪ ĐIỂN VEC-888

CẦN THÊM NHIỀU ĐẠI LÝ TẠI CÁC NƯỚC ÂU CHÂU

MONTEREY PARK Xin liên lạc: Tel. (818) 571-6598

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ & CANADA:
GOLDEN MATE INC.
2646 PUREE AVE. EL MONTE, CA 91732
Tel: (818) 279-9898 . Fax: (818) 279-9899

NÓI TIẾNG VIỆT:
1-800-248-3948
1-818-279-9911

LITTLE SAIGON | PACIFIC GIFTS & SHOES | PHONG LÊ CO.
PHƯỢNG MY LASER & VIDEO | SOUND CITY | VIỆT NAM BOOK STORES (CANADA)

LỄ VU LAN ! MÙA BÁO HIẾU ! LỄ VU LAN ! MÙA BÁO HIẾU !

Cuộc cách mạng trong thế giới Video Việt Nam.
Thúy Nga xin trân trọng giới thiệu cuốn Video vĩ đại
Thi Ca, Văn Chương, Âm Nhạc Giao Duyên.

180 PHÚT THIÊNG LIÊNG HƯỚNG VỀ

Mẹ

PARIS BY NIGHT 40

Ai cũng cần
có một bà mẹ

Do đó, ai cũng cần
có bộ ***Video Mẹ***.

Một kiệt tác phẩm huy hoàng và cảm động tràn trề nước mắt.
Một video của những người yêu Mẹ, quý Mẹ, nhớ Mẹ
Phỏng vấn đặc biệt **Thiền Sư Thích Nhất Hạnh,**
do **Nhà Văn Nguyễn Ngọc Ngạn.**

Nếu chữ Hy sinh có ở đời
Tôi muốn nạm vàng muôn khổ cực
Cho lòng Bà Mẹ Việt Nam tươi (Hồ Dzếnh)

1001 hình ảnh và tư tưởng Mẹ của các nhà văn, thi sĩ :
Thích Nhất Hạnh, Duyên Anh, Bùi Vĩnh Phúc, Đỗ Quí Toàn, Du Tử Lê, Hà Huyền chi, Kiên Giang, Lâm Hảo Dũng, Minh Đức Hoài Trinh, Nhã Ca, Nguyễn Đình Toàn, Nguyên Xuân Hoàng, Nguyễn Chí Thiện, Nguyễn Ngọc Danh, Nguyễn Hữu Nhật, Phạm Long, Phan Ni Tấn, Thái Thủy, Trần Mộng Tú, Vi Khuê, Võ Đại Tôn ...

Mười sáu ca sĩ trứ danh như chim con ríu rít ca ngợi Mẹ Việt Nam:
Khánh Ly, Ái Vân, Hoạ Mi, Như Quỳnh, Hương Lan, Thanh Lan, Mỹ Huyền, Thái Hiền, Thanh Hà, Lưu Bích, Hoàng Lan, Thái Châu, Nguyễn Hưng, Don Hồ, Thế Sơn, Hoài Nam.

Giá $28 1/Bộ

Xin liên lạc: THÚY NGA
MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave. D' Ivry - 75013 - Paris France - Tel. 01.45-83-34-30
ÚC: 323 Chapel Rd.- Bankstown - N.S.W. 2200 - Australia - Tel. (02) 796-7227

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 6 tháng / *6 months*	□ 1 năm / *1 year* US$40.00	□ 2 năm / *2 years* US$75.00
Gửi First Class:		□ 1 năm / *1 year* US$52.00	□ 2 năm / *2 years* US$96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA		□ 1 năm / *1 year* US$56.00	□ 2 năm / *2 years* US$113.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*		□ *1 năm / 1 year* US$76.00	□ 2 năm / *2 years* US$140.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*		□ *1 năm / 1 year* US$86.00	□ 2 năm / *2 years* US$160.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Ba 1995. / *Effective from March 1st, 1995.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL: (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

ĐÊM HỌP MẶT THẾ-KỶ 21

KỶ-NIỆM TẠP-CHÍ THẾ-KỶ 21 NĂM THỨ 9

KÍNH GỬI QUÍ ĐỘC-GIẢ, THÂN-HỮU, CỘNG TÁC VIÊN TẠP-CHÍ THẾ-KỶ 21

Chúng tôi thân ái mời *Quí Vị Độc-giả, Thân hữu, Cộng tác viên* đến tham dự *ĐÊM HỌP MẶT Thế-Kỷ 21* nhân dịp mừng Tạp-Chí Thế-Kỷ 21 lên 9 tuổi sẽ được tổ-chức vào *TỐI CHỦ NHẬT 12 THÁNG 10, 1997* tại Little Saigon

XIN LIÊN LẠC, GIỮ CHỖ, LẤY GIẤY MỜI QUA ĐIỆN-THOẠI:

714-638-9510

HOẶC

714-839-8746

FAX:

714-638-1944

E-MAIL:

75504.3510@COMPUSERVE.COM

SAU CHÍN NĂM MIỆT MÀI GẮN BÓ BẠN ĐỌC NGƯỜI VIẾT THẾ-KỶ 21 ĐÃ HOÀN THÀNH SỐ BÁO MỘT TRĂM

NAY ĐẾN LÚC NGỒI LẠI

CÙNG NHẮM VIỄN TƯỢNG: MỘT VIỆT NAM DÂN CHỦ TỰ DO.

DƯƠNG KIỂN. DƯƠNG NHƯ NGUYỆN. DƯƠNG THÀNH VŨ. DƯƠNG THU HƯƠNG. DU LI. DU TỬ LÊ. DUY LAM. ĐẶNG HIỂN. ĐẶNG PHÙNG QUÂN. ĐẶNG QUANG KHANG. ĐẠI LỘC. ĐÀM TRUNG PHÁP. ĐÀO TRUNG ĐẠO.ĐINH CƯỜNG. ĐINH PHỤNG TIẾN. ĐINH QUAN ANH THÁI. ĐINH X. QUÂN. ĐỖ KH. ĐỖ LANG. ĐỖ NGỌC YẾN. ĐỖ QUÁN ANH. ĐỖ QUYÊN. ĐỖ TỈNH. ĐỖ THI KÊNH G. ĐỖ THÔNG MINH. ĐỘC THƯ. ĐOÀN XUÂN KIÊN. ĐỊNH NGUYÊN. ERICA JONG. GIANG HỮU TUYÊN. GÚC. HẠNH ĐỨC. HẠO NHIÊN. HÀ DƯƠNG DỰC. HÀ QUÂN. HÀ QUANG XƯƠNG. HÀ SĨ PHU. HÀ THÚC SINH. HÀ TƯỜNG CÁT. HÀ TRUNG. HẢI VÂN. HIẾU. HIẾU ĐỆ. HO. HỒ MINH DŨNG. HỒ ĐẮC VŨ. HỒ ĐÌNH NGHIÊM. HỒ THÀNH ĐỨC. HỒ TRƯỜNG AN. HOÀI VŨ. HOÀNG CẦM. HOÀNG CHIỂU NHÂN. HOÀNG CHÍNH.HOANG HOA KHÔI. HOÀNG KHỞI PHONG. HOÀNG LINH. *HOÀNG MAI ĐẠT. HOÀNG ĐẠO THẾ KIỆT. HOÀNG NHA TRANG. HOÀNG THỊ BÍCH NGA. HOÀNG TIẾN BẢO. HOÀNG TỪ DƯƠNG. HOÀNG XUÂN SƠN. HÒA BANG NGẠCH. HỨA TRÚC. HUỆ THU. HUY PHƯƠNG. HUY TRÂM. HUỲNH HỮU ỦY. HUỲNH HÙNG. HUỲNH LIỄU NGẠN. JO TIEN. JOHN K. WHITMORE. KHÁNH TRƯỜNG. KHOA HỮU. KIỆT TẤN. KÚM. LÂM LỄ TRINH. LẠI MẠNH CƯỜNG. LAN ANH. LE VU. LÊ BI. LÊ HỮ ĐIỂU. LÊ PHƯỚC HÒA. LÊ TẤT ĐIỀU. LÊ TAM CA. LÊ TÀI ĐIỂN. LÊ THÀNH NHƠN. LÊ THỊ HUỆ. LÊ THGUYỄN ĐẠT. LƯU VĂN VỊNH. LUÂN HOÁN. LÝ KIẾN TRÚC. LÝ MINH HÀO. LÝ VŨ. MAI KIM NGỌC. MAI THÁI LĨNH. MAI THẢO. MAI TRUNG TĨNH. MARCELLA H. CHOY. MINH HÂN. NATHAN CAPLAN. NGHIÊU ĐỀ. NGÔ CHÂU VĂN. NGÔ HUY. NGÔ NGUYÊN DŨNG. NGÔ NHÂN DỤNG. NGÔ ĐÌNH HOA. NGÔ ĐÌNH VẬN. NGÔ THẾ VINH. NGÔ VĂN NAM. NGÔ XUÂN ĐỒNG. NGÔ XUÂN TÙNG. NGỌC DŨNG. NGỌC KHÔI. NGƯỜI SIKIEW.* NGU YÊN. NGUYỄN ĐỨC SƠN. NGUYỄN ANH TUẤN. NGUYỄN ANH TUẤN. NGUYỄN BÁ TRẠC. NGUYỄN BÍCH. NGUYỄN CHÍ KHAM. NGUYỄN CHÍ THIỆN. NGUYỄN DIÊU. NGUYỄN HOÀI VÂN. NGUYỄN HOÀNG NAM. NGUYỄN HỘ. NGUYỄN HƯNG QUỐC. NGUYÊN HƯƠNG .NGUYỄN HƯƠNG. NGUYỄN HỮU. NGUYỄN HỮU CHUNG. NGUYỄN HỮU NHẬT. NGUYỄN HUỲNH MAI.NGUYỄN K.PHONG.NGUYỄN KHANH. NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNGNGUYỄN LONG THÀNH NAM.NGUYỄNLƯƠNGHẢO.NGUYỄN MẠNTRINH. NGUYỄN MINH CẦN. NGUYỄN MỘNG GIÁC. NGUYỄN ĐĂNGNGỌC. NGUYEN ĐĂNGTHƯỜNG.NGUYỄN ĐẠMTHỦY.NGUYỄN ĐẠT. NGUYỄN NAM ANH. NGUYỄN NGỌC HUY. NGUYỄN NGỌC BÍCH. NGUYỄNNGUYÊN THANH. NGUYỄN ĐÌNH HÀ. NGUYỄN ĐÌNH HÒA. NGUYỄN ĐỒNG. NGUYỄN ĐỨC LẬP. NGUYỄN PHAN CẢNH. NGUYÊN PHONG. NGUYÊN SA. NGUYỄN TẤN HƯNG. NGUYỄN TẤT NHIÊN. NGUYỄN THANH GIANG. NGUYỄN THANH THU. NGUYỄN THIẾUNHẪN.NGUYỄN THI BĂNG LINH. NGUYỄN THI CHÂN QUỲNH. NGUYỄNTHỊHOÀNGBẮC.NGUYỄN THỊ HỢP. NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN. NGUYỄN THỊNGỌCNHUNG. NGUYỄNTHỊ THANH BÌNH.NGUYỄN THUYẾT PHONG. NGUYỄN TƯỜNG PHONG. NGUYỄN TRỌNG KHÔI. NGUYỄN TUYỂN. NGUYỄN VĂN BA. NGUYỄN VĂN HÁN. NGUYỄN VĂN SÂM. NGUYỄN VŨ. NGUYỄN XUÂN HOÀNG. NGUYỄN XUÂN NGHĨA. NGUYỄN Ý THUẦN. NGUYỄN LƯƠNG TUYÊN. SOPHIE QUINN JUDGE. STEPHEN BROOKES. STEPHEN DENNY. SUZIE VƯƠNG. TÂM QUYÊN. TÂN ANH. TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG. TẠ THÁI. TẠ TỴ. TAM TRƯƠNG. THẠCH ANH. THANG MA. THANH DIỄM. THANH NGUYỄN. THÀNH TÍN . THÁI BẰNG. THÁI BÌNH. THÁINHẤT TUẤN. NHẤT UYÊN. NHÃ CA.ÔNG TIẾN HƯNG.PAMELA NGUYỄN. PAUL EHRLICH. PHAM CAO DAO. PHẠM CAO DƯƠNG.PHẠM CHU. PHẠM CÔNG THIỆN. PHẠM DUY. PHẠM HỒNG KHÔI. *PHẠM HUY SẢNH. PHẠM KIM KHÔI. PHẠM NGỌC CHÁNH. PHẠM NGỌC KHÔI. PHẠM PHẬT LĂNG. PHẠM THỊ XUÂN ANH. PHẠM THỊ XUÂN HƯỜNG. PHẠM TRẦN. PHẠM TRỌNG CHÁNH. PHẠM VĂN HẢI. PHẠM VĂN LƯU. PHẠM VIỆT CƯỜNG. PHẠM XUÂN HY. PHẠM XUÂN ĐÀI. PHẠM XUÂN TÍCH. PHẠM PHAN LONG. PHAN LẠC TIẾP. PHAN LANG. PHAN MỸ SƯƠNG. PHAN N. HUYÊN. PHAN NGUYÊN. PHAN NHẬT NAM.*PHAN NHƯ HUYÊN. PHAN QUỐC SƠN. PHAN SINH. PHAN TAI PHU. PHAN VĂN HUẤN. PHAN YẾN VÂN. PHILLIP HÙNG PEASE. PHỐ THỊ NGỌC NI. PHƯƠNG TRIỀU. PHÙNG NGUYỄN. PHÙNG QUÁN. QUÂN TỬ. QUI PHIET TRAN. QUỲNH GIAO. RICHARD LEDERER. RUTH TALOVICH. SEAN FRENCH. SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH. HÀ. THÁI NGỌC SƠN. THÁI TUẤN. THÁI VIỆT. THẾ GIANG. THẾ UYÊN. THIỆN HỶ. THƯỜNG QUÁN. THỤY KHUÊ. TIỂU LINH. TIỂU UYÊN. TÔ THÙY YÊN. TÔN THẤT THIỆN. TÔN THẤT TIẾT. TƯỜNG LAM. TRẦN CÔNG SUNG. TRẦN DẠ TỪ. TRẦN DIỆU HẰNG. TRẦN DOÃN NHO. TRẦN HỒNG CHÂU. TRẦN KIM ANH. TRẦN LONG HỒ. TRẦN MỘNG TÚ. TRẦN NGỌC. TRẦN NGỌC TUẤN. TRẦN NGỌC TUẤN. TRẦN ĐỨC THẢO. TRẦN PHỤC KHẮC. TRẦN QUAN NIỆM. TRẦN SA. TRẦN

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

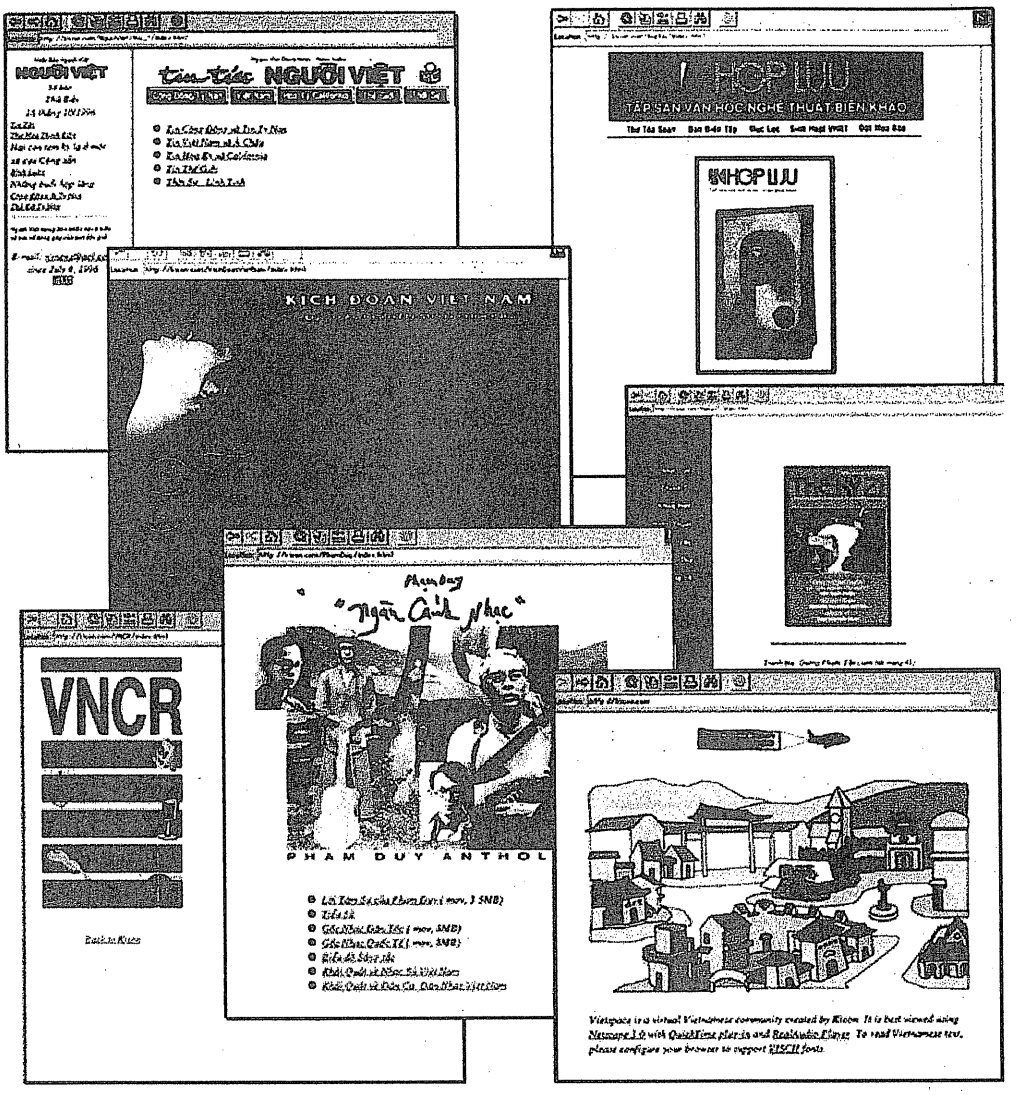

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
¤ *Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẨY: 10AM - 7PM ◻ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

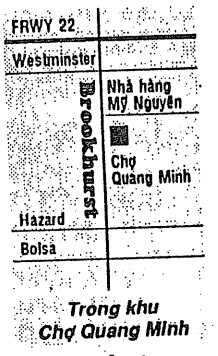

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

ĐÊM HỌP MẶT THẾ-KỶ 21

KỶ-NIỆM TẠP-CHÍ THẾ-KỶ 21 NĂM THỨ 9

KÍNH GỬI QUÍ ĐỘC-GIẢ, THÂN-HỮU, CỘNG TÁC VIÊN TẠP-CHÍ THẾ-KỶ 21

Chúng tôi thân ái mời *Quí Vị Độc-giả, Thân hữu, Cộng tác viên* đến tham dự *ĐÊM HỌP MẶT Thế-Kỷ 21* nhân dịp mừng Tạp-Chí Thế-Kỷ 21 lên 9 tuổi sẽ được tổ-chức vào *TỐI CHỦ NHẬT 12 THÁNG 10, 1997* tại Little Saigon Nam California .

Trong nỗ-lực tạo nhịp cầu đối-thoại giữa người đọc người viết và tạo một *Diễn đàn* toàn cầu đóng góp vào việc phát-huy *Nhân Quyền, Tự Do, Dân Chủ cho nước Việt-Nam* qua các bài viết về chính-trị, văn-hóa, lịch-sử, Tạp-chí Thế-kỷ 21 đã được Quí Vị trong ngoài nước khuyến khích, cộng-tác và ủng-hộ nhiều mặt. Dịp họp mặt kỷ-niệm này tạo cho chúng tôi cơ hội để tỏ lòng tri-ân sâu xa tất cả Quí Vị. Vì vậy Thế-Kỷ 21 hy vọng sẽ có rất nhiều Quí Vị Độc-Giả, Thân Hữu và Cộng Tác Viên từ khắp nơi về chung vui trong dịp này.

Nhân dịp này, với sự bảo-trợ của Nhật Báo Người Việt, Thế-Kỷ 21 có tổ-chức một buổi Hội-luận qua Internet với đề-tài TRUYỀN THÔNG VÀ DÂN CHỦ theo phương-pháp Video Group Conferencing vào *SÁNG CHỦ NHẬT 5 THÁNG 10 TỪ 8:00-10:00 AM (GIỜ CALIFORNIA)* .

Hội-luận trên Internet, không theo phương-pháp bút đàm, qua chat room hay whiteboard, mà dùng phương-pháp VIDEO GROUP CONFERENCING VỚI THAM DỰ CỦA NHIỀU NGƯỜI, Ở NHIỀU NƠI KHÁC NHAU LÀ MỘT PHƯƠNG-PHÁP RẤT MỚI. Vì vậy Thế-Kỷ 21 xin nhờ đến sự tiếp tay của tất cả Quí Vị đang xử dụng Internet có biết về kỹ-thuật này giúp đỡ cho Ban tổ-chức TIẾN-HÀNH việc nghiên-cứu và thiết-lập 1 đường giây Internet ở mỗi địa-phương có người tham-dự hội-luận. Chúng tôi hy-vọng các chi-tiết về kỹ-thuật sẽ được trao đổi, thông-báo đầy đủ trong tháng 7/97 để kịp thời đi vào trắc-nghiệm TRONG THÁNG 8-9/1997 hầu BẢO ĐẢM CHO BUỔI HỘI-LUẬN ĐƯỢC TIẾN HÀNH SUÔNG SẺ VÀ TỐT ĐẸP. Xin Quí Vị liên-lạc về Anh Hoàng Ngọc Tuệ ở E-Mail : TUE0573@aol.com hoặc Anh Nguyễn Thiện Cơ E-Mail: nvnews@aol.com để phối-hợp.

Ngoài ra trong tháng 8/97 Thế-Kỷ 21 cũng sẽ tổ-chức Lễ Tưởng niệm Nhà Văn Khái Hưng bị Cộng Sản thảm sát năm 1947. Thế-Kỷ rất mong đón nhận được nhiều bài vở của Quí Vị để chúng ta có một số báo đặc biệt phát-hành sau Lễ Tưởng niệm này.

Nếu Quí Vị không nhận kịp thư mời riêng hoặc cần thêm chi-tiết xin Quý Vị liên-lạc về điện-thoại (714)534-9430 hoặc (714) 638-9510 Fax: (714) 638-1944 E-Mail: theky@kicon.com Thân ái chào Quí Vị và hẹn gặp Quí Vị trong Đêm Họp Mặt Thế-Kỷ 21 tối ngày Chủ nhật 12 tháng 10-1997.

Thân ái kính mời
TM TẠP-CHÍ THẾ-KỶ 21:
Đỗ Ngọc Yến. Lê Đình Điểu.
Phạm Phú Minh. Vương Hữu Bột. Hoàng Ngọc Tuệ.

Tranh bìa: **Lê Tài Điển**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Ngọc Dũng, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường**
Ảnh: **Lê Tam Ca, Trần Đại Lộc, Anh Thành, Trương Tuấn**

MỤC LỤC
Số 100 . Tháng Tám 1997

CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

13 Chuyện Campuchia - **Nguyễn Hữu Chung**
17 Ngân hàng lúng túng vì bao cấp - **Ngô Nhân Dụng**

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

21 Áp đặt và tự nguyện trong tiến hóa Việt - **Định Thanh**
24 Tưởng nhớ Linh mục Léopold Cadière - **Nguyễn Văn Luận**
25 Ngũ phụng bay về đâu? - **Trần Gia Phụng**
74 Ngoại ngữ, cha mẹ và con cái - **Chân Văn**

VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT

46 Phỏng vấn Vũ Thư Hiên - **Thụy Khuê**
49 Từ văn chương kiếm hiệp đến văn chương khoa học giả tưởng - **Hoàng Xuân Trường**
98 Xem tranh Trịnh Cung: Chuyển động và Âm thanh - **Quỳnh Giao**

KHOA HỌC - ĐỜI SỐNG

54 Xe lăn bánh trên hỏa tinh - **Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh**
70 Chuyện nước Mỹ - **Trần Quán Niệm**

TIẾNG VỌNG

80 Lỗi tại tôi - **Nguyễn Hùng Vũ**

VĂN

31 Đức thánh tử vì đạo thứ hai mà tôi được gặp - **Kiều Duy Vĩnh**
58 Chắt chiu kỷ niệm - **Hồ Trường An**
63 Bức tường - **Nguyễn Thị Vinh**
76 Đôi mắt - **Trần Hoài Thư**
82 Đi Tây (tiếp theo) - **Phạm Xuân Đài**
88 Chó hoang - **Đỗ Quang Nghĩa**
91 Sẹo mặt - **Vũ Trung Hiền**

THƠ

65. Khốc - **Nguyên Phương. 67.** Bỏ đi một nụ hồng - **Dương Như Nguyện. 75.** Lưới sắc - **Viên Phong**. 87. Khởi thủy - **Võ Doãn Nhẫn. 93.** Ấy là vô tận của em - **Bùi Giáng**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư Tòa soạn: Đề nghị một đạo luật giải tư - **Vương Hữu Bột**
9 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Hộp thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
40 Sổ tay
100 Vòng Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Lê Tam Ca**
106 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**
111 Khách Trong Tháng - **Lê Đình Điểu** •

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@kicon.com**
WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

Hội Đồng Quản Trị:

Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: *Trích Thế Kỷ 21.*

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1. *Lê Tất Luyện:* 45 83 19 12
2.*Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Canada: *Hoàng Chiều. Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

ĐỀ NGHỊ MỘT ĐẠO LUẬT GIẢI TƯ

Nước ta đã đổi mới kinh tế được mười năm. Những bước đầu rất phấn khởi, khi nông dân được ra khỏi hợp tác xã, khi các cửa hàng tư được tự do buôn bán, kiếm lời, và người nước ngoài được vào làm ăn.

Nhưng khi nền kinh tế được cởi trói mà chỉ cởi trói nửa chừng, thì đến lúc tay chân cựa quậy hết cỡ, đụng tới giới hạn của giây trói còn lại, sinh hoạt kinh tế cũng phải ngưng đọng. Vì chưa có cơ chế thị trường trọng pháp nên tham nhũng mới tràn lan. Tin tức từ Việt Nam mấy tháng qua cho thấy tình trạng "đóng băng," báo Thanh Niên ở trong nước gọi là "Nền kinh tế không bình thường." (Xin đọc các bài của Võ Quang, Lê Mạnh Hùng, Nguyễn Vân Hán, Ngô Nhân Dụng trong các số báo trước và số này.)

Chính các nhà lãnh đạo trong đảng Cộng Sản Việt Nam cũng biết chỉ có một đường thoát là phải thay đổi. Ông Võ Văn Kiệt, trong lá thư gửi Bộ Chính Trị năm ngoái, đã yêu cầu bỏ dần lối làm kinh tế chủ quản. Ông Nguyễn Tấn Dũng trong Thường Vụ Bộ Chính Trị, sau khi đi Bắc Kinh về, đã hô hào việc cải tổ hệ thống quốc doanh. Và trong tháng qua, ông Nguyễn Sinh Hùng, Bộ trưởng Tài chánh đã lên tiếng thúc đẩy "cổ phần hóa" các doanh nghiệp nhà nước.

Nhưng cần nhìn thẳng vào sự thật, là muốn kinh tế tiến được thì phải phát triển nền kinh tế tư doanh, phải tư nhân hóa các xí nghiệp quốc doanh. Trì hoãn không cởi trói toàn diện cho sinh hoạt kinh tế thì nước ta sẽ bỏ lỡ cơ hội, không biết bao giờ mới tiến kịp các nước chung quanh. Tình trạng đó đòi hỏi phải quyết định mạnh bạo.

Đằng nào thì hiện nay cả nước ta cũng do đảng Cộng Sản kiểm soát, đó là một sự thật. Bắt họ từ bỏ quyền lợi đang hưởng là một điều không tưởng. Cho nên chúng tôi đề nghị đồng bào trong nước, qua Quốc hội khóa X mới bầu lên, hãy đem tất cả các doanh nghiệp và ngân hàng của nhà nước bán rẻ cho các đảng viên đảng Cộng sản Việt Nam, yêu cầu họ phải làm chủ. Với điều kiện họ phải làm chủ thật sự, nghĩa là kinh doanh và đóng thuế, lời ăn, lỗ chịu, không chờ ai bao cấp và cũng không còn cảnh cha chung không ai khóc nữa.

Các đảng viên nào không thích kinh doanh sẽ được quốc hội bảo đảm cho hưởng hưu bổng suốt đời không phải lo lắng. Những đảng viên nào không muốn nhận quà tặng đó, như có nhiều người đã từ chối việc hóa giá nhà trước đây, nay cũng có quyền từ chối để bảo toàn tiết tháo.

Có một trở ngại là Điều lệ của đảng Cộng Sản Việt Nam cấm đảng viên kinh doanh. Bây giờ các nước tranh đua hơn kém ở kinh tế. Nếu các đảng viên, những người được coi là ưu tú nhất nước mà không được kinh doanh thì làm sao kinh tế cả nước tiến lên được?

Chúng tôi không đề nghị đảng Cộng Sản thay đổi điều lệ, vì đó là chuyện nội bộ của họ. Nhưng các nếu đảng viên muốn kinh doanh thì họ cũng biết rằng điều lệ của một đảng không thể cao hơn hiến pháp của quốc gia. Những hợp đồng giữa tư nhân mà trái với luật pháp thì vô giá trị. Mà hiến pháp nước ta hiện nay bảo đảm mọi người có quyền làm ăn sinh sống. Cho nên nếu các đảng viên có muốn trổ tài kinh doanh, họ vẫn có cơ hội. Chúng tôi tin rằng nhiều đảng viên đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ thành công trên trường kinh doanh, và họ cũng mong làm giầu một cách lương thiện, không cần dựa vào thần thế, vây cánh, bè đảng.

Sau khi đã giải tư kinh tế quốc doanh rồi, cần thiết lập hệ thống thị trường đích thật, mở cửa cho tư nhân làm ăn, nhất là người Việt ở nước ngoài, để tất cả các doanh nghiệp và ngân hàng cạnh tranh bình đẳng với nhau. Trong hệ thống kinh tế thị trường, nhà nước, gồm quốc hội và chính phủ, đóng vai trò thiết định "luật giao đấu" cho thị trường, các luật lệ phải công khai và minh bạch. Mọi người và mọi doanh nghiệp bình đẳng như nhau, nhà nước chỉ đóng vai trọng tài mà không nhảy vào sân đá banh.

Kế hoạch giải tư này phải làm một cách công khai và minh bạch trong tinh thần trọng pháp, không làm trong bóng tối. Quốc hội hãy làm luật giải tư, cho các đảng viên đang lãnh đạo cơ quan chủ quản hoặc trong xí nghiệp, và công nhân các xí nghiệp được ưu tiên mua cổ phần, với giá thấp và trả góp. Tiếp đến là các người ở trong diện chính sách cũng được mua cổ phần. Từ nay các doanh nghiệp sẽ có chủ thật sự, các chủ nhân lo làm giầu hợp pháp. Đạo luật giải tư này Quốc hội khóa X nên coi là ưu tiên hàng đầu. Cam đoan nó vừa giúp phát triển kinh tế, vừa làm giảm bớt tham nhũng.

VƯƠNG HỮU BỘT

Văn hoa nhưng không chính xác

Tôi đã đọc bài của ông Tôn Thất Phu về cuộc thảo luận của tôi và ông Nguyễn Hùng Vũ (Đông Tây Bất Hợp, TK 21 #99). Tôi thấy có vài điều cần bày tỏ như sau:

1. Thơ Lý Thường Kiệt là "Tiệt nhiên định phận tại Thiên thư" chứ không phải TUYỆT NHIÊN như ông Phu viết. *Tiệt nhiên* 截然 có nghĩa là "chắc chắn như vậy," còn *Tuyệt nhiên* 絕然 nghĩa là "không bao giờ." Đọc lầm như vậy sẽ làm đảo ngược ý nghĩa câu thơ. Còn *destruction* có nghĩa là "phá hủy, hủy hoại" chứ không phải là "hủy thể" 毀體 , *creation* là "sáng tạo" chứ không phải là "tái tạo" 再造 Nếu chưa nắm vững chữ Hán, không nên dùng những từ có vẻ văn hoa nhưng hoàn toàn không chính xác.

2. Khi phê bình quan điểm của bất cứ ai, không nên tự ý gán cho người ta những điều người ta không hề nghĩ đến. Đọc thơ Lý Thường Kiệt mà ông Phu suy tưởng đến Thiên Tiên Bát Quái, chắc Lý tướng quân sống lại cũng giật mình! Khi tôi trích dẫn THÍ DỤ CỦA HAWKING về chiếc ly bể để diễn tả KHÁI NIỆM GIA TĂNG ENTROPY, ông Phu lại nghĩ đó là THÍ DỤ CỦA TÔI ĐỂ MINH CHỨNG SỰ HỦY THỂ, "càng bàn về lý hóa càng sai nhầm," "có mày thì chẳng có tao" (sic)! Ông Phu còn cho tôi làm "luận cứ khoa học dựa vào Dịch học"! Dĩ nhiên tôi không thể trả lời những điểm này được, bởi vì đó chỉ là những điều gán ghép vô căn cứ và thiếu khách quan.

3. Lời kết luận của ông Phu cho rằng tôi và ông Vũ "càng bàn càng đi xa vấn đề mà vẫn chưa giải quyết được gì" khiến tôi ngạc nhiên. Cả tôi và ông Vũ không hề có tham vọng giải quyết những vấn đề mà toàn thế giới phải bó tay. Một ngàn năm nữa, kiến thức của cả nhân loại này góp lại chưa chắc đã giải đáp được những bí ẩn của vũ trụ và thế giới! Chúng tôi khi thảo luận đều ý thức được sự giới hạn của chính mình, cùng với sự giới hạn của khoa học và triết học. Những bài viết của chúng tôi chỉ là những suy nghĩ nhỏ bé của cá nhân, trao đổi cho nhau trên căn bản tương kính để học hỏi thêm.

Dù sao đi nữa, xin cám ơn ông Phu vì đã đóng góp ý kiến. Không biết lý do tại sao, chứ ông Phu rõ ràng chỉ chĩa mũi súng vào tôi khai hỏa tới tấp, còn phê bình ông Vũ rất nhẹ! Nếu tôi có dịp gặp ông Vũ, chắc chắn đó là dịp để chuyện trò vui vẻ bên tách cà phê. Nhưng nếu tôi gặp ông Phu, chắc tôi phải mặc áo giáp chống đạn của Mỹ mới dám ngồi nói chuyện. Có phải vậy không ông Phu?

Phạm Ngọc Khôi *(Montreal, Canada)*

Ba Vua

Trong báo Thế Kỷ 21 số 97 (tháng Năm 1997), mục Bạn Đọc Viết, bài "Cổ sử hay cận sử," trang 9, tác giả viết:

Ba vương tập đế: ba người con nuôi của vua Tự Đức được phong tước Vương và sau đều được lên ngôi vua (tập đế), đó là: vua Hiệp Hòa (1883) bị bức tử; vua Hàm Nghi (1884 - 1885) bôn đào; vua Đồng Khánh (1885 - 1888). Về sự việc này còn có câu:

Một nhà sinh được ba vua
Vua còn (Đồng Khánh), vua mất (Hiệp Hòa), vua thua chạy dài (Hàm Nghi).

Tác giả đã lầm khi cho rằng ba người con nuôi của vua Tự Đức là con một nhà, và ghi sót một tên. Sự thực là: Ba con nuôi của vua Tự Đức là Dục Đức, Kiến Phúc và Đồng Khánh. Ba vua cùng con một nhà là Kiến Phúc, Hàm Nghi và Đồng Khánh. Vua Hiệp Hòa là em vua Tự Đức, tức vai chú các vị vua kia.

Nguyễn Đình Thi *(Santa Ana, CA)*

Xin bỏ hai chữ Giáo Sư

Tôi rất sung sướng đọc bài của mình ("Khái Hưng, cuộc đời và tác phẩm trong bối cảnh lịch sử văn học Việt Nam") trong số Tân Niên TK 21. Cùng trong số báo ấy, trong mục Bạn Đọc Viết, bà Bùi Hạnh Nghi có viết về buổi tưởng niệm Khái Hưng ở Offenbach mà tôi là người thuyết trình, bà gọi tôi là Giáo Sư Đại học Huế. Cần nói lại cho rõ về điều này. Nguyên tôi từ Pháp về nước tháng Mười Một 1974, mới nhận một số giờ trong tuần hướng dẫn bài tập cho sinh viên, làm việc chưa được bao lâu thì Huế thay cờ (26.3.1975); thành ra hai chữ "Giáo Sư" nghe... dễ sợ quá.

Cầu chúc Thế Kỷ 21 sống mạnh.

Lê Quang Thông *(Frankfurt, Đức quốc)*

Tòa soạn cảm ơn lời minh xác của ông Lê

Quang Thông. Thái độ khiêm tốn và minh bạch của ông rất đáng quý, các thế hệ trẻ sẽ học theo.

Tham nhũng

Dư luận trong nước cho thấy bây giờ nhà nước chống tham nhũng ghê lắm, thậm chí đưa lên hàng "quốc sách." Nhưng đọc bài "Chuyện kinh tài của đảng Cộng sản Việt Nam" của ông Đoàn Thanh Liêm thì chúng tôi mới thấy ra là *tất cả các vụ kinh tài của đảng đều là tham nhũng.* Vì tham nhũng là gì? Đó là lấy của công dùng vào lợi ích của một người hay một nhóm. Thế thì đảng Cộng sản là một tổ chức tham nhũng chính gốc, còn đánh các tay tham nhũng cò con làm cái gì?

Trần Văn Dinh *(Seattle, WA)*

Xin "tỉ thí" một phen

... Nếu có dịp, TK 21 cho tôi gửi lời đa tạ ông Hà Phương Đoàn và bà Nguyễn Đặng đã có nhã ý khuyến khích khiến tác giả rất cảm động và phần nào đỡ "hồi hộp" mỗi khi gửi bài đi. Riêng bà Nguyễn Đặng thì tác giả xin "tỉ thí" tỉa thủy tiên một phen. Tuy không nắm vững phần thắng nhưng chắc sẽ đi đến chỗ đồng ý phải bao nhiêu "thành công lực" thì hoa sẽ lụi.

Tôi đang điều tra để mua máy chữ vì máy của tôi đang xin về hưu. Mua ở Mỹ có lẽ rẻ và tối tân hơn, nhưng lại sợ tối tân quá thì không biết dùng. Mặt khác, có máy mới thì mỗi khi tôi gửi bài về Tòa soạn, TK 21 khỏi phải đánh máy lại bài của tôi.

Nguyễn Thị Chân Quỳnh *(Paris, Pháp)*

Chúc chị Chân Quỳnh và máy chữ mới của chị sớm sum họp và sống chung hòa bình! Riêng Tòa soạn rất mong chị sớm có máy, vì không gì thích bằng đăng bài do chính tác giả đánh lấy, đỡ phải thỉnh thoảng lại "cáo lỗi" với "đính chính" vì đánh máy sai, nhất là đỡ làm phiền bạn đọc. Xin chị đừng sợ mấy cái máy gọi là tối tân, cái nào cũng trước lạ sau quen, chỉ vài hôm là sử dụng sành ngay thôi. Và xin nói nhỏ: đánh tiếng Việt thì nên dùng những chương trình thông dụng để dễ dàng cho Tòa soạn. VNI càng tốt, vì chúng tôi đang dùng chương trình đó.

Tôn giáo và Khoa học

Chúng tôi ước ao tác giả Nguyễn Kết sẽ khai triển các đề tài ông viết — tới mức cuối cùng có thể đạt — để trình bày nhãn quan sâu rộng của ông trên nhiều khía cạnh hay phương diện khác nữa.

Đây là điều mong mỏi nhất từ nhiều phía độc giả mọi tầng lớp. Một trong các điều ấy là câu hỏi chờ giải đáp: Hiện tôn giáo chỉ dựa hoàn toàn vào Thần quyền — mà thiếu nền tảng khoa học — có thể "survive" được nữa không?

Một số triết gia cho rằng vì Nền Tảng đã đặt sai nên các tôn giáo này phải sửa lại nền tảng có nhiều tính cách giáo điều lầm lạc và áp đặt.

Nguyễn Thị Phi *(California)*

Thưa bà, theo chúng tôi biết, các nhà khoa học rất khiêm cung khi bàn đến tôn giáo, ngay cả khi họ bàn đến các cơ bản của hiểu biết con người. Chính vì cái biết của khoa học còn rất khiêm tốn cho nên ít nhà khoa học nào lại nghĩ có tôn giáo đặt trên "nền tảng khoa học." Điều mà chúng ta biết là các tôn giáo đã tồn tại từ lâu đời, trước khi có nền khoa học hiện đại, và chắc chắn các tôn giáo trong tương lai còn giúp ích cho loài người trong việc cứu khổ, độ sinh lâu dài hơn quá khứ nữa.

Các tôn giáo đều thay đổi và sẽ còn thay đổi. Thay đổi nào gọi là có nền tảng hay là không nền tảng là điều các tôn giáo đó quyết định. Người bên ngoài bàn chuyện đó chỉ có tính cách từ chương mà thôi.

Nghe chuyện đời xưa

Đọc bài của giáo sư Vũ Quốc Thúc kể chuyện đời xưa (Thế Kỷ 21 số 97, tháng Năm 1997) tôi ước mong các "cụ" thuộc vào thế hệ của giáo sư kể lại thêm các chuyện cũ, để đám hậu sinh chúng tôi biết thêm. Không phải chúng tôi muốn biết thêm để thỏa trí tò mò mà muốn được kể lại cho con cháu mình các tấm gương của những nhà nho đời trước, có những nhà nho biết làm kinh tế (như một cụ tổ họ Vũ) chứ không phải chỉ biết học từ chương, có những người nghĩa hiệp (như cụ Tư Đào) v.v...

Chúng ta thường có thói quen thế hệ sau chỉ trích thế hệ trước, có người còn coi tất cả các nhà nho đời trước đều là tay sai của vua quan phong kiến. Một câu cố ký giả Từ Chung nói mà ông Lê Thiệp ghi lại làm tôi bừng tỉnh *"Cậu phải sống làm sao để đàn em cậu đừng chửi cậu như cậu vừa chửi chúng tôi..."*

Cảm ơn cả cụ Vũ Quốc Thúc và ông Lê Thiệp.

Lê-Đình Phúc *(Virginia)*

Làm sao rót?

Bìa báo Thế Kỷ 21 số 97, tháng Năm 1997, là một hình ảnh cảm động: một siêu thuốc đang sắc trên lò, một cái cửa liếp nhìn ra vườn chuối..., rất thân thuộc, rất Việt Nam. Nhưng ngắm đi ngắm lại siêu thuốc tôi thấy có cái gì

không ổn, cuối cùng nhận ra: cái vòi và cái tay cầm của siêu phải thẳng góc với nhau, chứ nằm thẳng hàng trên một mặt phẳng như trong tranh vẽ thì sẽ không thể rót thuốc được. Hay là có một loại siêu như thế mà tôi chưa được thấy chăng?

Nguyễn Thị Hường *(Los Angeles, CA)*

Cáo lỗi: Vì một lý do riêng, bài "Thi sĩ đạo sĩ, thi sĩ tiên tri, thi sĩ chiến sĩ" của Đào Mộng Nam phải tạm ngưng từ số này. Xin cáo lỗi cùng quý độc giả.

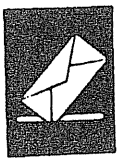

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Tô Sơn, Từ Nguyên, Quỳnh thi, Thanh Thiên Tâm, Ngọc Thủy, Hồ Trường An, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Đình Nhạc, Nguyệt Trì, Nguyễn Hải Trung, Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Hữu Nhật, Hà Nguyên Du, Nguyễn Cúc, Đỗ Thì Kênh G, Nguyễn Đình Nhạc, Lilas Trần, Phạm Ngọc Khôi, Hạ Đỏ, Phụng Nghi, Phạm Xuân Tích, Đoàn Xuân Kiên, Nguyễn Mạnh Trinh, Ngô Thế Vinh, Đặng Trần Huân, Nguyễn Cúc.

Nguyễn Cúc *(Dallas, TX)*: Cám ơn anh đã gửi bài và đĩa theo đường nhanh nhất, đã nhận được hết. Bài vở mỗi kỳ đã được chuẩn bị đầy đủ từ trước, nên không tạo ra những xáo trộn cần thiết. Dĩ nhiên khi có chuyện thời sự nóng bỏng thì phải ưu tiên. Mong anh khỏe. Thân.

Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm *(Chicago, Il)*: Một vài anh em trong Tòa soạn nhắc đã thấy CGNV xuất hiện ở đâu đó, coi lại thì chỉ là trên một tài liệu có tính cách nội bộ, nên không trở ngại. Cái đĩa dùng tốt, rất cám ơn anh. Sẽ dùng một vài tháng tới. Chúc vui và sáng tác nhiều.

Phạm Xuân Tích *(Le Bourget, Pháp)*: Tháng trước trên mục này có một cái nhắn tin tác giả truyện Những Tiếng Hát Mật Ngọt, không biết anh có đọc thấy không? Nếu anh cảm thấy có liên hệ xa gần gì với truyện đó xin báo cho biết với, sẽ xin giải thích mọi chuyện với anh sau. Đã nhận được bài mới, đang xem. Bữa nay anh đã đi nghỉ hè ở đâu chưa?

Hộp thư trị sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới: Lê André (FRANCE), Đỗ Văn Nhân (Nashua NH), Nguyễn Michael Lê (Austin TX), Phan Thuong V (Bellevue WA), Đàm Trung Pháp (Dallas TX), Lại Hữu Đức (Westminster CA), Trần Ngọc Đại (Orlande FL), Lưu Hữu Phúc (Pearland TX), Nguyễn Hữu Thông (San Jose CA), Lê Công Mừng (Morgan Hill CA), Mori Xuân (JAPAN), Phạm Hạnh (La Mesa CA), Phạm Trọng Tài (Honolulu HI), Francois Guillemot (FRANCE), Thanh Đan Đoàn (Springfield VA), Thế Văn Nguyễn (Salt Lake City UT), Thủy Phạm (Loveland CO), Lê Văn Hưng (Everett WA), Nguyễn Văn Lý (GERMANY), Trần Ngọc Minh (Corpus Christi TX), Lý Văn Quí (Fresno CA), Cornell University Library (Ithaca NY), Nhị Long (New Orleans LA), Bùi Văn Nho (Santa Ana CA), Trần Minh Hà (Lynnwood WA), Phung H Lê (Allston MA), Võ Minh Xuân (FRANCE), Nguyễn Chính Tâm (Houston TX), Vĩnh Hà (CANADA), Phạm Phan Long (Mission Viejo CA), Hiệp Đoàn (Garden Grove CA), Hà Thị Mỹ Dung (FRANCE), Đinh Xuân Bích Nga (FRANCE), Hà Thị Mỹ (Los Angeles CA), Lê Thị Hồng Túy (Santa Ana CA), Nguyễn Sinh (Houston TX), Don Lê (Westminster CA), Nguyễn Khắc Nhân (San Diego CA), Lê Ngọc Dũng (Dallas TX), Phạm Thanh Trần (San Diego CA), Nguyễn Việt Bảo (Portland OR), Lê Xuân Thuyên (Phoenix AZ), Trần Minh Cảnh (Los Angeles CA), Nguyễn Cảnh Trí (JAPAN), Trần Ngọc Phách (Anaheim CA), Hà Văn Luận (Philadelphia PA), Nguyễn Thế Huy (CANADA).

Hà Thị Mỹ Dung *(Paris, France)*: Có thể tháng rồi chị nhận được báo chậm. Anh L. từ Pháp về để lạc địa chỉ của chị ở đâu tìm mãi không ra, đến khi tìm ra thì... mọi việc đã xong. Nghĩa là xong cho việc gửi báo của tháng đó. Sau đó M.S. có gửi báo cho chị, hy vọng chị đã nhận được. Anh L. đi về kể nhiều chuyện vui lắm.

CHÚC MỪNG

Được tin anh chị Đỗ Quý Toàn làm lễ vu quy cho trưởng nữ là

Đỗ Bằng Lăng

đẹp duyên cùng

Patrick Frize

vào ngày 24 tháng Tám 1997 tại Làng Cây Phong, Canada
Xin chung vui cùng anh chị Đỗ Quý Toàn, và chúc hai cháu Bằng Lăng - Patrick hạnh phúc bên nhau mãi mãi.

Hoàng Ngọc Tuệ & Vĩnh - Đỗ Ngọc Yến & Phượng Loan
Trần Văn Ngô & Dung - Ngô Mạnh Thu & Mai
Lê Đình Điểu & Dung - Hà Tường Cát & Kim Dung
Phạm Phú Minh & Bạch Yến - Trần Đình Quân & Hương
Trần Đại Lộc & Chu - Nguyễn Đồng & Hợp
Phạm Quốc Bảo & Hương - Nguyễn Đức Quang & Minh Thông
Nguyễn Khả Lộc & Loan - Đỗ Việt Anh & Lan Anh
Nguyễn Phước Quan & Nga - Nguyễn Thiện Cơ & Thu Vân
Tống Hoằng & Nhuận - Phan Huy Đạt & Ngọc Anh
Lý Văn Chương - Ruth Talovich - Phan Mỹ Sương - Vũ Duy Tự & Chiêu Hà
Trang Châu - Nguyễn Hữu Chung - Luân Hoán
Lưu Nguyễn - Hồ Đình Nghiêm - Hoàng Chiều Nhân
Hoàng Xuân Sơn - Nguyễn Tấn Tài - Song Thao - Lê Văn Thành

CHUYỆN CAMPUCHIA

NGUYỄN HỮU CHUNG

1. Sự việc

Hôm nay tôi xin được nói chuyện với các bạn về chuyện xảy ra trên xứ Campuchia, nước láng giềng của Việt nam, nơi vừa mới xảy ra một cuộc đảo chánh. Tôi xin lược kê những biến cố quan trọng trong lịch sử cận đại Campuchia để chúng ta hiểu rõ hơn về những điều vừa xảy ra và những điều sẽ xảy ra.

- Năm 1954, sau khi chiến tranh Đông dương chấm dứt, ông Quốc trưởng Sihanouk được sự ủng hộ của Pháp, đã chủ trương trung lập hóa Campuchia để nước nầy đứng ngoài cuộc chiến tranh lạnh giữa hai khối Mỹ - Nga. Đây là một điều rất khó vì thế giới lúc bấy giờ là một thế giới lưỡng cực và các nước ở Đông Nam Á đã phải theo khối nầy hoặc khối kia. Campuchia là một nước nhỏ, khó có thể tránh bị thu hút hay xô đẩy bởi một trong hai khối. Tuy vậy, nhờ tài chánh trị của mình, ông Hoàng Sihanouk cũng đã giữ được thế trung lập cho Campuchia trong 16 năm, từ 1954 đến 1970.

- Năm 1970, với sự thỏa hiệp với CIA, tướng Lon Nol đã đảo chánh Sihanouk và Campuchia đã đi với Mỹ. Từ đó, phe Cộng sản Khmer Đỏ đã có cơ hội vùng lên, lớn như thổi vì được ông Sihanouk ủng hộ để đánh nhau với phe Lon Nol.

- Năm 1975, hai tuần trước khi Cộng sản vào Saigon, Khmer Đỏ đã vào Nam Vang và thiết lập chế độ Cộng sản trên toàn lãnh thổ Campuchia. Trong thời gian ba năm, cả triệu người Campuchia đã bị chết vì bị giết hay bịnh tật và đó. Chính ông Sihanouk cũng bị giam lỏng và vài người con của ông đã bị giết chết. Dưới sự lãnh đạo của Pol Pot, Khmer Đỏ đã biến Campuchia thành một địa ngục.

- Năm 1978, Việt Nam tấn công Campuchia, đuổi Khmer Đỏ về phía biên giới Thái Lan và thiết lập một chế độ do Việt Nam kiểm soát với Hun Sen làm Thủ tướng. Quân đội Việt nam chiếm đóng Campuchia. Từ đó, khởi đầu một cuộc chiến tranh du kích giữa một bên là quân đội Việt Nam, bên kia là quân Khmer Đỏ và các nhóm nhỏ khác trong đó có quân của Funsinpec (do ông Sihanouk thành lập).

- Năm 1989, dưới áp lực của thế giới, nhất là của Mỹ, Việt Nam rút quân khỏi Campuchia.

- Năm 1991, với sự bảo trợ của Pháp và Liên Hiệp Quốc, một thỏa hiệp đã được ký kết tại Paris giữa Hun Sen và Sihanouk để tái lập hòa bình, tổ chức tuyển cử tự do trên xứ Campuchia. Liên Hiệp Quốc lãnh trách nhiệm thi hành kế hoạch nầy.

- Năm 1993, sau hai năm hoạt động để chuẩn bị và sau khi đã tiêu xài hơn hai tỷ đôla, Liên Hiệp Quốc đã tổ chức tuyển cử ở Campuchi. Đảng Funsinpec do ông Hoàng Ranariddh (con trai trưởng của Sihanouk) lãnh đạo đã thắng cử, chiếm đa số trong Quốc Hội. Phe Cộng sản của Hun Sen đã thua. Phe Cộng sản Khmer Đỏ cố thủ vùng Tây Bắc Campuchia không tham dự tuyển cử. Trên nguyên tắc, ông Ranaridh đã có quyền lập chánh phủ và kiểm soát toàn bộ guồng máy quốc gia của Campuchia còn phe Hun Sen thì phải ở vị thế đối lập. Nhưng vì trên thực tế lúc bấy giờ phe Hun Sen đang kiểm soát cả nước Campuchia với quân đội của họ và Hun Sen không chịu nhượng quyền nên ông Sihanouk, với tư cách là lãnh tụ tối cao của dân tộc Khmer, đã xử hòa, cho thành lập một chánh phủ liên hiệp trong đó Ranariddh là đệ nhất Thủ Tướng và Hun Sen là đệ nhị Thủ Tướng. Hai phe chia nhau quyền hành và chung sống với nhau từ 1993 đến 1997.

- Vào ngày Thứ Bảy 5 tháng 7 năm 1997, Hun Sen đã dùng quân đội đảo chánh Ranariddh. Trong hai ngày, quân Hun Sen đã thanh toán xong các đơn vị quân đội Funsinpec trong vùng Nam Vang và bắt giam nhiều người thuộc phe Funsinpec. Nhiều chánh trị gia thuộc phe nầy (khoảng 40) đã bị giết chết. Hai ngày trước ngày đảo chánh, Hun Sen đã đi Hà Nội để tham khảo. Cùng ngày đó, ông Ranariddh đã đi Pháp để lánh mặt.

2. Hậu quả

Nền dân chủ mà LHQ đã tốn hơn hai tỷ đôla

để xây dựng cho nước Campuchia coi như đã tan vỡ. Ông Ranariddh đang đi vận động khắp thế giới để tìm sự ủng hộ và ông đã nhận được được ủng hộ của mọi người. Các nước đã lên tiếng yêu cầu hai phe trở lại thỏa hiệp và hòa giải, nhiều nước đã làm một số cử chỉ để áp lực Hun Sen. Nhưng... Nhưng dù chuyện gì xảy ra trong những ngày tới, cho dù ông Ranariddh hay một người của đảng Funsinpec có phục hồi lại chức vị đệ nhất Thủ Tướng, những chuyện mà Hun Sen muốn làm coi như đã làm xong. Đó là hủy hoại cơ chế lãnh đạo của Funsinpec, hủy diệt cơ sở vật chất, tinh thần và nhân sự của Funsinpec và áp đảo tinh thần toàn dân Campuchia. Anh ta sẽ kiểm soát cuộc bầu cử vào năm tới (đúng theo Hiến Pháp) và đảng Cộng sản của anh ta sẽ toàn thắng để anh ta làm Thủ Tướng toàn quyền. Đảng Funsinpec và cả ông Hoàng Sihanouk sẽ trở thành món đồ trang sức cho nền dân chủ Khmer được điều chế bởi Xả hội chủ nghĩa Việt Nam. Hun Sen là một tay Khmer Đỏ và anh ta cũng khát máu không kém gì những tay Khmer Đỏ khác. Đó là sản phẩm của thời mạc vận của dân tộc Campuchia.

3. Nhận định về cuộc đảo chánh

Một biến cố chánh trị xảy ra ở nước nào, vào thời nào, cũng có những nguyên nhân gần và những nguyên nhân xa của nó. Không có chuyện tình cờ. Biến cố vừa qua ở Campuchia cũng vậy.

3.1. Nguyên nhân gần:

Người ta đang nói nhiều về việc thiếu kinh nghiệm chánh trị của ông Ranariddh trước một đối thủ Hun Sen táo bạo và được cố vấn bởi các cán bộ Cộng sản Việt Nam. Tôi có theo dõi tình hình Campuchia trong nhiều năm qua và cũng thấy rằng ông Ranariddh không phải là một nhà chánh trị xuất chúng, nhưng tôi cũng khách quan mà nhận thấy rằng ông ta ở trong một hoàn cảnh vô cùng khó khăn. Cơ hội duy nhất mà ông ta có là những ngày sau khi thắng cử. Khi thế giới đang nhìn Campuchia một cách hân hoan, khi quân đội LHQ còn đang có mặt trên đất Campuchia, khi Cộng sản Việt Nam (vốn là cha đẻ của Hun Sen) đang nhượng bộ trước áp lực của Hoa kỳ để Hoa kỳ bỏ cấm vận và chịu tái lập bang giao. Nhưng khi Hun Sen dẩy nẫy sau khi thua cử, thay vì giao trách nhiệm giải quyết vấn đề cho LHQ, có nghĩa là cho Mỹ và Nhật Bổn để làm áp lực đối với Việt Nam, hai ông Ranariddh và Sihanouk đã nhượng bộ, nghĩ rằng cứ nắm một phần chánh quyền trước đã, mọi việc sẽ tính sau. Theo ý tôi, lúc đó ông đang ở thế mạnh, nếu thực tế không cho phép loại hẳn Hun Sen ra khỏi chánh quyền thì ông Ranariddh cũng phải mạnh tay chiếm chánh quyền, cải tổ quân đội và chỉ chia cho Hun Sen một phần quyền, đặt anh ta vào thế thụ động. Đằng nầy, chẳng những chia đều quyền lực chánh trị, lại để nguyên quân đội trong tay Hun Sen rồi cố gắng tăng cường quân đội của phe mình (Funsinpec). Sự thất bại bắt đầu từ đây. Tổ chức một cuộc chạy đua trong khi đối thủ đã chạy trước và chạy nhanh, ta chạy sau và chạy chậm thì phần thua đã nắm chắc trong tay. Trong bốn năm qua, càng ngày phe Hun Sen càng củng cố thêm về quân sự, chánh trị và tài chánh vì nhờ có Việt Nam cố vấn và yểm trợ, nên phe Funsinpec dù cố gắng vẫn thua xa. Mặt khác, trong bốn năm qua, không có một thay đổi gì cả thực tế chánh trị và xã hội Cambuchia để hy vọng người dân đứng lên nói tiếng nói của họ. Như vậy, nếu không thể, hay không dám hành động ngay sau ngày thắng cử năm 1993 để triệt tiêu Hun Sen, Ranariddh phải hiểu (như cha của ông ta đã tỏ

Hun Sen

ra hiểu) rằng ông ta không thể làm gì nhiều sau đó. Ông ta phải khéo léo, không gây nên những xích mích có hậu quả làm cho Hun Sen sợ và làm cho Việt Nam lo ngại. Để cho Hun Sen nhiều khả năng hành động trong khi mỗi ngày mỗi có thêm những xích mích (mà những xích mích đó lại không làm nguy hại gì cho vị thế của Hun Sen) là một chiến lược thiếu suy nghĩ của Ranariddh. Điều mà ông Ranariddh nên làm trong trường hợp đã nhượng bộ là giữ một thế thăng bằng chánh trị trong xứ Campuchia để nuôi dưỡng thể chế chánh trị vừa khai sanh, tạo điều kiện cho nhân dân Campuchia học hỏi, trưởng thành và bước những bước phát triển tuy chậm chạp nhưng vẫn đi tới, chứ không đi lùi như Cộng sản Việt Nam đang mong muốn. Ông ta sai lầm khi chọn con đường chạm trán mà chỉ biết đặt tin tưởng vào sự ủng hộ của dân chúng và vào các nước viện trợ. Chọn một chiến lược sai, khi thấy tình hình nguy ngập, Ranariddh lại quay ra liên kết với Khmer Đỏ Pol Pot một cách chánh thức, làm một việc hạ sách. Nay thì mọi việc đã xong. Ngoài những lời ủng hộ, sẽ chẳng có nước nào bỏ tiền làm dân chủ cho Campuchia một lần nữa. Hoa Kỳ cũng chẳng có thể làm áp lực đối với Việt Nam vì chuyện cấm vận, bang giao đã giải quyết xong. Asean đang làm áp lực mạnh đối với Hun Sen, nhưng theo tôi thấy sẽ chẳng có kết quả gì nhiều. Hun Sen không sợ những áp lực đó vì phía sau đã có Việt Nam nâng đỡ. Ông Ranariddh có nói về một cuộc kháng chiến mới, nhưng tôi nghĩ rằng chẳng mấy ai ủng hộ cuộc chiến tranh thứ ba nầy ở Campuchia, tuy rằng đó là một điều khó tránh. Ủng hộ Ranariddh thì sẽ có nhiều người ủng hộ, nhưng gây lại cuộc chiến trên Campuchia thì chẳng mấy ai muốn. Cả thế giới đã giúp đỡ tháo gỡ những mìn chống cá nhân trên đất Campuchia, nay lại chi tiền để đặt những trái mìn khác?

3.2. Nguyên nhân xa

Cuộc đảo chánh vừa qua có những nguyên nhân sâu xa hơn là sự yếu kém chánh trị của cá nhân ông Ranariddh. Chính những nguyên nhân nầy đã làm cho chiến lược chánh trị của ông Ranariddh thất bại. Có cả những nguyên nhân chủ quan và những nguyên nhân khách quan.

Nguyên nhân chủ quan: Đó là việc dân Campuchia chưa có một khát vọng lớn về dân chủ. Họ không có một khát vọng lớn và một trình độ chánh trị đủ để nuôi dưỡng nền dân chủ mà LHQ sanh sản để tặng họ. Campuchia là một nước chậm tiến. Cuộc khủng bố của chế độ Khmer Đỏ Pol Pot cùng với cuộc chiến trong 10 năm chiếm đóng của quân đội Việt Nam đã biến xã hội Campuchia thành một xã hội lạc hậu hơn là trong thời chiến tranh Đông Dương. Xã hội nầy không thể một sớm một chiều biến thành một xã hội tiến bộ và có khả năng cưỡng lại những áp lực của bạo hành. Người dân một xã hội dân chủ phải có một ý muốn lớn về tự do và phải sẵn sàng đấu tranh và hy sinh cho nó. Xã hội nầy phải có những định chế văn hóa và tinh thần vững chắc để mọi người dựa vào đó mà định giá trị của mọi hành động. Xã hội nầy phải có một sự đồng thuận vững chắc về những vấn đề lớn của dân tộc. Chiến tranh và Khmer Đỏ đã hủy diệt hết những giá trị tinh thần và sự đồng thuận của dân tộc Campuchia, trong khi những định chế chánh trị mà LHQ vừa xây dựng chưa khô hồ. Những định chế nầy chưa có khả năng giải quyết những tranh chấp phe nhóm, vì vậy người ta chỉ nghĩ đến cây

súng. Nhìn vào nước Tiệp Khắc chẳng hạn, chúng ta thấy ngay dưới thời Cộng sản người Tiệp lúc nào cũng muốn vùng lên, nếu không bằng hành động thì cũng bằng ý thức, và vì vậy ngay trong những ngày đế quốc Cộng sản còn ngự trị, người dân Tiệp cũng có nhiều tự do hơn dân các nước khác và đời sống kinh tế của họ cũng dễ chịu hơn các nước khác. Người dân Campuchia không biết rõ giá trị của những tự do chánh trị mà đột nhiên họ có. Trường hợp Campuchia là một bài học cho chúng ta. Chúng ta có quyền lạc quan khi nhìn lại cuộc tranh đấu của nhân dân miền Nam chống lại chánh sách tập thể hóa nông nghiệp và công nghiệp của Cộng sản sau năm 1975. Tuy rằng nó thụ động và bất bạo động, nhưng thái độ của dân chúng đã rất rõ rệt và đầy ý thức chánh trị, khiến Cộng sản đã phải lùi bước. Nhưng vấn đề của Việt Nam là 70 triệu người Việt ở nhiều địa phương khác nhau không có cùng một ý thức chánh trị như nhau để có thể có những bước đi đồng bộ với nhau. Vì vậy, chúng ta phải vận dụng tối đa những hoàn cảnh thuận tiện để đem ý thức tự do đến cho những người chưa có no, đồng thời với việc đòi hỏi những cuộc bầu cử tự do.

Nguyên nhân khách quan: Đó là việc Campuchia nằm trong vùng chậm tiến chánh trị Đông Nam Á và chịu ảnh hưởng nặng nề của Cộng sản Việt Nam. Tôi thấy rất khó cho Campuchia phát triển nền tự do dân chủ trong khi Việt Nam còn duy trì chế độ độc tài. Cộng sản Việt Nam, với ảnh hưởng mà họ có trên phe Hun Sen, sẽ tìm mọi cách để ngăn cản những bước đi tự do của Campuchia vì nó là ngọn lửa soi sáng đêm tối Việt Nam. Cũng như Trung Quốc đã tìm mọi cách để ngăn chận những bước tiến cởi mở ở Việt nam. Trong kỳ đại hội đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ Tám năm rồi, khi thấy khuynh hướng đổi mới có cơ thắng thế, Thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng đã qua Hà nội dự đại hội để ủng hộ khuynh hướng bảo thủ. Tuy Trung Quốc chẳng có ảnh hưởng nhiều đối với Việt Nam, nhưng Bắc Kinh vẫn là chỗ dựa tinh thần và là cái mẫu cho những thành phần bảo thủ trong đảng Cộng sản Việt Nam. Chúng ta có thể thấy cuộc đảo chánh của Hun Sen vừa qua như là phản ứng của một sinh vật để thích nghi với môi trường của nó. Như con chó của tôi, mùa đông thì nó mọc thêm lông, mùa hè thì nó rụng lông. Hun Sen đã kéo nước Campuchia trở về cùng một không gian và một thời gian với các nước trong vùng để cho Campuchia có một bước đi đồng bộ (synchronyzed) với các nước Việt Nam, Lào, Miến Điện, Trung Quốc... Dĩ nhiên là Cộng sản Việt Nam rất hân hoan với biến cố nầy và phát ngôn viên của chánh phủ (Phó Ngoại trưởng Vũ Khoan) đã cho thấy điều đó khi ông tuyên bố rằng Việt Nam muốn thấy có ổn định ở Campuchia và tiếp tục ủng hộ nước nầy gia nhập Asean. Cần nhắc lại rằng hai ngày trước khi đảo chánh, ông Hun Sen đã đi Hà Nội để gặp các lãnh tụ Cộng sản Việt Nam.

Kết luận

Rất tiếc là ông Ranariddh không phải là một người của tình thế Campuchia để làm chuyện đội đá vá trời, đó là loại bỏ ảnh hưởng của Cộng sản Việt Nam trên chánh trường Campuchia, đem Hun Sen về thế thụ động và đưa xã hội Campuchia đi theo nhịp đi của các nước láng giềng tiến bộ hơn như Thái Lan hay Malaysia. Nhưng nếu không làm được những điều nầy thì ông cũng phải có đủ khôn ngoan để giữ cho dân Campuchia cái mà LHQ đã mang tới, mua thời gian để cho dân Campuchia học hỏi trong khi chờ đợi một sự đổi thay những điều kiện của môi trường chánh trị toàn vùng. Ông Ranariddh đậu tiến sĩ, làm giáo sư đại học bên Pháp, nhưng xem chừng ông không có nhiều khôn ngoan chánh trị. Nhưng có được một lãnh tụ anh minh để đưa một dân tộc qua cơn bão táp không phải là dễ. Ở quê hương tôi, trong 50 năm qua, tôi cũng không thấy có ai cả.

Montreal ngày 15 tháng 7 năm 1997

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Trân trọng mời quý vị tới dự

TRIỂN LÃM TRANH

với những tác phẩm mới của
8 nữ họa sĩ Việt Nam hải ngoại
Ann Phong, Bé Ký, Nguyễn Thị Hợp,
Phấn Nguyễn Barker, Suzie Vương,
Chi Lê, Thanh Trí, Truong Thị Thịnh

Chủ Nhật 17 tháng Tám 1997
từ 11:00 giờ sáng đến 3:00 giờ chiều
tại VAALA 11022 Acacia Pky, #A,
Garden Grove, California

NGÂN HÀNG LÚNG TÚNG VÌ BAO CẤP

NGÔ NHÂN DỤNG

Tháng trước, trên *Thế Kỷ 21* đã có đề nghị ông Cao Sĩ Kiêm, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam nên từ chức, vì ông đã để cho cả hệ thống ngân hàng trong nước "đóng băng," khiến các xí nghiệp từ sản xuất đến thương mại cũng đình đốn.

Sự thật là ông Cao Sĩ Kiêm cũng chẳng có trách nhiệm, ở Việt Nam cái gì sai đều là trách nhiệm của "chúng ta" cả. Mà ông muốn từ chức cũng khó. Có ai được đề nghị thế chức ông, cũng chẳng muốn gánh cái của nợ đó. Ai thay thế ông Cao Sĩ Kiêm cũng chịu bất lực vì đường lối kinh tế căn bản của đảng Cộng Sản không thay đổi, khi đảng vẫn cố giữ nguyên hệ thống kinh tế bao cấp, để bảo vệ độc quyền chính trị của đảng.

Trong tháng qua, ông Cao Sĩ Kiêm ký thêm bốn cái Quyết định, mang số từ 197 đến 200, và cả bốn quyết định đó cho thấy vị thống đốc NHNN đang chạy lòng vòng, không biết đi đâu. Nhưng tài đặc biệt của ông Cao Sĩ Kiêm là vừa chạy lòng vòng, vừa chạy giật lùi, lại vừa múa võ tự che chở cho mình rất kín.

Mở cánh cửa không ai đi qua

Quyết định 197 ký ngày 28 tháng Sáu, NHNN hạ lãi suất mức cao nhất (báo chí trong nước gọi là mức trần, trần là danh từ, trần nhà, chứ không phải là tính từ nghĩa là không mặc áo.) Lãi suất cho vay ngắn hạn từ 1,1% xuống chỉ còn 1% một tháng (tức 12,68% một năm, chứ không phải 12% như các nhà báo viết. Tính kỹ thì 0,68% của trăm tỷ đồng cũng lớn lắm!)

Quyết định số 198 ký cùng ngày ấn định "lãi suất tái cấp," tức lãi suất khi NHNN cho các ngân hàng thương mại vay, xuống 0,90% một tháng.

Trên lý thuyết, quyết định 197 và 198 hạ lãi suất xuống, mục đích giúp cho các xí nghiệp vay vốn từ ngân hàng dễ dàng hơn. Nếu vay được tiền, doanh nghiệp nhà nước mới có vốn đầu tư thêm, và tăng vốn luân chuyển, có tiền trả nợ lẫn nhau khi doanh nghiệp này mua chịu hàng của doanh nghiệp khác, có tiền trả lương nhân viên. Nói chung là bắt đầu hoạt động trở lại, thay vì cảnh "anh nợ tôi, tôi nợ nó, nó nợ ta, chúng ta nợ ngân hàng, không ai có tiền trả," tất cả dính chùm vì bị "đóng băng".

Nhưng sự thật các quyết định mới có mở rộng cánh cửa cho vốn liếng lưu thông hay không?

Một phó giám đốc ngân hàng VietcomBank ở Sài Gòn trả lời, "Lãi suất không phải là bài giải cho bài toán tín dụng hiện nay... nếu lãi suất có xuống 0,5% một tháng ngân hàng cũng không chắc cho vay được. .. Vấn đề chủ yếu là các doanh nghiệp có tiêu thụ (ý nói vay và sử dụng) được vốn hay không, và có thể trả được vốn và lãi cho ngân hàng hay không!" Ông Lê Công Thượng, giám đốc ngân hàng Nông nghiệp ở Bến Chương Dương nói, "(điều) quan trọng không phải là lãi suất cao hay thấp, mà là doanh nghiệp có đủ điều kiện để vay không."

Nghĩa là quyết định 197 của ông Cao Sĩ Kiêm ký mở một cánh cửa nhưng vẫn không có ai ra vào được cả.

Tiền vốn đóng băng vì các ngân hàng không dám cho vay, chứ không phải vì các xí nghiệp sợ lãi suất cao không dám đi vay. Mà lý do các ngân hàng không thể cho vay là vì họ biết không thể đòi được nợ, vốn và lãi. Họ không dám cho vay là vì các xí nghiệp nhà nước thua lỗ, và nhiều ban quản đốc tham nhũng, ăn cắp

trắng trợn, không ai kiểm soát được. Và họ sợ trách nhiệm khi không đòi được nợ.

Ông Cao Sĩ Kiêm sống ở cung trăng

Trước đó bốn tháng, ông Cao Sĩ Kiêm đã ký Công văn số 102 bắt các xí nghiệp đi vay thì phải có cái gì để thế chấp. Ông còn bắt các ngân hàng thương mại của nhà nước không được cho vay nếu xí nghiệp thua lỗ và không trả được nợ. Công văn ra lệnh các ngân hàng thương mại "sau ba tháng phải tập trung thu hết nợ ở các doanh nghiệp nhà nước thua lỗ" — nếu cần đưa ra tòa!

Các mệnh lệnh đó cho thấy ông Cao Sĩ kiêm đang sống ở trên cung trăng. Đất thuộc quyền nhà nước, nhà cũng chỉ được trao quyền sử dụng hay cho thuê, lấy gì đem thế chấp? Nhất định bắt xí nghiệp thế chấp hàng hóa, máy móc ư? Các công ty Minh Phụng, Epco có hàng ngàn tỷ hàng hóa thế chấp, nhưng chúng biến mất lúc nào có ai biết? Đồng chí Võ thị Thu Hồng, giám đốc công ty May xuất khẩu Quận Ba khiêm tốn cũng tài ba không kém. Bà Thu Hồng đem một ngôi nhà (của nhà nước) ra thế chấp hai lần cho cùng Ngân hàng Ngoại thương, cũng của nhà nước. Bà còn vận dụng sáng tạo, đem cùng một số máy móc, thiết bị đi thế chấp ở ba ngân hàng nhà nước khác nhau, vay được ba món tiền, chuyện tiêu tiền vào việc gì ngân hàng không cần biết tới. Xí nghiệp May xuất khẩu Quận Ba (của chùa) phá sản, nhưng vợ chồng bà Thu Hồng phát tài, với ngôi nhà năm tầng đặt một cơ sở thêu với máy móc tối tân— không có cái nào bị thế chấp cả. Ông Cao Sĩ Kiêm vì sống bên chị Hằng nên không biết dưới hạ giới người ta thế chấp như thế nào.

Đến quyết định xí nghiệp thua lỗ thì không được cho vay. Ông Cao Sĩ Kiêm cũng ở trên mây, không biết rằng nếu cấm không cho các công ty làm ăn thua lỗ vay thì ba phần tư các xí nghiệp quốc doanh sẽ không vay được tiền. Ông giám đốc Ngân hàng Nông Nghiệp ở Sài gòn, Lê công Thắng cho biết trong 30 doanh nghiệp thân chủ thường xuyên của ông, chỉ có 3 doanh nghiệp đủ điều kiện vay tiền, còn 27 nơi sẽ ngồi chơi. Xí nghiệp ngồi chơi sẽ không có tiền để trả lương công nhân viên, trả nợ xí nghiệp khác khi mua chịu nhiên liệu, vật liệu. Nghĩa là các doanh nghiệp nhà nước cứ mở cửa nhưng không có công chuyện gì để làm cả. Hoặc họ phải trở lại thời "tiền sử", trả lương nhân viên bằng hàng hóa, mua nhiên liệu, vật liệu cũng bằng cách trao đổi hàng!

Chắc là được "các cụ" bảo làm lại, nên ông Cao Sĩ Kiêm sửa sai, ông vội ký cái Công văn số 417 xí xóa, từ nay không cần thế chấp vẫn được vay ngân hàng. Sau đó, ông ký thêm hai quyết định 199 và 200, có hiệu lực từ 13 tháng Bảy, cho phép khi xí nghiệp làm ăn lỗ lã, các ngân hàng của nhà nước vẫn cho vay thoải mái vô tư. Ông Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chạy tới một bước, giật lùi hai bước.

Chạy giật lùi vẫn thủ thế phòng thân

Công văn 417 là bước giật lùi đầu tiên. Sau khi ra lệnh các ngân hàng thương mại chỉ cho vay các doanh nghiệp đã trả nợ, và khi cho vay phải đòi thế chấp, ngày 28 tháng Năm ông Cao Sĩ Kiêm ký Công văn 417 bảo thôi, không cần thế chấp nữa, chỉ cần"căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh". Bước đi giật lùi thứ hai là các Quyết định số 199 và 200. Hai quyết định này đi xa hơn Công văn 417, cho phép các ngân hàng cứ cho vay dù các doanh nghiệp nhà nước xưa nay lỗ lã, nợ cũ tồn đọng không trả được.

Ngân hàng thương mại có phải gánh trách nhiệm xét "hiệu quả sản xuất kinh doanh," nghĩa là khả năng sinh lợi để các xí nghiệp trả nợ, trước khi cho vay không? Làm sao xét đoán khả năng lời lỗ một doanh nghiệp khi chưa có định chế về kiểm tra tài chánh? Với tình trạng mập mờ đó, các ngân hàng thương mại đã ngồi chờ suốt tháng Sáu, không làm gì cả để coi động tĩnh. Ai cũng biết đi giật lùi dễ té đau lắm, ai cũng phải tự hộ thân.

Để an thân khỏi lo trách nhiệm, và cũng giúp các ngân hàng thuộc quyền của mình trốn trách nhiệm, ông Cao Sĩ Kiêm nói thêm rằng "Hiệu quả kinh doanh được xác định trên cơ sở phương án, dự án sản xuất được *cấp chủ quản* ,chấp thuận, *chịu trách nhiệm ...và cam kết trả nợ ngân hàng đúng hạn.*"

Dịch ra tiếng nôm, điều đó có nghĩa là ngân hàng của nhà nước sẵn tiền thì cứ phóng ra, nếu xí nghiệp lỗ không trả được thì đã có "cấp chủ quản" chịu trách nhiệm. Cấp chủ quản "chấp nhận" là đủ bảo đảm. Ký công văn đó, ông Cao Sĩ Kiêm giả thiết rằng quí vị "cấp chủ quản" đều dại dột hơn ông và các ngân hàng của ông.

Nhưng các "cấp chủ quản" đã leo lên được đến cái ghế của họ chứng tỏ lâu nay họ "lủi" rất tài, chắc họ cũng không dại. Một công ty thuộc một bộ ở trung ương phải trình phương án lên bộ. Trên bộ nào cũng có các bàn giấy, quí vị ngồi ở các bàn giấy cũng phải lo phòng thân cho họ. Họ có dám "chấp nhận," và "cam kết" cho xí nghiệp cấp dưới đi vay tiền hay không? Bác bảo cũng đố ai dám ký. Thử hỏi các cấp thấp hơn như Thành phố, tỉnh, hội khoa học, hội thương binh, ai dám chấp nhận dự án kinh doanh và cam kết trả nợ? Ông Trần Hữu Thái, phó Tổng giám đốc Quĩ đầu tư và Phát triển ở Sài Gòn nhắc lại "thói quen nhiều doanh nghiệp vẫn làm là dự án ma, với những con số ma để moi tiền." Cách an toàn nhất của các "cấp chủ quản" là để đó, từ từ nghĩ thêm câu hỏi, suy nghĩ đã, và tiện nhất là bắt cấp dưới viết giấy cam kết. Ông Lê Công Thương, một giám đốc ngân hàng Nông nghiệp ở Sài Gòn nói "Ủy Ban Nhân dân tỉnh, thành cũng như các sở quản lý, không ai dám xác nhận (các dự án). Mà thiếu điều kiện này, thử hỏi ngân hàng nào dám cho vay?"

Bài học vỡ lòng về Ngân hàng

Trên lý thuyết, hạ lãi suất xuống thấp là để các xí nghiệp dễ vay vốn làm ăn hơn, thoát khỏi tình trạng xí nghiệp thì muốn vay mà không thể vay, còn ngân hàng có tiền thì không cho ai vay được. Các quyết định 197 và 198 hạ thấp lãi suất. Nhưng ông Phạm Ngọc Côn, giám đốc ngân hàng VietinBank ở Sài Gòn nhận xét, "Đây không phải là giải pháp đẩy vốn ra, mà là giải pháp khoanh vốn lại." Nghĩa là thay vì các quyết định 199, 200 giúp cho các xí nghiệp vay vốn dễ, thì lại làm cho nó khó khăn hơn.

Tại sao có tác dụng ngược như vậy? Lý do là hồi lãi suất còn cao thì nhiều ngân hàng còn ham lợi muốn cho vay. Họ có thể bỏ qua nhiều điều kiện không xét đến, cứ cho vay để thêm lợi nhuận, nhất là ở các ngân hàng tư hay bán công bán tư. Bây giờ lãi suất thấp, ngân hàng thấy lời ít không bõ với rủi ro phải chịu, họ sẽ xét kỹ hơn các dự án trước khi vay! Ông Côn hỏi: "Luật pháp, cơ chế nào bảo vệ người cho vay? Kiện ra tòa, giám đốc doanh nghiệp đi tù, nhưng còn nợ ngân hàng ai trả?"

Một hậu quả khác của việc giảm lãi suất là các ngân hàng giảm luôn các lãi suất trả cho người gửi tiền. Ba ngày sau khi Quyết định 197 thi hành, lãi suất trả cho tiền ký thác giảm, còn 0,6% đến 0,75% một tháng, tức 7% đến 9% một năm. Người dân lâu nay vốn không tin ngân hàng, họ vẫn thích để dành tiền bằng quí kim, mua nhà, hay đô la, nay họ sẽ càng dè dặt hơn nữa. Dân gửi tiền vào ngân hàng là để kiếm chút lãi. Nay tiền lãi xuống, mà nay nghe ngân hàng bị quịt nợ, mai nghe giám đốc ngân hàng bị bắt, có người tự tử trong phòng thang máy tòa nhà Việt Nam Thương tín cũ, không ai muốn gửi tiền làm gì. Bao tài nguyên của xã hội bị đóng băng, không ai dùng để sản xuất.

Cần phải trở lại bài học kinh tế cơ bản về vai trò của ngân hàng trong việc "phân bố tài nguyên" cho cả xã hội. Trong nền kinh tế thị trường, ngân hàng đóng vai thu hút tiền dành dụm, tiết kiệm của dân. Tích tiểu thành đại, ngân hàng sẽ dùng tiền đó đem cho vay, ngân hàng có lời nhờ sai biệt giữa lãi suất trả người gửi tiền và lãi suất cho nhà kinh doanh vay. Ngân hàng giúp cho tài nguyên không "nằm ì" một chỗ, mà được sử dụng, đó là trách nhiệm

"phân bố tài nguyên" trong nền kinh tế. Tất nhiên ngân hàng phải đóng vai trò "đãi lọc," coi dự án kinh doanh nào có khả năng sinh lợi cao nhất, so với mức rủi ro không thể tránh được, thì cho vay. Trong thị trường, người ta không cần Bộ Chính Trị ra lệnh ngân hàng làm tốt việc "đãi lọc" này. Vì nếu không đãi lọc cho kỹ, ngân hàng bị sập tiệm, quan chức thất nghiệp hết. Các nhà đầu tư quyết định dự án kinh doanh, họ cũng chọn dự án nào có hiệu quả cao nhất, nếu không thì ngân hàng không cho vay. Khi điều hành xí nghiệp họ cũng la làm cho giỏi, vì thua lỗ thì sẽ bị xiết nợ!

Ở các nước tự do mỗi ngày trong thị trường có hàng trăm, hàng ngàn người tính toán các dự án làm ăn, hàng trăm, ngàn nhân viên ngân hàng xét đoán các dự án cho vay tiền, không ai chờ chỉ thị hay công văn bảo phải "làm tốt công tác quản lý." Lãnh vực tư không phát triển thì chưa biết bao giờ mới có các chứng khoán, cổ phần để mua, bán trên Thị trường chứng khoán? Thị trường chứng khoán và ngân hàng là các định chế chính để phân bố tài nguyên sản xuất trong xã hội.

Người dân có tiền sẽ lựa chọn tiêu thụ hay để dành. Khi người có tiền để dành mà muốn kiếm lời nhiều, lại dám chịu rủi ro cao, thì họ mua cổ phiếu, làm chủ doanh nghiệp. Nếu sợ rủi ro, họ vẫn tự động tiết kiệm khi thấy gửi ngân hàng có chút lời, cao hơn lạm phát, và nếu họ tin rằng rút tiền ra lúc nào cũng được. Niềm tin này là cơ bản của hệ thống ngân hàng. Khi người ta nản lòng, không gửi tiền, hoặc khi ngân hàng có tiền mà không cho vay được, thì cả hệ thống đã từ chức, không làm công việc của mình.

Trong nền kinh tế kiểu xô viết, nhà nước làm công việc tiết kiệm tập thể: thâu thuế nhiều hơn, đầu tư theo kế hoạch do nhà nước chọn. Hệ thống đó thành công trong bước đầu công nghiệp hóa, nhưng sau đó đã thất bại, khiến cho các nước xã hội chủ nghĩa phải tự gỡ bỏ. Kinh tế phát triển không phải chỉ nhờ số lượng đầu tư gia tăng mà còn tùy thuộc năng suất đạt được khi đầu tư. Cưỡng bách tiết kiệm để đầu tư có thể tăng số lượng, nhưng không chắc gia tăng năng suất của đầu tư. Năng suất tùy thuộc và nhiều yếu tố khác, nhất là sự khích lệ khi mọi người tìm cơ hội đầu tư tốt nhất cũng như khi làm việc muốn đạt hiệu quả cao nhất.

Trong thị trường, các ngân hàng và tư nhân, khi tìm cách tối đa hóa lợi nhuận của họ, đã làm công tác "phân bố tài nguyên" hữu hiệu hơn, nghĩa là đặt tiền vào nơi nào sinh lợi nhiều nhất, nhờ thế cả xã hội phát triển.

Các công văn 199, 200 cũng cho thấy Ngân hàng Nhà nước đã từ chức. Ngân hàng Trung ương các nước là cơ quan có thẩm quyền thay đổi khối lượng tiền tệ lưu hành, qua các biện pháp ảnh hưởng đến lãi suất, hoặc qua mức dự trữ pháp định bắt buộc cho các ngân hàng. Hạ lãi suất hay giảm mức dự trữ bắt buộc, là cho phép ngân hàng đổ thêm tiền ra, cho tiền quay vòng nhiều hơn, gia tăng khối lượng tiền tệ lưu hành. Khi ngân hàng thương mại cho vay, họ cũng làm tăng số lượng tiền tệ, nói như các nhà kinh tế là họ cũng "tạo thêm tiền." Ngân hàng Nhà nước giám sát các ngân hàng thương mại để kiểm soát việc tạo ra tiền, điều tiết khối lượng tiền tệ, theo chính sách chung.

Khi Ngân hàng Nhà nước bảo các ngân hàng thương mại cho vay không cần tự mình xét hiệu quả sản xuất, để việc đó cho các cơ quan chủ quản, thì Ông Cao Sĩ Kiêm đã trao trách nhiệm quyết định cho vay hay không cho vay vào tay các cơ quan chủ quản. Gián tiếp, ông cho các cơ quan chủ quản quyền "tạo ra tiền." Mà Ngân hàng Nhà nước thì không có thẩm quyền giám sát các cơ quan đó. Nghĩa là ông Cao Sĩ Kiêm đã từ chối không sử dụng thẩm quyền của ông trong công việc quan trọng nhất mà ông phải làm, là kiểm soát khối tiền tệ lưu hành. Thật sự, ông đã từ chức rồi.

Phải đổi mới thật sự

Nước ta cần đổi mới kinh tế toàn diện trên lãnh vực vi mô, có thế ngân hàng mới làm đúng việc của nó được. Từ nửa tháng nay ông Thống đốc NHNN ở Việt Nam loay hoay chạy vòng, chạy giật lùi, vừa chạy vừa lo bảo vệ lấy thân, không dám chịu trách nhiệm. Ông ta phải làm trò xiếc như vậy chỉ vì đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn không dám đổi mới toàn diện— dù chỉ đổi mới kinh tế, chưa nói đến thay đổi chính trị.

Muốn đổi mới thật, muốn có kinh tế thị trường thật, thì phải khích lệ tư nhân kinh doanh, phải giải tư dần dần các doanh nghiệp nhà nước. Giữa tháng Bảy vừa qua, ông Bộ trưởng Tài chánh Nguyễn Sinh Hùng đã nói phải "cổ phần hóa" các xí nghiệp quốc doanh — ông không dám nói đến tư nhân hóa.

Cần phải nói thẳng, không úp mở gì nữa: hãy cho phép tư nhân làm ăn tự do hơn; hãy bắt các xí nghiệp công cạnh tranh ngang hàng với xí nghiệp tư, không bao cấp nữa; hãy tư nhân hóa dần dần các xí nghiệp công; cho phép người ở nước ngoài vào làm ăn ngang hàng với người trong nước. Kinh tế chưa tự do thì dù ai làm thống đốc Ngân hàng Nhà nước cũng vậy thôi.

ÁP ĐẶT VÀ TỰ NGUYỆN TRONG TIẾN HÓA VIỆT

ĐỊNH THANH

Nhìn tổng quát non năm ngàn năm lịch sử tiến hóa Việt Nam, đất nước trải qua bao thăng trầm, thay đổi. Bước đi tới của dân tộc đầy chông gai, khổ nạn, đẫm đầy máu, nước mắt và mồ hôi của bao lớp tiền nhân. Tuy vậy, ta có thể thấy dòng lịch sử Việt đã theo một chu kỳ rõ rệt: ÁP ĐẶT, TỰ NGUYỆN; ÁP ĐẶT, TỰ NGUYỆN...

Thời lập quốc, thời vô sử, Việt Nam khởi đi bằng sự phối hợp của một số bộ tộc phi Hoa có một nền văn minh riêng biệt, mà các nhà sử học và khảo cổ học gọi là "VĂN MINH ĐÔNG SƠN," sống chủ yếu vào nông nghiệp, theo chế độ Mẫu Hệ, cư dân là người chuộng tự do, sống phóng khoáng, tin tưởng quỷ thần, không ưa lý luận, triết lý sống của họ là chỉ muốn sao cho vừa đủ thôi, không thích bon chen, phô trương. Họ là những con người thuần Cảm tính. Triệu Đà diệt Thục Phán, xưng là Nam Việt Vương, ý muốn khẳng định rõ vị trí và quyền hạn của mình với phương bắc: "Vua của nhóm Việt ở phía Nam"; nhưng đồng thời ông cũng mang ảnh hưởng văn hóa và văn minh Trung Hoa xuống cho cư dân. Sau đó là một thời gian dài lệ thuộc, đất Giao Châu chỉ là một quận huyện của Tàu. Những kẻ thống trị phương Bắc ÁP ĐẶT lên dân tộc ta nền văn hóa, văn minh của họ. Do đó, ta thấy có những giao thoa về phong tục, tập quán giữa văn hóa bản địa và văn hóa thống trị: người Việt vẫn giữ tục nhuộm răng, ăn trầu, búi tóc, nhưng đã có những lễ nghi, phong tục của người Hoa; dùng Trầu Cau (Văn Hóa Đông Sơn) trong hôn lễ theo nghi thức người Hoa, sử dụng bánh dầy bánh chưng (tín ngưỡng Nông Nghiệp Đông Sơn - theo Trần Quốc Vượng) trong dịp Tết Nguyên Đán. Do những lý do chính trị, người Hoa đã gán những nguồn gốc Trung Hoa cho những truyện tích, thần thoại Việt: Lạc Long Quân là hậu duệ của Vua Thần Nông, Âu Cơ là con Đế Lai, người Tàu (theo Lĩnh Nam Chích Quái), nhưng cũng không thể xóa mờ được những vết tích bản địa Đông Sơn; những sự tích Bánh Dầy, Bánh Chưng, Sơn Tinh, Thủy Tinh, Trầu Cau... là nhằm giải thích những tục lệ, hiện tượng, tập quán của nền văn hóa nông nghiệp bản địa mà thôi. Do những ảnh hưởng giao thoa vừa kể, người Việt tạo cho mình một bản sắc văn minh khác: VĂN MINH ĐÔNG SƠN HÁN HÓA. Người Việt vẫn còn giữ những nét đơn sơ, phóng khoáng của Đông Sơn, nhưng đã bị áp đặt những định chế, tập tục du nhập từ phương Bắc. Thời kỳ độc lập với các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, nước ta đã có đủ thì giờ, tư thế cũng như hoàn cảnh để thấy sự cần thiết một cơ chế hữu hiệu cho một xã hội có tổ chức hơn, ông cha ta đã TỰ NGUYỆN học hỏi và phát triển một cách hệ thống văn hóa du nhập từ phương Bắc.

Trong giai đoạn đầu, Tam giáo cùng phát triển mạnh trong xã hội Việt. Đến nhà Trần, do sự ưu đãi của triều đình, Nho giáo phát triển mạnh hơn. Tuy vậy, tổ chức xã hội Việt Nam chưa bao giờ là một khuôn rập của tổ chức xã hội Trung Quốc, mặc dù chúng ta cũng chấp nhận chế độ Phụ Hệ, những Tam Cương, Ngũ Thường của triết lý Khổng Mạnh. Có thế chúng ta mới lý giải được tại sao chúng ta một mặt chịu ảnh hưởng rất nặng văn hóa, văn minh Trung Quốc, nhưng mặt khác không bao giờ chịu khuất phục, đồng hóa bởi người Hán. Bằng sự tự nguyện học hỏi đó, ông cha ta đã đưa đất nước đến chỗ phú thịnh, vững về kinh tế, mạnh về quân sự, giữ được chủ quyền, độc lập trước một kẻ thù mạnh hơn rất nhiều lần lại còn bắt đầu bành trướng lãnh thổ và ảnh hưởng của mình về phương Nam. Ông cha ta đã kết hợp rất nhuần nhuyễn những ưu điểm của Phật,

Nho, Lão với những triết lý sống đơn giản rất riêng biệt của người Việt, tạo thành một bản sắc riêng. Sự kết hợp vô cùng tất yếu vì chúng ta không thể không chú ý tới chi tiết thiểu số dân Việt theo đuổi việc học, chịu ảnh hưởng của văn minh Hán, phần đa số còn lại tuy có bị ảnh hưởng nhưng vẫn còn giữ những tập quán riêng biệt, và ngay thiểu số có học ấy cũng có cội nguồn từ khối đa số kia, có thế chúng ta mới hiểu trong văn hóa, văn minh Việt Nam lúc bấy giờ có cùng một lúc những định chế có tính pháp trị theo khuôn Trung Quốc song song với những qui định bất thành văn lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Chúng ta vừa có phép Vua, vừa có lệ làng. Chúng ta có cùng lúc hai hệ thống ngôn ngữ văn hóa, vừa có những danh xưng bố mẹ anh em... vừa có những vay mượn phụ mẫu huynh đệ... vừa lưu truyền những truyện tích, thần thoại bản địa vừa du nhập điển tích, điển cố từ văn hóa Tàu. Cả hai hệ thống cùng phát triển, cùng ảnh hưởng sâu đậm trong đời sống người dân. Có thể xem thời Trần và đầu thời Hậu Lê là thời đại vàng son của nền Văn Minh Đông Sơn Hán Hóa nói trên. Ba lần chống và thắng về quân sự trước Mông Cổ, một lực lượng đã từng gieo kinh hoàng cho cả lục địa Âu Á lúc bấy giò; mười năm kháng chiến gian khổ giành độc lập từ trong tay thống trị nhà Minh. Chúng ta đã có những Hịch Tướng Sĩ, Hội Nghị Diên Hồng, những Bình Ngô Đại Cáo, Luật Hồng Đức... Đến cuối thời Hậu Lê và Nguyễn, thế lực tập quyền phong kiến rập khuôn Trung Hoa đã thấy rất rõ trong tổ chức xã hội Việt Nam. Thi cử để tuyển chọn tài năng giúp nước được tổ chức theo khuôn mẫu và kinh sách của Tàu, Gia Long còn bỏ đi bộ luật Hồng Đức để thay thế bằng bộ luật Gia Long mà thực chất là một bản sao chép bộ luật Khang Hi của nhà Thanh. Vua quan triều đình đã u muội bó mình trong những khuôn mẫu, định chế lỗi thời. Thái độ tôn sùng mù quáng vào kinh điển Tống Nho của giai cấp cầm quyền thời bấy giờ đã cho thấy sự thiếu hữu hiệu trước một sức mạnh mới: sức mạnh của Khoa học kỹ thuật của Tây phương. Chính sự thiếu hữu hiệu đó đã đưa dân tộc chúng ta vào vòng đô hộ của Pháp và người Pháp làm lại công việc của người Tàu hơn hai ngàn năm về trước: ÁP ĐẶT thứ văn hóa, văn minh khác.

Sự xuất hiện của chữ quốc ngữ với mẫu tự la tinh do công của giáo sĩ Alexandre de Rhodes là một sự kiện lớn lao trong sự tiến hóa của văn hóa, văn minh Việt Nam. Người Pháp đẩy mạnh việc bãi bỏ các kỳ thi của Nho học, thay vào đó hệ thống giáo dục mới, trước mắt để đào tạo một lớp công chức, làm công cụ cho chế độ thực dân của chúng, mở đường giao thông mới, đáp ứng cho nhu cầu quân sự, kinh tế; đưa dần vào xã hội, bắt đầu từ những thành thị lớn, sau lan dần đến nông thôn, những sinh hoạt, những sản phẩm công nghiệp, văn hóa, làm thay đổi dần lối sống, lối suy nghĩ, và cả lối đối xử của người Việt. Nếu chỉ nhìn khía cạnh văn hóa thôi, ta phải công nhận, do sự áp đặt ấy, xã hội Việt Nam đã tiếp cận và thay đổi rất nhiều, so với cả mấy ngàn năm trong văn hóa Khổng Mạnh. Chỉ nhìn đầu thế kỷ XX thôi, chúng ta đã có những sĩ phu yêu nước có tầm nhìn không bị hạn chế bởi Tứ Thư Ngũ Kinh, đã có những nhà Nho học nhìn thấy phương tiện cứu lấy dân tộc không phải ở trong Tam cương, Ngũ thường, mà chính là trong sự canh tân, từ trong tư tưởng, đến nếp sống, suy nghĩ, hành động. Nhưng ngay sau khi thực dân Pháp rút khỏi Đông Dương, người Việt lại tiếp con đường phát triển ấy, lần này bằng một trạng thái TỰ NGUYỆN. Rõ ràng chúng ta đang bắt đầu giai đoạn mới trong chu kỳ tiến hóa Việt. Nếu hồi đầu thế kỷ XX, sau khi mở được dăm trường học trên toàn cõi Việt Nam, buổi đầu thực dân Pháp đã phải cưỡng ép trẻ em đến trường, gần như cưỡng bách những công chức lúc bấy giờ phải học a, b, c thay cho chi hồ giả dã, ÁP ĐẶT Tiếng Páp là ngôn ngữ chính trong trường... thì ngày nay, chúng ta và con em chúng ta đã TỰ NGUYỆN học hỏi những kiến thức trong nhiều lãnh vực khác nhau, có cái hoàn toàn mới lạ. Tỉ lệ giữ người biết chữ và không biết chữ tuy không cao bằng các nước tân tiến nhưng rõ ràng không phải như ngày xưa, thêm vào đó khoảng cách giữa người hiểu biết và kém hiểu biết cũng thu ngắn lại nhờ vào những phương tiện thông tin hiện đại. Có nhiều lãnh vực ngày xưa chỉ dành cho một thiểu số ưu đãi trong xã hội, nay đã trở thành đại chúng... Ngày nay, nông dân quen thuộc với máy cày, phân hóa học, thuốc trừ sâu, công nhân quen thuộc với máy móc, dụng cụ tinh vi, họ không còn là những người làm theo lối thủ công có tính cách cha truyền con nối của thế kỷ trước, sinh viên học sinh ở lứa tuổi 18, 20 ngày nay được trang bị nhiều kiến thức và kỹ năng hơn cha anh của họ...

* "Anh chuyên viên cứu nạn trên biển đã dạy cô bơi. Đến nay cô đã biết được gì rồi?"
"Biết được rằng anh ta độc thân và có công việc rất tốt."

Bằng sự TỰ NGUYỆN đó, với bản chất hiếu học, cần cù của người Việt, dân tộc Việt Nam, nhất là cộng đồng người Việt ở hải ngoại đang tích lũy ngày càng nhiều tư bản và kiến thức của mình. Số lượng chuyên viên trong nhiều lãnh vực cần thiết cho sự phát triển quốc gia ngày càng đông, tài sản do người Việt tích lũy và đầu tư được sau bao năm làm việc cần cù ngày càng lớn. Chỉ riêng tại Houston, thống kê 1994 cho thấy: *(Stephen L. Klineberg, PH.D.; Houston's Ethnic Communities-third edition-Rice University 1996)*

* Về học vấn, tính chung thì 36% người Á Đông hoàn tất bốn năm đại học, có bằng BA so với 8% Hispanic, 15% da Đen và 25% da Trắng; tính riêng, 49% thanh niên Á Đông lớn lên ở Mỹ có bằng BA hay cao hơn so với 13% thanh niên Hispanic cùng nhóm; (trang 10 bảng 3; trang 6 bảng 5, tài liệu đã dẫn)

* Về tài chánh, 33% người Á Đông kiếm được $50,000 hay hơn mỗi năm so với 15% Hispanic, 17% da Đen, 46% da Trắng (trang 12, bảng 3, #2 tài lệu đã dẫn)

* Về kinh tế, khi được hỏi tình trạng tài chánh của bạn ra sao trong mấy năm vừa qua, 37% người Á Đông cho rằng tốt đẹp hơn so với 40% Hispanic, 33% da Đen và 37% da Trắng, 14% người Á Đông cho là tệ hơn so với 17% Hispanic, 22% da Đen và 21% da Trắng (trang 25, bảng 10 tài liệu đã dẫn)

Tình trạng này, vì chưa được sử dụng, tạo nên một hiện tượng "dồn ứ" về tri thức khả năng chuyên môn và tài sản nơi xứ người. Tình trạng dồn ứ nói trên sẽ có chỗ thoát gần như tức khắc khi đất nước chúng ta thật sự có tự do dân chủ, pháp trị kinh tế thị trường phát triển, quyền tư hữu của người dân được tôn trọng. Chính lúc ấy, tự nguyện học hỏi những cái hay, đẹp, hữu hiệu của nền văn minh Khoa học kỹ thuật có chỗ phát huy. Cộng sản Việt Nam đang cầm quyền do định kiến, hay do những nhận định sai lạc, đang làm chậm lại, và còn tệ hơn nữa là đang đẩy lùi, bước tiến hóa của dân tộc. Lịch sử sau này sẽ phán xét họ.

Ta có thể nhìn thấy trước một tương lai tươi sáng của một Việt Nam giàu mạnh như cha ông ta đã làm trong thời Trần, Lê. Khi ấy chúng ta dấn thân một cách tự nguyện vào công cuộc phục hưng đất nước, điều hành, quản trị mọi việc thật hữu hiệu góp phần xây dựng một nền VĂN MINH VIỆT riêng biệt, tuyển lọc và đầy sáng tạo.

CHÚC MỪNG

Được tin vui anh chị Dương Kiền làm lễ thành hôn cho thứ nam là

Dương Khoa

đẹp duyên cùng cô

Hứa Mỹ Hoa

vào ngày 26 tháng Bảy 1997
tại Loddefjord, Na Uy

Xin chúc mừng anh chị Dương Kiền và chúc hai cháu Dương Khoa - Mỹ Hoa trăm năm hạnh phúc.

Tạp chí Thế Kỷ 21

CHÚC MỪNG

Được tin vui anh chị Hoàng Chiều Nhân làm lễ vu quy cho trưởng nữ là

Hoàng Triều Giao Chi

đẹp duyên cùng

Phêrô Nguyễn An Long

vào ngày 16 tháng Tám 1997, tại
Québec, Canada

Xin thân ái chúc mừng anh chị Hoàng Chiều Nhân và chúc hai cháu Giao Chi - An Long hạnh phúc bền lâu.

Tạp chí Thế Kỷ 21

TƯỞNG NHỚ LINH MỤC LÉOPOLD CADIÈRE

NGUYỄN VĂN LUẬN

Khoảng giữa triều đại nhà Nguyễn, năm Thành Thái thứ tư (1893) có một Linh mục người Pháp sang Việt Nam, đó là Linh mục trẻ tuổi Léopold Cadière (23 tuổi), sang làm việc tại Giáo phận Huế. Gần trọn cuộc đời ông đã đóng góp cho xứ sở này nhiều việc quí báu như làm mục vụ, dạy học, nghiên cứu và viết sách. Hãy nghe ông thổ lộ: "Tôi hiểu người Việt Nam bởi lẽ tôi đã nghiên cứu những gì liên quan đến họ. Tôi học tiếng họ từ ngày mới đến và vẫn tiếp tục học. Tôi nhận thấy tiếng An Nam rất tinh tế về mặt cấu trúc, và cũng không nên xem nhẹ sự phong phú về từ ngữ như có người đã tưởng. Tôi đã nghiên cứu tín ngưỡng, cách thực hành lễ nghi tôn giáo, phong tục tập quán của họ và phải thừa nhận rằng dân An Nam rất sâu sắc về tôn giáo. Tín ngưỡng của họ trong sáng và khi họ cầu cứu đến TRỜI, tế tự TRỜI thì cũng có thể họ đến với cùng một ĐẤNG toàn năng mà chính tôi đang thờ kính và gọi bằng CHÚA. Và từ đáy lòng họ đang lưu giữ một tia sáng tôn giáo tự nhiên mà tạo hóa vốn ẩn dấu vào tâm khảm con người..."

Suốt 63 năm sống tại Việt Nam, Linh mục Léopold Cadière đã viết đến 245 tác phẩm bao gồm đủ các loại: Lịch sử, Tín ngưỡng, Ngôn ngữ văn tự, Giáo dục, Phong tục tập quán, Địa dư, Kinh tế, Thủy lợi, Du lịch, Văn hóa, Mỹ thuật, Khảo cổ, Triết học, Đông y, Thực vật, gồm các thể văn hồi ký, trần thuyết, miêu tả, thuật hoài v.v...

Linh mục Léopold Cadière là sáng lập viên tạp chí *Bulletin Des Amis du Vieux Hue*. Ngoài ra các công trình khảo cứu của ông đã xuất hiện trong hơn ba chục tạp chí danh tiếng như:

- Bulletin de l'Ecole francaise d'Extrême-Orient (Hanoi)
- Revue indochinoise (Hanoi)
- Bulletin économique de l'Indochine (Hanoi)
- L'Avenir du Tonkin (Hanoi)
- Collection du Vieux Hue (Hanoi)
- Information d'Extrême-Orient (Saigon)
- Indochine nouvelle (Saigon)
- Aux fils de France (Quinhon)
- Bulletin Catholique indochinois (Quinhon)
- Anthropcs (Ao)
- Bulletin de la Société des Missions Etrangères de Paris (Hongkong)
- Bulletin de la Ligue Missionnaire des Etudiants de France (Paris)
- Vietnamese Ethnographic Paper (Hoa Kỳ)
- Bulletin de l'Institut indochinois pour l'Etude de l'Homme (Hanoi)

Linh mục Léopold Cadière sinh tại Aix en Provence (Pháp) năm 1869, thuộc một gia đình nông dân, và mất tại Huế ngày 6 tháng Bẩy năm 1955, thọ 86 tuổi. Giám mục Bá Đa Lộc được vua Gia Long đem thi hài về hậu táng gần phi trường Tân Sơn Nhất, nơi gọi là Lăng Cha Cả. Rồi gần đây, người Pháp lại đem nắm xương tàn của giám mục về cố hương, hẳn người ta còn nhớ lại lời ghi của ông Faure thời xưa tỏ ý tiếc vụ Giám mục bất hòa với Bá tước De Conway: "Ví bằng lúc bấy giờ chính phủ Pháp sẵn lòng giúp ông Bá Đa Lộc thì có lẽ đã lập xong nền bảo hộ ở Việt Nam ngay từ cuối thế kỷ XVIII rồi, sau này khỏi phải dùng đến sự chiến tranh..." Mộ Linh mục Léopold Cadière thì vẫn nằm nguyên trong nghĩa trang nhỏ hẹp làng Kim Long ở phía Tây kinh thành Huế. Không xây cất nguy nga hoặc bia đá ghi công mà chỉ tầm thường như những mộ khác xung quanh nơi linh mục yên nghỉ!

Linh mục Léopold Cadière thực sự yêu quí nước ta, đã viết khá nhiều bài biên khảo về tín ngưỡng và sự thực hành tôn giáo của người Việt (Croyances et pratiques religieuses des Vietnamiens). Nay đến ngày giỗ của Linh mục (Mồng 6 tháng Bẩy Dương lịch), tưởng cũng nên thắp nén hương lòng nhớ đến Ngài cho đúng tư cách người dân một nước văn hiến.

NGŨ PHỤNG BAY VỀ ĐÂU?

TRẦN GIA PHỤNG

1. Khoa thi năm mậu tuất .-

Năm mậu tuất (1898), nhằm năm Thành Thái thứ mười, khoa thi hội được tổ chức tại kinh đô Huế. Trong khoa thi nầy, chỉ có một người chánh trúng cách là Nguyễn Tự Như, ban giám khảo trường thi thấy ít quá, xin vua gia ân dự hạng chánh trúng cách hai người nữa là Nguyễn Văn Trình và Phạm Tuấn, ngoài ra còn chọn thêm mười bốn người dự hạng thứ trúng cách (1). Như vậy, trước sau có tất cả mười bảy người được chấm đậu kỳ thi Hội, vào thi đình để phân định cao thấp. Kết quả thi đình chia ra như sau: tám thí sinh đỗ tiến sĩ và chín thí sinh đỗ phó bảng.

Sau đây là toàn văn phiên âm bia tiến sĩ số 26 đặt tại Văn Miếu Huế về các vị trúng tuyển khoa thi năm mậu tuất (2).

Hoàng Triều Thành Thái Thập Niên Mậu Tuất Khoa Tiến Sĩ Đề Danh Bi

Tứ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân nhất danh Đào Nguyên Phổ: *tọa giám cử nhân niên canh tân dậu tam thập bát tuế Thái Bình tỉnh Thái Ninh phủ Quánh Côi huyện Đồng Trực tổng Thượng Phán xã.*

Tứ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân thất danh : Phạm Liệu *tòng tỉnh cử nhân niên canh quý dậu nhị thập lục tuế Quảng Nam tỉnh Điện Bàn phủ Diên Phước huyện Hòa Thượng tổng Trừng Giang xã.* Phan Quang *tòng tỉnh cử nhân niên canh quý dậu nhị thập lục tuế Quảng Nam tỉnh Thăng Bình phủ Quế Sơn huyện Xuân Phú trung tổng Phước Sơn thượng xã.* Nguyễn Quý Song *giáp ngọ khoa cử nhân niên canh giáp tý tam thập ngũ tuế Nghệ An tỉnh An Sơn phủ Nam Đàn huyện Xuân Liên tổng Xuân Liễu xã.* Nguyễn Văn Trình *tọa giám ấm sinh cử nhân niên canh nhâm thân nhị thập thất tuế Hà Tĩnh tỉnh Đô Liêu tổng Kiệt Thạch xã Cơ Trúc thôn.* Phạm Tuấn *Thăng Bình phủ giáo thọ cử nhân xuất thân niên canh nhâm tý tứ thập thất tuế Quảng Nam tỉnh Điện Bàn phủ Diên Phước huyện Phú Khương thượng tổng Xuân Đài thôn.* Nguyễn Tự Như *Tuy An phủ dực thiện cử nhân xuất thân niên canh Canh Thân tam thập cửu tuế Quảng Trị tỉnh Triệu Phong phủ Gio Linh huyện An Xá tổng Hà Thương xã.* Bùi Thức *bính tuất khoa nhân niên canh kỷ mùi tứ thập tuế Hà Nội tỉnh Lý Nhân phủ Thanh Liêm huyện Mễ Trường tổng Châu Cầu xã.*

Tạm dịch nghĩa :

Bia đề tên tiến sĩ khoa mậu tuất hoàng triều Thành Thái năm thứ 10.

Ban đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân một người :

Đào Nguyên Phổ, cử nhân, học trường quốc tử giám, sinh năm tân dậu, ba mươi tám tuổi, người làng Thượng-Phán tổng Đồng-Trực, huyện Quánh-Côi, phủ Thái-Ninh, tỉnh Thái-Bình (3).

Ban đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân bảy người :

- Phạm Liệu, cử nhân, học trường tỉnh, sinh năm quý dậu, hai mươi sáu tuổi, người làng Trừng Giang, tổng Đa Hòa thượng, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Phan Quang, cử nhân, học trường tỉnh, sinh năm quý dậu, hai mươi sáu tuổi, người làng Phước Sơn thượng, tổng Xuân Phú trung, huyện Quế Sơn, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Nguyễn Quý Song, cử nhân khoa giáp ngọ, sinh năm giáp tý, ba mươi lăm tuổi, người làng Xuân Liễu, tổng Xuân Liên, huyện Nam Đàn, phủ An Sơn, tỉnh Nghệ An. - Nguyễn Văn Trình, cử nhân, ấm sinh học trường quốc tử giám, sinh năm nhâm thân, hai mươi bảy tuổi, người thôn Cơ Trúc, làng Kiệt Thạch, tổng Đô Liêu, huyện Can Lộc, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Phạm Tuấn, giáo thọ phủ Thăng Bình, xuất thân cử nhân, sinh năm nhâm tý, bốn mươi bảy tuổi, người thôn Xuân Đài, tổng Phú Khương

thượng, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Nguyễn Tự Như : Dực thiện phủ Tuy An, xuất thân cử nhân, sinh năm canh thân, ba mươi chín tuổi, người làng Hà Thượng, tổng An Xá, huyện Gio Linh, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Bùi Thức, cử nhân khoa bính tuất, sinh năm kỷ mùi, bốn mươi tuổi, người làng Châu Cầu, tổng Mễ Trường, huyện Thanh Liêm, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nội.

Những thí sinh trúng tuyển tiến sĩ mới được khắc tên vào bia đá còn những người đỗ phó bảng thì không được. Khoa nầy ngoài tám tiền sĩ còn lấy đỗ chín phó bảng trong đó có hai người Quảng Nam là ông Ngô Truân đứng đầu và ông Dương Hiển Tiến đứng cuối danh sách phó bảng (4).

Như vậy, trong khoa thi đình năm mậu tuất 1898, không có ai đỗ đệ nhất giáp hay tiến sĩ cập đệ. Người đỗ đầu chỉ là đệ nhị giáp tức hoàng giáp hay tiến sĩ xuất thân, sau đó là bảy đồng tiến sĩ xuất thân (hạng thứ) cộng thêm chín phó bảng, tất cả là mười bảy người. Chín phó bảng là : Ngô Truân, Nguyễn Viết Tuyên, Nguyễn Duy Thấng, Nguyễn Thiện Kế, Nguyễn Đạo Quán, Nguyễn Văn Đàm, Nguyễn Đức Đàm, Trần Đình Bách, Dương Hiển Tiến. Trong số mười bảy người trúng tuyển nầy thì tỉnh Quảng Nam có năm người, ba tiến sĩ và hai phó bảng. Trong năm người nầy, thứ tự đỗ cao thấp là : Phạm Liệu, Phan Quang, Phạm Tuấn (đồng tiến sĩ xuất thân), Ngô Truân, Dương Hiển Tiến (phó bảng). Ngoại trừ Phan Quang là người huyện Quế Sơn phủ Thăng Bình, bốn người còn lại cùng huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn.

2. Ngũ phụng tề phi

Việc năm người cùng tỉnh đỗ đồng khoa đình thí là một sự kiện hiếm có trong lịch sử khoa cử nước ta. Sau kỳ thi hội và thi đình thường có nhiều lễ lạc chúc tụng các tân khoa như yến tiệc, coi hát, xem hoa trong vườn ngự uyển và nhất là lễ vinh quy bái tổ. Các quan chức các địa phương phải cử người đến gặp các tân khoa để tổ chức đám rước về quê. Không có tài liệu nào ghi lại lễ vinh quy của năm vị đại khoa Quảng Nam năm 1898, mà ngày nay chỉ nghe lưu truyền lại rằng năm vị nầy được được vinh danh là *Ngũ phụng tề phi* tức là năm con chim phụng cùng bay.

Thuyết thứ nhất về Ngũ phụng tề phi nói

CHÚC MỪNG

Được tin vui anh chị Lê Thành Nhơn làm lễ thành hôn cho trưởng nam

Lê Công Đạt

đẹp duyên cùng

Trần Thị Mỹ Loan

vào ngày 12 tháng Bảy 1997, tại Spring Lake Park, Minnesota.

Xin thân ái mừng anh chị Lê Thành Nhơn, và chúc hai cháu Đạt - Mỹ Loan trăm năm hạnh phúc.

Tạp chí Thế Kỷ 21

RE/MAX
EXECUTIVES
9840 Carmel Mountain Road
San Diego, CA 92129
HOÀNG TỔNG
(Tony Hoàng)
Tel: (619) 484-5500 *(office)*
(619) 484-2222 *(home)*
Pager: 530-3466
(xin nói vào máy, không bấm số)
Fax: 484-1406
* Tốt nghiệp đại học chuyên khoa Địa Ốc
* Hành nghề Địa Ốc fulltime liên tục từ năm 1979
* Top Agent của RE/MAX Executives
* Mọi dịch vụ địa ốc thuộc hành phố San Diego và vùng phụ cận,
xin Quí vị liên lạc Hoàng Tổng (Tony Hoàng)

rằng sau khi năm thí sinh cùng tỉnh Quảng Nam đồng thi đỗ, vua Thành Thái (trị vì 1889-1907) và triều đình Huế *"ban cho mỗi vị bốn chữ Ngũ phụng tề phi (năm con phụng cùng bay)* (5).

Việc vua Thành Thái và triều đình tặng cờ Ngũ phụng nếu có là một vinh dự lớn chẳng những cho năm tân khoa mà còn cho toàn thể dân chúng Quảng Nam. Nhưng rất tiếc, rà soát lại trong sử sách về học thuật khoa bảng triều Nguyễn đều không có ghi lại điều nầy, kể cả các sách của Cao Xuân Dục, về đăng khoa lục cũng như về địa phương chí. Các sách của các tác giả địa phương Quảng Nam thời đó, hoặc sau một chút, thời Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng cũng không thấy nhắc đến. Một hành động ưu ái đặc biệt như thế của vị hoàng đế nước Nam mà trước sau không được ghi lại, đồng thời một cuộc vinh quy về tỉnh rầm rộ, có cờ biển Ngũ Phụng tề phi như thế mà chẳng có sách vở nào lúc đó nhắc đến có nghĩa là... rất tiếc đã không xảy ra.

Thuyết thứ hai về lá cờ trên đó có thêu bốn chữ Ngũ phụng tề phi là lá cờ do ông Đào Tấn (1845-1907) tặng. Thuyết nầy cho rằng khi các tân đại khoa trở về Quảng Nam, tổng đốc Quảng Nam lúc ấy là Đào Tấn và đốc học Quảng Nam là Trần Đình Phong đã tặng lá cờ nầy cho các tân khoa (6). Nhưng đọc kỹ lại tiểu sử Đào Tấn, trong suốt sự nghiệp quan lại của ông, không có khi nào Đào Tấn làm tổng đốc Quảng Nam cả.

Đào Tấn, tự là Chỉ Phúc, hiệu là Mộng Mai hay Mai Tăng, sinh năm 1845 tại Bình-Định, lúc nhỏ đi học với tú tài Nguyễn Diêu, tác giả của nhiều vở tuồng nổi tiếng như Ngũ Hổ, Võ Tam Tư chém cáo, Nhạc Phi phá bia... Chịu ảnh hưởng của thầy, Đào Tấn đã tập viết tuồng lúc còn đi học, đỗ cử nhân trường thi Bình-Định năm 1867 (đinh mão) (7). Năm 1871, Đào Tấn làm hiệu thư trong nội các viện ở Huế, soạn thảo các kịch bản tuồng theo lệnh của vua Tự Đức (trị vì 1847-1883). Năm 1874, ông đi làm tri phủ Quảng Trạch (Thừa Thiên) rồi lần lần lên Phủ Doãn Thừa Thiên năm 1878 (8). Năm 1883, Tự Đức từ trần, tình trạng triều đình xáo trộn, Đào Tấn từ quan về quê. Khi Đồng Khánh lên ngôi năm 1885, Đồng Khánh triệu ông ra làm quan phủ Doãn trở lại. Năm 1889, Đào Tấn ra làm tổng đốc An Tĩnh (Nghệ An, Hà Tĩnh) lần thứ nhất, rồi về lại kinh đô Huế làm thượng thư bộ Công, qua bộ Binh, đến bộ Hình. Năm 1898, ông ra làm tổng đốc An Tĩnh lần thứ nhì. Trong thời gian nầy, Phan Bội Châu định khởi nghĩa bị bại lộ nhờ Đào Tấn che chở mới khỏi bị bắt. Năm 1902, Đào Tấn về lại Huế làm thượng thư bộ Công rồi xin về hưu trí năm 1904. Đào Tấn từ trần năm 1907. Ông sáng tác nhiều vở tuồng rất nổi tiếng như Diễn võ đình, San hậu, Đào Phi Phụng...

Như vậy, trong suốt cuộc đời của Đào Tấn, ông từ Bình Định ra Huế làm quan, rồi ra Nghệ An Hà Tĩnh, chứ chưa bao giờ ghé lại Quảng Nam làm tổng đốc, *cho nên không thể nói là "tổng đốc Quảng Nam Đào Tấn" đã tặng cờ các tiến sĩ.*

Ngang đây, có một số câu hỏi cần được đặt ra : nếu không có chuyện lá cờ thì huyền thoại nầy từ đâu mà có? Nếu có chuyện lá cờ, thì ai tặng lá cờ, tặng cho ai và tặng trong trường hợp nào? Ai được vinh dự giữ lá cờ đó? Nếu một trong những tân khoa được giữ lá cờ, thì gia phả trong gia đình của tân khoa đó thế nào cũng có ghi lại việc nầy vì vào thời trước, đây là một vinh dự lớn lao mà gia đình chắc chắn không thể quên ghi vào gia phả. Nhưng không có gia đình con cháu của vị đại khoa nào trong Ngũ phụng tề phi ghi nhận điều nầy cả.

Có một thuyết thứ ba về vấn đề lá cờ Ngũ phụng tề phi. Theo thuyết nầy, ngày xưa, trước khi trình diễn vở tuồng hát bội chính thức, các thầy tuồng, tức các đạo diễn, cho bắt đầu buổi hát bằng một màn giáo đầu ngắn về một chuyện thời sự, thường thường là chúc tụng quan khách về một sự kiện quan trọng hoặc một chuyện vui vẻ mới xảy ra cho quan khách hoặc gia đình quan khách. Ví dụ vua hoặc một vị quan, hoặc một khách quý của buổi diễn tuồng vừa mới có con, con mới thi đậu, con mới cưới vợ hay lễ sinh nhật, tứ, ngũ, lục tuần...

Sau khoa thi tiến sĩ năm mậu tuất (1898), các tân khoa được dự yến tiệc vua ban và được dự buổi hát bội cung đình vì lúc đó, Đào Tấn đã huấn luyện được một đoàn hát trong nội cung rất nổi tiếng. Chính trong buổi hát bội cung đình nầy, đạo diễn Đào Tấn đã chúc mừng năm vị đồng khoa người Quảng Nam bằng một lá cờ của đoàn hát phất qua phất lại trên sân khấu. Trên lá cờ có thêu năm con chim phụng, ba con đang bay và hai con đang nhấp cánh sửa soạn bay. Ba con đang bay tượng trưng cho ba vị tiến sĩ và hai con còn đậu trên cành mới nhấp cánh sửa soạn bay, tượng trưng cho hai vị phó bảng.

Trong lúc màn chúc tụng trình diễn trên sân khấu, Đào Tấn tặng cho mỗi vị tiến sĩ một bài thơ.

Bài thơ tặng tiến sĩ Phạm Liệu :

Chiết quế nhơn tùng nguyệt điện lai,
Đình bôi vị vấn thiếu niên tài,
Khán hoa mã quá song kiều lộ,
Thùy vị nam nhi đệ nhất mai.

Tạm dịch nghĩa :
Bẻ về cành quế Hằng Nga,
Chén nồng, xin hỏi trẻ mà tài cao,
Xem hoa cởi ngựa qua cầu,
Cành nam ai kẻ trổ đầu hoa mai?
Bài thơ tặng tiến sĩ Phan Quang :
Giang sơn thành thục vị tài đa,
Tam quế tề khai nhất vạn hoa,
Cánh hữu Quảng Hàn cung tại khách,
Dũ tương thể bút tả Hằng Nga.
Tạm dịch nghĩa :
Non sông un đúc lắm tài cao,
Ba cụm đơm bông quế một màu,
Có khách Quảng Hàn vừa mới đến,
Bút hoa tô nét nguyệt thanh tao.
Bài thơ tặng tiến sĩ Phạm Tuấn :
Vận hội tuần hoàn ngũ thập niên,
Thử ban tương kế xuất danh hiền,
Trúc ba nhân khứ Hà ba tại,
Nhụy bản du truyền giáp ất tiên.
Tạm dịch nghĩa :
Năm mươi năm hội tuần hoàn,
Tôi hiền liên tiếp nảy vang đất nầy,
Cụ Hà đó, cụ Trúc đi,
Bút tiên giáp ất ghi tên bảng vàng (9).

Theo thuyết nầy, chẳng có chuyện vua Thành Thái hay tổng đốc Đào Tấn ban cờ, chẳng có đại tân khoa nào được giữ cờ, mà đó chỉ là lá cờ của đoàn hát cung đình trong một buổi trình diễn giúp vui cho các vị tân khoa sau buổi đại yến vua ban, đặc biệt tác giả Đào Tấn, nhà soạn tuồng chính thức của cung đình nhà Nguyễn, lúc bấy giờ đang làm thượng thư bộ Hình trước khi ra làm tổng đốc An Tĩnh (Nghệ An, Hà Tĩnh), đã đạo diễn một màn ngắn để vinh danh các tân khoa tiến sĩ, nhất là năm vị sĩ tử Quảng Nam cùng thi đỗ một lần. Đáng chú ý là Đào Tấn chỉ làm thơ tặng ba vị tiến sĩ, chứ không đề cập đến hai vị phó bảng. Như thế, sao gọi là Ngũ phụng tề phi?

Cuối cùng, chúng ta không nên bỏ qua một truyền thuyết nữa : đó là tích Ngũ phụng tề phi không phải lần đầu tiên xuất hiện với năm vị đại khoa đất Quảng năm 1898, mà trong văn học sử Trung Hoa đã có từ lâu. Theo sách "Lư Lăng thi chú" (10), bên Trung Hoa, thời Tống Thái Tông (trị vì 976-1003), có năm người cùng quận Lư Lăng tên là Giả Hoàng Trung, Tống Bạch, Lý Chí, Lã Mông Chính, Tô Dị Giản, cùng trúng tuyển chức "Hàn lâm học sĩ." Một vị đại quan trong triều, tên Hổ Mông, đã làm thơ mừng các tân quan hàn lâm học sĩ, trong đó có câu "Ngũ phụng tề phi nhập hàn lâm" nghĩa là "Năm con chim phụng cùng bay vào viện hàn lâm."

Do tích cũ nầy, có người hay chữ nhớ đến chuyện xưa, đã gọi năm vị đại khoa Quảng Nam năm 1898 là Ngũ phụng tề phi. Từ đó, *chuyện Ngũ phụng tề phi được truyền khẩu từ người nầy qua người khác, từ thời nầy qua thời khác, rồi dần dần không ai còn nhớ xuất xứ như thế nào.*

Thuyết nầy có lý ở chỗ tại Quảng Nam không phải chỉ xuất hiện danh xưng Ngũ phụng mà còn có hai danh xưng khác nữa là Tứ kiệt và Tam hổ. Tứ kiệt là bốn người Quảng Nam đậu phó bảng đồng khoa tân sửu (1901) là Nguyễn Đình Hiến, Nguyễn Mậu Hoán, Võ Vỹ, Phan Chu Trinh. Tam hổ là ba người Quảng Nam đậu thủ khoa ba kỳ thi hương tại trường thi Thừa Thiên trong thời gian gần nhau và sống đồng thời với nhau là Phạm Liệu (năm 1894), Huỳnh Thúc Kháng (năm 1900) và Võ Hoành (năm 1903) (11).

Thuyết nầy có thể bổ túc cho thuyết thứ ba trên đây vì biết đâu Đào Tấn là người học rộng, biết nhiều chuyện xưa tích cũ để viết tuồng, nên ông đã mượn đoạn sử nhà Tống, mà Tống Nho rất được nhà Nguyễn quý chuộng, để vinh danh các nhà tân khoa Quảng-Nam năm 1898.

3. Ngũ phụng bay về đâu?

Năm người đồng hương Quảng Nam đỗ đạt cùng một lần là một niềm vinh dự và khích lệ lớn đối với sĩ tử Quảng Nam lúc đó. Nhưng điều quan trọng là sau hào quang cử nghiệp, họ đã hành xử như thế nào? Hành trạng của họ ra sao? Nói cách khác, năm con chim phụng Quảng Nam khoa mậu tuất đã bay về đâu?

Con chim đầu đàn là Phạm Liệu. Phạm Liệu, cháu nội của Phạm Hữu Nghi (đỗ hương cống tức cử nhân tại trường Trực Lệ tức Thừa Thiên năm 1821, tham tri bộ Lễ thời Minh Mạng), sinh năm 1873 (quý dậu), người làng Trừng Giang, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn. Năm 1894 (giáp ngọ), Phạm Liệu đỗ đầu kỳ thi Hương tại trường Thừa Thiên. Sau khi đỗ thứ nhì khóa thi

* "Chiếc xe người Mỹ cho chạy trên Mặt Trăng gọi là *nguyệt xa*, vậy chiếc vừa phóng lên cho chạy trên Hỏa Tinh gọi là gì?"
"Thì *hỏa xa* chứ còn gì nữa!"

* Hai người bạn đi chơi đêm tâm sự với nhau trong quán rượu.
"Khi mày về nhà quá trễ thì vợ mày nói gì?"
"Tao không có vợ."
"Ủa, nếu vậy tại sao mày về khuya thế?"

tiến sĩ tại Huế năm 1898 (mậu tuất) ông ở lại Huế học thêm tiếng Pháp tại Đại Pháp Tự Thoại Học Đường đến năm 1900 mới tốt nghiệp.

Phạm Liệu bắt đầu sự nghiệp quan lại từ chức vụ tri huyện Đông Sơn (Thanh Hóa) năm 1901 rồi đi lên dần dần. Năm 1905, ông về Huế làm chủ sự bộ Hình, đi tri huyện Phù Cát (Bình Định) năm 1908, về làm viên ngoại phụ chánh viện cơ mật năm 1912, bổ án sát tỉnh Quảng Ngãi năm 1914. Tại đây, năm 1916, Phạm Liệu đã phát hiện kế hoạch khởi nghĩa của Việt Nam Quang Phục Hội Trung Kỳ do vua Duy Tân (trị vì 1907-1916) đứng đầu. Ông báo cho tuần vũ Quảng Ngãi và công sứ Pháp tại Quảng Ngãi biết. Viên công sứ điện về Huế và các nơi đề phòng, do đó cuộc khởi nghĩa thất bại, Thái Phiên, Trần Cao Vân bị chém ở An Hòa (Huế), vua Duy Tân bị Pháp đày đi đảo Réunion trong Ấn Độ dương. Sau đó, Phạm Liệu được thăng quan nhanh chóng, lên đến thượng thư bộ Binh năm 1929. Năm 1933, ông bị thay thế trong đợt trẻ hóa và Âu hóa lớp thượng quan khi vua Bảo Đại (trị vì 1925-1945) du học từ Pháp trở về cầm quyền (12). Phạm Liệu về hưu trí và mất ở quê nhà năm 1937.

Phan Quang, sinh năm 1873 (quý dậu), cháu nội của Phan Văn Thuật (đỗ cử nhân năm 1840, bố chánh Tuyên Quang), người huyện Quế Sơn, phủ Thăng Bình, đỗ cử nhân thứ ba trong ká thi Hương trường thi Thừa Thiên năm 1894, đỗ tiến sĩ thứ ba trong khoa thi Hội 1898. Cũng như Phạm Liệu, Phan Quang ở lại Huế học thêm tiếng Pháp đến năm 1900.

Năm 1901, Phan Quang làm tri huyện Lệ Thủy, rồi tri huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình. Năm 1905, Phan Quang xung đột với viên công sứ Pháp về vấn đề thuế điền thổ nên bị triệu hồi. Năm 1910, Phan Quang được phục chức, đi làm giáo thọ Tuy An (Phú Yên) rồi lên dần dần đến tham tri bộ Hình năm 1926. Năm 1930, Phan Quang về quê hưu trí và từ trần năm 1939.

Phan Quang có người anh là tú tài Phan Xán, hai người em là tú tài Phan Ấm và Phan Vĩnh đỗ cử nhân năm 1906. Phan Quang là phụ thân của sử gia Phan Khoang và nhà văn Phan Du.

Phạm Tuấn hay Phạm Trọng Tuấn, lớn tuổi nhất trong Ngũ phụng tề phi, người làng Xuân Đài, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, sinh năm 1852 (nhâm tý), đỗ cử nhân năm 1879 (kỷ mão) tại trường thi Thừa Thiên, được chấm đỗ kỳ thi hội năm 1885 (ân khoa khi Hàm Nghi lên ngôi), nhưng chưa công bố kết quả thì xảy ra binh biến đêm 4-7 nên không được thừa nhận. Trong khoa thi hội năm 1898, Phạm Tuấn chỉ được bảy phân, còn thiếu một phân mới hợp cách trúng tuyển nhưng vì khoa nầy quá ít người trúng cách nên Phạm Tuấn được gia ân cho đỗ.

Phạm Tuấn được bổ làm huấn đạo Quế Sơn năm 1888, thỉnh thoảng có giữ chức vụ hành chánh, nhưng đa phần ông phụ trách về ngành giảng dạy. Năm 1908, Phạm Tuấn được bổ làm đốc học Hà Tĩnh. Năm 1913 (quý sửu), ông về hưu trí tại quê nhà. Phạm Tuấn nổi tiếng về tài làm câu đối, có lần được cụ Phan Bội Châu rất khen ngợi.

Ngô Truân, hay Ngô Trân, Ngô Chuân, Ngô Lý, người gốc làng Mông Lãnh, huyện Quế Sơn, phủ Thăng Bình, sau dời đến làng Cẩm Sa, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, đỗ cử nhân thứ tư tại trường thi Thừa Thiên năm 1894 (giáp ngọ). Trong khoa thi hội 1898, Ngô Truân bị thiếu một phân nên không được chấm đỗ tiến sĩ, ông đành xếp hạng đầu trong danh sách phó bảng. Ông được bổ làm tri huyện Thạch Hà, Nghệ An nhưng chẳng bao lâu qua đời vì bạo bệnh.

Dương Hiển Tiến, sinh năm 1866 (bính dần), người làng Cẩm Lậu, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, đỗ cử nhân trường thi Thừa Thiên năm 1891 (tân mão), đỗ phó bảng chót trong khoa thi đình năm 1898 (mậu tuất). Ông từ trần sớm khi chưa ra làm quan.

Ngoài sự nghiệp quan lại trong một triều đình do người Pháp bảo hộ, các vị tiến sĩ, phó bảng Ngũ phụng tề phi trên đây chẳng làm được việc gì xuất sắc, kể cả không để lại một tác phẩm văn chương giá trị nào. Từ việc học giỏi, đỗ cao đến khi ra đời ứng dụng tri thức, đóng góp xây dựng quốc gia xã hội là một bước rất ngắn, nhưng rất khó khăn và khác biệt, không phải ai cũng làm được.

Trước đó không lâu, tại Quảng Nam, đã xuất hiện nhiều bậc đại khoa không có hào quang lấp lánh như Ngũ phụng tề phi đã để lại sự nghiệp lưu danh muôn thuở như Phạm Phú Thứ (1821-1882), tiến sĩ năm 1843, Hoàng Diệu (1832-1882), phó bảng năm 1853, Trần Văn Dư (1842-1885), tiến sĩ năm 1875, Nguyễn Duy Hiệu (1847-1887), phó bảng năm 1879.

Sau Ngũ phụng tề phi, cũng từ Quảng Nam, những đại khoa lặng lẽ rời trường thi ở kinh đô Huế như Phan Chu Trinh (1872-1926), phó bảng năm 1901, Trần Quý Cáp (1870-1908), Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947) tiến sĩ năm 1904, lại là những người khởi xướng phong trào duy tân vào đầu thế kỷ 20, làm thay đổi mạnh mẽ tiến trình văn hóa dân tộc, ảnh hưởng rất lớn đến lịch sử hiện đại Việt Nam.

Như vậy năm con chim phụng đất Quảng

cùng tung cánh rầm rộ trong khoa thi đình năm mậu tuất (1898), ngoài tiếng tăm đỗ đạt ban đầu, chẳng bay đâu xa mà duy nhất chỉ để lại cho con cháu đời sau tấm gương hiếu học mà thôi. Họ chỉ là những bông hoa rộ nở của nền khoa cử cổ điển Quảng Nam, tàn phai theo thời gian và dần dần trở thành huyền ảnh của một thời vàng son khoa bảng đã qua.

CHÚ THÍCH :

(1) Cao Xuân Dục, Quốc triều đăng khoa lục, Lê Mạnh Liêu dịch, Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Sài-Gòn, 1962, tt. 228-233.

(2) Bia tiến sĩ số 26 đặt tại Văn Miếu Huế gồm hai phần : phần đầu khắc khoa thi năm mậu tuất (1898), phần thứ nhì khắc khoa thi năm tân sửu (1901). Không khắc tên các phó bảng. Những chữ trên bia khắc lớn, chúng tôi in đậm.

(3) Đào Nguyên Phổ, tên thật là Đào Văn Mai, sinh năm 1861 (tân dậu), người tỉnh Thái-Bình, đỗ cử nhân trường Hà-Nội, Nam Định (thi chung ở trường Thanh-Hóa) năm 1884 (giáp thân), đỗ đầu ká thi đình năm 1898 (mậu tuất). Lúc đầu, Đào Nguyên Phổ làm quan ở Huế, nhưng ông lại có tư tưởng cấp tiến, hay tìm đọc các tân thư từ nước ngoài đưa vào rồi cho Phan Chu Trinh mượn đọc, sau ra bắc, làm báo và giúp Lương Văn Can mở Đông Kinh Nghĩa Thục năm 1906. Ngoài việc viết báo, Đào Nguyên Phổ còn viết sách, đã để lại sách Việt sử tân ước.

(4) Về tiến sĩ, phó bảng, cử nhân, tú tài, thi hương, thi hội, thi đình, Văn miếu, trường thi, xin xem bài "Thi cử tại Huế trước thời Quốc Học" của cùng người viết trên Thế kỷ 21 các số 87 và 88.

(5) Thái Văn Kiểm, Cố đô Huế, Nha Văn Hóa Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Sài-Gòn 1960, tr.166

(6) Phạm Ngô Minh, Trương Duy Hy, Khoa bảng Quảng-Nam dưới thời nhà Nguyễn (1601-1919), Đà-Nẵng, 1995, tr. 212. Đốc học Trần Đình Phong, người huyện Yên Thành, Nghệ-An, đỗ cử nhân trường Nghệ-An năm 1876 (bính tý), đỗ tiến sĩ năm 1879 (kỷ mão), là phụ thân của các ông Trần Đình Diệm, Trần Đình Phiên, bác sĩ Trần Đình Nam (bộ trưởng nội vụ chính phủ Trần Trọng Kim năm 1945).

(7) Cao Xuân Dục, Quốc triều hương khoa lục, bản dịch Nxb TpHCM, 1993, tr. 386.

(8) Thừa Thiên phủ Doãn là quan đầu tỉnh Thừa Thiên, chức vụ nầy do vua Minh Mạng (trị vì 1820-1840) lập ra năm 1823, có hàm chánh tam phẩm văn giai. (Tìm hiểu quan chức nhà Nguyễn, Trần Thanh Tâm, Nxb Thuận Hóa, 1996, tr. 172)

(9) Những bài thơ nầy theo tài liệu của Nguyễn Bội Liên, Quảng Nam nhân vật chí, bản in ronéo, Hội An 1969.

Cụ Hà là Hà Đình Nguyễn Thuật (1842-1911), người làng Hà Lam, huyện Lễ Dương (Thăng Bình), Quảng Nam, đỗ cử nhân năm 1867, đỗ phó bảng năm 1868, từng làm chánh sứ sang Trung Hoa năm 1882, sau lên thượng thư bộ Lại, rồi bộ Hộ, bộ Binh. Cụ Trúc là Trúc Đường Phạm Phú Thứ (1821-1882), người làng Đông Bàn, huyện Diên Phước (Điện Bàn), Quảng Nam, đỗ đầu kỳ thi hương năm 1842, đỗ đầu ká thi hội năm 1843, làm quan rất ngay thẳng, có lần phê phán sinh hoạt triều đình, bị Tự Đức (trị vì 1847-1883) đưa đi làm lính trạm Thừa Nông. Năm 1863, làm khâm sai đại thần cùng Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp thương thuyết với Pháp về vấn đề Nam Kỳ, sau làm phó sứ cùng Phan Thanh Giản sang Pháp điều đình, dần dần lên thượng thư bộ Hộ, vào Cơ mật viện, làm tổng đốc Hải Dương, hưu trí năm 1881, rồi mất tại quê nhà. Cụ là một nhà chủ trương cải cách dưới triều Tự Đức, để lại một sự nghiệp sáng tác lớn lao như *Tây hành nhật ký, Tây phù thi thảo, Giá Viên thi văn tập...*

Hai chữ giáp ất ở câu chót ám chỉ bảng giáp và bảng ất tức là bảng tiến sĩ và bảng phó bảng. Toàn bộ ba bài thơ đều có không khí của các lễ lạc mừng tân khoa tại triều đình.

(10) Lư Lăng thi chú là sách viết về nền thi ca của quận Lư Lăng, tỉnh Giang Tây (Trung Hoa). Lư Lăng là quê hương của hai đại văn hào Trung Hoa là Âu Dương Tu (một trong bát đại danh gia) và Văn Thiên Tường.

(11) Có sách báo nêu thêm tên ông Nguyễn Đình Hiến rồi gọi là tứ hổ, có lẽ không chính xác, vì Nguyễn Đình Hiến đỗ thứ nhì khoa thi hương năm 1900 tại trường thi Thừa Thiên, sau Huỳnh Thúc Kháng và trước Phan Chu Trinh. Hơn nữa, cách nói phổ thông là Ngũ phụng, Tứ kiệt (hay Tứ hùng), Tam hổ (hoặc Ngũ phụng, Tứ hổ, Tam hùng).

(12) Cuộc cải tổ triều đình ngày 2-5-1933 thay thế một loạt năm thượng thư : Nguyễn Hữu Bài (bộ lại), Tôn Thất Đàn (bộ hình), Phạm Liệu (bộ binh), Võ Liêm (bộ lễ) Vương Tứ Đại (bộ công). Lúc bấy giờ, ở Huế có người đã làm bài thơ hài hước về biến cố nầy :

Năm cụ khi không rớt cái ình,
Đất bằng sấm dậy xứ Thần kinh.
Bài không đeo nữa đành dâng lại,
Đàn chẳng ai nghe khéo dở hình.
Liệu thế không xong binh chẳng được,
Liêm đành giữ tiếng lễ không rinh.
Công danh thôi thế là hưu hĩ,
Đại sự xin nhường kẻ hậu sinh.

Tự Thoại Học Đường đến năm 1900 mới tốt nghiệp.Phạm Liệu bắt đầu sự nghiệp quan lại từ chức vụ tri huyện Đông Sơn (Thanh-Hoá) năm 1901 rồi đi lên dần dần. Năm 1905, ông về Huế làm chủ sự bộ Hình, đi tri huyện Phù Cát (Bình-Định) năm 1908, về làm viên ngoại phụ chánh viện cơ mật năm 1912, bổ án sát tỉnh Quảng-Ngãi năm 1914. Tại đây, năm 1916

* Kinh nghiệm không phải là những gì xảy ra với bạn; nó là những gì bạn làm với các điều xảy ra.
---Aldous Huxley

* Con người chẳng gì khác hơn là những gì anh ta nghĩ về chính anh ta. Đó là nguyên tắc đầu tiên của thuyết hiện sinh.
---Jean-Paul Sartre

ĐỨC THÁNH TỬ VÌ ĐẠO THỨ HAI MÀ TÔI ĐƯỢC GẶP

KIỀU DUY VĨNH

Đức thánh thứ nhất là tu sĩ Đỗ Bá Lung từ Ngọc Đông, Hưng Yên đã chết ở Cổng Trời còn đức thánh thứ hai này thì bị bức hại tàn ác dã man ở trại Phong Quang, Lao Kay.

Ngài tên là Lâm Đình Túy người Nam Hà, giáo dân địa phận Bùi Chu. Đức thánh này quyết liệt hơn, dứt khoát hơn, những điều mà Ngài Lâm Đình Túy làm thì chỉ có một không có hai, trước không có và sau này cũng không thể có.

Trước Ngài, chúng ta ai cũng ngả mũ cúi đầu kính cẩn nghiêng mình.

*

Tháng Năm năm 1972.

Mỹ bỏ bom lại miền Bắc Việt Nam. Ngày 10 tháng Năm, cầu Long Biên lại bị đánh sập. Đến chiều ngày 11 tháng Năm 1972, tôi lại bị bắt lần thứ hai với tội phản cách mạng. Điều này không có gì là bất ngờ đối với tôi cả. Tôi đã chờ đợi nó từ năm 1971. Khi Tổng thống Mỹ Nixon cho trực thăng đổ bộ xuống trại tù binh Mỹ ở Sơn Tây để hòng cướp lại các phi công bị bắt tôi đã thấy tôi bị theo dõi từng bước. Luôn có một cái đuôi theo tôi.

Và đến năm 1976, khi cầm lệnh tha, tôi đọc thấy quyết định bắt tôi kể từ tháng Sáu năm 1971 thế mà mãi đến một năm sau tôi mới bị bắt kể cũng hơi muộn. Thiếu tá Công an Cường, thường gọi là Cường cao, trực tiếp tới bắt tôi ở quê ngoại tôi: thôn Đông xã Hội Xá, Gia Lâm nơi gia đình tôi chạy bom sơ tán về đó.

Lúc Công an xộc vào nhà, tôi đang sửa soạn đi tắm. Tôi cười, bảo với Cường cao là để tôi tắm xong rồi hãy bắt đi.

Cường cao rất tử tế bảo:

"Thôi, anh Vĩnh vào Hỏa Lò rồi hãy tắm."

Tôi bảo:

"Vào đó phải đến ngày đầu tháng mới được tắm chứ."

Cường cao bảo:

"Tôi hứa là sẽ để anh tắm trước khi vào xà lim."

Mẹ tôi và vợ tôi gào lên:

"Tội tình gì mà lại bắt người ta. Sao mà tàn ác thế. Đã giết người cướp hết của cải rồi mà vẫn không buông tha."

Cường cao ôn tồn bảo với vợ tôi:

"Chị bình tĩnh lại, yên tâm. Khi nào Mỹ chấm dứt bỏ bom chúng tôi sẽ cho anh ấy về."

(Thế mà mãi đến năm 1976 sau khi chiếm được Sài Gòn một năm, họ mới tha cho tôi về).

Tôi mặc quần áo đi theo Cường cao, ra đầu làng lên xe vào Hỏa Lò, vào ngục Cửu U vì phải đi qua chín lần cửa mới tới xà lim giam tôi. Với tôi Hỏa Lò quen thuộc quá. Tôi đã trải qua tất cả các xà lim ở đó lần bị bắt trước. Giữ đúng lời hứa, trước khi tống tôi vào xà lim, Cường cao bảo Quản giáo cho tôi đi tắm cẩn thận không giục giã gì. Tôi vốn con nhà binh, nên rất bình tĩnh trước mọi hiểm nguy, lần trước cũng như lần này. Tắm xong tôi ung dung tự tại ngồi thở Yoga chờ cơm.

Vì đã được nghe kể và đã rút kinh nghiệm từ lần trước, ngay ngày hôm sau, vợ tôi thăm nuôi tiếp tế cho tôi, muối vừng rất mặn, kẹo bột và chè lam. Mấy ngày đầu tôi không đến nỗi đói, và đã có chiều dài thời gian 10 năm tù trước, đã từng ở Cổng Trời, sức chịu đựng của tôi đã được tôi luyện nên tôi cứ ngồi thở Yoga. Ba bốn ngày trôi qua, chả có ma nào hỏi cung mình cả. Cường cao nghe nói hắc xì dầu lắm, mà sao lại lịch sự tử tế với mình thế.

Trước lúc vào xà lim, Cường cao bảo tôi:

"Anh chắc phải hiểu chứ, Mỹ lại bỏ bom. Vậy nên bắt lại anh là điều tất nhiên thôi. Chúng tôi buộc phải tháo cái ngòi nổ.

Thôi, cứ đi trại ít lâu dừng ném bom là về."

Anh ta lại còn nói tiếng Pháp với tôi nữa:

"Chắc anh lại mỉa chúng tôi: *La Raison du plus fort est toujours le meilleur* chứ gì."

Tôi im lặng vào xà lim không trả lời.

Một tuần trôi qua, rồi hai tuần. Cũng không ai hỏi han gì. Mà thực tình ra, còn gì nữa mà hỏi. Lần tù 10 năm trước khai báo ở ty Niết hết rồi. Lần này mới về được ít lâu thì bị bắt lại. Có gì để khai mà hỏi. Cũng mong đi trại cho nó yên một bề thế mà bỗng một hôm, được gọi lên hỏi cung. Mừng quá. Có dịp đi lại ra ngoài thở không khí.

Một cán bộ còn trẻ, ăn mặc chỉnh tề lịch sự. Hỏi toàn những chuyện đâu đâu: Bên Tây, bên Mỹ, bên Thái Lan và miền Nam. Tôi trả lời ấm ớ lửng lơ con cá vàng. Và rồi đột ngột, tôi bảo là quên hết tất cả rồi. Anh ta vẫn rất từ tốn, bảo tôi cố nhớ lại, giúp cho anh ta có thể đánh giá chính xác đúng những con người ở xa xôi đó.

Tôi bảo:

"Tôi đang đói đây, đang ho lao đây, đang mệt rũ ra đây. Bây giờ là gần 11 giờ trưa rồi, tôi chưa được một hớp nước, chưa được một miếng gì cho vào bụng nên tôi đói lắm, mà dạ dầy đói thì không có tai để nghe. Xin để cho đến chiều hoặc mai. Đưa tôi về xà lim nghỉ thôi."

Tôi tưởng anh ta sẽ nổi cáu. Nhưng không:

"Thôi được, anh về, mai tôi sẽ gặp lại."

Sáng mai, tôi được gọi lên. Sau khi ngồi vào ghế, anh ta rút trong cặp ra hai cái bánh mì Badega kẹp thịt, một gói thuốc ho Rimifon, một bánh xà phòng thơm đưa cho tôi:

"Anh ăn đi. Còn các thứ này để dùng khi đi trại."

Giọng nói, ánh mắt đầy sự tử tế. Tôi ung dung ngồi ăn hết hai cái bánh mì và chờ đợi những câu hỏi hắc búa. Nhưng không, thấy tôi ăn xong, anh nói:

"Tôi đã đọc kỹ hồ sơ lý lịch của anh rồi. Đọc kỹ, nhưng chưa đầy đủ bằng gặp chính con người của anh. Hôm qua gặp, thấy anh nói bị đói và bị ho nên hôm nay tôi đem đến cho anh ít thuốc. Thế thôi nhé. Anh có thể về được rồi."

Và anh ta gọi Quản giáo dẫn tôi về xà lim. Tôi hơi ngạc nhiên trước sự việc đó. Lúc ấy là tháng Năm năm 1972. Năm 1976 tôi được tha, đến năm 1979 tôi đang đạp xe đạp ở phố Lò Đúc thì thấy có người gọi:

"Anh Vĩnh, anh Vĩnh."

Tôi quay lại không nhận ra ai. Anh ta cười bỏ mắt kính ra, tôi liền nhận ra anh: người cán bộ hỏi cung đã cho mình bánh mì và thuốc.

Tôi mời anh đi uống bia, anh từ chối và bảo:

"Tôi rất mừng là thấy anh trở về mạnh khỏe thôi, tôi xin lỗi vì có việc bận không đi uống bia với anh được. Chúc anh khỏe và gặp nhiều điều tốt lành."

Tôi cố nài mời anh, anh nhất quyết chối từ, bắt tay xin lỗi và đi. Tôi có hỏi tên anh, anh vờ như không nghe thấy và không trả lời. Cảm ơn anh.

Sau câu chuyện hỏi cung trên, tôi đi trại Vinh Quang (thuộc tỉnh Vĩnh Phú). Gặp lại một số người quen cũ, tay bắt mặt mừng, cứ như là đi phép trở lại đồn vậy. Kể cũng nực cười. Và chính ở trại này, tôi gặp một vị thánh tử vì đạo nữa: Lâm Đình Túy, người Nam Hà, giáo dân địa phận Bùi Chu.

Khi tôi lên trại Vinh Quang được ít lâu thì có một tu sĩ tên là Hiếu ở địa phận Thái Bình được thả về tự do. Nhưng chỉ độ ba tháng sau, lại thấy tu sĩ Hiếu bị bắt đem lên trại. Mọi người đều mừng mừng tủi tủi, và cũng coi như tu sĩ được đi phép về. Riêng giáo dân thì hồ hởi lắm. Hỏi ra thì mới biết là khi được tự do, Giáo hội đã phong tu sĩ Hiếu làm Linh mục và khi bị bắt lại Linh mục Hiếu đã đem theo được "mình thánh" vào trại tù. Các tín đồ Thiên Chúa giáo một mực rất kính trọng Linh mục Hiếu, săn sóc, chăm nom cực kỳ chu đáo, có quà gì cũng đem biếu: một ấm chè ngon, một củ sắn luộc, vài cái bánh ngọt mới được tiếp tế.

Linh mục Hiếu có dáng vẻ một trí thức nho nhã, trắng trẻo, đẹp trai, thông minh, trạc 35 tuổi. Một con người không có gì để chê trách, phàn nàn về mọi phương diện. Ăn ở, ứng xử với mọi người lúc nào cũng khiêm tốn, nhã nhặn tươi cười, hòa đồng với mọi lớp người trong tù không phân biệt chính trị hay hình sự.

Linh mục Hiếu lên trại Vinh Quang lần thứ hai thì được Phó Giám Thị Cự công bố với toàn trại tù là ông cha đạo Hiếu này chính là một tên lưu manh chuyên nghiệp. Mọi người cứ há mồm, ngớ ra không hiểu.

Cự giải thích như sau:

"Hiếu là một tên vốn lười biếng, thích ăn ngon mà không thích lao động, một tên ăn bám xã hội, trông mẻ người anh ta thì thấy ngay là loại ăn trắng mặc trơn, ăn ngon mặc đẹp nên đi tu, làm nghề tôn giáo, lừa bịp các giáo dân để kiếm ăn. Thử hỏi, dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa của chúng ta, những người yêu lao động có thể nào chấp nhận phần tử ăn bám đó. Trí thức như Hiếu, thì giá trị không bằng cục cứt (trích Mao Trạch Đông), mà trí thức gì cái anh ta: Học được mấy chữ "la tanh tưởi" đến nhà thờ rao giảng, lễ thường ra khấn khứa thì cứ theo như lối Việt Nam ta: *gần bay là xa bay*

bổng mời các cụ về hưởng lộc cho con cháu. Nhưng y lại không khấn khứa như thế, y nói: 'Ca tê riom, ca thế dran,' ra cái điều cao siêu bí hiểm, nó có cái quái gì là bí hiểm đâu, nó là: cá trê rán, cá trê om nói trệch đi, thế thôi. Đấy y lừa bịp các giáo dân như vậy đấy. Chỉ để kiếm miếng ăn như mấy lão thầy cúng chập chững ấy mà.

Lần thứ nhất đã bị bắt tưởng vào tù đã cải tạo được, nên tha cho về làm người lương thiện. Nhưng vẫn chứng nào tật ấy, ngựa theo đường cũ, lại tiếp tục hành nghề nên phải bắt lại lần thứ hai. Như thế là y đã tái phạm nhiều lần. Vậy thì y đích là tên lưu manh chuyên nghiệp rồi còn phải thắc mắc gì nữa."

Phó Giám Thị Cự nói trơn tru láo liên như vậy với bộ mặt xám và lạnh, tù nghe không một ai dám cười cả. Còn tôi, tôi cứ ngớ cả người ra. Đến ngay cả ở trại Cổng Trời cũng chưa thấy giám thị, quản giáo nào dám giải thích như vậy cả.

Hắn nói gì thì mặc hắn, chúng tôi để ngoài tai. Nhưng với ông Lâm Đình Túy, thì những điều mà Phó Giám Thị Cự nói làm ông khó chịu. Và ông lại tỏ vẻ khó chịu hơn khi thấy các giáo dân cứ quây quần quanh Linh mục Hiếu để ăn uống, chè chén, quá chu đáo.

Thế rồi một ngày Chủ Nhật nghỉ, nhân lúc các tín đồ và Linh mục Hiếu đang ngồi ăn uống chuyện trò vui vẻ thì bác Lâm Đình Túy xuất hiện. Bác đứng trước mặt Linh mục Hiếu, chỉ tay nói với giọng giận dữ, Bác đọc một loạt những câu tiếng La Tinh ở trong Évangile cốt để cho Linh mục Hiếu nghe. Tôi không hiểu những lời nói đó có ý nghĩa mạnh mẽ ra sao, nhưng tôi thấy Linh mục Hiếu tái mặt đứng dậy bảo các con chiên giải tán, và từ đấy không thấy tập hợp nhau nấu nướng ăn uống gì nữa.

Sau chuyện này, cuộc sống ở trại Vinh Quang cứ lặng lẽ trôi. Có điều đối với riêng tôi, một đối tượng cần phải chuyên chính đàn áp thì mũi dùi của Phó Giám thị Cự luôn chĩa vào tôi. Vợ tôi lên thăm nuôi tiếp tế bị đuổi về không cho gặp và nhận.

Thỉnh thoảng tôi lại bị gọi lên lục vấn, chất chỉnh đe dọa, và những buổi nói chuyện ở Hội trường đều bóng gió nói đến tôi: liệu hồn mà chịu phép cải tạo. Tôi được phân công vào toán già đan lát cùng với bác Lâm Đình Túy.

Bác Túy gầy yếu xanh xao. Rất ít nói. Nhìn bác, tôi lại nhớ đến tu sĩ Đinh Hiền Lương, dòng tu ép xác Châu Sơn, tù ở Cổng Trời với tôi và đã chết. Đầu cũng cắt ngắn gần như trọc, cả ngày chả nói một câu chuyện, cứ ngồi yên lặng

CHÚC MỪNG

Nhân dịp Lễ Ngân Khánh, đánh dấu 25 năm
thụ phong Linh Mục của

Yu Se Nguyễn Tiến Lộc

(1 tháng Tám 1972- 1997)

Chúng tôi hân hoan chúc mừng Yu Se Tiến Lộc
tiếp tục trên đường làm tròn sứ mạng phụng vụ và giúp ích.

LÊ MỘNG NGỌ
ĐỖ QUÝ TOÀN
ĐỖ NGỌC YẾN
ĐOÀN THANH LIÊM
HÀ DƯƠNG THỊ QUYÊN
LÊ TIẾN KHANH
MAI KHANH
TRẦN ĐẠI LỘC
HOÀNG KIM CHÂU
NGUYỄN ĐỨC QUANG
NGÔ MẠNH THU
LÊ THOẠI ANH
LÊ THOẠI AN
và các anh chị em Hướng Đạo khắp nơi

lễ nhìn, nhìn đấy mà chả nhìn thấy gì cả. Nhưng có một điều rất khác. Rất khác là khi làm việc thiêng liêng, bất cứ vào thời điểm nào, ngay cả trong lúc đang làm việc ở ngoài đồng, ngoài trại, bao giờ bác cũng quỳ xuống, kính cẩn cúi đầu như ở trong nhà thờ làm lễ. Bác để hết tâm trí vào việc cầu nguyện, lúc đó coi nhưng không còn ai ở xung quanh, kể cả Giám thị trại, Quản giáo, lính coi tù, bác vẫn quỳ xuống nguyện cầu, ngang nghiên làm như thường. Mà có cái lạ nữa là những Giám thị và Quản giáo không làm gì để ngăn cấm bác cả.

Khi tôi lên trại tù Vinh Quang thì mọi việc đã diễn ra như vậy rồi, và vẫn tiếp tục diễn ra như vậy, mọi người đều cho đó là một chuyện bình thường làm tôi rất ngạc nhiên khi tôi đem so sánh với những chuyện đã xẩy ra ở trại Cổng Trời lần tù trước (1960-1970). Tôi có tò mò hỏi một giáo dân cùng quê cùng xứ đạo với bác Túy thì giáo dân đã cho tôi biết là từ khi bị bắt lên đến trại giam Nam Định bác đã làm như thế rồi. Giam mãi ở xà lim, cùm mãi rồi lại phải thả ra, bác vẫn cứ thế. Cuối cùng, các ban Giám thị ở trại dưới đành chịu thua bác, đành để Bác như vậy, cho đi cùm ở xà lim thì chính ban Giám thị lại mắc mưu của ông ta, ông ấy chỉ thích nằm xà lim thôi. Không bị ai quấy rầy, lại cơm bưng nước rót, cùm thì chân ông ấy chỉ bằng cái que tăm ấy, có cùm thì cũng như không. Thế là ban Giám thị lại lôi ra bắt đi làm. Ông đi ra, nhưng không làm gì cả. Đến chỗ làm là ông ngồi vào một góc rồi quỳ xuống cầu kinh. Xong thì lại ngồi im lặng nhìn. Rồi đi về trại. Thế thôi. Chắc là họ đã họp lên, họp xuống nhiều lần lắm rồi, để tìm ra một đối sách trị ông. Kết quả: là cứ đành để mặc ông ta như vậy. Nếu không chỉ còn một cách là giết ông đi mà thôi. Thời điểm giết ông thì chưa đến. Nên mặc nhiên ông là người độc nhất trong trại được hưởng quyền ưu tiên như vậy.

Năm 1972 tôi lên trại Vinh Quang gặp ông, đã thấy ông như vậy. Cũng như tu sĩ Đinh Hiền Lương, ông rất ít nói, ông hay ngồi tĩnh lặng để nghe và nhìn, và chắc ông nhìn và nghe được nhiều điều lắm, nên ánh mắt ông nhìn tôi có rất nhiều thiện cảm. Chắc hẳn ông biết tôi đã đi tù nhiều năm, đã từng ở Cổng Trời, nên đôi lúc có trao đổi với tôi một vài điều, chứ không phải là một vài câu chuyện, tỷ như:

"Trước ông Vĩnh có ở Bùi Chu à?'

"Vâng, năm 1951-1952 tôi có đóng quân ở Hành Thiện ở cùng với Tiểu đoàn Công Giáo số 16. Tôi đã có hân hạnh được gặp Đức Giám Mục coi sóc địa phận Bùi Chu, Đức Cha Phạm Ngọc Chi."

Lần sau ông hỏi tôi:

"Ông có ở tù cùng với cha Hân không?'

"Có, tôi có được gặp cha Hân và được chứng kiến cái chết của cha Hân ở trong tù."

Lần sau nữa:

"Ông cũng có biết tu sĩ Đinh Hiền Lương dòng ép xác Châu Sơn à?'

"Vâng, tôi có ở tù cùng với tu sĩ Đinh Hiền Lương và tu sĩ Lương đã chết ở Cổng Trời rồi."

Ông hỏi ngắn gọn có thế, và chỉ cần tôi trả lời có thế, và thế là đủ.

Đã là tù thì phần lớn đều phải thấy rằng:

Thứ nhất được tha, Thứ nhì tiếp tế, Thứ ba "ăn mềm" (thịt). Được gọi ra tiếp tế, mừng ra mặt. Bồn chồn mong cho chóng đến lượt mình để được gặp người thân và được ăn no. Thế mà có lần tù ở phòng tiếp tế thăm nuôi vào gọi đích danh Lâm Đình Túy ra gặp người nhà. Ông ngước mắt nhìn lên không đáp lại. Người gọi là một tù hình sự nên anh ta văng ngay ra:

"Đ.m, còn chần chờ gì nữa. Nhiều lắm, thấy một gánh nặng cật lực. Nhanh lên đi."

Ông lại ngước mắt nhìn, không nói năng gì. Và rồi ông không ra gặp người thân để nhận đồ tiếp tế. Ở đôi mắt hiền từ của ông, tôi thấy ánh lên một điều quyết định gì đấy, nó giống như ánh mắt của tu sĩ Đỗ Bá Lung ở Cổng Trời nhìn anh em trước khi đi xà lim và chết!

Thế rồi tháng Mười Hai năm 1972, Mỹ bỏ bom B52. Tôi và một số phần tử nguy hiểm, trong đó có ông được lọc ra dẫn vào trại C sâu ở trong núi. Chúng tôi bị lùa tuốt vào một hầm ngầm đào sâu dưới lòng núi. Nếu bom Mỹ mà bỏ gần đấy, hầm sập là chết hết khỏi phải chôn. (Cái hầm này gần chỗ xà lim, giam phi công Mỹ, anh Phan Hữu Văn biết rất rõ vị trí này).

Được vài ngày, thấy tình hình quá căng thẳng, họ vội vã chuyển chúng tôi lên Lao Kay ở trại Phong Quang. Hết Vinh Quang rồi lại Phong Quang. Sao mà họ khéo đặt tên hay đến thế cho các nhà tù ở miền Bắc này. Nào là: Thanh Cẩm Thanh Hóa: Đàn xanh, nào: Ba Sao Nam Hà: Ba vì sao sáng, nào: Hồng Ca Yên Bái: bài ca mầu hồng. Trại Ngọc: Ngọc ngà châu báu. Yên Hòa Phú Thọ: Yên vui hòa thuận. An Thịnh Tuyên Quang: An ổn và thịnh vượng.

Đi tù mà Vinh Quang, và ở chỗ Phong Quang thoáng mát, thì nhất rồi còn phải kêu ca phàn nàn gì nữa.

Nhưng thật ra cái nhà tù Phong Quang này ở tít trong cùng tận của rừng xanh, núi đỏ, sát biên giới Việt - Trung nơi tận cùng của đất nước mà lại là Phong Quang thì cái tài dùng "mỹ từ pháp," tài lừa bịp đã đạt tới mức siêu đẳng rồi.

Chúng tôi được chuyển từ trại Vinh Quang lên Phong Quang, Lao Kay. Lên đến trại vào quãng nửa đêm. Trại ở sâu trong rừng và cũng phân ra A, B, C. Vì trại Cổng Trời được phong "Anh Hùng" nên các trại dưới đều phải học tập rút kinh nghiệm để noi theo.

Và nếu ta cho điểm Cổng Trời là 10 thì Phong Quang cũng được 7 hoặc là 8. Ở đây cũng ghê lắm. Có một Quản giáo ác ôn tên là Tằng, người Thái Bình, mặt da tai tái, mắt ti hí mắt lươn lại hơi toét, to béo, khỏe mạnh, vũ phu, tướng của một tên côn đồ đứng bến xe, cười cười nói nói, chuyên gọi tù bằng thằng. Khi cần, môi mím lại, mặt tái dại hẳn đi, lúc ấy là có chuyện giết người đấy.

Chúng tôi đến trại được Quản giáo Tằng tiếp đón chu đáo: đèn pin dọi và mặt từng người, tay thọc ngay vào hạ bộ chộp lấy sờ nắn, khám xét.

"Thôi được, vào ngủ đi. Sáng mai sẽ hay." Hắn bảo thế.

Và sáng hôm sau, tôi được chứng kiến một điều mà hai lần tù gần 15 năm tôi chưa thấy bao giờ, trước không có và sau này cũng khó có. Một chuyện động trời.

*

Quản giáo ác ôn Tằng, cầm bản danh sách tù đi đầu, theo sau lưng là một tiểu đội súng ống và một lũ tù hình sự tay sai làm trật tự viên trong đó có một tên hung ác nhất tên là Nhạn, người Hải Phòng.

Theo thường lệ, tù được gọi đến tên, ôm đồ đạc ra trước mặt Quản giáo, rồi để những tù hình sự trật tự viên lục lọi khám xét. Lần lượt như vậy. Cho đến lúc gọi tên Lâm Đình Túy. Không thấy trả lời. Ác ôn Tằng cao giọng đến lần thứ ba rồi cáu quát:

"Nó đâu? Thằng Túy đâu. Câm hả."

Trong lúc khám xét ai cũng lo lấy thân mình trông lấy đồ đạc của mình. Cũng chẳng biết ông Túy ở đâu để mà giúp đỡ cả. Lúc đó ông Túy đang quỳ ở một góc để làm việc thiêng liêng. Cũng như ở các trại dưới, như ở trong nhà thờ, ông quỳ xuống cúi đầu nghiêm chỉnh, đàng hoàng, đĩnh đạc cầu nguyện thành kính. Với ông lúc ấy không có ai ở chung quanh, không có chuyện gì xảy ra cả. Vì mới đến hồi đêm, nên chưa kịp bàn giao những gì chi tiết, và cũng chưa có thì giờ để đọc hồ sơ lý lịch từng người nên hắn, Quản giáo ác ôn Tằng, cực kỳ giận dữ trước sự việc dám coi thường hắn đến như thế.

Hắn đã gọi, gọi đến ba lần mà thằng tù không thèm đáp lại. Lâu nay có thế này bao giờ đâu: hắn nói mọi người phải răm rắp tuân theo, bây giờ lại có một thằng tù chính trị dám coi thường hắn. Ác ôn Tằng lừ lừ đi đến. Sau này tôi mới được biết là tù ở đây sợ hắn như cọp, hắn đánh tù không tiếc tay, tự tay hắn đánh, mệt, hắn sai tù tay sai đánh tiếp cho hắn xem cho hả lòng ác độc và đánh cho đến chết. Có một tù hình sự còn trẻ, không biết lúc hắn đi qua, đùa với bạn, giơ tay giả làm súng bắn, miệng kêu: tằng, tằng, tằng. Thế là phạm húy, bỏ mẹ rồi. Hắn gọi ra cho ăn đòn và ít lâu sau ngấm đòn chết. Thành ra ai cũng sợ. Nhìn thấy hắn là sợ rồi. Con người hắn toát ra tử khí. Thế mà Lâm Đình Túy lại không biết điều đó.

Hắn lừ lừ đi đến. Hắn nắm gáy ông lôi đứng dậy, ông vốn nhẹ cân và gầy yếu.

"Mày là thằng Túy. Sao tao gọi mày không trả lời hả?"

Ông nhìn hắn, từ từ quay người đứng thẳng dậy trước mặt hắn. Và thật là bất ngờ đối với tất cả, ông giơ tay tát thật mạnh vào tên ác ôn Tằng, rồi ông lại từ từ quay người quỳ xuống tiếp tục làm công việc thiêng liêng của mình.

Chắc chắn là đối với tất cả những người đi tù ở miền Bắc này, từ xưa cho tới lúc ấy chưa có ai, chưa có bao giờ một người tù dám tát vào mặt Quản giáo hay một người lính coi tù cả. Điều này xảy ra ngoài sức tưởng tượng của ác ôn Tằng nên hắn phản ứng rất là chậm chạp. Hắn đứng yên, hai tay thõng xuống mặt nghệt ra. Chúng tôi ngơ ngác bàng hoàng và chờ đợi. Đây là chuyện động trời ở trong trại tù. Tù đánh Quản giáo. Không phải là chuyện khi bị đánh thì chống lại, đánh lại mà ngang nhiên đánh tát vào mặt. 15 năm tù tôi chưa bao giờ thấy có chuyện ấy xảy ra: Tù tát vào mặt Quản giáo ác ôn và Quản giáo đứng yên chịu trận. Đối với tù: Quản giáo là chủ nô. Đôi lúc tôi đã lẩn thẩn nghĩ rằng: Những kẻ nào bất tài, vô tướng, học thì dốt, đầu óc bã đậu, lại lười biếng thích ăn không thích làm nhưng lại muốn làm cha người ta, làm ông chủ người ta thì nên xin gia nhập làm ngành Công an làm Quản giáo coi tù. Làm Quản giáo sướng lắm chứ, có dưới quyền khoảng trên dưới 40 tên nô lệ. Gọi dạ, bảo vâng, sai gì làm nấy. Nếu láo xược, không nghe sẽ có ngay đòn trừng trị của chính Quản giáo, hay nếu không muốn ra tay thì đã có tay sai là mấy tên tù hình sự làm Trật tự viên. Ngoài ra còn có súng của mấy lính coi tù hỗ trợ nữa. Ngày ngày, cắp quyển sách, ngồi ghi ghi, chép

* Dây xích không cột được hôn nhân. Nhưng mà là những sợi chỉ, những sợi chỉ nhỏ li ti, nó ràng buộc người ta vào với nhau năm này qua năm khác.

— Simone Signoret

chép, đi theo tù đến chỗ làm, chán thì đi tới đi lui bảo ban, sai phái. Hết giờ về, ăn cơm, ngủ. Mai lại thế. Vậy, hỡi ơi, hãy cho con cháu mình, người nhà mình, thằng nào mà ngu đốt đi làm Quản giáo.

Trở lại với ác ôn Tằng. Hắn đứng yên, mất đến gần một phút sau không có phản ứng gì. Lúc ông Túy tát xong, tôi sợ hãi chờ đợi một cuộc đánh đập trả thù tàn bạo. Nhưng không. Quản giáo ác ôn Tằng quay người đi ra cổng trại, theo sau là mấy tên tay sai trật tự viên.

Chúng tôi im lặng ngồi chờ. Độ nửa tiếng sau. Tằng quay vào, mặt tái đi vì giận dữ, cặp mắt ti hí mắt lươn hơi toét không nhìn vào ai. Đến trước mặt mấy cán bộ dưới quyền, hắn ra lệnh:

"Cho tất cả tù vào trại. Khóa cửa lại. Còn thằng Túy để lại cho tôi."

Chúng tôi lại lếch thếch ôm đồ của mình vào trong nhà. Còn lại một mình bác Túy, bác vẫn bình thản quỳ ở một góc cúi đầu cầu nguyện. Tằng chỉ tay, mấy tên trật tự xông vào khênh bác ra cổng trại.

Mãi đến chiều tối, những thằng ấy lại khênh bác về vứt vào một xó trong trại giam. Người bác rách nát. Nhưng mặt mũi không thâm tím, không chảy máu. Chỉ thấy bác nằm im, thoi thóp thở. Khi chúng quay ra, có mấy giáo dân người đồng hương đến chăm sóc cho bác. Bác nằm im không nói, không ăn. Họ chạy chữa cho bác, và chúng tôi được biết bác bị đánh què chân và gẫy hai cái xương sườn.

Sáng hôm sau chúng tôi lại được lệnh ra sân tập họp sớm hơn mọi ngày. Đến đây tôi xin ngắt quãng để kể một chút về một nhân vật thật đặc sắc mà tôi gặp ở trại Phong Quang này: Anh Hoàng Tiên Như người Nghệ An. Trong đoạn này tôi chỉ kể một chút ít về anh thôi, còn chúng ta phải đi nốt với Đức thánh tử đạo Lâm Đình Túy, người đã vác cây thánh giá của Chúa cực kỳ nặng nhọc và gian khổ này.

Tập họp ngồi đầy đủ ở sân trại. Ban Giám thị và Quản giáo, lính coi tù lục tục kéo xuống. Mọi lần bình thường thì không có ban Giám thị, chỉ có Quản giáo và lính coi tù xuống nhận tù đi làm thôi. Vừa mới xuống đến nơi, chúng tôi đã thấy tiếng quát tháo ầm ầm ở phía hàng trên chỗ gần cổng trại. Rồi mấy tay tù trật tự tay sai xông vào đánh đấm lôi một người ra khỏi hàng. Khi người ấy đứng dậy, thì tôi thấy anh cởi truồng... thỗn thện. Cả trại cười ầm lên như vỡ chợ. Hỗn loạn. Đầu thì trọc, mặc một cái áo ngắn cộc rách tơi tả, cởi truồng, vừa đánh trả, vừa chạy vừa chửi. Anh cứ chạy quanh sân trại làm bọn tay sai mãi mới bắt được anh, lôi anh đi vào xà lim. Anh dẫy dụa, lăn ra đất, chửi bới om xòm với giọng Nghệ An:

"Đù cha chúng bây, choa có sợ cái củ c. choa đây này."

Anh tên là Hoàng Tiên Như người Nghệ Tĩnh, vốn là Đại uý Quân Đội Nhân Dân Việt Nam Anh Hùng. Anh ở binh chủng Pháo Binh, đã từng tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Hoạt động cách mạng từ năm 1945 đã từng chỉ huy cướp chính quyền ở tỉnh Nghệ An. Thế thì tại sao anh lại đi tù? Anh bảo: "Tại vì tớ lấy vợ. Vợ tớ là con nhà địa chủ, lại là người theo đạo Thiên Chúa nữa cho nên chi bộ Đảng, cấp trên, chính quyền không cho lấy. Nhưng tớ yêu vợ tớ quá đi mất thôi. Không lấy thì không thể chịu được. Thà chết, thế là tớ cứ lấy. Bị kỷ luật ra khỏi quân đội, tớ theo vợ về xứ đạo, tớ theo vợ tớ thôi chứ tớ không theo Chúa, không theo đạo. Ấy thế mà bị bắt vào đây đấy." Anh kể với tôi về anh như vậy và vỗ vai tôi bảo: "Cậu cũng Đại uý, tới cũng Đại uý, hai thằng 'huề' nhé."

Vào tù anh gặp một người bạn chiến đấu cũ làm Phó Giám thị trại giam. Nghĩ lại tình cảm xưa cũ, Phó Giám thị cho anh làm vệ sinh quét dọn trên nhà ban Giám thị trại, và được hưởng quyền ưu tiên của tù tự giác, được đi lại tự do, được đun nấu, ăn uống đầy đủ. Nhưng có một hôm, một cán bộ Quản giáo sai anh làm một công việc gì đó, anh thấy bị xúc phạm, anh cầm chổi ném vào mặt Quản giáo và quát:

"Choa đấm c. vào cái mặt mày. Choa về trại tù đây."

Anh bỏ về trại, không lên ban quét dọn nữa. Về trại, anh không làm gì cả. Cứ ngồi nhà, đun nước pha chè uống, đến bữa, xuống nhà bếp lấy cơm lên ăn no rồi chửi đổng. Không ai làm gì anh cả. Kể cả ác ôn Tằng cũng tránh mặt làm ngơ.

Đôi lúc anh nổi cơn lên như hôm nay, anh ra xếp hàng thật sớm, cởi truồng ngồi ngay hàng đầu, cầm cái nón rách che hạ bộ, chờ đến lúc ban Giám thị xuống thì anh bỏ cái nón ra để cho các vị ấy xem. Và câu chuyện đã xảy ra ầm ĩ như trên. Xong rồi cũng yên, nhưng không khí trang nghiêm thì không còn nữa. Ác ôn Tằng xuất hiện. Hắn giận lắm, giận lắm đấy. Không rào trước đón sau gì. Hắn đọc:

"Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc. Lệnh kỷ luật: Lâm Đình Túy.

"Cùm một chân. Ăn chín cân."

Lý do: Dựa vào ho ra máu vài lần.

Dù trói trăn giáo dục đã nhiều lần.

Lao động vẫn ù lì không chịu

(Thơ Nguyễn Chí Thiện)

Chắc hắn còn định làm một cái gì đấy để

hòng trấn áp mọi người, nhưng bị Hoàng Tiên Như phá đám hắn không làm được, nên hắn đọc nhanh lệnh kỷ luật cho xong việc.

Thế là Lâm Đình Túy đi xà lim. Nhưng cho ông đi xà lim là lại mắc mưu của ông như ở các trại dưới: ông chỉ mong có thế. Ác ôn Tằng nhận ra ngay. Chỉ mấy ngày sau, hắn lôi ngay ông ra khỏi xà lim, tay chân hết hạn cùm xiềng. Hắn bắt ông đi làm. Tất nhiên là ông không đi. Ông cứ nằm. Các giáo dân chăm sóc thuốc thang cho ông, ông dần dần tỉnh lại, có thể ngồi dậy làm việc thiêng liêng.

Thấy ông ngồi dậy được, ác ôn Tằng ra lệnh cho Quản giáo Cát phụ trách toán già đan lát, người khu 5 Bình Định tập kết ra Bắc, phải bằng mọi cách bắt Lâm Đình Túy đi lao động. Nhưng gọi ông, ông không ra tập họp. Sau khi nhận tù xong, Quản giáo Cát vào nhà giam, túm cổ lôi ông dậy. Kéo đi làm. Được một quãng, hắn mỏi, nghỉ tay, ông liền ngồi xuống không đi. Chúng tôi toán già lại ngồi xuống chờ. Hết mệt, Quản giáo Cát lại đến lôi ông dậy đi ông không đi. Cứ thế lằng nhằng mãi đến hai tiếng đồng hồ sau mới đến chỗ làm.

Quản giáo Cát mệt nhoài vào buồng nghỉ. Ông ngồi yên ở sân. Quản giáo Cát hết mệt; cầm một con dao, một thanh tre đến trước mặt ông bảo ông cầm dao chẻ nan. Ông không nhìn và cũng không trả lời. Hắn đặt dao xuống và đi vào nhà.

Sang đến sáng ngày hôm sau, rút kinh nghiệm hôm trước, hắn đưa toán ra chỗ làm rồi mới quay về trại lôi ông Túy đi. Cũng phải mất độ hai tiếng sau, hắn mới lôi được ông tới. Trời nắng nóng sớm, hắn mệt mồ hôi lã chã. Nhưng lệnh trên bắt hắn phải làm bằng được là: bắt Lâm Đình Túy lao động. Hắn lại cầm ra cho ông một con dao và một thanh tre. Ông vẫn cứ ngồi im. Hắn đặt trước mặt ông và đi vào nhà. Chắc hắn chán cái trò này lắm rồi. Vừa tức vừa mệt.

Đến hôm thứ ba. Dẫn toán ra chỗ làm xong, hắn quay về cùng với Toán trưởng, và cũng phải đến hai tiếng đồng hồ sau hắn mới lôi được ông đến chỗ làm. Giúp hắn làm được việc đó, ngoài Toán trưởng, lại có thêm một trật tự viên. Nhưng mà mệt quá. Hắn vào bàn giấy ngồi thở. Hắn cứ để ông ngồi ngoài sân cho mặt trời thiêu đốt, không đem dao và tre ra nữa. Chờ cho đến lúc gần trưa nắng thật gắt. Hắn đi ra chỗ ông, tay cầm một bó nan to, hắn để nắm nan xuống đất trước mặt ông. Hắn bảo:

"Thế này nhé. Anh Túy. Tôi được lệnh là bắt anh phải lao động. Lệnh như thế. Bây giờ đây tôi đưa anh nắm nan này, anh dùng tay đãi mỏng nó ra phơi nắng. Có thế thôi, xong việc anh vào trong nhà có bóng mát mà nghỉ. Ai lại cứ ngồi phơi nắng mãi thế."

Rồi hắn đứng chờ xem phản ứng của ông ra sao. Túy vẫn không nhìn hắn và không trả lời. Nắm nan vẫn y nguyên nằm trước mặt ông.

Đứng một lúc, hắn chán, chán lắm, và cái nắng thì nắng quá. Hắn chịu thua đi vào bàn giấy ngồi. Chiều đến, chả là ở chỗ lán làm việc có trồng chuối, có một buồng chuối chín hắn sai cắt ra phát cho tù mỗi người một quả, chính tay hắn, cầm một quả to, chín ngon nhất đến để trước mặt ông bảo:

"Thôi ăn đi vậy, rồi mà về."

Ông cũng không nhìn hắn và cũng không đáp lại. Đến lúc ra về quả chuối vẫn nguyên để đấy.

Sang đến hôm thứ tư. Sáng sớm đã thấy hắn xuống, vào tận nhà giam vẻ mặt hồ hởi bảo:

"Thôi từ hôm nay cho anh Túy nằm nhà."

Có lẽ hắn đã báo cáo lên Ban Giám thị về tình cảnh như vậy, không tài nào khuất phục nổi ông Lâm Đình Túy, ngoài chuyện giết ông. Và thế là Quản giáo Cát chịu thua. Nhưng chỉ riêng Quản giáo Cát chịu thua thôi, chứ tên ác ôn Tằng, cán bộ CA sao lại có thể chịu thua Lâm Đình Túy được. Cứ chờ đấy. Cứ đợi đấy. Rồi sẽ biết.

Ít lâu sau, tôi thấy ngày nào, ác ôn Tằng cũng đảo qua, nhìn vào chỗ bác Túy nằm. Bác thì bác không nhìn thấy hắn, không nhìn thấy gì cả. Có đôi lúc hắn đứng hẳn trước mặt bác. Hắn đứng rất lâu. Bác vẫn không nhìn thấy hắn. Chắc là hắn muốn bác nhìn hắn lắm. Hắn tái mặt, đi tiếp.

Tôi cảm thấy có một điều gì đấy sẽ xảy ra. Tôi chờ. Tôi lại thấy không khí im lắng, vắng lạnh của Cổng Trời những năm của thập kỷ 60 lởn vởn xuất hiện ở đâu gần đây. Cái mùi báo hiệu Thần Chết sắp đi qua.

Thế rồi Noel năm 1973.

Thường thì mọi năm lễ Noel là tù được nghỉ nhưng từ năm ấy, chính quyền đã ký sắc lệnh không cho nghỉ hay sao ấy. Tù làm sao mà biết được chuyện đó. Thế nên sáng ngày 25 tháng Mười Hai năm 1973, kẻng gọi tập họp đi làm khua rộn rã. Mọi người nhìn nhau. Các giáo dân thì từ chiều hôm trước đã họp mặt tổ chức lễ Giáng Sinh và đêm Réveillon rồi, mà đến sáng hôm 25 cuộc vui mừng sẽ còn tiếp diễn nữa. Nhưng tiếng kẻng lại giục dã gay gắt hơn. Mọi người rất ngạc nhiên. Nhưng không ai ra tập họp cả. Ban Giám thị lại xuất hiện, ác ôn Tằng lại xuất hiện, trật tự viên tay sai lố nhố kéo vào. Họ vào từng nhà giam lùa ra tập họp. Nhưng không ai chịu ra cả. Lệnh:

"Đánh và lôi chúng nó ra."

Thế là cuộc đàn áp bắt đầu. Lũ đầu trâu mặt ngựa xông vào đánh tù. Tôi nhìn thấy ác ôn Tằng, theo sau là tên tay sai đắc lực nhất: Nhạn Hải Phòng xông vào chỗ bác Túy. Chúng hùng hổ lắm. Nhưng một điều bất ngờ đã xẩy ra. Cản đường chúng là tu sĩ Bạch Duy Vĩnh người Nghệ An, ông vốn bị què một chân, vì bị cùm ở xà lim nhiều ngày quá. Đi đứng ông đều phải chống gậy; thấy hai tên Tằng, Nhạn xông vào đánh bác Túy, ông cầm cái gậy tre con để chống nạng ấy đứng chắn đường. Tên Nhạn xông lên trước, ông cầm gậy tre quất vào mặt nó, tay kia đẩy tên Tằng lùi lại. Tôi cực kỳ ngạc nhiên và thán phục cử chỉ anh dũng cao cả tuyệt vời của tu sĩ Bạch Duy Vĩnh. Ông cân nặng độ 38 cân, cao độ 1 mét 50, xanh và gầy. Lúc nào ông cũng nhã nhặn tươi cười, giúp đỡ mọi người. Sống rất tư cách, đức độ và tử tế. Ông có cái tính là không cởi trần bao giờ, lúc còn áo may ô thì ông mặc may ô. Rách thì ông vá vào mặc, rách đến không vá được nữa thì ông cắt vải sô màu ra may áo may ô để mặc. Thấy vậy, có lần tôi được nhà tiếp tế cho một đôi áo may ô, tôi đem biếu ông, nói thế nào tôi cũng không làm cho tu sĩ Bạch Duy Vĩnh nhận. Tôi vốn không hay mặc may ô chỉ cởi trần nên cuối cùng đem đổi sắn cho bọn tự giác hình sự. Tôi nhìn ông lúc đó, tôi liên tưởng tới một nhân vật của Đông Chu Liệt Quốc: Yêu Ly. Một mình ông ngang nhiên dũng cảm đứng chặn hai tên ác ôn to lớn. Nhưng ông không chống cự được lâu. Chỉ một cái đạp chân, một quả đấm là ông ngã quay lơ ra, và chúng xông đến ông Túy. Chúng đánh ông Túy không tiếc tay và lôi ông ra ngoài trại. Trại tù náo loạn. Cuộc săn đuổi trói đánh diễn ra ác liệt.

Mũi nhọn đầu tiên chĩa vào là bác Lâm Đình Túy, rồi đến các đấng bậc tu sĩ, chánh trương, trùm trưởng, đến giáo dân rồi nữa là đến chúng tôi những kẻ ngoại đạo nhưng chống bướng, cứng đầu cứng cổ, cũng bị đánh lôi ra sân trại.

Tôi vào loại khỏe, to con, nên tôi vẫn nhớ cho đến tận bây giờ, được phân công đánh tôi là tên Nhạn. Giá mà ở ngoài mà được ăn no thì không dễ gì nó đánh được tôi, nhưng ở tù ăn đói lâu ngày, sức khỏe giảm chúng lại đông nên tôi không chống cự được lâu chỉ được ít phút chúng đã đánh tôi ngã và lôi ra trói ở sân trại. Trong số bị đánh dã man, tôi thấy còn có nhà thơ Nguyễn Chí Thiện (tác giả Hoa Địa Ngục, tập thơ đã được giải thưởng của Pen Club quốc tế). Anh vốn gầy yếu và tù lâu quá lại có bệnh nên nó chỉ đánh anh vài đòn là anh đã gục xuống không dậy nổi. Chúng nó kéo lê anh sềnh sệch lôi ra sân.

Trời thì mưa và rét. Rét đến cắt ruột. Hôm ấy rét đến 0 độ và ở Sapa cách đấy độ 20km, có tuyết rơi.

Chúng nó lôi tất cả chúng tôi ra sân trại. Những ai bị biệt vào loại cầm đầu, chống bướng thì bị chúng trói cánh tiên treo tay lên hàng rào dây thép gai.

Trong số bị trói cánh tiên đầu hàng là bác Lâm Đình Túy, đến tu sĩ Bạch Duy Vĩnh (địa phận Xã Đoài), rồi đến tu sĩ Khải (nhà thờ Hàm Long, Hà Nội), cạnh đó là bác Hải, cha đẻ của tu sĩ Khải, nhà ở phố Ngô Thời Nhiệm. Cả hai cha con đều bị bắt đi tù, và ở cùng một trại, nay lại bị đàn áp trói cùng một dây. Đây là một gia đình Công giáo đáng kính trọng, đáng khâm phục. Bao giờ gặp bác Hải và tu sĩ Khải tôi đều kính cẩn cúi chào. Bác Hải giờ đã chết, còn tu sĩ Khải nay đã trở thành Linh mục nhà thờ Lớn. Thật là xứng đáng. Trong số bị trói ấy còn có thêm tôi và nhà thơ Nguyễn Chí Thiện.

Trói cánh tiên có nghĩa là trói quặt hai cánh tay ra sau lưng. Đầu tiên lấy một đoạn dây gai nhỏ trói hai ngón tay cái lại với nhau, rồi đến lấy dây thừng to trói hai cổ tay ngoặt lại với nhau, ngực ngô ra, đầu bị ấn xuống, hai tên ác ôn lôi hai tay treo ngược lên hàng rào dây thép gai.

Tôi nhìn thấy bác Lâm Đình Túy nhắm mắt rũ xuống.

Trói chừng độ một tiếng đồng hồ thôi thì đã thấy khó thở, hai tay tê dại đi, ngực đau buốt, không còn điều khiển nổi cơ qua bài tiết nữa. Đau đớn lắm. Quằn quại dưới trời mưa khát, đói, mệt. Lúc đó cuộc đàn áp đã lắng xuống. Chúng không bắt được mọi người đi làm, chúng bèn đổi giọng cho dọn vệ sinh trong trại tù chứ không được nghỉ. Mấy người tù hình sự đi qua chỗ chúng tôi bị trói, thấy đau đớn quá bèn xui:

"Sao các bác các anh không xin các ông ấy, để các ông ấy nhẹ tay cho có hơn không?"

Chúng tôi bị đánh bị trói đau đớn lắm nhưng không một ai van xin cả. Chúng tôi chỉ kêu lên thôi. Kêu trời vì đau đớn quá.

"Trời ơi, đau quá."

Thế thôi.

Độ hai tiếng đồng hồ sau, chúng tôi được cởi trói cho vào cùm ở xà lim. Tôi nghĩ là chỉ kéo dài thêm độ một tiếng nữa thì sẽ có người chết tại đó. Phần tôi, tôi đã ngất ngoải rồi. Mắt hoa, đầu váng, rồi vào trạng thái hôn mê không còn biết gì nữa. Lúc nó cởi trói lôi tôi vào xà lim tôi loạng quạng quay cuồng không biết nó lôi mình đi đâu.

Vào đến xà lim độ một tiếng sau thì tỉnh dần

lại, và phải đến sáu tháng sau hai tay mới hết tê dại. Vào xà lim hai tay được tự do, thì các chân lại đút vào cùm. Cái cùm cố ý làm bé để có quặp vào cổ chân nghiến nát thịt ra. Cơ thể phản ứng lại và lên cơn sốt. Người nóng hừng hực. Gian xà lên bên cạnh, tôi thấy tiếng tu sĩ Bạch Duy Vĩnh gọi thất thanh, hốt hoảng:

"Ông Túy, ông Túy tỉnh lại đi. Tỉnh lại đi."

Không có tiếng trả lời, và một lúc sau, tu sĩ báo cho mọi người biết là bác Lâm Đình Túy đã chết.

"Các bác, các anh ơi, ông Túy chết rồi."Tu sĩ Bạch Duy Vĩnh kêu to lên như thế.

Chúng tôi im lặng kính cẩn cúi đầu trước cái chết của Đức thánh tử vì đạo Lâm Đình Túy. Chúng tôi nhìn nhau đau đớn. Không ai có thể làm gì hơn trong lúc này. Chân bị cùm, cùm nó cắn chân. Thể xác bị hành hạ đánh đập đến tả tơi, mặt mũi sưng vù. Mọi người thoi thóp sống, và tôi, tôi thấy cái chết đến gần.

Tôi quay sang anh Nguyễn Chí Thiện, anh cũng đã lả đi rồi. Chỉ còn mỗi một tu sĩ Bạch Duy Vĩnh là còn tỉnh táo thôi. Cái chân què của ông bị teo lại bé lắm cái cùm không cắn, không làm gì nổi cái chân ấy. Sức chịu đựng của ông lại lớn nên chỉ còn có riêng ông là còn có sức mà thôi. Ông nhắc nhở, khuyến khích nâng tinh thần mọi người lên bằng cách gọi tên từng người, đánh thức họ dậy làm cho họ tỉnh lại. Ông hỏi han ân cần bằng giọng nói chân tình ấm áp:

"Bác Hải ơi, anh Khải ơi, tỉnh lại đi, ngồi dậy đi đừng nằm liệt nữa."

"Anh Thiện ơi, dậy rồi thì lấy tay mà xoa bóp cho máu nó lưu thông đi."

Tôi rũ xuống sau cái chết của bác Lâm Đình Túy, nay được tu sĩ Bạch Duy Vĩnh gọi đánh thức dậy. Tôi ngồi lên, và cố sức thở yoga mong mình sống lại được. Chân tôi sưng tấy, đỏ bầm. Tôi nghĩ có lẽ mình không chịu nổi đêm nay.

Trời tối đen, xà lim lại còn tối đen hơn.

Đột nhiên có tiếng mở cửa xà lim, đèn thắp sáng ở xà lim bên. Có tiếng mở cùm. Hai người tù hình sự cùng Quản giáo trưởng vào, bó chiếu bác Lâm Đình Túy đem đi chôn ngay đêm đó. Một lúc sau cửa lại mở. Tôi được mở cùm, Nguyễn Chí Thiện được mở cùm, bác Hải bố tu sĩ Khải được mở cùm, bác Thiều già người Hà Tĩnh cũng được mở cùm.

Sau này chúng tôi được biết là sau khi họp Ban Giám thị lệnh không cùm những người không theo đạo Thiên chúa, và những người già yếu. Tôi và anh Thiện là người ngoại đạo, bác Hải bác Thiều thì già. Còn lại hai tu sĩ Bạch Duy Vĩnh, tu sĩ Khải thì tiếp tục bị cùm.

Tôi về đến trại. Người lạnh cóng, chân sưng to. Hai bàn tay vẫn còn tê dại, hai ngón tay cái không còn cảm giác nữa.

Anh Hoàng Tiên Như đón tôi và Nguyễn Chí Thiện ngay tại cửa. Anh dìu hai chúng tôi vào chỗ anh nằm. Anh bao giờ cũng được quyền ưu tiên: Có một lò than củi để sưởi, để nấu nướng. Anh cho thêm than, thổi lửa to cho chúng tôi hơ tay hơ chân, anh nấu cháo cho tôi và anh Thiện ăn, anh xoa bóp cho chúng tôi. Người tôi dần dần ấm lại và tỉnh táo lên. Cám ơn anh lắm, anh Hoàng Tiên Như. Giờ anh ở đâu? Làm sao mà tôi gặp được anh để trả ơn anh, để đền đáp lại tấm lòng hào hiệp của anh, đã cứu chúng tôi trong giây phút khốn cùng nguy hiểm đó.

Tôi xin phép được viết thêm một đoạn nữa về lễ Noel trong trại tù. Từ năm đó, 1973, tù không được nghỉ lễ Giáng Sinh. Năm 1973 ở trại Phong Quang, Lao Kay đã xảy ra câu chuyện trên. Và Đức thánh tử đạo Lâm Đình Túy đã chết trong dịp đó.

Sang đến năm 1974, đến lễ Noel vẫn ở trại Phong Quang, sáng ngày 25 tháng Mười Hai kẻng vẫn đánh, vẫn xua người tù ra tập họp đi làm. Tôi là người ngoại cuộc đi làm hay không đi làm không có gì quan trọng đối với tôi cả. Nhưng tôi thấy đầu tiên là tu sĩ Bạch Duy Vĩnh, tu sĩ Khải, bác Hải, cố Thiều cùng một số người nữa như Đậu Xuân Dung người Hà Tĩnh... ôm chăn chiếu của mình, đi đến ngồi ở cửa xà lim kỷ luật. Còn các giáo dân khác và chúng tôi những người ngoại đạo thì ngồi im chờ.

Kẻng lại khua một lần nữa. Ban Giám thị, Quản giáo, lính coi tù, lại xuống. Có điều lính coi tù xuống nhưng không đeo súng theo. Họ vào trại và tuyên bố: Khám trại. Mọi người đem chăn chiếu quần áo ra sân để lục soát. Những người đã đem ra rồi, đang ngồi chờ ở cửa xà lim thì được khám trước xong đuổi về trại giam và cho nghỉ luôn cả buổi chiều. Cuộc khám xét trại diễn ra nhanh chóng, qua loa cho phải phép, rồi thì ai về nhà nấy. Mọi chuyện diễn ra êm ả, gọn gàng. Ban Giám thị lên ban, lính coi tù về doanh trại.

Chúng tôi những người tù năm ấy, 25 tháng Mười Hai năm 1974, lại ngồi cùng nhau hưởng một ngày nghỉ yên lành thoải mái.

Trên đây là câu chuyện Giáng Sinh của trại tù Phong Quang, Lao Kay năm 1973, 1974, tôi xin chép lại để các quý vị rõ.

Ghi chú của tác giả: Những tên người, tên đất, tên trại tù đều là thật, không có hư cấu gì. Vẫn còn đất ấy, song một số trại tù đã giải tán, tù thì có người đã chết, có người vẫn còn sống để kể lại chuyện này.

HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA ĐẤT NƯỚC

Vào thế kỷ 15, Đông các Hiệu thư Đỗ Nhuận viết: "Việc lớn trong chính trị của Đế vương, không có việc nào cấp bách bằng nhân tài, ... Trị nước mà không cốt ở nhân tài, ...mọi việc đều coi là cẩu thả." Trên tấm bia tiến sĩ đầu tiên dựng lên ở Quốc tử giám vào đời Hồng Đức, viết, "Hiền tài là nguyên khí của đất nước. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà vươn cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu và xuống thấp."

Nền giáo dục ở nước ta hiện nay đang sản xuất rất nhiều nhân tài. Trong mùa thi vừa qua, báo Thanh Niên đăng bức hình những thanh niên leo thang, cầm sào dài nghễu nghện đưa bài giải các đề thi qua cửa sổ cho các thí sinh thi trên lầu. Muốn làm được như vậy cần phải tài ba và đởm lược rất lớn.

Tại trường thi Sóc Trăng, trong kỳ thi Tú tài bổ túc, các vị giám khảo đã lượm được ba ký lô giấy toàn những bài giải đề thi, được chụp photocopie mà người ở ngoài ném vào cho các thí sinh. Đọc tin này chắc chúng ta phải mừng. Vì ở một thị xã xa xôi, chỉ nổi tiếng về những người đẹp và những ngôi chùa mái vàng của người Việt gốc Miên, máy photocopie đã thông dụng đến như thế, thì chắc là còn có nhiều tiến bộ vật chất khác.

Gian lận trong kỳ thi tú tài đã trở thành một chuyện quá nhàm không làm báo chí trong nước kinh ngạc nữa. Nhưng một kỳ thi quan trọng khác, liên hệ đến cả thể diện quốc gia, cũng có vụ mua bán bài giải. Đó là kỳ thi tuyển học sinh tham dự "Thế Vận Hội" Vật lý toàn thế giới. Kỳ thi này có mục đích chọn các học sinh trung học xuất sắc về môn Vật lý để đi ra ngoại quốc so tài. Các thí sinh đó cũng giống như các lực sĩ đại diện quốc gia đi tranh tài thế vận hội. Mà học sinh Việt Nam lâu nay vẫn có nhiều triển vọng đoạt giải, vì nổi tiếng học toán và vật lý lý thuyết rất giỏi. Vậy mà đề thi và bài giải của cuộc thi tuyển cũng được đem bán để một số thí sinh gian lận, toan đóng vai đại diện Việt Nam đi dự giải quốc tế!

Một học sinh kém môn vật lý đến nỗi phải mua bài giải sẵn, chắc chắn khi ra ngoại quốc sẽ chẳng có hy vọng gì giật được giải Vật lý quốc tế. Đối với chính học sinh đó, gian lận để được đi thi mà không hy vọng thắng sẽ có ích lợi gì?

Chắc cha mẹ họ (vừa có tiền vừa quen biết lớn nên mua được đề thi và thuê người giải,) những bậc cha mẹ đó biết đi ra ngoại quốc một chuyến thì có những lợi lộc khác!

Trong nền kinh tế dựa vào hiểu biết và thông tin hiện đại, giáo dục là tài nguyên lớn nhất. Một nước có nhiều người học vấn vững vàng thì kinh tế mới phát triển. Đó là ý nghĩa của câu "Hiền tài là nguyên khí của đất nước' trong thời đại này. Dân Việt Nam nổi tiếng là tôn trọng học vấn, chúng ta có tiềm năng rất lớn để bước vào kỷ nguyên kinh tế mới. Nhưng với tình trạng giáo dục và thi cử bây giờ, không biết đến bao giờ thế nước mới mạnh để mà vươn lên?

TỰ DO BÁO CHÍ SẼ TRỪ THAM NHŨNG

Dân chúng đọc báo nhiều sẽ làm giảm bớt nạn tham nhũng. Đó là một kết luận theo bản báo cáo mới được công bố ở Thụy Điển của Tổ Chức Trong Sáng Quốc Tế (TI, tức Tranparency International), thành lập từ năm 1993, trụ sở ở Berlin, Đức quốc. Đây là một tổ chức tư nhân, họ phỏng vấn các nhà doanh nghiệp để đo lường, xếp hạng coi nền hành chánh các nước có thanh liêm, sạch sẽ hay không, với mục đích giúp các nước biết, để bài trừ tham nhũng, và giúp các nhà kinh doanh tính chi phí so với lời lãi khi vào một xứ mà công chức đòi ăn tiền nhiều quá.

Người sáng lập TI là Peter Eigen, một cựu Giám đốc của Ngân hàng Thế giới. Chúng ta biết rằng ở những xứ càng nhiều tham nhũng thì các kế hoạch phát triển kinh tế càng không có hiệu quả vì thị trường mất khả năng tự điều tiết một cách tự nhiên. Những tài nguyên (thời giờ, tiền bạc) đáng lẽ để vào việc tăng gia sản xuất sẽ bị đem dùng để chạy chọt, đút lót!

Bản phúc trình tháng qua của Tổ chức Trong Sáng Quốc Tế cho biết những nước có số báo phát hành nhiều nhất thì cũng là những nước có nền hành chánh trong sạch nhất. Công chức Tân tây Lan, Canada, và các nước Bắc Âu được

các nhà kinh doanh coi là thanh liêm nhất thế giới. Đó cũng là những nước mà dân chúng đọc báo nhiều nhất, trung bình cứ 100 người dân có từ 30 đến 60 tờ báo hàng ngày để đọc. Tân Tây Lan được chấm là nước trong sạch nhất, cho điểm 9,43 trên 10; thứ nhì là Đan Mạch, 9,33/10, sau đến Thụy Điển, 9,08/10.

Ngược lại, tại những nước Phi Luật Tân, Indonesia (Á châu), Colombia (ở Nam Mỹ), thì 100 người dân chỉ có 2 đến 6 tờ báo để đọc mỗi ngày. Đó cũng là những nước tham nhũng bậc nhất. Đứng cuối bảng là Nigeria (Phi châu), điểm 0,69/10; Pakistan (Á châu), 1,00/10 và Keynia (Phi châu), 2,21/10.

Việt Nam không nằm trong bảng xếp hạng 36 nước này. Nhưng trên toàn thể Việt Nam bây giờ chỉ có mấy tờ báo hàng ngày của một đảng: *Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội mới,* ở Hà Nội, và *Sài Gòn Giải Phóng* ở Sài Gòn.

Báo Nhân Dân đã phải xin Bộ Chính trị ra lệnh các cơ quan bỏ tiền ra mua phát không cho đảng viên, nhưng cũng không có gì bảo đảm là các đảng viên mất thời giờ để đọc! Cho nên số báo hàng ngày được 100 người dân ở Việt Nam đọc rất thấp, gần với số không!

Trong các xứ đang mở mang, Hồng Kông và Singapore đã nổi tiếng về các phong trào bài trừ tham nhũng mà họ đã thực hiện có hiệu quả trong một thế hệ vừa qua, đó cũng là những xứ có số báo hàng ngày nhiều bậc nhất. Singapore có 34 tờ báo cho mỗi 100 người dân. Hồng Kông đứng hàng thứ 18 trong số các nước trong sạch, thanh liêm - sau Nhật Bản hàng thứ 17 - là nơi dân có nhiều báo đọc nhất: 82 tờ báo mỗi ngày cho 100 người dân.

Trong các xứ Âu châu được khảo sát, ba xứ được coi là bệnh tham nhũng nặng nhất, Ý, Hy Lạp, và Tây Ban Nha, cũng là các xứ ít nhật báo nhất Âu châu. ở Hy Lạp, 100 người dân có 14 tờ báo. Ở Ý và Tây Ban Nha, 11 tờ.

Tại sao nơi dân đọc báo nhiều thì công chức ở đó thanh liêm hơn? Có nên nhốt các ông Phạm Huy Phước, Nguyễn Ngọc Châu vào tù bắt suốt ngày đêm phải đọc báo Nhân Dân để họ không ăn cắp của công chăng?

Chắc không phải vì công chức bỏ nhiều thời giờ đọc báo khiến họ không có giờ bầy mưu ăn hối lộ! Cũng không phải các nhật báo trên thế giới đều đăng truyện Lục Vân Tiên, "Trai thời trung hiếu làm đầu, gái thời tiết hạnh làm câu răn mình," nêu gương cần kiệm, liêm chính cho công chức học tập. Cũng không phải vì báo chí đều đăng tin các vụ án tham nhũng, bằng cớ là ở các nước Bắc Âu ít khi thấy báo đăng tin về tham nhũng! Liên hệ giữa số báo đọc và đức

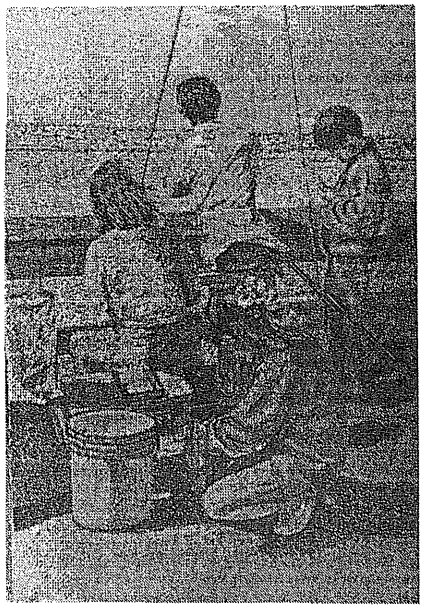

SUZIE VUONG
Gallery

SANTORA ART COMPLEX
207 N. Broadway, Suite #3
Santa Ana, CA 92701

Tel: **(714) 558-8218**
Pager: **(714) 967-7571**
Fax: **(714) 444-1082**
http://kicon.com/art/SuzieVuong

Kính mời Quý vị và các bạn đến xem triển lãm tranh của nữ họa sĩ
SUZIE VUONG
"Nắng Hè"
Tối Thứ Bảy 26 tháng Bảy, 1997
Tiếp tân: từ 7 giờ đến 9 giờ tối
Triển lãm tiếp tục đến ngày 30 tháng 8

Ngày giờ mở cửa:
Thứ Bảy: 12 giờ trưa đến 5 giờ chiều
Những ngày khác xin theo hẹn

BÁN TRANH ORIGINALS &
LIMITED EDITIONS

thanh liêm của viên chức không đi trực tiếp, mà đi đường vòng.

Đó là do tương quan của số báo đọc với trình độ dân trí, mà khi dân trí cao thì công chức không dám đòi hối lộ. Dân đọc báo nhiều, thì có lẽ cũng biết nhiều thông tin, khó nói dối, dọa dẫm và móc tiền họ. Họ ý thức về quyền của người công dân, họ biết rõ các bổn phận của viên chức nhà nước. Dân một nước hàng ngày đọc chuyện Tây, Tàu, Mỹ, Nhật thì họ có cái nhìn thoáng hơn, bớt sợ hãi. Còn dân chúng xứ nào suốt ngày chỉ nghe dạy "đời đời biết ơn" đảng và nhà nước thì sẽ quen ngẩng nhìn lên ông nhà nước coi như thần thánh. Các đại diện nhà nước cầm con dấu bảo đưa tiền là khúm núm dâng liền.

Một tác dụng khác là vai trò "Thanh nghị" của báo chí tự do, khi nhà báo phản ảnh và gây ảnh hưởng trên dư luận. Nhà báo ở các nước dân chủ được coi là "Đệ tứ quyền," tức quyền giám sát, phê phán. Họ tự ý đi đặt câu hỏi, điều tra, không cần xin phép. Khi báo chí bị kiểm soát, thiếu tự do, thì không làm được công tác thanh nghị. Báo chí tự do sẽ được độc giả tự ý tìm đọc, cũng theo qui luật thị trường, tất nhiên là họ phải thấy có trách nhiệm với độc giả hơn.

Đối với các viên chức nhà nước, khi họ biết các nhà báo có quyền điều tra, đặt câu hỏi, đăng tin tức tự do, thì riêng chuyện đó đã khiến họ e ngại không muốn đòi hối lộ rồi. Không khác gì doanh nghiệp ở Mỹ không dám trốn thuế vì biết bất cứ lúc nào ông sở thuế IRS cũng có thể đến kiểm tra; ngay cả khi đóng cửa tiệm rồi họ vẫn phải giữ sổ sách kế toán vì IRS có quyền đến coi lại. Các viên chức không dám đòi hối lộ vì biết có hàng ngàn con mắt có thể nhòm ngó mình. Tự do báo chí là một phương thuốc phòng ngừa tham nhũng. Ở nước ta, chỉ khi các viên chức sắp bị truy tố ra tòa thì nhà báo mới được loan tin, những chuyện ông ta đánh bài bằng 6 cái xe hơi, hay chuyện ông ta cho "boa" các cô gái chạy bàn "hai vé", tức hai tờ 100 đô Mỹ.

Ở Việt Nam, trước nạn các viên chức ngân hàng ăn hối lộ, chia tiền thưởng với người vay, các ông Cao Sĩ Kiêm và Nguyễn Khoa Điềm đã cấm báo chí loan tin tức về ngân hàng, muốn đăng tin gì phải xin phép trước. Đảng Cộng Sản vẫn giữ thói quen coi tin tức nào cũng là bí mật cần bảo vệ.

Ông Peter Eigen, chủ tịch của TI nói rằng: "Tham nhũng sinh sôi mạnh nhất trong không khí bí mật. Cho nên khung cảnh nuôi tham nhũng tốt nhất là nơi mà báo chí không thể, hay không được phép đóng vai trò giám sát đại diện cho quyền lợi của công chúng."

Chỉ khi nào báo chí được tự do, báo tư nhân được phép xuất bản mà không bị kiểm duyệt, thì lúc đó Việt Nam mới bắt đầu bài trừ tham nhũng hữu hiệu!

BÀI HỌC KINH TẾ CỦA HỒNG KÔNG

Người dân Hoa Lục có thể thấy nhiều bài học sau khi tiếp thu Hồng Kông. Trước hết, có một bài học chính trị: Người dân sẽ tự hỏi nếu ở Hồng Kông người Trung Hoa có thể sống trong tự do và thịnh vượng, với một hệ thống hành chánh vô tư và thanh liêm, thì tại sao người dân Trung Hoa ở các vùng khác trong lục địa không sống được như vậy?

Nhưng bài học kinh tế của Hồng Kông dễ thấy hơn bài học chính trị, vì có các con số. Sáu triệu rưỡi người Hồng Kông sống bên cạnh tỉnh Quảng Đông với dân số 70 triệu. Lợi tức theo đầu người ở Quảng Đông là 1,043 Mỹ kim một năm, ở Hồng Kông là 24,316 Mỹ kim. Tổng sản lượng nội địa của Hồng Kông tăng 5% mỗi năm, nhưng Quảng Đông tăng nhanh gấp đôi, 9% một năm. Theo đà tăng trưởng đó, nếu dân số thay đổi cùng một nhịp, phải mất bao nhiêu năm nữa lợi tức của người dân Quảng Đông mới bằng dân Hồng Kông?

Làm con tính, thấy câu trả lời là phải mất 84 năm!

Nếu nhịp tăng trưởng kinh tế của Hồng Kông chậm lại, chỉ còn 3%, mà Quảng Đông vẫn tăng 9% không đổi, thì cũng phải mất 36 năm lợi tức hai bên mới bằng nhau.

Nhưng nhịp tăng trưởng 9% không dễ duy trì được lâu. Muốn học được "Phép lạ kinh tế" của Hồng Kông, các tỉnh và thành phố trong Hoa lục phải coi **đâu là bí quyết tạo nên sự phồn thịnh của cựu thuộc địa này?**

Bí quyết đó là "tự do kinh tế." Nhưng thế nào là tự do kinh tế? Trước hết, là chính quyền đừng tìm cách can thiệp vào sinh hoạt kinh tế, ngoài việc đóng vai trọng tài. Hãy để cho tư nhân mua, bán, làm ăn tự do, trong vòng luật lệ. Điều tốt nhất chính phủ nên làm là bảo vệ luật pháp và tinh thần trọng pháp để việc làm ăn có trật tự và bình đẳng. Chính phủ có thể làm các việc phúc đức, nhưng chớ làm giá cả bị sai lạc.

Thực ra nhiều người dân Hoa Lục đã đi học Hồng Kông từ lâu rồi, suốt 40, 50 năm qua. Hơn một nửa dân số Hồng Kông là di dân từ lục địa. Lúc mới qua, họ cũng giữ các thói cũ: không quen nêu ý kiến riêng, chỉ muốn chờ nghe lệnh trên bảo rõ ràng phải làm gì thì làm chớ không

có thói quen đưa sáng kiến của mình. Họ ngoan ngoãn, dụt dè với cấp trên, đố kỵ và không cộng tác với đồng sự. Đó là các thói quen vì sống lâu năm dưới chế độ độc tài tạo ra. Sau mười, 15 năm, bây giờ những người đó đã thay đổi cả. Có ai bắt họ đi học tập cải tạo hay ra lệnh họ thay đổi không? Không, họ tập nhiễm các thói quen mới, thói quen sống và làm ăn tự do.

Năm 1979 ở H.K. có 870 ngàn công nhân trong ngành sản xuất, tức 18,5% dân số. Năm 1997, chỉ còn 380 ngàn, tức 6% dân số. Vì kinh tế H.K. đã chuyển sang các hoạt động trí óc hơn là bắp thịt. Một công ty Li & Fung ở H.K. nhận được đơn đặt hàng của J.C. Penney ở Mỹ đặt 150 ngàn bộ quần áo trong 30 ngày, họ sẽ làm gì? Họ phải phối hợp các "tin tức" về sáu xưởng may ở trong lục địa, ai ở đâu có thể làm gì, mất bao lâu, vải chở từ chỗ nào đến chỗ nào, mầu có đúng không, "giây kéo máy" cửa quần có đúng cỡ lớn nhỏ khác nhau không, mỗi thứ giá bao nhiêu, v.v. Tất cả các tin tức đó là "nguyên liệu" cho nhân viên công ty Li & Fung làm việc. Còn chuyện cho máy may chạy 24 giờ mỗi ngày, để làm trong lục địa.

Sự tiến bộ từ bắp thịt lên trí não đó không do một kế hoạch trung ương nào định ra, mà do quyết định của tất cả các đơn vị kinh tế tư nhân, từ người giám đốc xí nghiệp đến người thợ. Bài học quan trọng nhất mà Trung Quốc nên học ở Hồng Kông là "không can thiệp." Chính quyền, cánh tay của đảng Cộng Sản Trung Quốc nên nới lỏng vòng tay, để cho nhân dân của họ làm ăn tự do hơn.

Dù sao Bắc Kinh có thể hãnh diện khoe rằng chính nhờ Mao Chủ Tịch mà nhân dân Hồng Kông được thịnh vượng như ngày hôm nay. Từ năm 1949, Mao Trạch Đông đã quyết định không tiến chiếm lãnh thổ này để sát nhập vào mẫu quốc. Nếu bác Mao "thống nhất" sớm 50 năm thì ngày nay dân Hồng Kông cũng nghèo như dân chúng Quảng Đông vậy.

Tự do kinh tế ở Hồng Kông

Tự do kinh tế là một quy tắc, khi đem thực hiện cũng không giản dị. Tốt nhất là coi những thí dụ cụ thể. Một nhà báo của tờ Wall Street Journal Á châu đã đọc lại biên bản các buổi họp của "Nội các" Hồng Kông, và nhặt ra các lời bàn bạc, tranh luận của một viên chức có công bảo vệ nền nếp tự do kinh doanh ở cựu thuộc địa này. Viên chức đó là ông John Cowperthwaite - sau phong huân tước, thành Sir John. Ông là "Bộ trưởng tài chánh" của lãnh địa từ năm 1961 đến 1971. Các lời bàn của ông trong các buổi họp cho thấy ông đúng là người đồng hương xứng đáng của Adam Smith - người xứ Tô Cách Lan. Ông Nguyễn Sinh Hùng, Bộ trưởng Tài chánh Việt Nam nên đọc các biên bản họp này - ở Hương Cảng, người ta được tự do tìm đọc.

Lãnh thổ Hồng Kông chỉ gồm đá và biển,

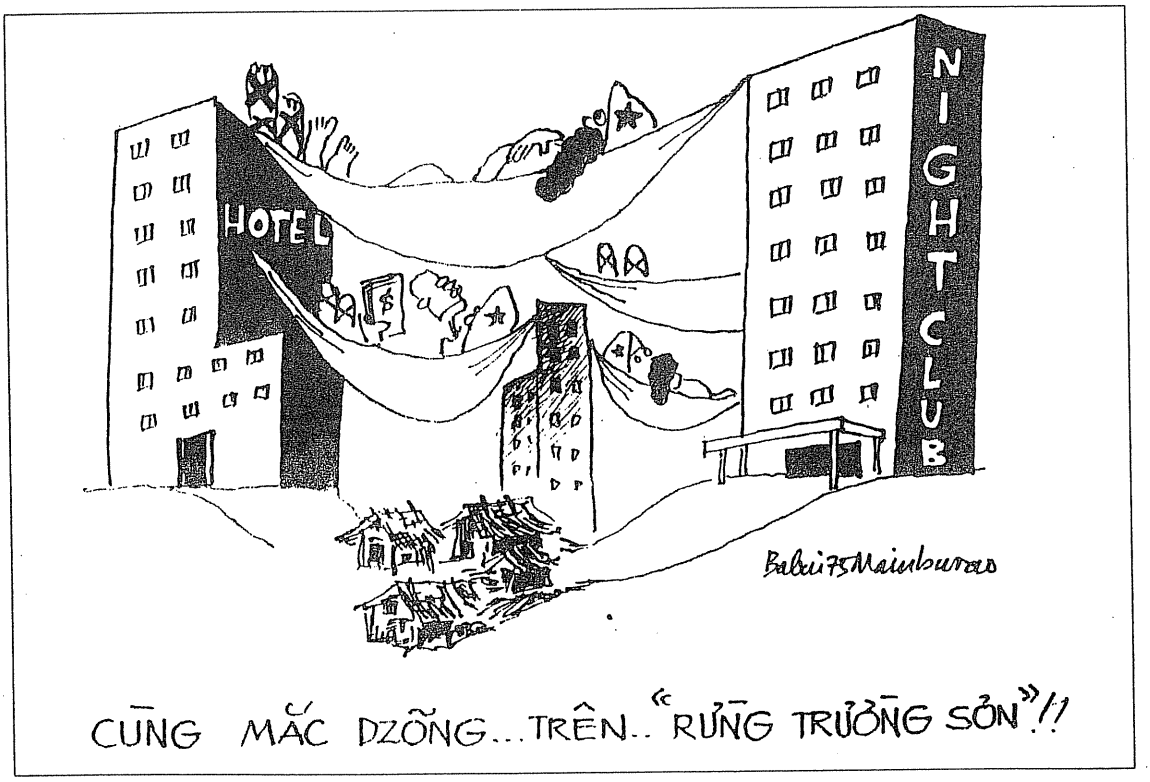

lúc nào cũng thiếu nước. Nước còn quí hơn gạo, hơn bánh mì. Năm 1967 Trung Quốc đã từng đe dọa Hồng Kông bằng cách cắt nguồn tiếp tế nước. Chính phủ Hồng Kông có lần tính đến chuyện dùng công quỹ "trợ cấp" để giảm giá nước. Đối với một chính quyền mị dân, đó là một biện pháp rất hấp dẫn. Cũng giống như ở Ai Cập người ta trợ cấp cho nhà làm bánh để bán bánh mì giá hạ, dân chúng "ghiền giá bao cấp" không bao giờ "cai" được, mỗi lần muốn cải tổ là dân biểu tình, chính phủ phải lui. Nhưng trợ cấp như thế là làm sai lạc tín hiệu của giá cả, giá cả không phản ảnh đúng số cung cầu trên thị trường, trái với qui tắc kinh tế tự do.

Sir John đã phản đối việc trợ cấp giá nước. Ông nói không có lý do gì lấy công quĩ, do tất cả mọi người dân đóng thuế, để giúp cho một số người dùng nước nhiều hơn mà không phải trả giá cho việc sử dụng thêm. Ông nói, "Tôi không thấy lý do tại sao những người chịu dội nước lạnh mỗi khi đi tắm lại phải (đóng thuế để) trợ cấp cho những kẻ muốn ngâm mình tắm trong bồn đầy nước nóng; tại sao những người (nghèo) chỉ có mấy chậu cảnh trên bệ cửa sổ để tưới hoa lại phải (đóng thuế) trợ cấp cho những người (giầu có) tưới cả khu vườn cỏ rộng?"

Cũng vậy, có lần Sir John phản đối dự án của chính quyền muốn đi xây các bãi đậu xe (để tư nhân quyết định thì họ sẽ biết đất đai dùng vào việc gì có lợi nhất, hơn là nhà nước đi làm bãi đậu xe.) Ông cũng chống một dự định tăng suất thuế lợi tức (Hồng Kông là nơi dùng Thuế bình quân - flat tax.) Lý luận "chống thuế" của ông rất giản dị: "Tiền bạc để trong tay công chúng (thay vì cho chính phủ thâu thuế) sẽ có ngày chạy vào công quĩ, cộng thêm tiền lãi.." - vì người ta làm ăn sinh lợi thì sẽ đóng thuế nhiều hơn, dù thuế suất không tăng.

Trong cuốn "Tự do chọn lựa" (Free to Choose), Milton Friedman đã lấy Hồng Kông làm một thí dụ tiêu biểu cho kinh tế tự do. Nhưng Sir John là người mang lý thuyết kinh tế tự do áp dụng vào việc quản lý tài chánh công của lãnh thổ.

Thuyết kinh tế tự do chỉ có nghĩa là: "Tính về lâu về dài thì tổng số các quyết định kinh tế của tư nhân, khi họ suy tính sinh lợi cho cá nhân mình trong một thị trường tự do, ngay cả khi họ tính lầm, cũng đỡ gây tai hại hơn là để một chính quyền tập trung mọi quyết định vào tay nhà nước, và nếu như các quyết định tư nhân có lầm và tác hại thì chắc chắn cái hại đó được sửa chữa nhanh chóng hơn."

Thời 1960-70 chủ trương kinh tế xã hội đang thịnh, ngay cả các nước dân chủ như Ấn Độ cũng ăn phải đũa Liên bang Xô viết. Người ta cứ lo có đầu tư tức là có bóc lột, người ta muốn "hướng dẫn" nền kinh tế vì không tin thị trường làm hữu hiệu bằng mình. Hồng Kông là nơi thu hút vốn đầu tư khắp thế giới đổ vào. Có người đề nghị hãy ban hành thêm luật lệ để kiểm soát, hướng dẫn dòng vốn lưu chuyển, và Sir John phản đối. Lý luận của ông phát biểu trong một phiên họp cũng rất đơn giản: "Nói thật với quí vị, đồng tiền nó vào đây và ở lại đây, là vì nó biết khi nó muốn đi ra thì được tự do đi ra...Điều duy nhất mà chúng ta (chính quyền Hồng Kông) nên làm là bảo đảm cho các điều kiện kinh tế và chính trị ở đây đủ hấp dẫn thu hút đồng tiền nó tới và nó ở lại." Năm ngoái, ở Hồng Kông có 1,756 xí nghiệp Trung Quốc đem tiền đến đầu tư, và ở lại. Trong khi đó Trung Quốc cũng tìm cách bảo đảm để các xí nghiệp H.K. mang tiền vào lục địa, dùng đến 5 triệu công nhân, và hy vọng đồng tiền cũng ở lại.

Sir John cũng là người phản đối ý định của chính quyền muốn có một "chính sách công nghiệp," nghĩa là nâng đỡ một số ngành 'yếu kém." Ông không tin các viên chức nhà nước (có cả ông!) giỏi hơn thị trường, biết cái gì là tốt hay xấu cho việc phát triển kinh tế, rồi căn cứ vào trí óc thông thái của mình, làm ra chính sách bao bọc, ưu đãi một số nhà kỹ nghệ. Ông nói, "Một ngành kỹ nghệ non trẻ, nếu được nâng niu o bế, sẽ trở thành non trẻ mãi mãi không bao giờ lớn lên được." Trong mười năm ông làm Bộ tài chánh, kinh tế Hồng Kông phát triển tăng trung bình 4% một năm, ngân khố tăng gấp bốn, từ 550 triệu Mỹ kim dự trữ, lên 2,2 tỷ Mỹ kim.

Chú thích

The bài báo của Nancy deWolf Smith, một chủ biên tờ Asian Wall Street Journal, viết ngày 1 tháng Bảy 1997.

NƯỚC NÀO ĐANG LÓP-BI CHÍNH QUYỀN MỸ

Vai trò của ông John Huang khi bị các nghị sĩ vặn hỏi trong cuộc điều trần về gây quĩ tranh cử ở quốc hội Mỹ khiến người ta chú ý đến chuyện Trung Quốc lóp bi (vận động hậu trường) ở nước Mỹ. Ông Huang quen với ông Clinton từ khi làm thống đốc ở Arkansas, Huang làm cho ngân hàng Lippo của gia đình người Hoa Riady, quốc tịch Indonesia. Gia đình Riady buôn bán làm ăn rất nhiều với Trung Quốc. Ông John Huang đã được mời làm ở Bộ Thương

Mại của chính phủ Clinton, được coi nhiều tài liệu mật, rồi khi từ chức lại làm cho Ủy ban gây quĩ của đảng Dân chủ. Và ông ta đã giúp đảng Dân chủ thêm 3,4 triệu Mỹ kim tiền đóng góp, sau phải trả lại một nửa vì không hợp pháp. Vì vậy người ta dễ gán cho ông Huang tội vận động hậu trường, nếu không phải là làm gián điệp cho Trung Quốc.

Nhưng việc vận động hậu trường của Trung Cộng rất nhỏ so với Đài Loan, một nước tổ sư về lóp-bi. Việt Nam mới bị mang tiếng đi lóp-bi một lần, hồi vận động cho việc bỏ cấm vận, và lóp bi chưa lành nghề, rất dở.

Nhưng lóp-bi là làm cái gì và các chính phủ ngoại quốc có lóp-bi ở Mỹ nhiều như vụ John Huang gây cho ta cái cảm tưởng đó chăng?

Hãy lấy trường hợp Kenya. Năm 1989 nước này nhận được gần 50 triệu Mỹ kim do Hoa Kỳ viện trợ. Năm nay họ chỉ nhận được 18 triệu rưỡi. Trong thập niên 1980, đầu 90, Kenya thuê năm công ty ở Mỹ lóp-bi cho họ. Tiền đâu ra? Họ dùng ngay tiền viện trợ của Mỹ! Năm nay xứ Phi châu này không thuê ai làm lóp bi cho họ cả. Ông đại sứ Benjamin Kipkorir nói, thuê người làm lóp bi tốn quá, thà chính ông làm lóp bi lấy. Ba năm nay ông vẫn làm lấy.

Làm lóp-bi lấy, ông đại sứ và nhân viên sứ quán phải đi gặp các dân biểu nghị sĩ Mỹ, các viên chức chính quyền Mỹ. Họ có xin thêm việc trợ hay không? Khó lòng xin thêm, khi ngân sách ngoại viện của Mỹ bị cắt từ gần 19 tỷ năm 1985 xuống chỉ còn hơn 12 tỷ. Vậy họ sẽ lóp-bi chuyện gì? Họ vận động để quốc hội Mỹ bàn cho gấp, thông qua cho mau lẹ một dự luật về Mậu dịch với Phi châu. Họ biết rằng mậu dịch dễ dàng, ngoại thương phát triển thì có lợi lâu dài hơn là nhận viện trợ.

Xứ Gabon Phi châu là một thí dụ khác. Mấy năm trước họ còn dùng chín công ty đại diện cho quyền lợi của họ, nay chỉ muốn có hai: Một công ty lo các thủ tục vay mượn ngân hàng Mỹ cho Gabon, một công ty khác cổ động du khách tới xứ đó, và bán vé máy bay.

Đại sứ Gabon, ông Paul Boundoukou-Latha nói "Lóp-bi là một cái huyền thoại. Mướn họ tốn tiền quá so với kết quả họ đạt được cho mình." Ngày nay Gabon không cần mướn ai lóp-bi vì các nhà ngoại giao của họ đã được huấn luyện giỏi hơn.

Các xứ Á châu không tùy thuộc ngân sách ngoại viện Mỹ cũng giảm bớt các giao kèo lóp-bi. Năm 1988 Nhật mướn 15 công ty đại diện, nay chỉ còn sáu. Trung Quốc có 4, năm 1988, nay còn có một. Đài Loan chịu chi hơn, năm 88 có 17 công ty, nay xuống 14.

Các công ty lóp-bi của Mỹ phải ghi tên chính thức mỗi khi đại diện cho quyền lợi các chính phủ và công ty ngoại quốc. Năm 1988 có 1,817 chính phủ và công ty ngoại quốc thuê đại diện lóp bi ở Mỹ, năm nay chỉ còn 856. Năm năm trước, có 2,079 công ty ghi danh đại diện cho các quyền lợi ngoại quốc, năm nay chỉ còn hơn một nửa, 1,117 công ty.

Thực sự các công ty lóp-bi làm gì cho một tòa đại sứ? Họ xin hẹn và tổ chức các cuộc gặp gỡ cho các nhân viên tòa đại sứ với các viên chức hành pháp và các nhà lập pháp hay phụ tá ở quốc hội. Họ phải tham dự các phiên họp của những tiểu ban quốc hội khi bàn vấn đề nào liên quan đến xứ thân chủ, nhất là khi bàn các dự luật. Họ chỉ dẫn cho các tòa đại sứ biết Ủy ban nào ở quốc hội là quan trọng đối với họ, dân biểu, nghị sĩ nào có quyền thế cần thuyết phục trước. Khi tiếp xúc với các nhà lập pháp nên nói điều gì họ thuận tai nhất, nên tránh làm và nói gì, và sau đó muốn nhắc nhở thì nên gọi điện thoại cho ai.

Những việc đó, nhân viên ngoại giao nhiều nước cũng làm được, sau khi được huấn luyện. Nhiều dân biểu Mỹ muốn tiếp xúc trực tiếp với các đại sứ hơn là gặp các đại diện Mỹ của họ. Những xứ cần mướn lóp-bi là các nước rất nhỏ, các tòa đại sứ mới lập. Thí dụ Cộng Hòa Turkmenistan, mới tách khỏi Liên xô, nhờ một công ty Mỹ viết diễn văn, xin hẹn, theo dõi các Ủy ban quốc hội, những chuyện mà họ còn chưa làm lấy được. Nhờ công ty lóp-bi này, Turkmenistan biết dùng một chương trình sẵn có của Bộ Canh nông Mỹ, mua được lúa mì với giá rẻ.

Người Việt Nam, nhất là ở trong nước, cứ nói đến lóp-bi là nghĩ có chuyện hối lộ. Vụ John Huang cho thấy hối lộ khó lắm. Một người Mỹ gốc Hoa, gốc Thái, hay Indonesia ký ngân phiếu tặng cho đảng Dân chủ, là báo chí có thể tìm ra ngay chi tiết khác, thí dụ một, hai ngày trước ông bà ta khi ký ngân phiếu, đã có món tiền lớn nào chuyển từ Bangkok, Bắc Kinh, Hồng Kông hay Jakarta sang Mỹ cho bà con của người ký tặng hay không. Trong cuộc điều trần ở Thượng Viện Mỹ về góp tiền tranh cử, các vụ chuyển tiền và ký ngân phiếu được phơi bày ra hết. Ở một xứ dân chủ, báo chí tự do, ăn vụng khó chùi mép lắm!

Vì vậy các nhà ngoại giao nên hiểu lóp bi không phải là hối lộ. Thay vì tốn tiền đi mướn người làm lóp bi, nên để tiền huấn luyện nhân viên ngoại giao để họ hiểu cách điều hành của guồng máy công quyền ở Mỹ. Học như vậy còn bổ ích về nhiều phương diện khác, ngoài chuyện vận động.

VŨ THƯ HIÊN

VÀ QUYỂN HỒI KÝ CHÍNH TRỊ CỦA MỘT NGƯỜI KHÔNG LÀM CHÍNH TRỊ

THỤY KHUÊ thực hiện

Cuốn hồi ký Đêm Giữa Ban Ngày của Vũ Thư Hiên do nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành tại California Hoa Kỳ trong tháng Tư vừa qua đã được báo chí Việt ngữ tại Hoa Kỳ tiếp đón khá nồng nhiệt. Đêm Giữa Ban Ngày khác với những hồi ký chính trị trước đây, vì tác giả là một nhà văn. Vũ Thư Hiên là tác giả của nhiều kịch bản, truyện ngắn, tiểu thuyết, trong đó tiểu thuyết Miền Thơ Ấu xuất bản năm 1988 đã được giải nhất của Hội Nhà Văn năm 1989. Hồi ký Đêm Giữa Ban Ngày tuy viết về vụ án kín của những người bị ghép vào tội xét lại chống đảng, trong đó có tác giả, nhưng tác giả viết với lối hành văn tiểu thuyết, do đó rất sinh động, hấp dẫn và tác phẩm mở rộng cái nhìn về thân phận con người trong các nhà tù chính trị Việt Nam. Phần chân dung các nhân vật chính trị và một số nhà văn lồng trong bộ máy toàn trị cho thấy những khía cạnh đặc thù của một xã hội mà sinh mạng cũng như vận mạng của con người có thể nằm trong tay một quyền lực cá nhân hoặc tập thể, vô hình hoặc hữu hình, mà luật pháp vắng mặt, hoặc đã quay mặt vào tường.

*

THỤY KHUÊ: *Thưa anh Vũ Thư Hiên, khi anh viết cuốn hồi ký Đêm Giữa Ban Ngày thì anh có định nghĩa đây là một cuốn hồi ký chính trị của một người không làm chính trị, thì định nghĩa này có mâu thuẫn với nội dung cuốn sách hay không, bởi vì cái sườn của đời sống chính trị đã ngự trị trên cuốn sách.*

VŨ THƯ HIÊN: Thưa chị, nói rằng tôi không làm chính trị nó có ý nghĩa thế này: tất cả chúng ta đều sống trong chính trị, muốn hay không muốn, chính trị vẫn kéo chúng ta vào. Nhưng khi coi chính trị như một biện pháp, một cứu cánh để đạt tới một mục đích nào đó thì người làm việc đó mới là người làm chính trị, còn tôi không có mưu toan gì về chính trị cả. Tôi sống ở trong chính trị, bị chính trị lôi vào, và tôi viết về cái giai đoạn đó.

TH.KH: *Xin anh cho biết chủ tâm của anh khi anh viết cuốn sách này, và anh đã thực hiện việc viết cuốn sách này như thế nào?*

VTH: Cái ý định viết cuốn sách này nảy ra vào năm 1967, khi cánh cửa xà lim khép lại sau lưng tôi. Tôi cũng xin nhắc lại là anh Trần Thư trong cuốn hồi ký Người Tù Xử Lý Nội Bộ có nói rằng không viết về giai đoạn này thì nó phí của trời. Ngay từ những ngày đó tôi cũng đã có ý nghĩ ấy, là nếu đã vào đây rồi (và chúng tôi vào một cách rất vô duyên, vì chúng tôi chẳng làm gì cả) thì phải viết. Tất nhiên những quan sát ấy mình phải dùng cho một việc gì đó, có điều lúc đó tôi không ngờ thời gian vào tù nó dài đến như thế — chín năm. Nhưng viết để làm gì? Viết để nghiên cứu về một mô hình xã hội trong đó tôi sống, mà tôi kết luận là nó không tốt. Tôi muốn viết cuốn này để đánh lên một tiếng chuông cảnh báo, nói rằng nó không tốt đấy, và mong rằng nó đừng xảy ra những việc tương tự trong tương lai. Đó là mục đích mà tôi viết. Trong này phần chính trị là phần mà tôi nhìn lại một giai đoạn cách mạng, với những con người của nó, với thể chế của nó, mà khi nhìn lại như vậy thì mình phải cố gắng để giữ cái lẽ công bằng. Có những người đối với chúng tôi quá xấu, nhưng mình phải đặt họ vào hoàn cảnh của họ, không thể bắt một người học lớp ba có trình độ đại học, bởi vì như thế là đòi hỏi vô lý. Nhưng cũng phải nói rằng một người ở trình độ lớp ba thì không thể lãnh đạo một nước trong thế kỷ hai mươi. Khái niệm cho rằng chỉ có một cái lòng thành với cách mạng thôi đã có thể làm cách mạng thì đó không phải là khái niệm của tôi. Mà đất nước chúng ta bây giờ muốn hội nhập được với thế giới của thế kỷ này thì ít nhất những nhà lãnh đạo cũng phải biết những điều sơ đẳng, thí dụ phải tạo ra một hệ

thống luật pháp tốt, để hỗ trợ chứ không phải kìm hãm một cái gì, hỗ trợ cho sự phát triển của đất nước đi đúng hướng và không xảy ra những bất công.

TH.KH: *Thưa anh đây là một cuốn sách có rất nhiều tư liệu về giai đoạn lịch sử mà anh đã sống, và dĩ nhiên cả cái thảm kịch mà anh đã sống nữa. Những tư liệu đó anh dùng trí nhớ, hay là anh làm việc như thế nào?*

VTH: Trong việc sử dụng các tư liệu, tôi dùng cả hai thứ: trí nhớ, và tư liệu thực là chính. Phải đi tìm lại sách vở, phải viết thư về nước nhờ anh em chuyển sang, vì trong những việc này mình không thể làm một cách "gặp chăng hay chớ" được.

TH.KH: *Cuốn này đọc hấp dẫn như một cuốn tiểu thuyết, nhiều người muốn đặt câu hỏi là anh làm sao có thể dung hòa giữa thể hồi ký là loại cần chính xác, cộng với phần hấp dẫn của một cuốn tiểu thuyết.*

VTH: Thưa chị lúc đầu cuốn này được phác thảo ra với sự kiện đã xảy ra cho chính tôi, cho gia đình tôi, cho bè bạn tôi. Thế nhưng sau đó thì tôi chọn một cách giống như tùy bút của Nguyễn Tuân, tức là khi nói tới cái này mà đụng tới con người này thì tôi nhảy sang người này, đụng tới người khác tôi nhảy sang người khác, đụng tới sự kiện này thì đề cập tới sự kiện này v.v... Nếu như nó hấp dẫn thì tôi nghĩ rằng ở đây tôi đã cố gắng mô tả lại bằng cái cách tôi không nói đến sự việc như nó đã xảy ra mà tôi dùng thì hiện tại, làm thành một cái gì đó rất sống trước mặt mọi người. Người ta được tham dự vào chuyện đó, chuyện đó đang xảy ra, mặc dầu nó đã xảy ra cách đây ba mươi năm. Và tôi nghĩ rằng đối với tôi ba mươi năm đủ là một bước lùi cần thiết để khi nói tới một giai đoạn lịch sử với những con người mà hiện nay phần lớn cũng không còn sống.

TH.KH: *Thưa anh, trong cuốn hồi ký người đọc có thể chú ý đến hai điểm, điểm thứ nhất là anh chỉ định Lê Đức Thọ như là một thủ phạm chính cống về tất cả những chuyện lũng đoạn đã xảy ra cách đây mấy chục năm. Thế thì người đọc có thể nối liền một mối tương quan: những chuyện đó đã xảy ra, bây giờ có còn xảy ra hay không?*

VTH: Việc Lê Đức Thọ lũng đoạn đảng thì có lẽ ở Việt Nam bây giờ là một ý kiến nhất trí, mọi người đều biết, khi Lê Đức Thọ đưa Ủy ban Tổ chức trung ương lên trên đảng và nhà nước. Trong cuốn sách của tôi, tôi phân tích rất rõ ngày nào, tháng nào xảy ra vụ bắt, và bao giờ thì ban Chấp hành trung ương được nghe về vụ bắt này, và bao giờ thì bộ Chính trị được nghe. Tất cả là hai ba năm sau. Lê Đức Thọ đã cho bắt, và "ba năm sau tôi mới báo cáo với các anh cũng không muộn." Thì đó là cái gì, nếu không phải là sự lũng đoạn? Đó là sự coi thường, sự đặt mình lên trên những cơ chế làm việc tập thể mà đảng Cộng sản trước đây đã đề ra. Nhưng mà cái này thì ở đâu nó cũng có, và ở thời nào nó cũng có, nhưng ở những nước văn minh, những nước tốt hơn nhờ có một cơ chế sắp xếp cho con người sống với nhau đàng hoàng hơn thì nó diễn ra trong vòng của pháp luật. Nếu như Lê Đức Thọ mà hạ một lệnh bắt bằng ấy người vào năm 1967 mà đặt ở hoàn cảnh nước Pháp

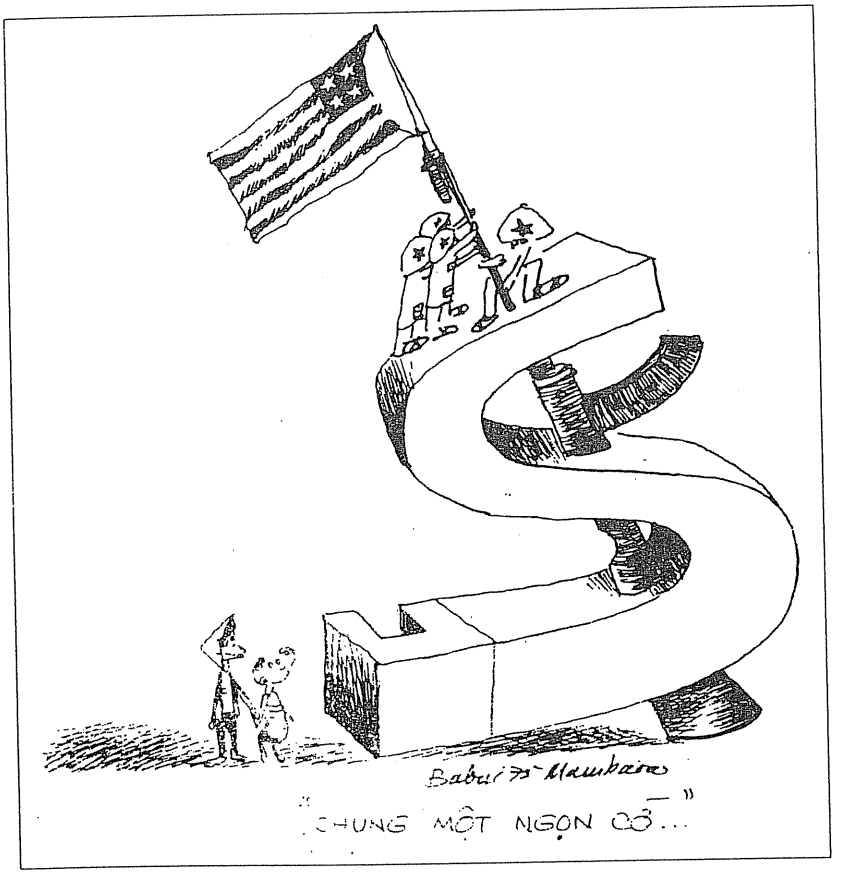

hay nước Mỹ thì không thể nào có được, bởi vì lúc đó người ta hỏi là: trên cơ sở nào anh bắt, do điều luật nào anh bắt, và lúc đó luật sư đã đến ngay rồi. Nước Việt Nam không có cái đó. Chính tình trạng không có cơ chế đó đã mở đường cho những hành vi lũng đoạn, mở đường cho những âm mưu cá nhân và phe phái. Bây giờ cái câu nói rằng "nền dân chủ xã hội chủ nghĩa nó gấp triệu lần nền dân chủ tư sản" thì chỉ còn là câu nói mỉa mai, diễu cợt. Tôi đã sống trong nền pháp chế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và tôi đã được nhìn thấy cái nền pháp chế không xã hội chủ nghĩa, gọi tư bản chủ nghĩa cũng được, hoặc bây giờ mình không dùng cái chữ ấy nữa, coi như một xã hội bình thường, như ở Pháp, thì tôi thấy rõ ràng nó không phải triệu lần hơn mà e rằng triệu lần thua kém.

Th.KH: *Điểm thứ nhì người đọc chú ý đến trong cuốn hồi ký của anh là điều kiện sống lao tù của một số nhân vật. Anh đã sống với họ như thế nào?*

VTH: Giai đoạn đầu tôi có sống với một người tù hình sự, một anh cũng rất đáng kính, có một tư cách rất tốt, và tôi rất tiếc về sau này tôi chưa có dịp gặp lại anh ấy. Sau đó khi tôi ở trong những cái xà lim như tại Bất Bạt chẳng hạn, mà khoảng hơn bốn năm tôi sống trong xà lim, trong xà lim cá nhân tôi không có bầu bạn với ai, lúc đó tôi có nuôi một con cóc, nó là người bạn duy nhất của tôi trong thời kỳ đó. Nhưng mà rồi nó bỏ đi. Tôi nghĩ rằng tất cả những sinh vật trên thế giới này có một cái bản năng, là bản năng tự do. Và con người, dù có là một sinh vật cao cấp thì vẫn là sinh vật, và cái bản năng tự do vẫn nằm trong nó. Cho nên kẻ nào đàn áp cái bản năng tự do thì sẽ bị cái bản năng tự do nó quật lại.

Sau đó tôi được chuyển ra ngoài ở chung với rất nhiều dạng người khác nhau: tù hình sự, lưu manh, trộm cắp, cướp, tù chính trị, thầy tu, các đại đức, các cư sĩ... tôi đã có các nhận xét về một số các trường hợp mà tôi có viết trong này. Tôi có kể trường hợp một anh con của một gia đình Hòa Lan đi sang Trung Quốc, sau đó đã trở thành Giải phóng quân, và thành một cán bộ công an cỡ khá khá ở Quảng Châu, phụ trách về phản gián. Nhưng anh ta đã kết thúc cuộc đời ở Việt Nam. Đó là một tâm hồn lãng mạn bị giết chết. Rồi một thanh niên Triều Tiên chui vào trong ống dẫn dầu để đi sang Việt Nam với tất cả tấm lòng hăng hái, yêu chủ nghĩa xã hội, thương nhân dân Việt Nam, muốn chiến đấu cùng nhân dân Việt Nam chống lại đế quốc Mỹ xâm lược như anh ta nghĩ. Đó là lòng tốt. Thế nhưng lòng tốt ấy bị giết chết. Thật ra một con người bị giết chết không đáng sợ lắm, nhiều con người cũng chưa đáng sợ lắm, nhưng khi cái lòng tốt mà bị giết chết thì đó là kinh khủng.

TH.KH: *Anh có nghĩ là nhiều người vẫn còn giữ những tư liệu lịch sử, hoặc biết những tư liệu lịch sử, mà chưa có điều kiện để công bố?*

VTH: Tôi có biết nhiều anh em có sưu tầm rất nhiều tư liệu, và họ đều cất đi ở đâu đó. Những người đó có nói với tôi rằng họ đang viết, họ đang sưu tầm về mặt này hay mặt khác. Số người ấy nhiều. Chúng ta sẽ còn được xem toàn cảnh về cái xã hội mà chúng ta sống trong một giai đoạn khác, một giai đoạn có sự cởi mở, mọi người đều được nói hết. Nói hết cũng không phải để thanh toán ân oán với ai, mà nói hết cho sự lựa chọn tương lai được tốt hơn. Anh em đang làm việc một cách tích cực. Có điều, tôi không thể nói tên họ. Lý do gì thì chị biết, không thể nói tên họ được.

TH.KH: *Xin cảm ơn anh Vũ Thư Hiên.*

Văn Phòng Luật Sư

ROBERT M. VIEFHAUS & ASSOCIATES

27 NĂM KINH NGHIỆM HÌNH LUẬT VÀ BỒI THƯỜNG TAI NẠN

* Trộm cắp - Gian lận
* Tàng trữ - Mua bán ma túy
* Say rượu lái xe - DMV hearing
* Thiếu niên phạm pháp
* Đả thương - Vợ chồng xô xát
* Vi phạm probation - Xóa tiền án
* Tất cả tội đại hình & tiểu hình

* Bồi thường thương tích tai nạn
* Trial lawyer - nhanh chóng tối đa
* Những trường hợp đặc biệt đã thắng: 500 ngàn - 1 triệu - 3 triệu
* Luật Gia Đình: Ly dị, cấp dưỡng
* Luật Di Trú: Bảo lãnh, công hàm
* Luật Phá sản - Di chúc - Thừa kế

Bus. Hrs:
Mon - Fri: 9:00 AM - 5:00PM
Saturday: 10 AM - 3:00 PM

MẪN PHẠM, J.D.
Phone: (714) 895-5533 - Pager: (714) 570-4986

7777 Center, Ste #470
Huntington Beach, CA 92647
(Gần ngã tư Beach & Edinger Trong Liberty National Bank)

TỪ VĂN CHƯƠNG KIẾM HIỆP ĐẾN VĂN CHƯƠNG KHOA HỌC GIẢ TƯỞNG

HOÀNG XUÂN TRƯỜNG

Tôi là người thiếu thực tế, suốt đời thích đọc những truyện viễn mộng. Chín mười tuổi, tôi đọc Bồng Lai Hiệp Khách, Giao Trì Hiệp Nữ... Vào Nam, học đệ thất, đệ lục, tôi tiếp tục mải mê với Lục Kiếm Đồng, Không Không Sư Tổ... cùng những chuyện của Đình Hùng, Lê Minh Hoàng Thái Sơn. Lên đến đệ nhị, tôi bắt đầu làm quen với Kim Dung qua Anh Hùng Xạ Điêu đăng hằng ngày trên nhật báo Dân Việt. Sau đó, suốt mấy năm đại học, tôi trung thành theo dõi bước chân hành hiệp của hết Vô Kỵ đến Kiều Phong, Lệnh Hồ Xung qua Vi Tiểu Bảo. Ra trường, đi lính, dù theo hành quân hay về hậu cứ, tôi bỏ tiền mướn tháng để đọc tất cả những truyện kiếm hiệp mới ra, bất kể tác giả là Cổ Long, Gia Cát Thanh Vân hay Nam Kim Thạch...

Thế rồi nước nhà sập tiệm, tôi ở tù rồi vượt biên. Có cả ngàn lý do để vượt biên, nhưng thiếu kiếm hiệp cũng là một lý do. Xã hội cộng sản cấm kiếm hiệp chẳng phải vì nó viễn mơ, không có *"tính đảng, tính giai cấp, tính hiện thực xã hội chủ nghĩa"* mà vì những nhân vật của Kim Dung như Hồng Giáo Chủ, Tinh Tú Lão Quái, Đông Phương Bất Bại... đã gợi đến những lãnh tụ muôn vàn kính yêu của họ một cách quá hiện thực.

Sang đến đất Mỹ thì thời gian này Kim Dung đã ngưng viết, tôi được đọc thêm vài truyện của Cổ Long, rồi nhà văn trẻ tài hoa này không may chết sớm, tôi đành phải quay sang đọc khoa học giả tưởng.

Theo định nghĩa, khoa học giả tưởng là những truyện giả tưởng dựa trên căn bản khoa học, thường viết về tương lai. Vì dựa vào khoa học, và viết về tương lai nên nhiều điều giả tưởng của loại truyện này, đã được thực hiện hay đã bị sự thực vượt xa. Chẳng hạn như những truyện của Jules Verne. Tôi không biết ai là người đầu tiên viết những truyện khoa học giả tưởng. Nhưng có lẽ loại truyện này mới chỉ phát triển mạnh mẽ sau cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật ở Âu Châu.

Khác biệt giữa truyện kiếm hiệp và truyện khoa học giả tưởng.

Nếu so sánh giữa kiếm hiệp và khoa học giả tưởng, ta thấy hai trường phái văn nghệ cực kỳ viễn mơ này có những khác biệt căn bản. Người phương Đông thả hồn vào cõi hoang đường bằng cách đắm chìm trong những hoàn cảnh và nhân vật của quá khứ, tạm thời đồng hóa với những khả năng và hành động phi thường của nhân vật. Người Tây phương thả hồn vào cõi mộng bằng cách đồng hóa vào những hoàn cảnh của tương lai.

Nhân vật kiếm hiệp, nếu không kiếm pháp siêu quần thì cũng nội công thâm hậu, nhưng hoàn cảnh thường lại dựa vào lịch sử có thật. Trong khi đó, nhân vật của khoa học giả tưởng, và ngay cả những nhân vật kiếm hiệp Tây phương như Ba người ngự lâm pháo thủ ngày xưa, đa số đều là những con người bình thường có đủ yêu ghét giận hờn, và chỉ có ngoại giới là được giả tưởng hóa.

Những khác biệt căn bản trên có lẽ đã bắt nguồn từ những khác biệt trong nội tâm con người và vũ trụ quan. Người Tây phương thiên về lý luận, Đông phương thiên về cảm tính. Con người Tây phương tìm cách làm chủ ngoại giới. Đông phương có khuynh hướng hòa đồng ngoại giới. Trong khi Gallilé, Copernic quan sát bầu trời, tìm hiểu thiên văn... thì các học giả Đông phương vẫn luẩn quẩn ở lưỡng nghi sinh tứ tượng, và cố gắng kết hợp con người với thiên nhiên và vũ trụ bằng cách ngắm sao để coi tử vi hay đoán điềm giải mộng.

Vì Đông phương hướng nội nhiều hơn cho nên nhân vật kiếm hiệp luôn luôn rất hoang đường. Tuy nhiên, thế giới quan của kiếm hiệp lại rất nhỏ hẹp. Dù có dùng phi thân, khinh công, cân đẩu vân, độn kiếm... thì những nhân vật cũng chỉ bay là đà trên mặt đất. Hơn nữa, vì chỉ viết về quá khứ nên kiếm hiệp phải dựa vào lịch sử và câu chuyện lúc nào cũng bị đóng khung trong những tranh chấp giữa hai phe phái chánh tà. Vì bị giới hạn như thế, cho nên những tác giả kiếm hiệp gần đây như Kim Dung, Cổ Long đã phải khai thác sâu thêm vào khía cạnh tâm lý, triết lý hay cá tính của con người.

Trong khi đó, khoa học giả tưởng vì viết về tương lai nên không giới hạn trong không gian, thời gian mà còn được phát triển trong một phạm vi rộng lớn hơn, bao quát cả chính trị, kinh

tế, văn hóa, y học, xã hội...

Tuy nhiên, trên những phạm vi khoa học nhân văn, vì trực tiếp liên quan đến con người, nên mức độ giả tưởng thường bị giới hạn. Kinh tế dù ở thời gian nào, thế giới nào cũng có lao động, cũng có một hình thức trao đổi hàng hóa hay tiền bạc, còn chính trị thì dù ở những hành tinh xa xôi của loại Star War, những truyện Dunes của Frank Herbert... tất cả đều có những âm mưu, tranh chấp.

Người viết về giả tưởng chính trị hay nhất là Isaac Asimov. Ông đã được coi như một tôn sư về khoa học giả tưởng hiện đại. Tốt nghiệp tiến sĩ khoa học, ông đã viết gần năm trăm tác phẩm trong suốt năm mươi năm, mà nổi tiếng nhất là bộ truyện *"Foundation Trilogy"*, viết về xã hội loài người trong tương lai, khi trái đất đã là một hành tinh chết và loài người đã phải thiên đi đến hàng trăm ngàn hành tinh xa xôi khác. Những truyện về Foundation xoay quanh một lý thuyết giả tưởng của nhân vật Hari Seldon, gọi là lý thuyết tâm lý lịch sử, có thể tiên đoán được những giai đoạn hưng vong của lịch sử. Nhưng xã hội giả tưởng của Asimov vẫn có vua chúa, chính phủ, thống đốc, vẫn có những thủ đoạn chính trị để tranh giành quyền lực.

Có lẽ người đẩy mức độ giả tưởng về kinh tế chính trị đến mức độ cao nhất là Karl Marx, ông đã mô tả một xã hội mà nhà nước tiêu vong, không còn tiền tệ, không còn chính phủ, con người chỉ đi làm cho vui. Cuốn sách giả tưởng của ông tuy rất dầy và công phu, nhưng khi đọc nên cẩn thận, vì có nhiều người đã si mê và bị tẩu hỏa nhập ma. Chỉ có một người đọc Marx sáng suốt nhất là H.G. Wells.

Orson Wells đã viết cuốn sách *"1984"*, ngay từ khi chế độ Cộng Sản còn phôi thai, và cuốn sách này đã mô tả cái xã hội công an trị của Cộng Sản, như một lời tiên tri báo trước.

Vài tác giả tiêu biểu của loại truyện khoa học giả tưởng.

Như trên đã nói, tầm mức giả tưởng về khoa học nhân văn đã bị giới hạn vì nó trực tiếp liên quan đến con người. Do đó, phần lớn những truyện khoa học giả tưởng hiện nay có tính cách khoa học kỹ thuật nhiều hơn.

HÃY TÌM MUA CÁC BĂNG THƠ, ĐỌC TRUYỆN, KIẾN THỨC Y KHOA CỦA

BÍCH TY

BĂNG THƠ "NGƯỜI MẸ DA VÀNG"

Bích Ty, giọng ngâm thơ nổi tiếng của các chương trình Thi Văn Tao Đàn, Mây Tần, lần này diễn đạt xuất sắc các bài thơ về Mẹ của 12 nhà thơ nổi tiếng hiện đại ở hải ngoại. (băng cassette $7.00 - CD $10.00)

BĂNG ĐỌC TRUYỆN "NGƯỜI ĐƯỢC BẠC" CỦA PHẠM NGUYÊN LƯƠNG

Với giọng đọc của Bích Ty, Ngô Mạnh Thu và Tác giả. (Cassette $5.00)

BĂNG ĐỌC TRUYỆN "VỀ THĂM MẸ" VÀ CÁC BÀI THƠ VỀ MẸ HIỀN

Với giọng đọc của Bích Ty và Phạm Long, xướng ngôn viên đài Litte Saigon Radio (Nam California). (Cassette $5.00)

BĂNG KIẾN THỨC Y KHOA CỦA BÁC SĨ PHẠM NGUYÊN LƯƠNG

"Làm Thế Nào Để Phong Phú Thêm Cho Đời Sống Tinh Thần Nơi Hải Ngoại?" Bác sĩ Phạm Nguyên Lương viết từ Eastern State Hospital với sự góp ý của các chuyên gia tâm trí nổi tiếng Mỹ và Việt. (Cassette $7.00)

Xin liên lạc:

BÍCH-THU-VÂN
9200 Bolsa Ave. #137 & 138
Westminster, CA 92683
Phone: 714-897-4519 * Fax: 714-893-0140

BÍCH TY
9718 South 93rd East Avenue
Tulsa - Oklahoma 74133
Phone: 918-250-4844

Ngay cả Asimov cũng viết những truyện vượt không gian và thời gian, những trận đại chiến giữa những tinh cầu, và đặc biệt, viết về người máy robot. Ông đặt ra một qui luật tối thượng cho người máy trong những truyện của ông là không được làm gì phương hại đến con người. Qui luật này, được nhiều tác giả khác, trong đó có một tác giả khác mà tôi yêu thích là Zezlany tôn trọng. Nếu văn của Asimov súc tích, đầy kiến thức như Kim Dung thì văn Zezlany lại nhẹ nhàng và buông thả như thơ của Cổ Long. Tôi thích Zezlany đến nỗi nhiều năm trước, đã cặm cụi ngồi dịch lại truyện ngắn *"Ai Thở Để Sương Tan - For a Breath I Tarry"*. Tựa đề của cuốn truyện này trích từ một câu thơ, để đưa một ông bạn chủ báo đem đăng.

Qui luật về robot mà Asimov đặt ra nhằm mục đích bảo vệ con người trong những truyện của ông. Ông biết rằng bản thân con người dù cho đã tiến hóa đến hàng chục ngàn năm sau vẫn còn có những yếu kém, những giới hạn, trong khi người máy được phát triển ngày càng tinh vi và có thể sẽ vượt xa con người. Nhưng không phải ai cũng tin vào luật của Asimov. Nhiều tác giả khác nhìn vào sự phát triển của máy móc một cách bi quan. Họ nghĩ rằng một khi khoa học phát triển, vũ khí càng tối tân hơn, thì có ngày nhân loại hoặc sẽ bị tận diệt, hoặc bị máy móc chế ngự.

Ám ảnh đó không phải vô căn cứ, mới tuần lễ trước, sau khi một máy computer của hãng IBM đánh thắng vô địch cờ chess Karparov, hãng này đã phải tìm cách trấn an dư luận là máy dù thông minh đến đâu cũng chỉ dùng để phục vụ và nghe lệnh con người. Trong truyện ngắn *"Tôi muốn kêu gào nhưng tôi không có miệng"*, tác giả câu chuyện đi xa hơn, viết về thời gian mà một máy điện toán tinh xảo và vĩ đại chiếm ngự hoàn toàn trái đất, tận diệt loài người, chỉ để lại có một người sống sót để hành hạ.

Cũng thế, trong *"Terminator"*, người máy trong tương lai trở ngược về dĩ vãng nhằm tiêu diệt mầm mống khởi loạn của con người. Trong phim này, cũng như trong phim *"Back to the future"*, hoặc trong truyện *"Ba người lính nhảy dù lâm nạn"* của Nguyễn Mạnh Côn... những nhân vật trong tương lai đã có thể đi ngược trở về quá khứ sửa đổi lịch sử. Khả năng đi lại được trong thời gian, nhất là đi trở ngược về quá khứ sẽ đặt ra nhiều vấn đề cho hiện tại.

Lịch sử thường đặt những câu hỏi chẳng hạn như: *"Nếu cái mũi của Cleopatre xấu đi? Nếu Grouchy tới trước trong trận Waterloo? Nếu vua Quang Trung sống thêm vài năm?* (hoặc được ba người lính nhảy dù lâm nạn của Nguyễn Mạnh Côn giúp)... thì có lẽ thế giới đã đổi khác.

Cụ thể hơn, mỗi hành động của chúng ta trong hiện tại đều có ảnh hưởng sâu xa trong tương lai. Con người một khi đi lại được trong thời gian, trở ngược về quá khứ, và thay đổi những biến cố ở một thời điểm nào đó, thì đời sống hiện tại của chúng ta sẽ chỉ là một đời sống ảo, có thể hiện hữu, có thể không. Thời gian không còn là một dòng xuôi chảy một chiều, để Heraclite không thể tắm hai lần trong một dòng sông, mà đã trở nên một chiều của không gian để nước sông Hoàng Hà chảy ra biển vẫn có thể phục hồi, và để Bùi Giáng có thể đưa *"Em về mấy thế kỷ sau, Hỏi trăng có vẹn nguyên màu ấy chăng."*

Khoa học giả tưởng như thế đã rất gần với Phật giáo về cái hư thực của sự hiện hữu và cũng rất gần với triết học hiện tượng luận.

Để đối phó với vấn đề thay đổi lịch sử, mỗi tác giả có một cách giải quyết. Cách đây hơn hai mươi năm, báo Thời Nay có dịch mười truyện khoa học giả tưởng hay nhất trong năm, trong đó có truyện *"Đội tuần cảnh vượt thời gian"*, do loài người trong tương lai lập ra, để bảo vệ sự hiện hữu của họ bằng cách đi tìm bắt những tên xé rào, đi ngược về quá khứ để tìm cách thay đổi lịch sử.

Loài người tương lai của Asimov thì khác, họ có đủ kỹ thuật lập ra một rào chắn trong tương lai. Những truyện *"Star Trek"*, chỉ viết về một tương lai gần, cách nay vài trăm năm, nên các nhân vật phải theo một qui luật tối thượng, là không được làm bất cứ điều gì phương hại đến sự tiến hóa tự nhiên của lịch sử. Bộ truyện hàng trăm cuốn này, được viết bởi rất nhiều tác giả, nhưng tất cả đều phải tôn trọng những đặc tính khoa học hay cá tính của mỗi nhân vật.

Những truyện *"Star Trek"* cho tới nay được chia thành bốn bộ. Bộ thứ nhất là những truyện *"Star Trek"* nguyên thủy, viết về những chuyến du hành thám hiểm không gian của chiếc phi thuyền *"Enterprise"*. Bộ thứ hai là những truyện *"Star Trek, the next generation"*, viết về thời gian sau bộ truyện trước hơn năm mươi năm. Sau đó, là những truyện *"Deep Space Nine"*, viết về một trạm gác không gian ở tận cùng vũ trụ của chúng ta, và sau cùng, một con tàu vũ trụ vô tình vượt qua được lỗ trùng (worm hole) gần trạm không gian đó lạc lõng vào một vũ trụ khác, khởi đầu cho bộ truyện mới nhất *"Star Trek, The Voyager"*\

Những từ ngữ khoa học trong truyện, như lỗ trùng, vật chất, phản vật chất... (matter, anti-

matter) hiện đang là những khám phá mới của vật lý học và thiên văn học.

Tương quan giữa thời gian và không gian trong truyện khoa học giả tưởng.

Trở về với chuyện đi lại trong thời gian, bộ truyện Star Trek dựa trên một lập thuyết là thời gian và không gian kết hợp với nhau thành một thể *"Không Thời Gian - Space Time Matrix"*, để mỗi thay đổi trong thời gian sẽ gây xáo trộn trong không gian và ngược lại.

Có những tác giả đi xa hơn, nghĩ đến một vũ trụ xa lạ mà thời gian bị ngưng đọng, họ gọi đó là trạng thái *"anentropy"*. Lập thuyết này thật ra không phải hoàn toàn phi lý, đã dựa trên thuyết tương đối của Einstein (không gian có thể giãn nở hay co ngắn lại) hoặc thuyết *"Big Bang"*, cho là thời gian chỉ bắt đầu có đồng thời với sự thành lập của vũ trụ.

Nếu không gian đã tương đối như thế thì thời gian cũng tương đối. Khoa học giả tưởng không thiếu gì những truyện *"nửa năm tiên cảnh, một bước trần ai"* như của Từ Thức hay Lưu Thần, Nguyễn Triệu, và những điều này có thể giải thích được nếu động Bích Đào hay Thiên Thai chuyển động với vận tốc gần bằng vận tốc ánh sáng.

Không gian nói cho cùng chỉ là tương đối dưới mắt nhìn của chúng ta (chúng ta đâu có thể nào thấy cái khoảng không gian vô cùng giữa những điện tử trong nguyên tử, không thấy trái đất chúng ta đang quay quanh trục của nó và quanh mặt trời với vận tốc 108,000 cây số giờ, không thấy thái dương hệ chúng ta đang quay quanh trung tâm của giải Ngân Hà, và giải Ngân Hà cũng đang chuyển động về khối thiên hà Vierge với vận tốc hơn hai triệu cây số một giờ).

Cũng thế, quan niệm thời gian của chúng ta chỉ là một quan niệm chủ quan, một thời gian ảo, một thời gian mà chúng ta thấy ngoại giới, vũ trụ của chúng ta đang ở thế tĩnh, khác với quan niệm thời gian ở thế động của một nhà khoa học hiện đại mà tăm tiếng gần ngang với Einstein, là Stephen Hawking thuộc Đại học Stanford và Oxford.

Hawking đã phải đưa ra một quan niệm thời gian khác, gọi là thời gian giả tưởng hay thời gian toán học, để có thể giải thích được một số những biến chuyển, đã và đang xảy ra trong vũ trụ chúng ta. Thời gian này hoàn toàn hòa đồng vào không gian, tương tự như quan niệm mọi hiện hữu đều *"dung thông vô ngại"* của Phật giáo.

Ngoài việc đi lại trong thời gian, việc đi lại trong không gian cũng đặt ra những vấn đề cho khoa học giả tưởng. Vũ trụ bao la, vô bờ bến, *"ngoài vòm trời này còn có nhiều vòm trời khác"*, tốc độ nhanh nhất trong trí tưởng tượng con người là nhanh như ánh sáng. Muốn đi đến những hành tinh cách xa hàng trăm ngàn năm ánh sáng ngoài vùng thiên hà Andromede, thì đời sống con người quá ngắn.

Cách di chuyển nhanh nhất mà tôi được đọc, là cách của nhà văn Nguyễn

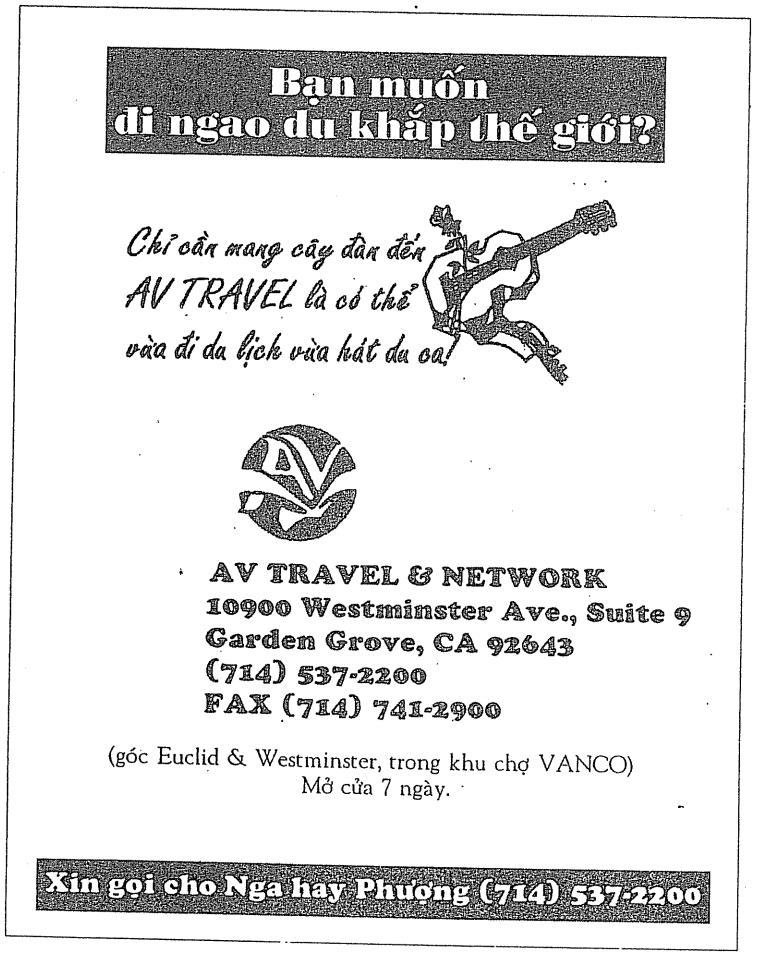

Mạnh Côn. Trong chuyện ngắn *"Giấc mơ của đá"*, ông cho một nhân vật dùng phi thuyền bay đến một nơi gọi là siêu không gian. Từ đó, nhân vật của ông sẽ tập trung ý lực, hội nhập với siêu không gian sẽ đưa phi thuyền ngay đến đó bằng tốc độ tức khắc của tư tưởng. Cách di chuyển gọn ghẽ này, tôi đọc cách nay gần ba mươi năm, nhưng chỉ mới gần đây thôi tôi mới bắt gặp một lối di chuyển tương tự trong cuốn *"Star Trek Crossroad"*.

Cũng trong truyện ngắn này, Nguyễn Mạnh Côn đã cố gắng giải thích sự thành lập của vật chất từ chân không. Giải thích của ông không phù hợp với lý thuyết *"Big Bang"*, nhưng tôi nghĩ có những điều tương tự như những phát kiến mới về những hạt quark, bên trong nguyên tử và của siêu không gian mà ông dự phóng đã mang đặc tính của lỗ trùng.

Con người đa năng đa tài Nguyễn Mạnh Côn, từng là đại biểu quốc hội năm 1945, từng lập thuyết xây dựng quốc gia trong hòa bình, từng viết truyện giả tưởng, truyện tình... Ông đã lạc đường vào lịch sử để chết trong tù, nhưng giờ này linh hồn của ông đã bay cao và bay xa, trong cái không gian cao rộng mà ông từng viết đến.

Như ta đã thấy, đọc truyện khoa học giả tưởng, tuy căn bản là viết về những chuyện không thể có thật, hay là chưa có thật, nhưng nhiều chuyện đã dựa trên những lý thuyết khoa học, và có truyện đã là tiền đề cho những nghiên cứu sau này.

Trước kia khi đọc Kim Dung, tôi hiểu biết thêm về lịch sử Trung Hoa, hiểu về nguồn gốc Thiền vô ngôn của chiêu niêm hoa vi tiếu, hiểu thêm về Tứ diệu đế, Bát chánh đạo... Lúc sau này, nhờ khoa học giả tưởng, tôi cũng thâu thập được ít nhiều kiến thức về vật lý học và thiên văn học.

Tính văn chương của truyện khoa học giả tưởng.

Tuy nhiên, không thể nói những truyện khoa học giả tưởng thiếu tính cách văn chương.

Không khí nổi bật trong truyện ngắn *"1984"* của H. G. Wells, người đã được nhắc tới ở trên, là nỗi thê thảm tuyệt vọng của con người sống trong một xã hội công an trị. Chuyện *"Giấc mơ của đá"* của Nguyễn Mạnh Côn, theo tôi là một chuyện ngắn tuyệt diệu vừa có tính cách giả tưởng, vừa có tính cách chính trị. Trong khi đó người đọc sẽ bắt gặp, người máy của Asimov vẫn có tình yêu. Truyện ngắn của Zezlany mà tôi dịch, viết về một máy robot tìm hiểu về những rắc rối của con người, và nhất định muốn trở thành người. Trong khi đó, trong hàng trăm cuốn truyện Star Strek, dù ở một thế giới xa xôi nào, trong một hoàn cảnh lạ lùng nào, luôn luôn nổi bật một tình bằng hữu gắn bó giữa những nhân vật trong truyện.

Hãy đọc một câu văn về nhân vật Spock *"Nếu anh ta biết bạn anh ta đang gặp nguy hiểm, thì dù có phải ngược xuôi khắp một vùng thiên hà, anh ta cũng sẽ tìm tới."* Khẩu khí câu văn không khác gì văn của Cổ Long khi viết về Lý Tầm Hoan hay Tiểu Phi.

Cũng vậy, khi xem *"Star War"*, vị thầy Jedi Yoda dạy nhân vật Skywalker điều khiển "The Force": *"Lực ở khắp mọi nơi, hãy quên tự ngã, quên giác quan, mà chỉ tin vào Lực."* Ý nghĩa câu văn không khác gì khi Vô Kỵ luyện Cửu Dương Chân Kinh: *"Người ta mạnh mặc người ta mạnh, gió mát thổi qua đỉnh núi. Nó ngang tàng mặc nó ngang tàng, ánh trăng vẫn chiếu qua núi."*

Như trên đã nói, Tây phương phân biệt con người và ngoại giới rõ ràng hơn, cho nên force là ngoại lực, có ở khắp nơi, còn lực của kiếm hiệp Đông phương là nội lực, chỉ chu lưu trong cơ thể.

Trên đây tôi đã ghi lại vài ý nghĩ của tôi về những truyện khoa học giả tưởng. Đã từ lâu, khoa học giả tưởng cũng như kiếm hiệp hình như chỉ là một chi lưu phụ, bị gạt ra ngoài dòng văn chương chân chính.

Không thể nói đó là vì khoa học giả tưởng viết về những chuyện xa vời, không thật. Đã nói là sáng tác, thì dù hiện thực đến mấy cũng vẫn có tính cách giả tưởng. Cũng không thể nói đó là vì khoa học giả tưởng viết về tương lai, cũng như kiếm hiệp viết về quá khứ, nên không đưa được những vấn đề của con người hay cuộc sống.

Herman Hesse đã chẳng viết về quá khứ và viết về những điều mơ hồ không tưởng hay sao? Đối với một độc giả bình thường như tôi, chỉ có một khác biệt duy nhất là khi đọc những truyện loại này, tôi thấy tương đối đỡ nhức đầu. Như thế là đã quá đủ để cho tôi tiếp tục mỗi tuần chờ đợi bản dịch truyện Viên Nguyệt Bảo Đao với, tâm trạng háo hức của hơn ba mươi năm trước, khi chờ đợi bản dịch hàng ngày *"Cô Gái Đồ Long"* trên báo *"Tiếng Vang"*.

Giờ đây không còn có cơ hội bực tức, mỗi khi đọc giòng cáo lỗi của báo: *"Vì máy bay Hồng Kông bị hoãn, nên Cô Gái Đồ Long phải tạm gác lại một ngày, xin bạn đọc thông cảm"*. Hiện nay những lúc rảnh rỗi, tôi chỉ còn có một thú vui duy nhất: Ra thư viện xem có cuốn Star Trek nào mới ra không.

XE LĂN BÁNH TRÊN HỎA TINH

Người Địa Cầu báo thù

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

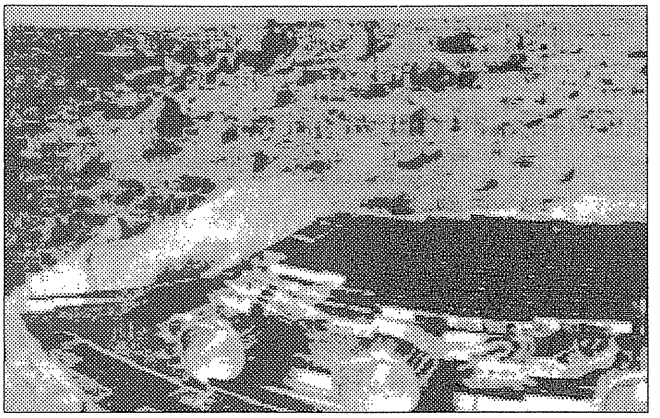

Thoát ra khỏi cái xóm nhà lá Thái Dương Hệ của chúng ta để đi ngao du vũ trụ xét ra cũng khó. Khó không phải vì thiếu phương tiện, mà chỉ vì còn mắc mứu quá nhiều chuyện trong xóm khiến cất bước ra đi không nổi.

Tháng 7-97 có nhiều tin khoa học về vũ trụ, nhưng nổi đình đám nhất là vụ phi thuyền loại xe con cóc Pathfinder hạ xuống Hỏa Tinh, nẩy tưng tưng như trái banh ping pong rồi xòe ba cánh như hoa nở để lòi ra một chú xe lăn nhỏ xíu chỉ bằng cái máy "microwave" ở trong nhà chúng ta. Đây là lần đầu tiên loài người cho xe chạy trên một hành tinh không phải là Địa Cầu. Con người đã đổ bộ lên Mặt Trăng và cũng đã cưỡi xe phom phom trên Chị Hằng, nhưng Mặt Trăng chỉ là vệ tinh chớ không phải hành tinh. Sự khác biệt là thế này: Mặt Trăng quay xung quanh Địa Cầu, cách Địa Cầu có 360,000 cây số, còn Hỏa Tinh là hành tinh quay xung quanh Mặt Trời ngang hàng với Trái Đất và cách chúng ta khi gần cũng là 150 triệu cây số.

Trong loạt bài "Vũ Trụ, ông là ai," chúng ta đành phải ghé chân lại Hỏa Tinh một chút. Tôi phải mở đầu bài này bằng chuyện gì nhỉ?

Tôi thấy khoái trá khi hạ bút viết "Người Địa Cầu chúng ta đã báo thù." Báo thù ai? Một "huyền thoại" giả tưởng hay viễn tưởng của người Trái Đất là người Hỏa Tinh đổ bộ Địa Cầu để xâm lăng chúng ta. Vào dịp lễ Độc Lập ở Mỹ năm ngoái, chúng ta đã thấy trên màn ảnh một cuốn phim khoa học giả tưởng người ngoài Trái Đất (alien) đến phá căn nhà Địa Cầu của chúng ta, năm nay chúng ta trả đũa bằng cách cho xe tự động lăn bánh trên Hỏa Tinh, khác nào như đã đạp chân lên đất của chúng. Khôi hài thì được, nhưng khoác lác thì không nên, bởi vì dân alien đâu có trên Hỏa Tinh mà tìm để báo thù.

Chúng tôi chỉ muốn nói đến sự báo thù của khoa học thực tế đối với khoa học tưởng tượng trên phim ảnh. Điều khiển từ xa vô tuyến những chiếc xe hơi trẻ con chơi cho nó chạy quanh phòng là chuyện thường, nhưng điều khiển một chiếc xe cách Trái Đất 120 triệu dặm để sai bảo nó lăn bánh từ khối đá này đến khối đá khác và ra lệnh cho nó làm việc, khoa học kỹ thuật chân chính ngày nay đã làm được những chuyện không kém gì khoa học giả tưởng hay viễn tưởng. Trước khi nói đến những khám phá mới trên Hỏa Tinh, chúng ta hãy nhìn qua từng bước việc phóng phi thuyền Pathfinder - có thể tạm chuyển sang Việt ngữ là "Kẻ mò đường."

Mò sao cho trúng.

Phóng phi thuyền lên Cung Trăng là chuyện dễ vì Chị Hằng gần xịt lại lồ lộ ra đấy, đúng là một tòa thiên nhiên ai nhìn cũng thấy. Nhưng phóng phi thuyền lên Hỏa Tinh rắc rối hơn nhiều. Bởi vì Hỏa Tinh ở xa, nếu chúng thấy Hằng Nga như một cái đĩa, chúng ta chỉ thấy Hỏa Tinh là một chấm sáng trên Trời. Tai hại

hơn nữa Hỏa Tinh chạy trên quỹ đạo quanh Mặt Trời như ngựa, còn Địa Cầu chúng ta cũng chạy và còn chạy nhanh hơn.

Tính từ Mặt Trời trở ra, Hỏa Tinh chạy trên vòng quỹ đạo thứ tư, sau Thủy Tinh, Kim Tinh và Trái Đất. Điều này có nghĩa là Hỏa Tinh xa Mặt Trời hơn Trái Đất và vì thế trên Hỏa Tinh lạnh hơn Trái Đất, trái với sự tưởng tượng thông thường cho rằng đã gọi là Sao Hỏa chắc phải nóng như lửa. Việc phóng phi thuyền lên Hỏa Tinh như thế nào?

Chúng ta hãy tưởng tượng có hai con ngựa đang chạy trên trường đua, mỗi con ở một lằn chạy khác nhau. Con chạy vòng ngoài là Hỏa Tinh, nhưng con chạy vòng trong là Trái Đất, chạy nhanh với tốc độ gấp đôi. Mỗi năm Trái Đất chạy được một vòng, trong khi đó Hỏa tinh phải gần hai năm mới chạy được một vòng, điều này có nghĩa là ngựa Trái Đất lối mỗi năm qua mặt ngựa Hỏa Tinh một lần. Mỗi lần đó là dịp để anh chàng kỵ sĩ (các nhà khoa học) ngồi trên con ngựa Trái Đất dương cung bắn con ngựa Hỏa Tinh, bởi vì đó là lúc hai con ngựa gần nhau nhất. Nhưng chúng ta chạy nhanh hơn nó, bởi vậy không chờ đến lúc ngang nhau mới bắn, mà bắn từ lúc chúng ta còn ở sau nó, sắp đuổi kịp nó và bắn chặn đầu, vì sáu tháng sau mũi tên mới tới đích. Hơn nữa vì vấn đề truyền tin nên cũng phải chờ dịp gần nhau nhất để các luồng sóng điện chạy qua chạy lại cho tiện. Thật ra từ mấy chục năm nay kỹ thuật phóng phi thuyền lên các hành tinh không còn là chuyện mới lạ nữa.

Trong vụ Pathfinder, vấn đề là khi nó tới sát Hỏa Tinh rồi làm thế nào cho nó hạ xuống mặt Hỏa Tinh mà không bể tan. Vào khoảng giữa tháng 12 năm 1996 một hỏa tiễn đưa Pathfinder lên không trung. Từ quỹ đạo quanh trái đất Pathfinder tách ra khỏi hỏa tiễn phóng nó, rồi từ đó bay thẳng về hướng chỉ định, bắt đầu cuộc hành trình chạy đuổi theo Hỏa Tinh trong 221 ngày. Hình thù Pathfinder lúc đó như một hình nón úp hai đầu, nặng 1,300 pao (khoảng 650 kí), đường kính rộng khoảng 3 mét. Sau khi bay trong không gian 310 triệu dặm, Pathfinder bắt kịp Hỏa Tinh và việc đầu tiên của nó là báo về cho biết. Nó cũng đã chụp hình ảnh trái cầu Hỏa Tinh khi còn ở xa khoảng một triệu dặm.

Đến Hỏa Tinh, nó lao vào bầu khí quyển mỏng của hành tinh này với tốc độ 16.300 dặm giờ. Đó là tốc độ của sao xẹt trên bầu trời của chúng ta. Vỏ hình nón của nó chế tạo bằng những chất liệu kị nhiệt, giữ được cho nó không bốc cháy khi ma sát với khí quyển Hỏa Tinh. Khi còn cách mặt đất của Hỏa Tinh bảy dặm, một chiếc dù rộng trên 12 mét tự động mở ra, làm nó bay chậm lại với tốc độ 135 dặm giờ. Khi chỉ còn tám giây nữa chạm "đất Hỏa," hình nón tách rời đáy và khai hỏa máy phản lực ngược chiều thắng gấp. Đáy hình nón bung ra để Pathfinder tự động thổi các túi hơi như những quả bong bóng xung quanh nó phồng lên thành một trái banh hơi đường kính 5 mét. Quả banh hơi này đụng xuống đất Hỏa, nẩy lên nhiều lần, lăn cho đúng hướng đầu chĩa lên trời rồi nằm im. Các túi hơi xẹp, Pathfinder như một nụ hoa nở ra ba cánh để lộ cái xe lăn nó giữ trong bụng nó. Xe lăn (rover) của loài người sẵn sàng chạy trên Sao Hỏa.

Những giờ phút khắc khoải.

Những cánh hoa của Pathfinder xòe ra còn có một tác dụng nữa, trên mặt nó là những tấm nhựa mỏng chuyên hứng ánh nắng Mặt Trời để làm ra điện. Vì thế vài giờ sau nó ấm lên và truyền về Trái Đất hình ảnh đầu tiên mà ống kính camera của nó thấy ngay trước mắt. Đó là chiếc xe lăn rover được đặt tên là Sojourner.

Tại sao có tên Sojourner? Pathfinder là Kẻ mò đường, còn Sojourner là cái gì? Các nhà bác học chọn một cái tên đầy ý nghĩa. Sojourner là tên một con tầu trong thế kỷ 19 chuyên đi giải phóng nô lệ.

Khi nhận được hình ảnh của Pathfinder gửi về, các nhà bác học trong phòng điều khiển ở Pasadena (California), phụ trách chương trình Pathfinder nhẩy lên reo hò mừng rỡ. Từ lúc Pathefinder báo cho biết nó đi vào bầu khí quyển, tất cả hồi hộp chờ. Thành bại là lúc này. Ngộ lỡ nó im re luôn thì sao? Nó có thể rớt xuống đất Hỏa bể tan tành. Bây giờ thấy nó an lành truyền luôn hình ảnh đầu tiên cho thấy chiếc xe Sojourner nó đem theo cũng còn nguyên vẹn, nỗi mừng nào hơn.

Sojourner nằm trên một cánh của đóa hoa ba cánh Pathfinder. Nó chỉ còn chờ được lệnh bằng vô tuyến điện từ Trái Đất đánh lên để thi hành nhiệm vụ. Ở đây phải ghi nhận một điểm kỹ thuật quan trọng. Phi thuyền Pathfinder lúc này với hình dạng đóa hoa ba cánh xòe ra nằm im, chẳng những có nhiệm vu quay phim mà còn là một cái trạm liên lạc giữa Hỏa tinh xa Sojourner và đài điều khiển trên Địa Cầu. Các nhà bác học bảo Pathfinder liên lạc ngay với Sojourner nằm trước mắt nó. Pathfinder tuân lệnh, nhưng Sojourner không trả lời. Có chuyện trục trặc rồi.

Nếu cái computer của Pathfinder không nói chuyện được với cái computer của Sojourner, sứ mạng thám hiểm Hỏa Tinh sẽ thất bại. Các

chuyên gia, kỹ thuật gia lo sửa chữa. Người ta biết căn bệnh này, nó là bệnh của modem, tức là bộ phận trong computer của chúng ta vẫn giúp chúng ta lên lưới Internet hay giúp cái computer này nói chuyện với cái computer kia cũng thế. Vấn đề có thể sửa chữa được, mặc dù cái modem không ở ngay trước mắt các chuyên gia mà nằm cách xa họ... 110 triệu dặm. Nghe như chuyện Phong Thần.

Chữa được nhưng phải chờ. Trước hết là tín hiệu điện từ, tức làn sóng điện, dù bay nhanh bằng tốc độ ánh sáng 300.000 cây số một giây đồng hồ, cũng phải chạy trong 11 phút mới vượt qua chặng đường không gian từ Địa Cầu đến Hỏa Tinh. Pathfinder nhận được tín hiệu rồi trả lời, cũng lại mất 11 phút nữa để làn sóng điện bay từ Hỏa Tinh đến Trái Đất. Nhưng các chuyên gia vẫn phải chờ đến một ngày mới biết vụ sửa modem có thành hay không và đó là cả một ngày khắc khoải mất ăn mất ngủ. Tại sao phải chờ lâu như vậy?

Đó là vì Hỏa Tinh cũng xoay tròn như Trái Đất. Chúng tôi đã viết về Hỏa Tinh nhiều lần, tiện đây xin nhắc lại một vài điểm chính. Hỏa Tinh là một trái cầu tròn như Trái Đất nhưng nhỏ chỉ bằng nửa Trái Đất. Nó quay xung quanh Mặt Trời, nếu tính theo ngày giờ Trái Đất thì phải mất 686 ngày mới đi được một vòng, trong khi Địa Cầu chạy nhanh hơn, chỉ mất có 365 ngày là được một vòng. Cũng như Địa Cầu, Hỏa tinh tự nó xoay tròn như con quay, cứ 24.6 giờ là quay một lần, thành ra ngày trên Hỏa Tinh dài hơn ngày Trái Đất một chút. Chỉ khốn khổ cho các nhà bác học là vì Hỏa Tinh xoay tròn nên có lúc nó xây lưng lại Trái Đất. Khi nó xoay lưng lại thì làm sao liên lạc được với Pathefinder ở mặt bên kia. Rút cuộc phải chờ đủ một ngày để Hỏa Tinh xoay mặt lại.

Kết quả là thêm một lần mừng rỡ nữa. Pathfinder và Sojourner, hai anh người máy đặt chân lên Hỏa Tinh, đã nói chuyện được với nhau. Vậy thì cho Sojourner lên đường ngay.

Trước hết phải ra lệnh cho Pathfinder hạ cầu cho Sojourner bò xuống. Hai bên cánh, nơi Sojourner đậu, có hai cái cầu cuộn lại. Bây giờ chỉ việc ra lệnh Pathefinder mở cuộn trải cầu biến thành hai đường dốc hai bên, giống như hai đường xe hơi chạy lên thềm trước một tòa biệt thự. Việc trải cầu quá dễ, khốn thay một trong những túi hơi xẹp khi hạ cánh lại kẹt vào một bên cánh hoa, cản trở việc mở cầu. Lại một khó khăn khác được giải quyết mau lẹ, vì khi chế tạo Pathfinder làm nhiệm vụ đem Sojourner lên Hỏa Tinh, các kỹ sư đã tiên liệu trường hợp này rồi. Các chuyên gia liền ra lệnh cho Pathfinder kiễng một cánh hoa của nó lên một chút, khiến thân hình của nó từ từ nghiêng đi 45 độ, thâu hồi túi xẹp vào bên trong, rồi từ từ hạ cánh hoa như ta hạ cái kích xe hơi, cả thân hình Pathfinder lại đứng thẳng như cũ.

Sau đó Sojourner với sáu bánh xe của nó như sáu cái chân của con bọ, bò khỏi cánh hoa và đặt "chân" lên đất sao Hỏa. Thêm một câu chuyện thần kỳ nữa của thời đại điện tử bắt đầu.

Lái xe trên Hỏa Tinh

Sojourner là bộ máy đầu tiên của loài người đi lại trên một hành tinh khác, chúng ta cũng nên chú ý đến hình dạng anh lính tiên phong này một chút. Anh chàng nhỏ thó, dài chừng 65 cm, rộng 28 cm, cao 32 cm và nặng 11 kí ruỡi. Nó có sáu bánh xe, mỗi bánh có động cơ điện riêng, một hệ ống nhúng phối hợp hài hòa để mỗi bánh có thể co lên tụt xuống thoải mái. Khi một bánh đụng vào một viên đá, dù cao đến 25 cm, bánh đó cũng leo lên được mà không làm toàn thể chiếc xe chao đảo. Lưng xe, hay cái mui cũng vậy, là một phiến hợp kim trên lót 200 miếng tế bào mỏng như lưỡi dao cạo, có nhiệm vụ chuyển ánh nắng Mặt Trời thành điện để

PHÂN ƯU

Được tin buồn
thân mẫu của chị
Simone Nguyễn Thúy Nga
(AV Travel)

Cụ Bà Quả Phụ

NGUYỄN VĂN NGUYỆT

Nhũ danh NGUYỄN THỊ HƯƠNG
Pháp Danh PHỔ THIỆN

vừa tạ thế ngày 7 tháng Bảy 1997
nhằm ngày mồng 3 tháng Sáu năm Đinh Sửu

Hưởng thọ 83 tuổi

Thành kính phân ưu cùng
Anh Chị Nga - Thắng và tang quyến.
Cầu chúc hương hồn Cụ Bà
sớm tiêu diêu miền Cực Lạc

Tạp Chí THẾ KỶ 21

chạy máy xe.

Các dụng cụ của nó, ngoài những máy vi xử lý, modem, thu phát tín hiệu vô tuyến bình thường, còn có máy camera chụp hình, máy laser để nhìn và nhận đường đi, đặc biệt có một máy quan trọng là quang phổ kế tia X Alpha proton. Chính nhờ máy này mà người ta có thể biết "tiểu sử" của Hỏa Tinh ra sao kể từ khi nó sinh ra đời ít nhất cũng trên 4.5 tỷ năm trước cho đến nay, biết được lịch sử khí hậu trên Hỏa Tinh trong từng giai đoạn cuộc đời của nó, biết Hỏa Tinh "làm" bằng chất gì, và lý thú nhất tìm hiểu xem có sự sống trên Hỏa Tinh hay không, hoặc nếu có "người," cái loài Hỏa Tinh đó nay đã mai một có còn để lại dấu vết nào không.

Sojourner là một cái xe, nhưng nó di chuyển chậm rì, một phút đi được 60 cm. Vậy mà lái cái xe này còn khó hơn lái xe hơi chạy 80 miles một giờ trên free way. Đó là vì người lái ngồi cách xa nó 110 triệu dặm.

Các nhà khoa học Mỹ có thể tự hào. Họ là những người đầu tiên lái xe trên Sao Hỏa. Nhưng Sojourner đi đâu? Nó không đi xa, chỉ quanh quẩn trong vòng 30 mét quanh 'trụ sở" của nó là Pathfinder. Nhưng nó có quá nhiều việc để làm. Trước hết là nó đi thăm các tảng đá lởm chởm ở vùng lòng chảo rất nông, nơi Pathfinder đã được lệnh hạ xuống, gọi là thung lũng Ares Vallis.

Sojourner là một máy tự động. Sau khi nhận được lệnh, nó cứ thế tiến hành công tác, vì thế nó có thể làm ngày đêm, dù lúc Hỏa Tinh xoay lưng lại Địa Cầu và không nhận được liên lạc, nó vẫn cứ làm để ghi nhận các dữ kiện rồi truyền cho Pathfinder cất giữ. Nó khảo sát các cục đá, khảo sát nền đất nó bò qua. Nhưng khảo sát cách nào?

Sojourner dùi vào nơi khảo sát một tia quang tuyến X. Chúng ta cũng nên dừng lại đôi chút để xem xét dụng cụ có tên là quang phổ kế (spectrometer) sử dụng tia X Proton Alpha.

Tia X (X-Ray) là một loại tia như tia ánh sáng, có nghĩa là một bức xạ sóng điện từ, nhưng tia X có bước sóng điện từ cực ngắn, nó mạnh hơn ánh sáng thường rất nhiều. Chúng ta đã biết quang tuyến X dùng để rọi bệnh trong cơ thể, ánh sáng thường không rọi qua được da thịt, nhưng quang tuyến X xuyên thấu đến phổi thận để bác sĩ chụp hình và chẩn bệnh.

Chúng ta đã biết ánh sáng là sóng và cũng là hạt. Hạt ánh sáng thường gọi là photon. Thế cái máy tia X của Sojourner dùng hạt gì? Người ta đã nói đó là hạt Alpha proton.

Proton là vi hạt dưới nguyên tử, nó nằm trong hạt nhân (hay hạch tâm) của nguyên tử. Nó mang dương điện trái với điện tử mang âm điện. Một hạt proton là đủ tạo thành nguyên tử nhẹ nhất là nguyên tử khinh khí với một điện tử quay xung quanh. Vậy Alpha Proton là cái gì?

Alpha proton là hạt nhân của helium, nó gồm có hai proton và hai trung hòa tử. Cái hạt này nặng gấp bốn lần hạt proton thường. Té ra anh chàng Sojourner chơi bạo, dùng đạn cỡ lớn bắn để thăm dò. Nhưng đạn là tia X thì làm sao phá được đất và đá? Xin thưa nó không nhằm phá, nó chỉ nhằm xuyên thấu để "chẩn bệnh" đất và đá. Nói cách khác cái súng quang phổ kế tia X hạng nặng chỉ là một máy dò tìm những hóa chất tạo thành đất và đá trên Hỏa Tinh.

Khi trúng tia X Alpha proton thì có một loạt những loại nguyên tử khác nhau bức xạ lộ hình tung tích của chúng. Nhờ đo quang phổ (quang phổ kế) các tia bức xạ này, người ta biết đó là chất gì.

Tia X Alpha proton được sử dụng là vì nó có đặc tính khám phá được sáu loại nguyên tố là carbon, oxygen, sodium, magnesium, aluminium và silicon. Sự phối hợp của các loại nguyên tố này tạo ra phần lớn những đất đá trên vỏ Địa Cầu chúng ta. Và đó cũng là những nguyên tố không thể thiếu cho sự sống.

*

Xin lỗi bạn đọc, tôi đã định tóm gọn phần kỹ thuật này để có thể trình bầy luôn trong một bài những kết quả đầu tiên của việc chụp hình và thám hiểm, chẳng hạn như những dấu vết mà người ta nghi là di tích của một trận đại hồng thủy ở Hỏa Tinh, nhưng tôi đã nổi hứng mở ra quá rộng thành ra không thể dứt điểm Hỏa Tinh ngay được.

Bài đã dài, tôi xin hẹn đến kỳ tới. Vả lại sứ mạng của Sojourner trên Hỏa Tinh chỉ vỏn vẹn có một tháng. Tôi nghĩ chờ đến tháng sau sẽ có những kết quả đầy đủ hơn để nghiên cứu.

(July 13 1997)

* Từ sáng sớm một chàng lên đường đi kiếm ốc sên về ăn. Chàng ta bắt được khá nhiều, và trên đường về gặp một người bạn rủ vào quán làm vài ly. Lai rai xong thì thấy cũng đã trễ, chàng ta bèn quyết định ăn tối tại quán luôn. Khi rời quán vào nửa đêm thì anh ta đã khá say. Về đến sân nhà lính quýnh làm rơi cái giỏ, ốc đổ cả ra đất. Bà vợ giận dữ mở cửa thì thấy chồng mình đang đi quanh đám ốc:

"Đi nhanh lên các con, đã trễ lắm rồi đấy!"

CHẮT CHIU KỶ NIỆM

HỒ TRƯỜNG AN

Quà tặng có thứ ăn được như bánh mứt, trái cây cùng các thực phẩm khác như có cá khô, hũ mắm, chùm lạp xưởng, đòn giò lụa v.v... Trong văn giới, việc tặng quà cho nhau cũng chỉ là việc thường. Nhưng khi người được tặng lại đem việc tặng quà vào thế giới giấy mực thì nó không thường. Nó gợi cho độc giả nghĩ đến mối tình bút mực thắm thiết giữa kẻ tặng và người được tặng, hơn nữa, nó dội vào tâm hồn độc giả một cái gì êm êm, lạ lạ, lai láng một tình cảm du dương khó diễn tả.

Chẳng hạn, khi nhà thơ Bàng Bá Lân di cư vào Nam, nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội tặng cho một một trái sầu riêng. Thiểu số người Bắc như thi sĩ họ Bàng mới có thể nuốt nổi sầu riêng, và từ đó ông lại ghiền sầu riêng.

Trước Bàng Bá Lân, có một vận sự tặng quà văn nghệ. Số là nhà thơ Tản Đà đã từng than:

Muốn ăn rau sắng chùa Hương
Tiền đò ngại tốn, con đường ngại xa
Mình đi, ta ở lại nhà
Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm.

Nhờ bài thơ được đăng báo, nên ít lâu, Tản Đà tiên sinh nhận được một bưu kiện có một bó rau sắng chùa Hương do nữ sĩ Song Khuê tặng lại kèm một bài thơ:

Kính dâng rau sắng chùa Hương
Tiền đò đỡ tốn, con đường đỡ xa
Không đi thì giữ lại nhà
Thay cho dưa khú cùng là cà thâm.

Song Khuê là em gái của nữ sĩ Tương Phố, làm thơ cũng nhiều, giao du với các bậc danh sĩ trong văn giới cũng lắm, nhưng không nổi tiếng bằng chị của mình. Khi thực hiện bộ sách *"Nhà Văn Hiện Đại,"* Vũ Ngọc Phan tiên sinh có viết về nữ sĩ Tương Phố. Ông đòi tấm ảnh của nữ sĩ để đưa vào *"Nhà Văn Hiện Đại."* Thế là bà Tương Phố gửi cho ông tấm ảnh bà chụp chung với em mình (nữ sĩ Song Khuê). Ông Phan liền cắt bỏ ảnh bà Song Khuê, chỉ đăng ảnh bà Tương Phố. Khi sách đã trình bày, thấy ở trang phụ lục chỉ có tấm ảnh của mình được đăng, nữ sĩ Tương Phố than bằng hai câu lục bát:

Chàng Phan chia rẽ đôi ta
Chị vào văn sử, em ra cõi người.

Cũng trước Bàng Bá Lân, có thêm một vài vận sự tặng quà văn nghệ. Khi đã quen thân với Mộng Tuyết nữ sĩ, nhà văn Nguyễn Tuân thường tặng quà cho bà luôn. Trước hết là hộp bánh Trung Thu ở tiệm Đông Hưng Viên ngon nổi tiếng ở Hà Nội. Ông Tuân gửi cho nữ sĩ đất Hà Tiên kia bằng bưu kiện. Bánh đựng trong hộp gỗ chạm trỗ rất mỹ thuật. Khi tới tay người nhận bánh vẫn thơm ngon. Bánh tuy đã chui vào bụng người nhận, nhưng chiếc hộp đen vẫn còn. Sau đó, mỗi khi có quyển sách nào được xuất bản, ông Nguyễn Tuân vẫn gửi tặng người văn hữu phương xa kia. Có lần ông gửi ấn bản *"Vang Bóng Một Thời"* in trên giấy lụa Dó mà bà Mộng Tuyết cho là một thứ giấy cao quý. Thuở đó sách in cứ bốn tờ dính liền nhau; người đọc phải dùng dao để rọc sách, xem sách tới đâu rọc sách tới đó mới thú. Nguyễn Tuân khuyên bà Mộng Tuyết dùng khăn thấm nước lên rìa sách rồi dùng dao cùn mà rọc thì rìa sách mới có *nhung tơ óng mỡ* (sic). Ngoài ra, ông Tuân còn tặng cho nhà thơ Đông Hồ (về sau trở thành đấng trượng phu của bà Mộng Tuyết) một ấn bản in trên giấy *Bouffant Impérial à la cuvé* có đóng triện son *"Gió đã lên"* với cánh buồm no gió dưới mảnh trăng liềm (*).

Sau ngày 30-4-75, Nguyễn Tuân khi vào Sài Gòn thường ghé thăm bà Mộng Tuyết. Do đó, mối duyên văn nghệ được nối lại sau mấy mươi năm gián đoạn vì đất nước chia đôi. Bà thích gửi tặng ổi bưởi cho ông Nguyễn Tuân, dặn khi ăn xong các múi bưởi, nhớ treo vỏ bưởi trong nhà để không khí trong nhà có mùi thơm như rượu *cointreau.* Cũng có lần bà gửi ra Hà Nội tặng ông Nguyễn Tuân cây *Vạn niên thanh* (cũng có người gọi là cây *Trường Sinh.*) Và theo bà Mộng Tuyết: *"Cây nầy thì người ta gọi là cây 'phát xồi,' tức là 'phát tài' trước chỉ có bán vào dịp Tết. Cũng có người gọi là cây 'Quang âm' có lẽ nó chấp ngày tháng cứ xanh hoài. Nên*

cắm vào lọ thủy tinh trắng, không cần nước nhiều, chỉ độ một phần ba cành. Rễ nó đâm ra dài rất đẹp, có thể chơi cả cành xanh và rễ trắng như thủy tiên mà không hoa...'' (*).

Vận sự tặng quà chắc hẳn có nhiều trong văn giới. Nhưng theo sự hiểu biết của tôi, những trường hợp độc đáo thì hiếm hoi lắm.

Vào năm 1966, chị Thụy Vũ của tôi được nhà xuất bản Thời Mới do ông bà Võ Phiến chủ trương xuất bản quyển tập truyện đầu tay tựa đề là *"Mèo Đêm."* Liền đó, nhà thơ Vũ Hoàng Chương nhờ ký giả Lê Phương Chi đưa đến nhà chị tôi để mở đầu mối giao du văn nghệ. Ông có đặt bài thơ tặng, mà tôi chỉ nhớ có hai câu đầu:

Phương Nam có người đẹp
Dùng văn thay phấn son

Bài thơ sau đó được in trong tập *"Ngồi Quán."* Và sau đó, vào năm 1973, ông Vũ Hoàng Chương có chép thơ trên tờ giấy *Blanc fin* bằng mực tàu, chữ vừa mềm như lá lệ liễu vừa sắc nét như lá phong lan, có đóng dấu triện son tươi thắm. Chị tôi cho đóng khung lộng kiếng treo ở phòng khách tờ thủ bút của thi hào họ Vũ kia.

Riêng chị tôi khi xuất bản quyển tập truyện *"Lao Vào Lửa"* và quyển truyện dài *"Thú Hoang"* chị dùng giấy *buvard* để in các ấn bản đặc biệt dành để tặng các văn hữu. Giấy *buvard* tức là loại giấy dùng thấm mực ướt mà học trò thường dùng. Giấy *buvard* có màu hồng đào tươi rạng. Nhưng đặc sắc nhất là màu thịt cá hồi *(saumon)* tức là màu hường pha một chút màu hoàng thổ xám vàng. Về sau, vì hà tiện, các ấn bản thường của chị thì được in trên giấy nhật trình, còn các ấn bản quý để tặng bạn bè đều được in trên giấy *blanc fin* trắng mịn. Giấy này được nhà văn Mai Thảo gọi là giấy *bạch vân,* được ông Đông Hồ gọi là giấy *ngọc cốt băng cơ* (xương ngọc da băng), được nhà thơ nữ Tuệ Nga gọi là giấy *Ngọc Lan.* Riêng cụ thân sinh tôi tức là nhà thơ Mặc Khải khi cho xuất bản tập thơ *"Phấn Nội Hương Đồng"* cũng cho in các ấn bản đặc biệt trên giấy *blanc fin* mà cụ gọi là giấy *tố vân.*

Các văn hữu tặng nhau thường bằng các ấn bản in trên giấy quý. Giấy *blanc fin* ở hải ngoại chỉ là loại giấy thường, nó thấm mực thua giấy nhật trình (thường được gọi là giấy báo).

Các văn hữu tặng sách cho nhau vẫn chỉ là việc thường. Đó là không kể trường hợp người được tặng không đọc sách tặng, và đó cũng là việc thường nhưng thật chua chát.

Khi ra hải ngoại, họa gia Thái Tuấn có tặng cho nhà văn Kiệt Tấn một bức tranh sơn dầu. Mỗi khi đến chơi nhà của Kiệt, tôi thích ngắm bức tranh ấy. Thái Tuấn cũng như Duy Thanh, Ngọc Dũng trong nhóm Sáng Tạo vẽ tranh sơn dầu rất tuyệt, vẽ minh họa cho sách báo cũng khá bắt mắt, nhưng nếu vẽ bìa cho sách thì lại chát ngắt, tẻ ngơ. Cách chọn màu cho tranh sơn dầu của Thái Tuấn làm tôi có cảm tưởng ngỗ ngộ. Màu xanh nhạt pha xám cùng màu tím pha xám kết hợp trên tranh của anh gợi chút gì u trầm, man mác. Màu thì nguội, ảm đạm nhưng khi lên tranh lại không u tối. Trái lại sự kết hợp của chúng lại sáng sủa, lại êm đềm, dù đó là một thứ ánh sáng lạnh lẽo của một buổi xế mùa thu. Hai màu xám xanh, xám tím kia còn làm tôi nghĩ đến ruột của củ khoai lang Dương Ngọc, một loại khoai ngon nhất miền Nam Việt Nam chúng ta.

Vào hè năm 1986, tôi có đến vùng rợp cây ngô đồng nằm ven sông Loiret trong vắt điểm loáng thoáng bóng trắng những con thiên nga để viếng nhà Thái Tuấn. Anh ân cần mời tôi ở lại chơi vài ngày vì vào weekend tuần đó sẽ có họa sĩ Lê Tài Điển và họa sĩ Nguyên Cầm từ Paris xuống chơi. Tôi từ chối. Khi tôi ra về, anh tặng cho tôi tấm hình trái lựu xanh trên nền màu hồng phấn. Đây là thứ tranh anh dùng giấy cứng vẽ hình trái lựu đạn và chùm lá nhãn nheo mềm mại rồi cắt dán lên nền cũng bằng giấy cứng. Khi về Troyes tôi lồng bức tranh nầy vào tập bìa cứng chung với một số thiệp Giáng Sinh và thiệp chúc Tết khác.

Tôi là kẻ thích chắt chiu kỷ niệm. Tôi giữ từng lá thư của các văn hữu và của các độc giả. Tôi giữ luôn những món quà tặng không ăn được mà họ đã trang tặng cho tôi.

Ở đây, tôi chỉ nói về quà tặng của các văn hữu.

Trước hết là hai cái triện son do chị Trương Anh Thụy, nhà thơ nữ ở Washington DC tặng. Triện làm bằng *mica*, có cái gù bằng gỗ cứng đánh bóng. Cái đầu mặt dương khi thấm son tươi đóng lên giấy trắng thì thấy một hình vuông trắng lồng chữ Hồ Trường An viết theo lối triện màu đỏ, nét chữ nhỏ như nét chỉ thêu. Cái thứ hai mặt âm khi thấm son tươi in lên giấy thì hiện khung vuông màu đỏ nổi bật chữ Hồ Trường An màu trắng, giống như vuông nhiễu màu hồng quế thêu bằng chỉ trắng. Chữ triện do cụ Tá Chí Trương Cam Khải, nghiêm phụ của chị Thụy vẽ.

Về sau, bác sĩ y khoa kiêm nhà văn Lê Văn Lân có vẽ cho tôi năm chữ chiết tự của bút hiệu tôi. Đó là các chữ *Cổ Nguyệt Trường Miên* để cho họa sĩ Vũ Thái Hòa vẽ chữ lồng khung hình bầu dục. Khung hình bầu dục

nhỏ để tôi làm cái triện son thứ ba.

Vào năm 1986, ông bà Võ Phiến từ California qua viếng nước Pháp. Bà Võ Phiến tặng tôi chiếc áo *Kimono* màu thúy lam thêu con rồng vàng xen chỉ trắng và chỉ bạc. Mười một năm qua, nó hãy còn mới. Cũng vậy, những chiếc áo *"săng đai,"* áo *pull* do chị Nguyễn Thị Vinh, do cô Nguyễn Thị Thanh Bình, do cô Cao Bình Minh gửi tặng, tôi vẫn còn giữ mới nguyên. Đó là tôi không kể chiếc khăn quàng cổ màu gỗ giáng hương bằng len dệt thật mỏng, thật mịn của cô Cao Bình Minh. Cô Hoàng Du Thụy tự tay đan cho tôi chiếc áo sơ mi tay ngắn nhưng vạt dài gần tới gối, nó vẫn còn nằm trong rương ướp long não, cũng như bộ đồ cạo râu chải tóc cùng lọ nước hoa của vợ chồng nhà văn Nguyễn Tấn Hưng gửi tặng từ tiểu bang North Carolina. Và trên kệ sách của tôi ở phòng khách vẫn bày tượng ông Thọ bằng sành của Cao Bình Minh, cái tách sành nâu của cô Ỷ Lan (Penelope Faulkner), cái tách in bông hoa dương đào của Nguyễn Tấn Hưng, cái vò uống bia với hàng chữ *"Bà già trầu Hồ Trường An"* do nghĩa muội của họa sĩ Võ Đình gửi tặng. Cô này tên là Thu Hương, hiện định cư ở Colorado, cũng là họa sĩ.

Bác sĩ Huỳnh Hữu Cửu vào năm 1988 có làm cuộc hành hương ở Ấn Độ, bận về Cali có ghé qua Pháp và đến viếng Cổ Nguyệt Đường. Quà tặng gồm xâu chuỗi bằng hột bồ đề nâu đỏ và nhăn nheo giống như hột trái chùm ruột. Một tấm ảnh Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Một lá bồ đề ngâm nước cho tróc lớp thịt là chỉ còn trơ gân lá trắng dệt theo kiểu mạng lưới reng thêu. Và sau hết là một quyển sách viết về quê hương Việt Nam cùng hình ảnh ở Việt Nam nhan đề *"Vietnam, Opening Doors To The World"* của Rick Graetz. Tấm ảnh Đức Phật Thích Ca, tôi lồng chồng lên lá bồ đề trơ gân trắng kia và cho lộng kiếng để thờ chung với các tấm tranh Đức A Di Đà Phật, tranh Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và tranh Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Cũng thế, cứ mỗi lần về thăm Việt Nam, anh Cửu tặng tôi khi thì tấm ảnh cây mắm mọc ven biển, khi thì tấm ảnh chùa Quán sứ, khi thì bức địa đồ lãnh thổ tỉnh Vĩnh Long. Tết năm Bính Tý, anh Cửu gởi tôi 200 Mỹ kim gọi là quà Tết, tôi có thể mua rượu sâm banh để thưởng xuân. Nhưng tôi không mua rượu sâm banh mà mua sáu cái thố hấp cơm lớn cỡ bụm tay, trên nền men thạch thanh có vẽ cặp lý ngư màu thúy lam. Sau đó, tôi mua một cái *tiềm* có đậy nắp dùng để đựng món xào, một cái dĩa cao cẳng, một cái độc bình bụng phình cổ dài, một cái gạt tàn thuốc, hai ống cắm bút. Tất cả đều bằng sứ mỏng tráng men bạch ngọc và vẽ mặt võng màu uất lam.

Tôi còn nhớ vào năm 1990, khi tôi cho trình làng quyển *"Thông Điệp Hồng"* (viết về các nhà thơ nữ ở hải ngoại) thì nhà thơ nữ Như Chi có gởi tặng tôi một bộ đồ trà gồm cái bình trà tròn và lớn cỡ trái bưởi đào cùng sáu cái tách tròn cỡ trái cam hồng mật. Uổng thay bình trà lại vỡ làm đôi, tôi phải mua keo và men để hàn gắn lại. Và tôi vẫn có thể ngắm nền men bạch ngọc in hình lá trúc màu xanh thúy ngọc tức vừa xanh vừa sáng trên nền trắng mịn của men bình trà và của bốn tách trà kia.

Kể làm sao hết niềm thân thương qua cà vạt và áo T-Shirt bằng chỉ tơ trắng do anh Lê Văn Lân tặng? Và hai cây bút máy của anh Anh Vân choáng lộn nét hoàng kim chen nét ngân bạch nữa chi! Cà vạt gồm hai chiếc đều bằng lụa tằm, một cái có sọc màu thúy lục mặn mà chen màu tể thanh sáng như da trời ngày tạnh ráo. Một cái nền đen in lông công có nét hoàng kim chen nét hồng đào, chen nét bích lục và nét ngân tuyến do hãng Carlos Fomasini chế tạo. Hai cái áo may ô trắng in hình bằng mực đen, một cái in cặp rồng lượn, một cái kẽ cữ *New York - Manhattan*. Và vào chớm thu năm 1996, nhà thơ nữ Dư Thị Diễm Buồn ở Illinois tặng tôi pho tượng Đức Di Lặc Bồ Tát và pho tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát bằng ngọc thạch nhân tạo, đúc bằng khuôn chứ không điêu khắc. Hai pho tượng coi vậy mà có một ý nghĩa riêng đối với tôi. Vì đó là lúc tôi bắt đầu trì hành môn Tứ Vô Lượng Tâm (Từ Bi Hỷ Xả)... Đức Di Lạc Bồ Tát tượng trưng cho Hỷ Xả, nụ cười lúc nào cũng vui tươi, sắc mặt lúc nào cũng an lành như xóa bỏ mọi bợn phiền khỏi nội tâm nội giới của Ngài. Còn Đức Quán Thế Âm như bạn đã biết, tượng trưng cho Từ Bi.

Hè năm 1996, nữ ca sĩ Mỹ Hòa có cho tôi biết cô có làm nhiều thơ. Chớm hè năm nay cô gom thơ lại để hình thành thi tập *"Đêm Thế*

Gian." Cô cho biết cô đã là một môn đồ của học giả Võ Thu Tịnh, được ông chỉ dạy rất nhiều về phương diện đào luyện trí thức. Cô nhờ ông Võ viết tựa và tôi viết bạt. Ô kê! Chẳng có gì trở ngại đối với một kẻ quen viết bạt như tôi. Vả lại thuở xưa, tôi đã yêu tiếng hát của cô trong ban *Tam Ca Ba Con Mèo* (The Cat's Trio) gồm có Mỹ Hòa, Uyên Ly, Kim Anh. Tôi cũng đã xem cô thủ vai then chốt trong phim *"Hoa Mới Nở"* do Lê Dân đạo diễn. Và khi ra hải ngoại, cả hai thân thiết với nhau, tuy ít gặp mặt nhau, nhưng khi gặp nhau là cả hai véo von đấu láo vui như sáu sậu, sơn ca.

Viết bạt xong, tôi gửi cho Mỹ Hòa. Hai tuần sau, cô cao hứng đi xe lửa từ Paris qua Troyes để viếng Cổ Nguyệt Đường. Cô biếu cho tôi nem chua, giò lụa và nồi nấu cơm điện National. Trời đất! Cô đâu có biết ở Troyes có tới sáu tiệm bán thực phẩm Á Châu. Vả lại tôi đang thời kỳ trai giới để cầu siêu cho hương linh mẹ tôi vừa thất lộc vào trung tuần tháng Ba dương lịch vừa qua. Và cô đâu biết tôi thích ăn cơm cháy nên thường nấu cơm bằng nồi gang hay bằng soong nhôm để có lớp cơm cháy vừa mỏng vừa dòn. Nhưng không lo! Nem chua và giò lụa đã có anh bạn ở chung nhà là ông bạn hàng xóm của tôi sẽ "độ" hết. Còn nồi National dù có đặt ngoài chỗ phơi phóng quần áo, nhưng vẫn là kỷ vật đánh dấu tình bằng hữu chúng tôi suốt 20 năm qua.

Ngày hè trong sáng trôi uể oải. Chúng tôi gồm có họa sĩ Vũ Thái Hòa, họa sĩ La Toàn Vinh, anh bạn ở cùng tỉnh Troyes, Mỹ Hòa và tôi ngồi uống trà Blao mạn sen, ăn mè xửng, ăn chè táo soạn, cùng ngắm bức tranh màu nước của La Toàn Vinh và bức ảnh phong cảnh phóng đại do Lê Quang Xuân chụp treo ở phòng khách. Tranh của Vinh là một cô gái cài tóc bằng chiếc *băng đô* màu xanh lông chim công điểm chấm trắng, chấm đen; nụ cười cô e lệ. Còn bức hình chụp của Lê Quang Xuân là cô kiều nữ áo đỏ, tay cắp nón lá đứng dưới vòm tre rậm. Đó là bức ảnh mà anh Xuân dùng làm bìa cho quyển tiểu thuyết *"Vùng Thôn Trang Diễm Ảo"* của tôi (do Đại Nam xuất bản). Rải rác đâu đó là những bức tranh thủy mạc của Võ Đình vẽ theo hứng qua những câu thơ của Nguyễn Thị Thanh Bình, những câu thơ của Đặng Thị Quế Phượng và những câu thơ của Cổ Nguyệt Đường chủ nhân. Và xen vào đó là những bức ảnh màu của Lê Quang Xuân lớn cỡ các bức lưu ảnh cũng được lộng kiếng treo trên vách. Trong các tấm ảnh nầy, các người mẫu đều là các cô tố nữ, Kiều nga, ngọc nữ xinh xinh chứ không lộng lẫy như các nàng giáng tiên, không gợi dục như thần nữ hay vệ nữ. Họ tha thướt trong những chiếc áo dài choáng lộn sắc bướm màu hoa.

Sau đó, tôi cho khách xem những ảnh của các minh tinh điện ảnh, các ảnh ông hoàng bà chúa Tây phương, mỗi thứ dán trong các tập giấy riêng bìa cứng. Lại còn những ảnh các chàng mỹ nam tử, các nàng vệ nữ Tây phương khỏa thân nữa chi. Sau đó là những quyển *album* lộng ảnh các nam nữ nghệ sĩ Việt Nam ở hải ngoại, những quyển *album* cùng những tập giấy bìa cứng lộng những tấm ảnh, những tấm thiệp chúc Tết, những tấm thiệp chúc Giáng Sinh, phần lớn là do các văn hữu và các độc giả gửi tặng cho tôi suốt 15 năm qua. Lại còn những tập giấy dán các phong bì đẹp có trang điểm tem đẹp, được trình bày đẹp. Tôi còn dán những tấm chương trình văn nghệ trình diễn, những thiệp mời xem triển lãm tranh ảnh, những thiệp cưới và những tấm ảnh chụp bông hoa do văn hữu gửi tặng. Có bốn tấm thiệp cưới đặc sắc nhất. Một là thiệp cưới do nhà thơ Đan Quế gửi khi ông làm lễ thành hôn cho trưởng nam của ông, hai là tấm thiệp cưới do nhà văn Nguyễn Văn Sâm gửi khi anh sắp thành hôn với chị Nguyễn Thị Long An. Hai thiệp đó bằng thứ giấy dầy trắng bóng như lụa bạch, có một cạnh được xé tả tơi một cách cố ý để có rìa nhung tơ óng mỡ. Thiệp cưới thứ ba do nhà văn nữ Trần Thị Diệu Tâm gửi để báo tin lễ thành hôn cô trưởng nữ của chị. Thiệp màu trắng, vóc giấy óng ảnh như vóc sa teng tuyết nhung, có đính thêm chùm tua chỉ tơ trắng, trông rất hào hoa và cổ kính. Và sau hết là tấm thiệp cưới do nhà văn kiêm y sĩ Trần Đại Sỹ gửi để báo tin lễ thành hôn trưởng nam của anh. Giấy thiệp mượt mà như vóc nhiễu trắng, tên cô dâu và chú rể được lồng trong khung hình trái tim có điểm hình nổi long lanh nét ngân nhũ, điểm những chấm hoa màu ngân hồng, những phiến lá màu ngân lục.

Vào năm 1988, chị Trần Thị Lai Hồng có sáng lập tờ tạp chí Phụ Nữ Ngày Nay tại tiểu bang Washington (Tây Bắc Hoa Kỳ). Tôi có cộng tác với chị được một số báo thì tờ báo đình bản. Sau đó, chị xoay qua làm thơ, vẽ tranh và chụp ảnh. Chị gửi tặng tôi hai tấm ảnh, bức ảnh đầu chụp một đóa hoa quỳnh trong ngọc trắng ngà chói sáng giữa bóng lá màu rêu đậm, bức ảnh thứ hai chụp khóm hoa lan tím thật man mác, thật lãng mạn. Sau đó, khi trở thành bạn đời của anh Võ Đình, chị Lai Hồng có gửi cho tôi bức ảnh khóm hoa sen hồng mà chị chụp trên tà áo dài do chính tay chị vẽ. Ba tấm ảnh đó tôi còn giữ đủ.

Cô Cao Bình Minh có chụp một bông dâm bụt để gửi tặng tôi. Cô bảo bông hoa đó có màu hồng phấn, nhưng cớ sao trên bức ảnh tôi chỉ thấy hoa có màu gạch non, màu ngói mới? Hoa dâm bụt có nhiều cái tên tàu như *thuấn anh, thuấn hoa, mộc thuấn, mộc cẩm.* Và trên bức ảnh chụp kia dù có màu gạch non ngói mới chăng nữa, hoa vẫn đẹp, cánh hoa trong ánh sáng mùa hè sao mà chập chờn hư ảo!

Có hai cô độc giả ở Cali tên là Kiên và Kim Oanh, khi đọc quyển *"Phấn Bướm"* của tôi, có gặp bông kim đồng và bông ngọc nữ. Hai cô tìm được hai thứ hoa ấy chụp ảnh để tặng tôi, và bảo rằng đó không phải là hai thứ hoa huyền thoại, hai thứ hoa giả tưởng đó do tôi bịa đặt. Hoa ngọc nữ gồm năm cánh màu bạch phấn ốp thành búp sen bé tí ti cỡ đốt ngón tay, giữa năm cánh trắng đó có một cánh màu hồng hạnh, đỏ một cách thấm thiết. Còn hoa kim đồng giống như hoa cải màu hoàng yến kết từng chùm trên nhánh lá mềm mại.

Ít lâu, nhà văn Nguyễn Tấn Hưng gửi cho tôi bốn tấm ảnh chụp loại hoa trồng trong chậu đặt tại khuê phòng của anh. Và anh đổ hô đó là hoa kim đồng. Hoa nầy có cánh phối trí như hoa kim đồng nhưng có màu đỏ như màu tấm nàn nhung huyết dụ, nhánh kéo dài thành dây, lá to bản gấp ba gấp bốn lá kim đồng.

Người ta bảo người già thích sống bằng hồi tưởng thời quá khứ, còn kẻ không thể làm đại sự nên mới ưa nhặt nhạnh những cái vụn vặt để cất giấu trong kho tàng kỷ niệm của riêng mình. Người ta có lý khi nhận xét như vậy. Nhưng đối với tôi, nhận xét kia dù đúng hay sai ở trường hợp tôi, dù dựa trên khía cạnh tích cực hay tiêu cực, tôi cũng chẳng thấy nó có thể làm giao động làm tổn thương cái tự ái và niềm yêu thích của tôi.

Và tôi vẫn chắt chiu kỷ niệm. Vẫn nhặt nhạnh, cất giữ từng món kỷ vật. Sách tặng của văn hữu, băng nhạc của Khánh Ly, dĩa nhạc của Quỳnh Giao, dĩa nhạc của Trọng Nghĩa, tất cả vẫn còn nằm trên giá sách (dành cho sách), trong hộc tủ (dành cho dĩa nhạc và băng nhạc). Phong bì thư, bưu ảnh, thiệp cưới vẫn được tôi dán vào tập bìa cứng, vẫn được tôi lồng vào các quyển *album.*

Cứ mỗi sáng sớm tôi moi trong đống rác của chung cư để nhặt nhạnh sách báo mà các ông Tây bà Đầm hàng xóm vứt bỏ. Tôi đưa về dưới mái Cổ Nguyệt Đường một đống báo to. Sau đó tôi lựa ảnh các minh tinh điện ảnh, ảnh ông hoàng bà chúa Tây phương, ảnh các nhà văn lớn, nhạc sĩ, họa sĩ, kịch tác gia thế giới. Tôi cứ cắt rồi dán vào tập bìa cứng. Đôi khi tôi chọn bất cứ ảnh nào có đôi chút giá trị nghệ thuật nhiếp ảnh để cắt dán luôn. Mười lăn năm qua, tôi đã làm như vậy. Và nếu trời cho tôi sống trên 15 năm nữa, tôi vẫn làm như thế. Đó là một phần đời tuy nhỏ, nhưng rất thơ mộng, rất kỳ thú trên dòng cuộc sống tràn đầy mơ hoa mộng ảo của tôi.

Và tôi vẫn mua các món ngoạn hảo bằng sành, bằng xứ để bày lên kệ sách, ở phía ngoài hàng sách xếp đứng.

Làm những công việc vớ vẩn đó, tôi cảm thấy mình như được chia sẻ cùng ông Tản Đà, bà Song Khê, ông Nguyễn Tuân, bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, ông Vũ Hoàng Chương, bà chị Thụy Vũ của tôi những văn thoại thi thoại thật đẹp đẽ, thật thi vị. Và có làm như vậy, tôi mới cảm thấy gần gũi các bạn văn hiện tứ tán khắp bốn phương trời hải ngoại hoặc các bạn văn còn kẹt lại sau bức màn tre vông khắp quê nhà.

Cổ Nguyệt Đường ngày 25/6/97

CHÚ THÍCH:

(*) Trích ở bài "Mưa Dầm Tháng Bảy" trong quyển tùy bút "Dưới Mái Trăng Non" của Mộng Tuyết, do Văn Nghệ (Sài Gòn) tái bản lần thứ nhất vào tháng Mười năm 1996.

PHÂN ƯU

Được tin thân mẫu của
Giáo Sư Dương Đức Như
và là nội tổ
của nhà văn Dương Như Nguyện

Cụ Bà

DƯƠNG ĐỨC MẬU

Nhũ danh KHUẤT THỊ KHẨN

vừa tạ thế ngày 15 tháng Bảy 1997
nhằm ngày 11 tháng Sáu năm Đinh Sửu

Hưởng thọ 90 tuổi

Thành kính phân ưu cùng Ông Bà
Giáo Sư Dương Đức Như,
văn hữu Dương Như Nguyện và tang quyến.
Cầu chúc hương hồn Cụ Bà
sớm tiêu diêu miền Cực Lạc

Tạp Chí THẾ KỶ 21

BỨC TƯỜNG

NGUYỄN THỊ VINH

Tối nay, tuyết rơi nhiều, thời tiết chỉ không độ, vẫn ấm hơn so với mấy ngày trước, mười lăm độ âm. Con đường dẫn đến phòng sinh hoạt "đa văn hóa" ngập những tuyết, ánh đèn vàng chiếu xuống tuyết trắng xanh, khiến sắc tuyết ngả màu nắng úa.

Bà Thanh nhận lời mời, của một nhóm sinh viên Việt Nam tại Oslo, tới dự cuộc họp bỏ túi vào mỗi cuối tuần để nói chuyện về các đề tài quê hương. Buổi sinh hoạt nào cũng chỉ khoảng chừng trên dưới mười người tham dự. Nhưng bà Thanh rất thích được nghe những người tuổi trẻ nói chuyện, bày tỏ cảm nghĩ riêng tư của họ về chuyện đất nước. Từ chuyện miếng ăn ba Miền, tiếng mẹ đẻ, lịch sử chiếc áo dài, tới các khía cạnh chính trị, văn học... Giữa hai thế hệ, thường có những khoảng cách lớn, về cách nhìn con người cùng cuộc sống, thời nào cũng vậy. Bà Thanh biết thế, nên đã tự nhủ mình chỉ nên nghe nhiều hơn nói. Những người trẻ tuổi ngày nay đa số có kiến thức phổ thông cao hơn thời bà bằng tuổi họ.

Mé trái, từ cửa ngoài vào phòng họp, là góc nhà bếp nhỏ, nhưng đầy đủ các đồ dùng. Ly tách, muỗng đĩa, nồi soong, cả máy rửa chén bát, bình trà, máy pha cà phê. Trong tủ chứa sẵn cả cà phê, trà, đường, dầu ăn, muối... Trên tường phòng được gắn vài ba chiếc đèn điện, có chao chụp màu hồng, tỏa ánh sáng thật dịu mắt.

Khi bà Thanh tới, thấy một số bạn trẻ đã đến trước, họ đang cùng nhau sắp bánh và trái cây ra đĩa. Trên chiếc bàn ăn dài, mấy ngọn nến được thắp lên, mùi thơm của sữa đậu nành của cà phê tỏa sực nức, không khí ấm cúng, tiếng nói cười huyên náo.

Ngọc, một cô gái mười bảy tuổi, vóc người mập mạp chưa qua được vẻ "bụ bẫm" hồi nhỏ. Tính Ngọc vui vẻ, hay làm, hay ăn, cũng như hay nói, hễ không nói thì lại ông ổng hát. Ở đâu có Ngọc, ở đấy huyên náo ồn tồn hẳn lên. Các bạn đều yêu thích, hễ cuộc họp nào vắng Ngọc, ai cũng hỏi.

Vào ngày cuối tuần, các bạn trẻ phải tập thể thao như bóng bàn, bóng rổ để chuẩn bị cho mùa hè, đi dự đấu với các đội thanh thiếu niên Việt ở Anh, Pháp. Từ phòng thể thao ra, dù có đói họ cũng phải đi thẳng đến nơi họp mặt, không kịp về nhà ăn cơm. Nên họ đồng ý mỗi tuần góp nhau, thu được một số tiền nhỏ, chia thành từng nhóm. Thay phiên đi chợ mua thức ăn đem đến hội trường, xúm lại nấu các món ăn Việt Nam. Ngọc sở trường nấu bún riêu, tuần nào đến phiên Ngọc đi chợ, các bạn lại được ăn bún riêu bằng thích. Tới phiên cánh con trai, họ chỉ biết làm mỳ ống ăn với thịt bò băm sốt cà chua, hoặc tiện hơn cả, mỗi người một ổ bánh mỳ thịt mua sẵn cho gọn. Anh Tú còn tính gọn hơn nữa, cô nhờ mẹ thổi xôi với gà quay từ ở nhà, xong đem lại. Nhờ vậy một phần, kỳ họp nào cũng vui, câu nói của người xưa "dĩ thực vi tiên", ăn uống trước đã, dường như vẫn còn hiệu lực.

Buổi họp tối nay do Hà, cô sinh viên ban toán, hăm mốt tuổi, gốc người Mỹ Tho, chịu trách nhiệm đặt đề tài thảo luận trước, để mọi người cùng góp ý bàn bạc. Nhưng đã trễ mười lăm phút mà chưa thấy Hà đến, một vài người ngước nhìn đồng hồ. Tịnh lên tiếng:

"Chị Hà lại xài giờ cao su rồi."

Anh Tú, mười chín tuổi, đang theo phân khoa hóa học, bưng đĩa xôi vò, Ngọc phụ bưng đĩa gà quay ra đặt trên bàn. Tiếng nhịp tay vỗ theo lời, mọi người cùng cất tiếng: "Anh Tú, xôi gà, xôi gà, Anh Tú, gà xôi, gà, xôi..."

Tịnh nháy mắt với Mẫn, nhìn bà Thanh, rồi bảo:

"Kỳ trước bác Thanh giảng câu 'con dại, cái mang,' mà Hà là 'con' của 'má' Thanh nên hôm nay chị Hà tới trễ, má sẽ thay Hà nói chuyện trước."

Ngọc reo lên:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Con dại, cái mang mà..."

Bà Thanh đứng lên, bưng tách trà đã uống hết, đem bỏ vào chậu rửa bát, rồi tươi cười nói:

"Bác cháu mình sinh hoạt như thế này đã hơn một năm, nhiều hội đoàn của người Việt

mình ở hải ngoại lúc đầu hăng hái, nhiệt tình, sau cứ nguội đi rồi tắt hẳn. Bác cũng không ngờ là chúng ta giữ được lâu các buổi gặp mặt giữa già và trẻ..."

Quỳnh, tính tình thật vui vẻ, đang học trung học, chưa vào hẳn trong nhóm, chỉ theo chị là Anh Tú tới đây "dự thính," lên tiếng:

"Không, bác chưa già. Nhiều ý nghĩ của bác còn trẻ lắm mà!"

"Đâu, ý nghĩ nào của bác mà cháu cho là trẻ?"

Quỳnh lúng túng. Anh Tú giục em:

"Thì Quỳnh cứ nói đi, như đã nói ở nhà với chị ấy."

Tịnh tiếp lời:

"Quỳnh nói đại đi, chết tôi chịu..."

Mọi người cười ầm lên, ai cũng biết Tịnh để ý đặc biệt đến Quỳnh.

Quỳnh hứ giọng, nhìn xéo Tịnh, rồi nhìn bà Thanh, cô mạnh dạn:

"Tỷ dụ bác nói già hay trẻ cũng là một con người, giữa người này với người kia, nếu thật sự có... có gì nhỉ.. à có bình đẳng, thì phải nghe nhau nói..."

Bà Thanh cười:

"Cảm ơn Quỳnh, nhưng theo cháu câu ấy nó mới ở chỗ nào?"

Mọi người đều tỏ vẻ ngạc nhiên khi nghe Quỳnh:

"Cháu thấy phần nhiều người lớn chỉ thích nói, muốn chúng cháu phải nghe, hình như dưới mắt những người lớn, lời nói của chúng cháu không được chú ý. Chắc nghĩ chúng cháu chỉ là bọn trẻ, thiếu kinh nghiệm. Phải vậy không bác?"

"Ở Na Uy, chính bác cũng còn thiếu kinh nghiệm sống, những kinh nghiệm mà bác có được từ trong nước, không hẳn là bỏ hết đi. Nhưng các cháu nghĩ coi, đem áp dụng hoàn toàn vào cuộc sống tại đây có được không? Giữa chúng ta, hai thế hệ già và trẻ, cần phải dè dặt trong việc đánh giá lẫn nhau. Thế hệ của bác, có thể ít bằng cấp hơn các cháu. Nhưng phần đông biết cách sống, một trong những cách sống đó là... Như ba má các cháu, đã đưa các cháu sang đây. Đời sống được tự do, no ấm và được học hành đến nơi đến chốn."

Uyển Chi, hăm hai tuổi, học Luật, nên cô hay cãi lý lắm:

"Cháu có cảm tưởng bác lại sắp kể công cho thế hệ trước, chúng cháu có muốn 'đi du học' như thế này đâu. Chúng cháu bị mang tới đây, rồi bỏ mặc cho trường học và xã hội Na Uy dạy dỗ, còn các chú, các bác cứ lo những thứ hội hè không dính dáng gì tới chúng cháu cả..."

Quân, cậu sinh viên ngành Hải dương học, vuốt mái tóc lòa xòa, đặt tách cà phê xuống bàn, nói ngay:

"Bố cháu nói vậy mà đúng, không sống trong đất nước mình, thì biết gì về quê hương, làm sao có tình yêu quê hương thật sự được. Cũng như bảo chống cộng, chúng cháu có biết cộng sản như thế nào đâu mà chống. Chỉ thấy ngày nay, chính những người trốn chạy cộng sản, lại đi về Việt Nam như đi chợ, ai cũng nói, trong nước giờ không thiếu thứ gì, đời sống sung sướng lắm. Nhiều người về trong nước, ở cả sáu tháng, mới trở lại Na Uy để lĩnh tiền già, hay tiền an sinh bệnh tật, rồi lại về Việt Nam sống, có sao đâu. Bên này, khi có hội hè, Tết nhất, chúng cháu có đến dự chỉ bị sai kê bàn, dọn ghế, lo âm thanh... Không được góp ý một lời nào. Cháu cho thế cũng là độc tài..."

Nhuận, hai mươi tuổi đang học ngành Quản trị Thương mại, cũng chen vào:

"Độc tài quá đi chứ!"

Bà Thanh vẫn điềm đạm:

"Các cháu không cho bác được trả lời từng người một cũng là... độc tài!"

Mọi người cười ồ lên. Bà Thanh chờ cho yên lặng, xong tiếp:

"Các cháu có Hội Sinh Viên, tại sao không tự đứng ra tổ chức buổi nói chuyện, đặt câu hỏi với đồng bào về các vấn đề như Quân vừa nêu ra. Rồi tự tổ chức tết Trung Thu cho các em nhi đồng, các cháu chủ động, chỉ mời vài người lớn làm cố vấn về văn hóa và góp ý thôi. Tết Trung Thu không chỉ giản dị là tết Nhi Đồng đâu, nó chứa cả cái tinh thần khuyến học của ông bà ta xưa. Ngày nay nghi lễ giảm dần tới độ mất cả hình ảnh ông Tiến sĩ tượng trưng, được bồi bằng giấy, nhằm nhắc nhở trẻ con chăm học. Nhưng mà thôi, chúng ta đi xa vấn đề quá rồi... Nhuận và Quân mới sinh hoạt ở đây, nên không thấy nhóm này đã nói về những khó khăn giữa hai thế hệ. Có dịp, chúng ta sẽ trở lại để mọi người cùng bàn thêm lần nữa. Cả về chuyện đa số gia đình vì khốn khổ mới phải xa đất nước, rồi bây giờ lại trở về thăm, như đi chợ. Nhưng họ vẫn nhắc đến chuyện phải chống bất cứ những gì không dân chủ, mất tự do, nô lệ giáo điều... như Quân vừa nói đó."

Anh Tú có ý trêu chọc những người mới vào nhóm:

"Mấy người có ý kiến gì, phải hỏi các đàn anh, đàn chị trước khi đặt vấn đề hỏi thầy, cô chứ."

Chiêm, hăm ba tuổi, học Y năm thứ hai, vui vẻ cự lại:

"Đừng xí xọng, nhỏ tuổi hơn người ta mà

đòi làm chị. Được bác cưng quá, mấy cô muốn làm trời..."

Bà Thanh lấy lại được không khí sinh hoạt vui vẻ mà vẫn trật tự:

"Lỗi tại cái ông nhà văn nào đó đã nói 'đàn bà muốn là trời muốn.' Chứ các cháu, cả trai lẫn gái, bác đều thương mến như nhau. Hà nó không gọi bác là bác, mà gọi má thì bác làm... má. Có vậy thôi. À, Uyển Chi thử gọi điện thoại về nhà Hà xem có việc bận hay sổ mũi, nhức đầu gì chăng... Hà đúng hẹn lắm mà, bác cũng hơi nóng ruột...

Uyển Chi bảo:

"Cháu gọi từ nãy mấy lần rồi... mà nhà Hà đều bận. Bài nói chuyện của Hà, cháu đánh máy, cháu có giữ một bản đây, hay bữa nay chúng ta thử bàn sơ qua, rồi kỳ tới có Hà, lại bàn tiếp?"

Mọi người đều đồng ý như vậy. Ngọc bảo:

"Nhưng tất cả hãy ăn đã, chắc ai cũng đói rồi. Mùi xôi và gà quay hấp dẫn quá, không thể đợi được nữa. Là lá la, xôi gà là gà xôi."

Ngọc vừa dứt lời thì Hà tới. Dầm mình ngoài trời tuyết lâu, hai má cô đỏ như người thoa phấn quá tay. Hà xin lỗi đã tới trễ vì phải đưa mẹ tới văn phòng bác sĩ trực. Bà mẹ cô bị chứng thấp khớp, về mùa đông, hai đầu gối sưng đau không đi được. Cô lo sợ quá, không còn nhớ tới việc phải gọi dây nói lại đây.

Mọi người bắt Hà phải cùng ăn, nhưng cô chỉ ăn lấy lệ. Xong bữa, nghỉ giây lát, Hà bắt đầu vào chủ đề mà hôm nay cô trách nhiệm. Mỗi tháng một đề tài, thông qua các chuyện có thật trong đời sống khắp nơi, không nhất thiết phải ở Việt Nam hay Na Uy.

Trước hết, cô tóm tắt câu chuyện:

"Năm 1959, vào thời nước Đức chia hai, cách đây băm tám năm. Một hạ sĩ quan trong quân đội Mỹ, ông Arnold Kephart, ở trại lính tại Heideberg, một lần công tác ông ta lái xe gây ra tai nạn rồi vì hoảng sợ, nên chạy trốn qua Đông Đức. Ở đó ba chục năm, ông ta lập gia đình và đã có con. Tới năm 1989, trước khi bức tường Bá Linh bị phá xập, Arnold Kephart dắt cậu con mười hai tuổi theo làn sóng người chạy trốn khỏi Đông Đức. Họ phải vượt chặng đường trên 500, cây số để tới Tây Đức. Trên đường đi hai cha con phải xin ăn để sống. Sang được vùng tự do, vừa mới ôm hôn cha già tám mươi sáu tuổi, Arnold Kephart liền bị quân cảnh Mỹ bắt về tội trước đây đã đảo ngũ, bỏ hàng quân trốn sang đất địch. Ra toà án quân sự, ông được tha bổng, lý do: 'Arnold Kephart đã sống 30 năm tại Đông Đức đủ là một hình phạt quá nặng nề rồi!'"...

NGUYÊN PHƯƠNG

KHỐC

Mai về
có ghé ngang vườn cũ
Thay ta mời rượu
với vầng trăng
Xót
cây không rễ
nơi quê lạ
Mộng đã xa
mỏi cánh chim bằng

Trăng
lạc loài nhịp
nỗi xót xa
Cỏ gai
xương trắng
phủ quê nhà
Mây che tâm
núi sông còn động
Nước mất người
thương
trăng mất ta

Đắng
miệng nhắc chi tâm sự
cũ
Đời ấm tình riêng
lạnh nghĩa chung
Tiếng chim lẻ
bước run cô đạo
Ôm ánh trăng
xưa bóng
chập chùng

Múa bút
say
tràn che đớn đau
Thù nay
không lẽ hẹn đời sau
Bạc
tóc nghiêng
bầu tuông gió
lạnh
Khốc
kiếp phù sinh
rượu đổi màu.
4/95

Hà ngưng đọc, uống ngụm Coca, xong cô kể tiếp:

"Ngày sang Đông Đức, anh chàng Arnold Kephart hăm ba tuổi, lứa tuổi của chúng ta hôm nay, ngày trở lại Tây Đức, ông ta năm mươi ba tuổi, thuộc thế hệ cha chú chúng ta bây giờ. Hai thế hệ một con người Kephart. Chi tiết này mới vui chớ, năm mươi ba tuổi rồi mà ông ta còn viết thư xin... tái kết hôn với người vợ tại Đông Đức. Hình như trước khi đi trốn, để tránh cho người ở lại khỏi bị rắc rối, ông ta đã xin ly dị vợ. Hai lần đi trốn đi trước đó, ông bị thất bại, lần thứ ba này mới thành công. Lần cuối, nếu ông không trốn cũng thành công, vì chế độ Đông Đức xụp đổ theo bức tường Ô Nhục rồi, đâu còn nữa."

Cầm ly Coca uống nhấp giọng, Hà tiếp:

"Bây giờ Hà xin mời mọi người góp ý, đã nghĩ ra sao về câu chuyện Hà vừa kể? Má thấy con chọn đề tài này ra sao?'

Bà Thanh trả lời không đắn đo:

"Hay! Tới bây giờ má còn lấy làm lạ, Đông Âu nói chung và Đông Đức nói riêng, xụp đổ nhanh như thế. Chắc ông Arnold Kephart cho rằng, tình hình rối loạn chỉ xảy ra trong ít ngày, sau đó các lực lượng chống đối sẽ bị đàn áp, cộng sản Đông Đức sẽ lấy lại được chủ quyền. Thừa cơ hội, ông ta phải chạy cho nhanh, chứ nếu biết trước tình trạng cộng sản Đông Đức xụp đổ như đã xảy ra, ai lại dắt cả trẻ con chạy trốn trong tình trạng nguy hiểm, có thể bị bắn chết hoặc đi tù cho đến chết."

Mẫn góp ý:

"Cháu đọc sách báo, thấy cái thứ chế độ đó cũng lạ, ở đâu cũng giống nhau, phần đông dân chúng chỉ thích chạy thoát. Trong khi nhiều sinh viên, giáo sư du học hay tốt nghiệp ở ngoại quốc lại chạy về... Việt Nam mình thì cả những người phải đi vượt biên gần chết, mới thoát khỏi chế độ độc tài, thế mà bây giờ cũng đi đi, về về như điên."

Bà Thanh tiếp lời:

"Các cháu có biết, hay đã nghe nói đến ông Tiến sĩ Hảo chưa? Hồi trước, khi tốt nghiệp ở Pháp xong, ông ta về Sài Gòn rồi vào chiến khu theo Hà Nội. Sống và làm việc với họ hai chục năm. Từng giữ chức Chủ tịch tỉnh Thừa Thiên... Giờ ông lại mới qua Paris xin tỵ nạn chính trị, kiếm được chân soát vé tại viện bảo tàng Louvre."

Nhuận lúc nào cũng hay có cái nhìn khôi hài:

"Chỉ khác, anh lính Mỹ kia sau khi gây tai nạn, sợ bị tù, mới chạy qua Đông Đức mà thành ra bị tù ba chục năm. Còn ông Hảo vì một ảo tưởng, từ Pháp chạy theo họ ra Hà Nội nên 'bị tù' hai mươi năm. Phải vậy không bác?"

Vân Anh, vốn ít nói, cặp kính cận thị dầy cộm, mọi động tác của cô thường hay lúng túng, chậm chạp:

"Chị Hà à, sao đề tài hôm nay không nói về tình yêu, tình người, mà cứ nói chính trị nhiều quá..."

Hà cười:

"Kìa, Vân Anh, chuyện người cha đi trốn cũng dắt theo con, ông già của người lính Mỹ sau ba chục năm mới gặp được con trai, lại được thêm đứa cháu nội mười hai tuổi. Ba thế hệ ôm nhau khóc trên sân ga... như thế là tình người, hay chính trị? Cái đích của câu chuyện ở đoạn cuối cơ, về một con người đang sống ở miền đất này, phải chuyển qua vùng khác..."

Nhuận thì thực tế hơn:

"Tình hay chính trị, gì cũng được. Miễn là đề tài hấp dẫn thì thôi chứ."

Vân Anh đỏ mặt im lặng. Nhuận tiếp:

"Suốt ba mươi năm mà họ không cho Arnold Kephart viết thư thăm gia đình ở Mỹ, không được về Mỹ dù chỉ là 'du lịch hay thăm quê hương?'"

Chiêm bảo:

"Tôi nghĩ là Đông Đức không khắt khe tới vậy, nhưng muốn đi đâu cũng phải có tiền chứ! Đúng không bác Thanh?"

Bà Thanh cười, trước khi cất lời, bà luôn mở đầu bằng nụ cười:

"Năm 1959, 1960 đang thời Nga, Mỹ chiến tranh, dù chiến tranh lạnh, không ai cho một hàng binh trở về lại phía bên kia cả. Họ còn sợ cả chính thường dân Đức trốn đi, nên bức tường Ô Nhục ngăn cách Đông, Tây Đức mới dựng lên cao và chạy dài như thế chứ. Ba mươi năm sống tại Schmalkalden, một tỉnh nhỏ ở Đông Đức, ông Arnold Kephart không được rời khỏi nơi đó, dù chỉ một hai ngày. Sao lại bảo là không khắt khe?"

Hà kể thêm:

"À, sau khi Hà xem bài báo trên tờ Tấm Gương ở Đức, vì tò mò Hà đã gửi thư đến hỏi tòa báo một số chuyện. Hà được tòa báo trả lời, cho biết thêm khá nhiều chi tiết hay hay... Nghe nói chính sách hộ khẩu của cộng sản, ở nước nào cũng giống nhau, không cho ai muốn ở đâu thì ở, muốn đi đâu thì đi..."

Tịnh hỏi:

"Thí dụ như thế nào hả Hà?'

"Trên đoạn đường cha con ông Arnold Kephart phải vượt hơn 500 cây số, chúng ta hãy tưởng tượng như từ Bergen, chạy bộ lên Oslo, băng qua rừng núi, làng mạc thưa dân cùng các đồn bót... Cậu bé yếu đuối kia đã phải săn sóc

người cha năm mươi ba tuổi, lúc ông lên cơn sốt vì đuối sức, khát và sợ. Vậy mà không hiểu sức mạnh nào đã giúp ông Arnold Kephart ngồi bật dậy khi nghe thấy tiếng súng. Gần như ông vác con lên vai và chạy hàng cây số trong rừng thông..."

Mọi người đều yên lặng để nghe, Ngọc trố mắt, cô có thói quen lè lưỡi ra, xong rụt nhanh lại, mỗi khi thấy điều ngạc nhiên:

"Ghê, có lẽ sợ quá làm người ta liều mạng."

Hà tiếp:

"Một lần, hai cha con lạc nhau trong đêm, tiếng súng, tiếng chó bẹc-giê sủa, tiếng đoàn người hỗn loạn kêu, khóc. Các bạn có biết hai cha con đã tìm nhau cách nào không?"

Mọi người im lặng nhìn Hà, chờ đợi. Họ nghe rõ cả tiếng ngụm nước Hà vừa uống trôi xuống cổ cô.

DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

BỎ ĐI MỘT NỤ HỒNG

Bỏ đi một nụ hoa hồng
Sáng nay thức dậy, thinh không cũng buồn
Đóng đi cánh cửa linh hồn
Để lời ly biệt mãi còn trong nhau

Môi cười đã tắt từ lâu
Lệ rơi đã thấm, dây sầu đã mang
Tay khua lớp sóng trùng dương
Rửa cho hết bụi con đường thiên thu

Sáng nay tôi thấy sương mù
Đổ lên chiếc bóng phù du mơ màng
Nụ hoa ai gửi đã tàn
Tôi đem vứt để lang thang một mình

Khi lòng ai đã vô tình
Thì hoa là nợ, mà hình là oan

"Giản dị thôi, cậu bé chạy lại phía góc rừng, nơi hồi chiều hai cha con giấu giấy tờ và mấy tấm hình của bà mẹ cậu. Tới nơi cậu gặp người cha đang ngồi run rẩy dưới một gốc cây, mặt cúi vào cái hốc cây giấu mấy tấm hình người vợ. Các toán biên phòng Đông Đức lúc ấy bắn hỏa châu sáng rực, cốt tìm người chạy trốn."

Nhuận nói dỡn song không ai cười:

"Có thể là họ coi như đốt pháo bông ăn mừng."

Tịnh nói:

"Có thể như thế lắm, những người lính Đông Đức bấy giờ cũng muốn buông súng. Nếu họ quyết liệt, dân chúng sẽ chết nhiều như bên Romani ấy chứ."

Bà Thanh gật đầu:

"Giờ thì các cháu hiểu, đưa được các cháu qua đây, công lao của cha mẹ các cháu lớn lắm, kể như là các vị ấy đã tốt nghiệp trường 'đại học của cuộc đời.' Bác không kể công hộ ai hết. Chúng ta phải nhìn nhận một sự thật. Hàng trăm ngàn người, vượt biển hay đường bộ, đã chết như thế nào. Dù cái nhìn của hai thế hệ có khác nhau, cái nhìn chung vẫn phải có. Hơn năm qua, đề tài nói chuyện nào cũng do chính các cháu lựa chọn và nêu lên, bác chỉ là một trong những người góp ý. Riêng câu chuyện hôm nay Hà mang ra kể, bác còn thấy vai trò của người vợ và người mẹ đối với chồng và con. Người đàn bà Đức hay người đàn bà Việt, cũng như nhau, để cho chồng và con ra đi trước, chính người ở lại mới thật sự chịu kinh hoàng từng giây phút, từng ngày, đêm.

Thế mà khi lớn lên ở xứ người, một số người trẻ tuổi Việt, không nghĩ tới, nếu được cha mẹ nhắc nhở lại cho là kể công. Họ chỉ chạy theo lối sống bề ngoài Tây phương, quên rằng Đông hay Tây, con người chẳng khác nhau. Ai cũng có tấm lòng thương yêu, ý thức về trách nhiệm đối với những người thân như nhau. Kể cũng hay, chuyện của hai người Mỹ và Đức, lại được các bạn trẻ người Việt, mang ra bàn bạc tại Na Uy..."

Nhuận bảo:

"Hình như một nhà văn người Anh nói đúng, đông là đông, tây là tây, những năm ở vườn trẻ, tiểu học, trung học cấp một, cháu chẳng nghĩ và cũng chẳng thấy sự khác biệt nào giữa mình và các bạn người Na Uy. Thế mà càng lớn càng thấy khác, khác xa, không phải chỉ bề ngoài da vàng, tóc đen, mà khác ở ngay cách suy nghĩ."

Bà Thanh lắng nghe với lòng cảm động.

Trước giờ, thấy các người trẻ tuổi không quá "ngán" bà, vẫn thường lui tới trò chuyện, bà cứ tưởng mình đã hiểu được phần nào tâm trạng của họ, hay ngược lại. Nay nhờ có những buổi nói chuyện này, bà mới vỡ ra, chính bà lại là người không hiểu về họ, và đã học hỏi được ở họ nhiều điều. Giữa hai thế hệ, cũng như giữa hai nền văn hóa, vẫn còn có bức tường vô hình ngăn cách. Cần được các bậc phụ huynh và chính phủ Na Uy lưu tâm nhiều hơn nữa.

Uyển Chi nói:

"Cháu biết mình không phải người Na Uy, tất nhiên. Nhưng về đến nhà, sống giữa ông nội và ba má, cháu cũng lại cảm thấy cháu không hẳn trăm phần trăm là người Việt, lại chẳng là "con lai." Có hôm đang ăn cơm, nghe em cháu nói chuyện gì đó vui, cháu phá lên cười, liền bị mẹ cháu nghiêm mặt mắng: 'Con gái con đứa, vừa ăn, vừa cười cười, nói nói, thật chẳng ra làm sao. Khi tôi bằng tuổi các cô bây giờ, đâu có như vậy. Làm con gái mà thiếu tính nết dịu dàng, coi sao được!' Khi đến trường, cháu giữ gìn nhời ăn tiếng nói như lời mẹ dạy, lại sợ tụi bạn Na Uy nó cười, về sự rụt dè, nhút nhát. Sống trong xã hội Na Uy, cháu vẫn thấy mình không được kể như người Na Uy, dù cháu đã mang quốc tịch nước này.

Ngọc ngắt lời:

"Đúng, đúng, muốn được giống như chúng nó, cháu phải cười nói ba hoa, cử chỉ ngổ ngáo sao cho trội hơn tụi nó. Để khỏi mang tiếng là dân mình quê mùa. Tự ái dân tộc mà... La lá lá la là la, là la lá..."

Bà Thanh phải cắn môi để khỏi bật ra tiếng cười. Nhớ hôm gặp Ngọc ở Oslo City, thấy em mặc chiếc váy xanh, cao cũn cỡn và chiếc sơ mi có hoa tím, tay cộc sát nách, để lộ ra cặp chân thô, ngắn, cùng hai bả vai u chắc. Bà đang định sẽ gặp riêng em, tìm lời nói để bảo em đừng mặc như thế, nhưng chưa có dịp. Nay bà mới biết, thì ra em "vì tự ái dân tộc." Bà bỗng thấy tội nghiệp và thương yêu em hơn.

Một vài người lên tiếng: "Đúng quá, đúng, đúng như thế đấy!" Có tiếng con gái dịu dàng, nhưng cương quyết: "Không, không đúng. Không phải thế đâu." Mọi người quay nhìn Vân Anh, mặt cô bừng đỏ, lúng túng một phút rồi nói tiếp:

"Ba cháu bảo: 'Mỗi dân tộc, có một nền văn hóa riêng, mình phải giữ truyền thống văn hóa của dân tộc mình mới được người ngoại quốc họ nể.' Cháu thấy đúng, cháu quen mấy chị bạn người Na Uy, cháu thường đến nhà họ chơi, cháu cũng giữ lễ độ với các bác người Na Uy như đối với ba má cháu ở nhà, vẫn được các bác các chị Na Uy thương mà."

Bà Thanh ngạc nhiên, nhìn Vân Anh. Quả thật như bà thường nghĩ, chính bà còn phải học hỏi nhiều ở các người bạn trẻ này. Hiện tại ngay lúc này, buổi họp đang có chiều hướng đi đến cuộc tranh cãi, có thể mất lòng nhau. Bà vội giơ tay tỏ dấu muốn nói:

"Chắc rất ít bậc phụ huynh nào thấy được nỗi khó khăn mà con, em hay cháu mình đang gặp. Ngoài việc học các ngành chuyên môn ở nhà trường, mỗi người trong họ còn phải học ở trường đời, 'môn đóng kịch.' Về nhà với cha mẹ, họ nhập vai theo cách sống Á đông. Đến trường, hay ra đường phố, họ lại phải nhập vai theo cách sống của người Tây phương, suy nghĩ và ăn nói như Tây phương, như Uyển Chi và Ngọc chẳng hạn.

Bà Thanh cười, nhiều tiếng cười tiếp theo. Tiếng cười của Ngọc to hơn cả. Bà đã làm không khí sinh hoạt vui vẻ trở lại, bà tiếp:

"Bác thường hay thắc mắc: 'Một cây non, bị đánh gốc đem trồng ở vùng đất khác, có bị biến chất không?' Về thực vật chắc chắn là có đấy, như một loại rau ngò, nếu được gieo hạt và trồng tại Na Uy, cây mọc lên vẫn là ngò, tuy nhiên mùi thơm sẽ không thuần chất như ngò trồng ở quê nhà. Còn các người trẻ tuổi Việt đang sống ở hải ngoại như các cháu thì sao? Qua câu chuyện vừa rồi, bác cũng cần kể thêm về hai người cháu của chính bác. Này nhé, hai đứa nó cùng sang Na Uy từ lúc thằng anh mới sáu tuổi, thằng em ba tuổi. Giờ chúng đã vào đại học, vẫn còn đang sống chung với cha mẹ. Thằng anh năm nay hăm bốn tuổi, rất thích thức ăn Việt Nam nhất là cà pháo, mắm tôm. Tính nết cứ như ông cụ, ăn bún riêu phải có kinh giới, mắm tôm. Bún bò không thể thiếu xả, ớt... Thịt luộc chấm mắm tôm phải có chanh ớt, gừng, hành sống v.v... Thích sinh hoạt trong cộng đồng người Việt, bạn thân toàn người Việt. Còn thằng em hăm mốt tuổi lại khác hẳn, không ăn cơm với thức ăn Việt Nam, ngoại trừ phở, hay một vài món như cơm chiên, chả giò... Không có lấy một người bạn Việt, chỉ sinh hoạt với các gia đình người Na Uy, nó có tám người bạn Na Uy vừa trai vừa gái. Năm nay đi quân dịch, nó cũng rủ mấy đứa bạn trai cùng đi. Như vậy các cháu thấy thế nào, chúng ta có thể ví nó như loại rau ngò được không?"

Mẫn đáp:

"Cũng có thể được chứ bác, vì ngò vẫn là ngò, dù không thuần chất. Cũng như anh cháu của bác, tóc vẫn đen, da vẫn vàng, nhưng lại không ăn món ăn Việt Nam. Như thế là không thuần chất rồi."

"Cảm ơn Mẫn, nhưng bác vẫn thấy không thể đem ví con người giống như rau ngò được. Bởi vì con người có trí xét đoán học hỏi, khác với loài thực vật vô tri. Như hồi nãy Nhuận nói 'Khi còn học cấp một, không thấy khác biệt giữa mình và người Na Uy, thế mà càng lớn càng thấy khác, không phải chỉ ở bề ngoài, da vàng tóc đen, mà khác ở cách suy nghĩ.' Bác tin sự nhận xét đó rồi cũng đến với người cháu của bác, dù là đến chậm. Còn bây giờ, chúng ta có thể tạm kết luận bằng câu: 'Cha mẹ sinh con, trời sinh tính, mỗi người một khác.'"

Chiêm nói:

"Nói về việc hội nhập giữa hai nền văn hóa, chẳng riêng gì ở Na Uy mới có tình trạng như thế đâu. Năm ngoái Chiêm về Việt Nam thăm bà nội bệnh nặng, Chiêm cũng cảm thấy những điều lạc lõng y hệt. Rõ ràng người trong nước không hẳn coi mình là Việt Nam. Chiêm 'được' gắn nhãn hiệu 'Việt Kiều.' Đối với người lớn, hai tiếng ấy có làm họ hãnh diện thêm tý nào thì Chiêm không biết, với Chiêm chẳng khác nào bị họ bảo vào mặt: 'Đồ con mất gốc!' Ông chú Chiêm nói: 'Nếu cháu thử phạm một tội hình sự gì đó xem, dù cháu có mang quốc tịch nào đi nữa, cũng được nhà nước xử theo Việt Nam trăm phần trăm.' Bác Thanh nói đúng: 'Những người phải xa lìa nơi họ đã sinh ra, hay phải sống xa nơi họ đang sống, tới đâu họ cũng không dễ dàng hội nhập. Lúc nào cũng gặp một bức tường vô hình ngăn cách.'"

Mẫn kể:

"Thỉnh thoảng cháu vẫn nằm mơ thấy lại cảnh gia đình cháu vượt biên, gặp hải tặc ba lần, kinh hoàng quá. Tỉnh dậy toát cả mồ hôi..."

Tịnh nói:

"Phần Tịnh, chẳng cần phải nằm mơ, cứ mỗi lần nhớ lại cái đêm công an vào nhà lục xoát và bắt ba Tịnh đi tù, cũng vẫn còn toát mồ hôi."

Hơn một năm qua, bà Thanh sinh hoạt với giới trẻ. Trên thực tế có nhiều vấn đề không cách nào giải quyết được. Nhưng dù sao nhóm bạn trẻ, vì yêu mến quê hương đã mang tên: "Nhóm Hướng Việt," mọi người trong nhóm ngày càng hiểu nhau hơn. Từ sự hiểu biết này, người ta mới dễ chia xẻ, giúp đỡ nhau trong học vấn cũng như trong đời sống hàng ngày.

Buổi nói chuyện tạm ngưng, chừng mười phút, mọi người nghỉ ngơi cho thư dãn tinh thần, bớt căng thẳng đầu óc. Khi trở lại vấn đề, Uyển Chi nói:

"Bác Thanh bảo 'Có một bức tường ngăn cách ngay trong gia đình.' Cháu thấy đúng quá, ba má lo cho cháu đầy đủ, trừ một điều, cứ muốn cháu sống theo lối Việt Nam, nhưng cháu lại không được chỉ dẫn như thế nào là lối sống Việt Nam..."

Anh Tú cũng bảo:

"Cũng như cháu, cháu muốn học ngành thời trang. Ba má lại muốn cháu học y hay dược. Má cháu bảo ngành thời trang, vẽ các kiểu quần áo đâu có giá trị... Nhưng không cần biết rằng cháu rất thích ngành thời trang."

Nhờ những người bạn trẻ, bà Chiêm mới hình dung ra một bức tường vô hình, ngăn cách giữa hai thế hệ, tường không cao, nhưng vì không nhìn ra nó để cùng phá đi, nên nhiều người khó vượt qua. Bà cũng trình bày những điều khó khăn mà bà gặp phải nơi quê người. Hình như ai cũng vậy, dù tuổi nào, cũng có những trở ngại riêng. Nói chuyện được với nhau cũng nhẹ lòng.

Tối mùa đông tuy chưa khuya lắm, ngoài đường thưa thớt người qua lại, cả xe cộ cũng vắng. Hà lái xe đưa bà Thanh về nhà. Lúc chia tay Hà nói:

"Chúc má ngủ ngon, trong mộng má về thăm lại ngôi nhà thời thơ ấu của má ở phố Bờ Hồ Hà Nội, hay là về Sài Gòn ăn cơm tấm đường Trần Quý Cáp, má muốn thứ nào?"

"Cả hai!"

Hai má con cùng cười.

Lên tới nhà, nơi căn hộ ở lầu sáu, bà Thanh cảm thấy cái yên tĩnh của một buổi tối mùa đông Bắc Âu, những bức tường nhà như lạnh hơn lên. Bà nhớ lại phần kết thúc của buổi họp mặt vừa rồi. Hà nói, cô có viết thư chúc mừng gia đình ông Arnold Kephart, nhờ tòa báo Tấm Gương ở Đức chuyển hộ, nhưng thật bất ngờ. Hà cho xem lá thư trả lời của chính ông ta. Cuối thư, ông đã viết: "Gia đình chúng tôi hiện đang ở Schmalkalden Đông Đức, nơi tôi đã sống ba mươi năm, thật sự đã trở thành quê hương của tôi rồi! Thằng con tôi cũng không thích sống ở Mỹ, nó nói thế. Nhưng nếu bức tường Bá Linh mà còn cho đến nay, thì chúng tôi chẳng dám nghĩ tới Đông Đức nữa, chứ nói gì đến chuyện trở về sống ở Schmalkalden!"

* Hai con cọp nói chuyện với nhau trong chuồng.

"Tại sao cái bà ấy bữa nào đem thịt đến cho mầy ăn cũng kèm theo một bó hoa?"

"Tại vì một năm trước đây tao đã ăn thịt chồng bà ấy."

* Vợ tôi vừa có một cái áo choàng lông. Nàng mua tặng cho chính nàng, nhân dịp sinh nhật của tôi.

CHUYỆN NƯỚC MỸ

TRẦN QUÁN NIỆM

NGƯỜI ĐỊA CẦU ĐỔ BỘ HỎA TINH

Ngày 4 tháng Bẩy năm 1997, trong khi khắp nơi trên nước Mỹ, pháo bông tỏa sáng rực rỡ trong đêm đen, chào mừng ngày kỷ niệm Lễ Độc Lập, thì trong không gian xa thăm thẳm cách quả đất 119 triệu miles, một khách du cơ khí, đại diện cho nhân loại trên quả đất, đã âm thầm hạ xuống mặt đất đỏ khô cằn lởm chởm đá của Hỏa Tinh. Khách du này là một phi thuyền nhỏ có tên Pathfinder cao 1 thước (3 feet) chở theo một người máy tí hon, cao 30 phân (1 foot) tên Sojourner, có nhiệm vụ thăm dò đất đá trên Hỏa Tinh. Để đến được Hỏa Tinh đúng vào Lễ Độc Lập, cơ quan không gian NASA đã phóng phi thuyền lên không gian ngày 4 tháng Mười Hai năm 1996, và sau khi du hành 310 triệu miles, phi thuyền đã đến vị trí định đúng ngày mà toàn nước Mỹ nô nức ăn mừng Lễ Độc Lập thứ 216.

Với trọng lượng khoảng nửa tấn (1256 lb) trong không gian bao la vô cùng vô tận, phi thuyền quan trọng này chỉ nhỏ bé như một hạt bụi. Ấy thế mà các khoa học gia đã gởi nó đi đến một địa điểm xa diệu vợi, mất đến bẩy tháng hành trình với vận tốc 16,600 dặm một giờ. Bãi đáp của nó là một bình nguyên khô khan có chiều rộng độ 60 miles trên một hành tinh có kích thước bằng nửa quả đất. Và rắc rối hơn nữa là trong khi phi thuyền bay thì quả đất và Hỏa Tinh cũng di chuyển trong quĩ đạo của chúng. Cái khó khăn ở đây phải được hình dung như xuyên sợi chỉ qua một lỗ kim đang bay và xa cả trăm thước.

Các nhà thiên văn đã tính toán cứ mỗi 26 tháng Hỏa Tinh và quả đất di chuyển đến vị trí gần nhau nhất, để người ta có thể phóng phi thuyền.

Có lẽ trong cái tịch lặng của Hỏa Tinh, chẳng một sinh vật nào hiện diện để chứng kiến sự đáp xuống của người khách du cơ khí Pathfinder... Tương tự, tháng Mười Hai năm 1996 phi thuyền này đã rời mặt đất bay vút lên không, trong âm thầm của dư luận, ngoại trừ giới khoa học.

Nhưng giây phút đáp xuống của nó đã nổ bùng như một tin quan trọng nhất trên mặt địa cầu. Tại trung tâm NASA ở Pasedena, California, gần 2000 người đã ôm nhau, reo to và chảy nước mắt mừng vui khi chứng kiến trên màn ảnh rộng 25 feet, hình ảnh đầu tiên của Hỏa Tinh do người máy Sojourner chuyển về, dĩ nhiên trong đó các khoa học gia đảm trách chương trình gởi phi thuyền đi là mừng vui hơn cả. Richard Cook, khoa học gia điều hành chương trình, cho hay *đây là một ngày trọng đại.* Giám đốc NASA, Daniel Goldin bổ túc: *Trong vòng 10 năm tới, chúng ta sẽ có phi thuyền bay tới tất cả các hành tinh trong Thái Dương Hệ để thăm dò, đổ bộ, và mang về các mẫu đất đá.*

Được biết trong tháng Chín sắp tới, một phi thuyền (đang trên đường bay) sẽ vào quĩ đạo của Hỏa Tinh để trong hai năm liên tục, nó chụp hình và vẽ bản đồ hành tinh này, bổ túc cho những chi tiết mà phi thuyền Viking I và Viking II đã thu lượm trước đây.

Từ xa hàng trăm triệu dặm, các nhà khoa học đã tính toán và điều chỉnh cho Pathfinder đáp xuống Hỏa Tinh ở góc độ chừng 14.2 độ vì nếu góc độ nhỏ hơn, phi thuyền sẽ va chạm vào mặt Hỏa Tinh và cháy tan, nếu góc độ lớn hơn, phi thuyền sẽ trượt ra ngoài bầu khí quyển Hỏa Tinh và bay mất vào không gian.

Và Pathfinder đã xuống an toàn. Hai phút trước khi chạm mặt Hỏa Tinh, ở độ cao 7 miles, một cánh dù 40 feet mở tung. Bốn giây trước khi chạm đất, hai hỏa tiễn nhỏ được khai hỏa để giảm tốc độ rơi của Pathfinder. Hai giây sau, dù, hỏa tiễn và các vật phụ tùng bị vứt bỏ, Pathfinder được bao bọc bằng cái túi hơi căng phồng để làm êm, đụng mặt Hỏa Tinh. Nó nhẩy

dựng lên nhiều lần, lăn tròn lông lốc và cuối cùng nằm yên vị. Sojouner đã khiển dụng và gởi về quả đất hình ảnh của mặt Hỏa Tinh quanh nó.

Nỗi mừng vui chen nỗi thất vọng vì trên mặt đất mầu đỏ cam, người ta chỉ thấy khô cằn và đá tảng, kể cả hai ngọn đồi phía xa xa. Không một sinh vật chuyển động, dù chỉ là một con kiến. Không thấy bóng dáng đoàn người nhỏ bé dị dạng mầu xanh xanh như loài người vẫn tưởng tượng. Nhân loại cảm thấy cô đơn. Không lẽ trong khắp vũ trụ, chỉ quả đất có sự sống thôi sao? Những đĩa bay (UFO, nếu có thật) đã từ đâu tới? Những tín hiệu mơ hồ trong không gian mà lâu lâu quả đất bắt được phát ra từ đâu?

Nhiệt độ trên Hỏa Tinh là 15 độ âm ban ngày và 125 độ âm (độ Farenheit) ban đêm. Dấu vết cho thấy cách đây cả tỉ năm, nước đã ngập lụt hỏa tinh nhưng bây giờ thì chỉ còn đất đá khô khan, vô hồn trong độ lạnh kinh người.

Nhân loại trầm trồ kính phục nền kỹ thuật không gian Hoa Kỳ qua thành quả này. Tin về Hỏa Tinh đã làm lu mờ tin về một phi thuyền Nga vừa phóng lên đem theo dụng cụ và chuyên viên để sửa chữa trạm không gian MIR của Nga Sô (trên đó có một phi hành gia Mỹ và hai phi hành gia Nga) (duy chỉ thiếu "phi hành gia" khoác lác Tố Hữu *mang dép lốp bước lên tầu vũ trụ*) mà trong mấy tuần qua đã bị hư hại vì bị một phi thuyền nhỏ đụng phải trong khi các phi hành gia thực tập ráp nối hai phi thuyền (docking). Và cùng lúc phi thuyền con thoi Columbia của Hoa Kỳ cũng được phóng lên thành công sau nhiều trì chậm.

Đây không phải là lần đầu tiên loài người xâm nhập Hỏa Tinh. Cách đây 21 năm, phi thuyền Viking I và Viking II của Hoa Kỳ đã được phóng vào quĩ đạo Hỏa Tinh để thăm dò và vẽ bản đồ.

Điều đáng lưu ý là phí tổn chế tạo phi thuyền đã giảm thiểu một cách đáng kể. Để chế tạo Viking I và II, NASA tốn tám năm và 3 tỉ đô la (trị giá 1997), trong khi Pathfinder chỉ tốn bốn năm và 250 triệu đô la. Sở dĩ thế vì khi khoa học gia Goldin nắm quyền giám đốc NASA, Hoa Kỳ thiếu hụt ngân sách trầm trọng. Những lãng phí một cách vô tội vạ tiền thuế của dân chúng đã bị Quốc Hội kêu ca dữ dội và ngân sách bị cắt giảm tối đa. Để sống còn, NASA phải tiết kiệm và làm việc hữu hiệu.

Trong cái náo nức hồ hởi về một kỷ nguyên mới của khoa học không gian, người dân đen chỉ mong sao các ngành khác của chính quyền cũng làm công việc hữu hiệu, ít lãng phí.

Không ai chối cãi về mặt kỹ thuật Hoa Kỳ quả thật là siêu việt, nhưng cả thế giới ngày nay chê xe Mỹ vì phẩm chất thì dở mà giá càng ngày càng đắt, cũng như hàng chữ mang lại hãnh diện và bảo đảm "Made in USA" nay đã thành "Made in Japan." Hình như người Mỹ hay sốt ruột, chỉ muốn tốc chiến tốc thắng, nhắm vào các công việc to lớn vĩ đại mà thôi. Người Nhật lượm lặt những sáng kiến phát minh của Mỹ rồi tinh luyện thêm, áp dụng vào đời sống thực tiễn và thành công rực rỡ.

Song song với phát triển về không gian xa vời, nếu các khoa học gia, kỹ thuật gia, chính trị gia Hoa Kỳ chịu khó để ý chút xíu đến đời sống quanh ta hằng ngày thì đỡ khổ biết mấy.

SUPER GIRL ĐẺ XONG LÀ NHẢY ĐẦM NHƯ ĐIÊN

Thượng tuần tháng Sáu, trường Trung học Arberdeen, New Jersey tổ chức đêm nhẩy đầm cho các học trò trung học ra trường. Một đêm vui tưng bừng của mùa tốt nghiệp, như thông lệ hằng năm, tại khắp nơi trên đất Mỹ. Cô nữ sinh Melissa Drexler 17 tuổi, thướt tha trong chiếc áo dài dạ hội mầu đen bó sát người, hở cổ, cùng bạn trai và một cặp khác, hớn hở tham dự. Tất cả được cha mẹ chở tới trường lúc 7 giờ 30 tối. 15 phút sau. Melissa nói với bạn là phải vào phòng tắm để check lại phấn son. Cô bạn gái đi theo. Trong phòng tắm Melissa bắt đầu rên nho nhỏ, nhưng trấn an bạn cô là cô không sao, rồi nói cô này cứ ra ngoài với bạn. Còn lại một mình, Melissa vào giai đoạn chót của cuộc đau đẻ. Máu văng đầy phòng tắm. Khoảng 15 phút sau, hài nhi ra đời, nặng 6 pound 6. Melissa cắt rốn cho đứa bé, bỏ vào bao rác, cột miệng túi và vứt vào thùng rác. Melissa tự lau rửa, rồi ra trước gương tô lại phấn son. Cô bạn thân vào tìm. Cả hai ra ngoài, nhập bọn với bạn bè kéo ra sàn nhẩy. Melissa còn yêu cầu ban nhạc chơi một bản nhạc giật mà cô ưa thích.

8 giờ 15, người làm vệ sinh phòng tắm, thấy máu khắp nơi, và thấy bao rác nặng một cách khác thường, bèn báo cáo nhân viên nhà trường. Hô hấp nhân tạo được thi hành để cứu đứa bé nhưng vô hiệu. Cảnh sát ập tới nhưng hành động một cách kín đáo. Dò tìm xem ai là người vào phòng tắm này lần cuối cùng, họ ra sàn nhẩy hỏi Melissa, nhưng cô này chối là không biết. Sau khi được bạn bè cô xác nhận, nhân viên công lực hỏi lại Melissa lần nữa, thì cô thú nhận, và được đưa vào nhà thương. Đứa nhỏ chết, và Melissa ở trong tình trạng sức khỏe bình thường.

Trong khi đó đêm vui vẫn tiếp tục, chỉ một số ít biết về nội vụ. Nhưng hôm sau tin tức lan

ra trên báo chí và cộng đồng, làm mọi người sửng sốt, bàn tán xôn xao, ngạc nhiên và khó hiểu. Không ai biết Melissa có bầu, kể cả người bạn trai của cô ta. Một số bạn gái nghe tin đồn là cô này có chửa nhưng cho biết, không nghi gì lắm vì trông bề ngoài, Melissa vẫn bình thường. Jamie Dries, cô bạn gái mới 16 tuổi cho hay: *"Sau khi ở nhà tắm ra, Melissa ngồi cạnh tôi và bạn bè, cười nói vui vẻ lắm, như không có gì xảy ra."*

Về thể chất, điều lạ là sau khi sanh xong, Melissa vẫn khỏe mạnh phân phây. Về mặt tinh thần đạo đức người ta không hiểu cô này nghĩ gì khi thản nhiên quăng đứa bé sơ sinh vào thùng rác.

Nếu sau khi giảo nghiệm tử thi đứa bé, bác sĩ xác nhận khi cắt rốn đứa bé còn sống, thì cô học trò 17 tuổi sẽ bị truy tố về tội sát nhân. Cô bé học trò đang ở tuổi mộng mơ trước ngưỡng cửa cuộc đời này sẽ chung số phận như Army Grossberg và Brian Peterson, cặp tình nhân sinh viên tại miền Bắc New Jersey cách đây không lâu, tháng Mười Một năm 1996, đã sinh con tại motel, đập chết đứa nhỏ, vứt thùng rác rồi lái xe về trường, đi học như thường lệ, hiện đang chờ ra tòa, nếu có tội có thể bị tử hình.

Hiện nay tại Mỹ các em vị thành niên có bầu, giấu nhẹm gia đình, bạn bè, đẻ xong tìm cách liệng bỏ đứa con sơ sinh, có chiều hướng gia tăng. Tuy không có thống kê chính thức nhưng trong năm 1996 tại Los Angeles, có 10 trẻ sơ sinh bị liệng bỏ. Trong một cộng đồng duyên hải Nam Cali ba em bé, cách đây hai mùa hè. Tại New Jersey, nơi Melissa Drexler ở, có 12 em trong 10 năm qua. Gần đây nhất, trong tháng Sáu, tại New Jersey, một cô gái vị thành niên sinh con tại gara, giấu ở đó, lên nhà tắm và bị xỉu. Bốn giờ sau ông bố ra gara thấy đứa bé mới sanh tưởng con ai, báo cáo cảnh sát, sau mới hay là cháu của mình. Rất may là đứa bé còn sống.

Nhìn mấy em gái đầu xanh bị còng tay và truy tố về tội sát nhân, người ta tự hỏi: truy tố chỉ là hình phạt, chữa chạy đằng ngọn. Đi tới tận gốc rễ của vấn đề, chính là nền móng đạo đức suy đồi của xã hội. Ai đã làm tuổi trẻ suy đồi trên mặt đạo đức, không coi trọng sinh mạng con người, coi trọng luân lý xã hội? Nếu các em không tiết lộ cho gia đình biết, phải chăng vì bố mẹ không săn sóc con cái, hoặc gia đình đổ vỡ, cha ghẻ, mẹ ghẻ làm tuổi trẻ không có nơi nương tựa tinh thần nữa. Đài truyền hình đầy dẫy hình ảnh làm tình, bạo động. Học đường thì cho học sinh sống chung đụng, buông

Xin Mời Đọc

Ban Mê Thuột, Ngày Đầu Ngày Cuối

Tập Truyện của TRẦN HOÀI THƯ

* Lần đầu tiên, qua một bút ký chiến trường, pha màu sắc truyện ngắn, mặt trận lịch sử Phi trường Phụng Dực được kể lại từng chi tiết. Để làm nguồn tài liệu vô giá cho nhà viết sử. Để bác bỏ những hồi ký tài liệu thu nhặt sai lạc, bóp méo sự thật của cả hai bên và ngoại quốc từ trước đến nay.

* Được viết từ một ngòi viết mang trái tim pha cả máu thấm áo trận, từ trong hầm tối đến những đêm trên những gò huyệt, hay dưới bóng rừng già, trong trại lao công chiến trường...

* Một tác phẩm về chiến tranh Việt Nam viết từ một Trung đội trưởng Bộ binh, về tình yêu viết từ một người làm thơ, về tương lai từ một người cha, về tình nghĩa đồng đội từ một người bạn, cho những người vợ có chồng đi lính, cho thế hệ trẻ để biết rõ hơn về thế hệ cha anh.

* Một tác phẩm nói lên tất cả.

Muốn có sách và chữ ký, xin liên lạc về

Trần Quí Sách
719 Coolidge St., Plainfield. NJ 07062
(908) 769-8459
Email: tht@saigonline.com

Sách dày 242 trang, bìa về cảnh Ban Mê Thuột hiếm, tuyệt đẹp, giá $12 (kể luôn cước phí)

thả về mặt huấn luyện đạo đức. Xã hội khuyến khích luyến ái quá sớm, qua các hình thức nhẩy đầm tại trường, hẹn hò (dating), valentine v.v... Pháp luật hợp pháp hóa phá thai, ly dị dễ dàng v.v... Xã hội cứ thế mà đi trên con đường tuột dốc.

KỲ VƯƠNG ĐẤU TRÍ DEEP BLUE

Quí vị ghiền xi nê, thích phim khoa học giả tưởng chắc không thể nào quên được loại phim khủng long của Nhật Bổn với những trận đấu sức long trời lở đất của các quái vật khổng lồ. Tháng Năm vừa qua, cũng có một cuộc đấu trí gây một sức chấn động vĩ đại, tuy không tàn phá ghê gớm về vật chất như King Kông hay khủng long, nhưng với nền văn minh điện tử hiện đại, nó cũng có một tác động vô song, khi thời gian sắp chuyển sang thế kỷ 21.

Đó là trận phục thù giữa Deep Blue và vua cờ thế giới Garry Kasparov, gốc Nga. Còn nhớ năm 1996 tại Philadelphia, trận đấu giữa Deep Blue và vua cờ, Deep Blue thua. Năm nay Deep Blue yêu cầu tái đấu. Nhưng Deep Blue là ai mới được chứ? Deep Blue là tên một computer, được chế tạo đặc biệt để đánh cờ. Các thảo chương của máy đã được một toán khoa học gia của hãng IBM, do C.J. Tan dẫn đầu, cài vào.

Lần này kỳ vương Garry bị hạ sau ba ván. Và loài người cảm thấy bị sỉ nhục nặng nề vì người thua máy. Garry vò đầu bứt tai, văng tục, thiếu điều muốn xáng bàn cờ lên đầu Deep Blue. Anh ta hầm hừ: *"IBM nhiều tiền lắm bạc, sử dụng tối đa tài năng cốt để đánh bại tôi mà. Bất công. Thậm bất công. Cho tôi xem các thảo chương về các nước cờ Deep Blue đi. Tôi là người mà, tôi cần nghỉ ngơi mới suy nghĩ được chớ. Tôi muốn tái đấu."*

Trong khi đó, C.J. Tan hân hoan tuyên bố: *"Cả trăm năm về sau, nhân loại sẽ đề cập đến ngày này, ngày bắt đầu cho kỷ nguyên Tin Học (Information Age)."* Anh ta còn so sánh: *"Như bước đầu con người đặt chân lên mặt trăng vậy."*

Nhưng khác biệt giữa người và máy, là trong khi Garry giận dữ (nhưng vẫn không quên lãnh 750 ngàn đô la tiền thưởng), và trong khi C.J. Tan cùng toán khoa học IBM vui vẻ kéo nhau đi nhậu ăn mừng thì sau khi chấu điện được được rút ra, Deep Blue trở lại nguyên hình, im lìm và sừng sững như cái tủ đứng. Không vui cũng chẳng buồn, cũng chẳng thèm đếm xỉa đến món tiền thưởng 750 ngàn cũng như món lợi nhuận khổng lồ do sự tăng giá của chứng khoán IBM, đến 3 tỉ đô la.

Người ta bảo đó là sự phân biệt giữa người và máy. Con người có bộ óc tuyệt hảo, là sinh vật đặc thù, có khả năng suy nghĩ, có óc sáng tạo, biết vui, buồn, yêu thương, giận hờn v.v... Một sinh vật tâm lý. Còn Deep Blue được dầy công chế tạo chỉ để hoàn thành một nhiệm vụ. Đó là chơi cờ. Với khả năng gợi nhớ 200 triệu nước đi trong một giây đồng hồ, nó cân nhắc và chọn lựa một nước đi thích hợp nhất, như đã được thảo chương. Nhưng ai đã thảo chương nó. Đó là toán khoa học gia IBM. Và cả trăm nước cờ trong bộ nhớ của nó ở đâu mà ra. Thưa đó là do sự gom góp các thế cờ hay nhất thế giới mà toán chuyên gia IBM có thể sưu tầm được. Như thế xét cho cùng, trận cờ lịch sử này chỉ là sự đấu trí giữa bộ óc siêu việt của kỳ vương Garry và sự tổng hợp trí thông minh của một nhóm khoa học gia mà phương tiện chính là cái khả năng tính toán thần sầu của các chip trong Deep Blue mà thôi.

Nếu bảo là người thua máy, trên căn bản kỹ thuật thì không phải bây giờ người mới thua, mà nên nhớ rằng trước đây, một nhà toán học có thể tính nhẩm ra những bài toán cực kỳ rắc rối khó khăn, dài thòng lòng hoàn toàn bằng trí óc, thì người đó được coi là thiên tài về toán, nhưng ngày nay, với một máy tính cầm tay nhỏ bé, rẻ tiền khả năng tính toán và bộ nhớ của nó cũng đủ ăn đứt các thần đồng toán.

Nhưng điều cần nhớ là máy dù có một sự thông minh nhân tạo đến đâu đi nữa nó cũng do người chế tạo mà thành. Bộ óc con người kỳ diệu hơn nhiều. Và còn có một đặc tính khác của con người là quên. Máy đã nhớ một điều gì thì một trăm năm sau, bạn bấm nút, nó lại suy nghĩ như cũ, căn cứ trong các thảo chương đã có trong bộ nhớ của nó. Người ta thì không. Thất tình, tuyệt vọng tưởng có thể chết ngay được, thế mà thời gian cũng làm nguôi ngoai để thích nghi phây phây với cuộc sống mới.

Nhưng lý luận con người siêu việt hơn máy chỉ làm hài lòng các sự suy nghĩ có tính cách bác học mà thôi. Nếu đem bàn với các nhân công bị máy móc chiếm đoạt hết việc làm thì chắc chắn là bị chửi thề om sòm. Điển hình là một máy ATM (phát tiền tự động qua thẻ MAC) làm bao nhiêu cô ký điệu nhà băng méo mặt vì layoff. Các người máy (robot) phụ trách, hàn, sơn, trong các hãng xưởng chế tạo xe hơi, làm việc hữu hiệu quả khiến chủ nhân bắt buộc phải sa thải nhân công. Máy không biết nghỉ break-time đi uống cà phê, không đòi tăng lương, không giả vờ cáo ốm ở nhà đi câu cá. Máy cũ là vứt đi mua máy khác, khỏi trả tiền lương hưu v.v... và v.v...

NGOẠI NGỮ, CHA MẸ VÀ CON CÁI

CHÂN VĂN

Cha mẹ nói tiếng Việt, con cái nói tiếng Anh. Các phụ huynh có khi nghe con em năn nỉ, "Ba, má đừng nói tiếng Anh với bạn con, giọng nói (accent) của ba, má kỳ quá, chúng nó cười cho!" Sợ bị chê cười, nhiều người không muốn đến gặp thầy, cô giáo của con, không muốn dự các buổi tiếp xúc giữa nhà trường và cha mẹ. Họ hy vọng đến khi mình "nói tiếng Anh giỏi" mới "hội nhập" với môi trường học vấn của con cái.

Những vị mới sinh con ở ngoại quốc thì thắc mắc không biết nên cho con học tiếng Việt ngay từ lúc tập nói, hay chờ con thông thạo tiếng Anh, tiếng Pháp rồi mới học tiếng Việt, cho khỏi lẫn lộn.

Đó là mấy vấn đề ngôn ngữ trong đời sống gia đình.

Khi thảo luận về những vấn đề trên, chúng ta nên biết một khám phá mới về việc học ngoại ngữ. Đối với cha mẹ, tiếng Anh là một ngoại ngữ, đối với con cái, tiếng việt cũng là một ngoại ngữ, vì các em dùng Anh ngữ, Pháp ngữ ở trường hàng ngày hàng ngày nhiều hơn.

Những khám phá mới về việc học ngoại ngữ mới được đăng trên tập san khoa học *Nature* ra đầu tháng Bẩy 1997, do các nhà khoa học của Viện khảo cứu về Ung thư Sloan-Kettering (S-K) ở New York công bố. Họ đã dùng một kỹ thuật "soi hình" tân tiến nhất, gọi tắt là MRI (Magnatic Resonance Imaging). Dùng phương pháp MRI người ta không những thấy hình ảnh bên trong bộ óc, mà còn theo dõi được cách bộ óc hoạt động ra sao.

Nhờ thế, bà Joy Hirsch và các cộng sự viên đã nhận thấy khi một người học ngoại ngữ, tùy theo người đó học lúc còn nhỏ hay lúc đã lớn tuổi, khả năng phát âm cho ngôn ngữ thứ hai được chứa vào các khu vực khác nhau trong não bộ. Một trẻ em đang tập nói tiếng mẹ đẻ mà học thêm ngôn ngữ thứ hai thì cả hai được chứa vào cùng một khu vực. Nhưng một người lớn tuổi học ngoại ngữ thì ngôn ngữ mới học được chứa vào khu khác. Ngoài ra, mỗi ngôn ngữ mới học lúc lớn tuổi được lưu giữ trong một nơi khác nhau trong óc. Hiện nay người ta mới biết có hiện tượng trên, còn chưa biết tại sao bộ óc con người lại hoạt động như vậy.

Nhưng khám phá mới này giúp các nhà khoa học hiểu thêm hai điều. Thứ nhất là các người lớn tuổi học ngoại ngữ khó khăn hơn khi còn trẻ, vì ngay cách bộ óc tiếp thụ ngôn ngữ đã thay đổi. Như vậy chúng ta hiểu tại sao nhiều người học tiếng Anh khi lớn tuổi, nói rất lưu loát nhưng suốt đời không thay đổi được giọng nói gốc của mình. Thứ hai là trẻ em học ngôn ngữ thứ hai ngay từ khi còn nhỏ, phát âm cũng dễ dàng và tự nhiên như học ngôn ngữ thứ nhất, tức tiếng mẹ đẻ.

Nhóm khoa học gia của Viện S-K chưa tìm hiểu được vào tuổi nào thì bộ óc người ta bắt đầu đổi chỗ chứa của ngôn ngữ mới học, nhưng một cuộc nghiên cứu trước đây cho thấy qua bẩy, tám tuổi là lúc khả năng học ngoại ngữ thay đổi.

Những hiểu biết trên đây có ích lợi gì cho chúng ta, trước vấn đề ngôn ngữ trong đời sống gia đình? Một điều hữu ích là giúp các bạn trẻ hiểu rằng nếu cha mẹ nói tiếng Anh, tiếng Đức với "giọng nói ngoại quốc" thì điều đó là tự nhiên, không phải vì cha mẹ kém khả năng, hay thiếu cố gắng. Một người học tiếng Anh lúc 40, 50 tuổi không thể nào nói như một người bắt đầu học từ lúc năm, sáu tuổi.

Mặt khác, nếu các phụ huynh muốn con em mình sau này nói được tiếng Việt thì nên cho các em nghe và tập nói ngay từ lúc còn nhỏ, lúc lớn trên bẩy tám tuổi sẽ khó học hơn. Các nhà khoa học tin rằng nên học ngôn ngữ thứ hai trước tuổi dậy thì. Khi còn nhỏ, các em không có vốn ngữ vựng phong phú, và lúng túng dùng

các từ ngữ sai, điều đó không quan trọng. Khi lớn lên các em sẽ tự học thêm các từ ngữ, nhưng ngay từ nhỏ các em cần tiếp xúc với giọng nói, các dấu giọng, cấu trúc âm thanh của câu nói bằng tiếng Việt. Ngay việc các em lắng nghe các câu nói chuyện bình thường, dù chưa bắt chước được để tự mình nói ra, cũng là một quá trình hấp thụ ngôn ngữ thứ hai.

Một điều chúng ta không nên quên là muốn con em học tiếng Việt thì phải cho trẻ em cảm thấy nói tiếng Việt là một niềm vui, có như thế các em mới thích nghe và thích nói. Muốn tạo ra niềm vui thì mỗi lần mẹ cha nói tiếng Việt, nhất là khi nói với các con, ta phải dùng ngôn ngữ từ ái, phải lựa chọn những lời yêu thương, âu yếm. Nếu lỡ dùng một lời nói khó thương thì phải bù lại mười lời dễ thương. Không nên để cho các em thấy khi được nghe và nói ngoại ngữ thì chỉ nói toàn chuyện vui tươi với bạn bè, còn khi nghe cha mẹ nói bằng tiếng Việt thì chỉ nghe các lời la mắng, bắt bẻ, nhức đầu, muốn trốn luôn!

VIÊN PHONG

LƯỚI SẮC

Như cá kình ngang dọc
Nơi biển cả bao la,
Như chim bằng tự ý
Chọn đích phương trời xa,

Trăm, ngàn dây trở ngại
Buộc trói bước người đi,
Không phải vướng dây gì,
Dầu là dây êm ái;

Có thể, mỗi khi lòng
Khát khao đời lớn rộng,
Băng chân theo hồn mộng,
Không bận chút sầu thương;

Hoa thơm và quả ngọt,
Dáng lạ với màu say,
Hương mật của năm, ngày,
Nhanh vơ không bỏ sót;

Ôi cuộc sống tự do
Tôi hằng say tưởng tượng,
— Khi lòng chưa chật vướng
Trong lưới sắc Người giăng.

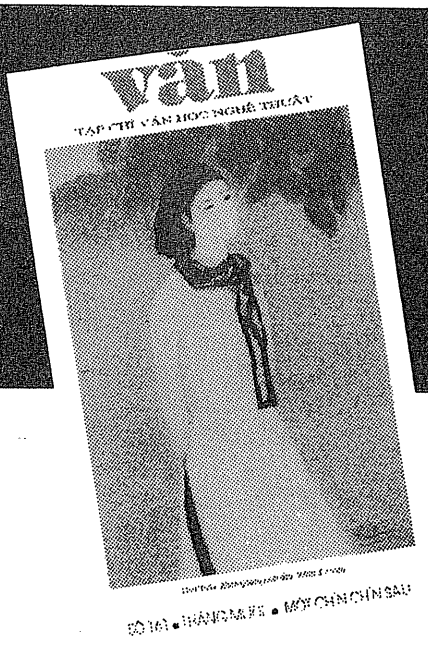

văn

tạp chí văn học nghệ thuật
phát hành hàng tháng

Chủ nhiệm: MAI THẢO
Chủ bút: NGUYỄN XUÂN HOÀNG
ĐT: (714) 531-7297

ĐÔI MẮT

TRẦN HOÀI THƯ

Thêm một mùa thu trở lại. Thêm một bầu trời trắng xám như mang theo một nỗi buồn, cúi đầu đưa tiễn những ngọn lá trở vàng. Và với tôi, thêm một khóa học nữa lại trở về.

Tôi bắt đầu mang lại chiếc áo len mỏng, bỏ lại tập vở, cuốn sách vào *school bag* để tiếp tục cuộc hành trình. Kiến thức hay là cơm áo. Có lẽ là cơm áo cũng nên. Cái giấc mơ hôm qua của một tên đàn ông da vàng, đến từ một đất nước nghèo khó, lạc hậu, tai ương, trước một thế giới văn minh kỹ thuật, bao bọc bởi computer, điện thoại, fax, bây giờ đã trở nên buồn nản. Hay tại số tuổi của tôi, chẳng khác những chiếc lá vàng đầu tiên rụng xuống trên thềm cỏ. Mùa thì lúc nào cũng về đúng hẹn. Nhưng trong tâm hồn tôi, mùa đang thay đổi theo từng bánh nhịp của thời gian. Hôm qua, bao nhiêu phấn kích khiến tôi đêm ngày tìm tòi học hỏi, như một tên vô sản được chia một gia tài giàu có. Hôm qua, tôi đến trường, tai căng, mắt miệt mài, hồn đắm chìm trên trang sách vở. Hôm qua, tôi cứ nao nao đợi chờ ngọn gió chuyển mùa. Nhưng bây giờ, mệt và cô đơn. Mười hai năm làm việc với chừng ấy thứ. *Cobol* thì cũng như *Fortran,* thì cũng như C++. *Unix* thì cũng như *IBM. Perform* thì cũng như *Do. Object* thì cũng như không *Object.* Tất cả thì cũng là những bit 1 bit 0 trùng trùng điệp điệp luân lưu bằng tốc độ sấm sét. Nhưng chao ơi, trong tôi, trên da thịt tôi, những sợi tóc của tôi, não bộ của tôi, còn trăm ngàn bit đời sống tiếp tục bỏ đi theo từng sát na. Để lại nỗi u hoài, hụt hơi, đuối sức.

Nhưng dù muốn dù không, tôi vẫn lái chiếc xe gần hai tiếng đồng hồ từ nơi tôi làm việc đến trường. Khóa học này là khóa cuối. Có nghĩa là sau đó, tôi sẽ được cái bằng để treo, được viết thêm trên tờ *Resumé* thêm một bằng cấp

và được tăng lương. Cứu cánh cuối cùng cũng vẫn là chừng nấy.

Như vậy, tôi đã trở lại cùng những dãy lầu gạch màu hỏa hoàng, vươn lên bên dòng sông Hudson. Như vậy, gã trung niên đang trở về, để bước lại trên hành lang xôn xao tuổi trẻ. Tôi lại bắt đầu hòa nhập vào cõi rộn ràng của sân trường. Những hàng sồi cổ thụ. Đám sinh viên trai gái đang ngồi tụm năm tụm ba trên bãi cỏ. Những con chim bồ câu đang đậu trên bức tượng đồng đen to lớn giữa sân. Tự nhiên tôi nhớ đến Như Hạ. Nhớ nàng đến thê thiết. Hình như con người chỉ có một thời tươi đẹp để ấp ủ nâng niu. Tôi cũng có một thời tươi đẹp như thế. Thời mà những gót chân người con gái nào để hoài, in hoài bãi vườn lòng tôi. Tôi đang chứng tỏ một tay phản động đĩ điếm sắp lấy một cái bằng xứ Mỹ, nhưng tôi vẫn cảm thấy bị thua lỗ một lần. Một lần quá đau, quá nặng. Đau bởi vì nàng thì xa vòng tay của tôi một cách tàn nhẫn. Nặng như nỗi buồn tôi mang theo suốt cuộc hành trình luân lạc này.

Em yêu dấu. Tôi lại thấy em. Như đêm nào quanh lửa trại, trên bờ biển Thuận An. Như đôi mắt em sâu thẳm âm u, và mái tóc mun đen chảy dài cả bờ lưng em mềm mại. Ngày xưa, mà như hôm qua. Tiếng sóng đêm nào, rì rào bất tận. Ngọn lửa bạt bởi gió làm gương mặt em khi ẩn khi hiện. Tôi giấu đôi mắt cuồng đắm, nhưng lòng tôi reo lên tiếng reo từ những khúc củi bốc cháy giữa vòng người. Em được tiếng là người con gái có giọng hát hay nhất trường. Vì thế lũ bạn không chịu buông tha em. Tôi vốc một nắm cát thả xuống, để giấu con tim. Tôi muốn ghen tức. Tôi muốn tiếng hát kia là riêng. Tôi muốn tôi là một người độc nhất để chiêm ngưỡng em, và em chỉ biết có mỗi mình tôi mà cống hiến. Đêm ấy, trăng và sao lung linh khắp bầu trời Thuận An. Đêm ấy, những vì sao Đại Hùng Tiểu Hùng ở đâu để tôi còn ước ao trở thành người chăn cừu trên thảo ngàn, để cô bé ngủ quên trên vai. Đêm ấy em ngồi yên trên bãi cát, vầng trăng sáng vằng vặc, chảy lai láng trên mái tóc dài đen mượt như một dòng suối trăng. Tôi đến bên em. Như Hạ chưa ngủ hay sao? Không, em chưa buồn ngủ. Đêm ni trăng sáng quá anh Minh hỉ. Tôi nói Như Hạ hát hay quá đi. Em làm khối chàng trai si em. Em mà ai si. Anh nói thật tình. Trong số đó có cả anh... Thật vậy sao, em mừng quá đi. Nàng nói thật lòng hay chỉ là lời đầu môi chót lưỡi. Dù vậy tôi cũng cảm thấy thật vui. Đêm càng về khuya, gió càng lạnh. Bầu trời dường như càng thấp hơn. Và ánh trăng thắm vàng một bãi biển chảy dài. Những đôi nam nữ đã dẫn nhau tìm chỗ trò chuyện. Lúc này, bếp lửa trại đã tàn, chỉ còn những miếng than hồng sót lại, cháy dang dở. Tôi muốn ngồi sát vào nàng hơn nhưng tôi không dám. Nhưng tôi nghe lòng đầm ấm áp lạ kỳ. Được ngồi bên một người con gái xinh đẹp, được trò chuyện vu vơ, được nghe những lời thỏ thẻ, được nhìn cả một suối tóc lai láng ánh trăng, như vậy cũng đủ cho một tên thanh niên cảm thấy hạnh phúc lắm rồi. Một đôi bạn gái của Như Hạ đã đến bên chúng tôi lúc nào. "Thì ra con Như Hạ ở nơi ni. Mi bắt bọn tau phải chạy đi tìm trối chết. Cứ tưởng là mi đã nằm biệt tích dưới đáy biển mò trai..." Như Hạ chống chế tội tình: "Giữa tau và anh Minh chỉ là bạn..." "Ô hay, tau đâu có nói gì cái chuyện giữa mi và anh Minh. Thôi bọn tau xin lỗi phá mi..." Sau đó hai cô bạn cười khúc khích và chạy đi chỗ khác. Còn lại Như Hạ lẩm bẩm: "Mấy con nhỏ ni suốt ngày chỉ biết chọc phá người khác." Đó là một đêm xứ Huế lúc chiến tranh chỉ còn ở một nơi nào rất xa, hình như chẳng bao giờ làm bận tâm những đứa con trai con gái. Trường đại học chỉ bao gồm hai ngôi lầu dọc theo bờ sông Hương, và một thư viện, nguyên là kho bạc cũ. Người sinh viên quá dễ dàng quen biết nhau, tìm đến nhau, và sau có dễ dàng trở thành liên hệ với nhau. Tôi và Như Hạ cũng vậy. Chúng tôi cùng học chung Khoa Học. Chúng tôi cùng chung hàng xóm. Chúng tôi cùng chung kỷ niệm thơ ấu. Chúng tôi cùng chung những ngày đạp xe đạp trên Ngự Bình ăn bánh bèo hay về Cồn Hến ăn chè. Chúng tôi an ổn trong sương muối buổi sáng tháng Giêng và dưới hàng phượng vĩ đỏ ối cả con đường Lê Lợi trong mùa hạ rộn ràng tiếng ve sầu. Chúng tôi bình yên nhìn về phía trước. Không thao thức. Không bâng khuâng.

Nhưng nổi bình yên kia đã bị bức tử. Một Huế của êm đềm đã không còn êm đềm như xưa nữa. Đêm lửa trại ở Thuận An, với những đôi nam nữ tìm đến với nhau, dưới muôn ngàn tinh tú sáng lung linh đã trở thành một hoài niệm. Tôi thì về biển. Bạn tôi thì lên rừng. Và đau đớn hơn nữa, Như Hạ cũng theo tiếng gọi từ xa. Tất cả trở thành đổ vỡ, phân ly. Không biết tôi oán trách ai đây. Chủ nghĩa hay bạn bè tôi và cả một người tôi si dại mê đắm một thời. Tôi đã đặt câu hỏi và nghe câu trả lời buồn thảm. Bao nhiêu lần tôi trở về cùng biển. Bao nhiêu lần tôi vốc nắm cát và thả xuống từ từ để nhớ về một người nào. Rồi cay đắng. Rồi muốn rưng rưng nước mắt. Ngày còn thơ ấu mỗi lần Như Hạ thấy trái ổi trái xoài chín trên cây thì nàng vẫn nhờ tôi trèo lên để hái dùm. Nàng quá bé bỏng để tôi phải sững sờ khi nghe người dân

thành phố kể lại một người con gái lạnh lùng tàn bạo, ngồi sau chiếc bàn dài, với khối quyền uy ghê gớm, kết quả bao nhiêu người đã bị chôn sống tập thể. Có cái gì khiến con người đã trở thành một loài ác thú. Tôi run sợ để nghĩ đến điều đó. Đảng lúc nào cũng khoan hồng. Nhưng vì nhân dân quá nổi giận. Ai đã phát biểu một câu nói để bào chữa cho một tội ác man rợ. Tôi đã đọc bài phỏng vấn về những chiếc huyệt chôn người tập thể từ người của một thời sách vở, và giảng đường trên một tờ báo ngoại quốc. Mười mấy năm sau chiến tranh, ai ai cũng hiểu nhân dân là ai rồi. Thế mà bây giờ người sát nhân chưa một lần thấy lương tâm bị cắn rứt, lại đòi làm người thầy tu. Còn Như hạ của một đêm trên bờ biển Thuận An, chắc bây giờ cũng trở thành một nữ Bồ Tát.

Một nơi nào để tôi còn ngồi lại. Vẫn phòng học ở cạnh dòng Hudson, để mắt tôi phải choáng ngợp bởi một thành phố Nữu Ước vào đêm. Thêm vào gương mặt mới. Một người nữ sinh viên từ Thổ Nhĩ Kỳ. Hai người sinh viên nam nữ Trung Hoa. Và thêm một người con gái Việt Nam. Tôi biết rõ quốc tịch của nàng qua tên họ nàng viết trên tờ giấy điểm danh. Ngo Nhu Hien. Tôi thầm lén nhìn nàng, như thể nói lên lời chào hỏi bằng ánh mắt. Sau đó, vị giáo sư quen thuộc của khóa học trước, một tiến sĩ Toán học, tốt nghiệp cách đây đến ba mươi năm, bắt đầu ngay vào bài giảng. Ông nói và nói. Đầu tiên, ông nói ông không bằng lòng khi người ta coi môn *Math Statistic* này được coi là toán học. Toán học là một cái gì rõ ràng phân minh và dứt khoát. Nó như một cộng một là hai. Còn Thống kê học chỉ là một ngành khảo sát về cái không dứt khoát. Nó chẳng khác Hóa học, Vật lý. Nó dùng những kết quả để tìm những lời giải. Ông cười, nếu là toán thì chắc ai cũng trúng số độc đắc hết...

Ông ngồi trên ghế, trước chiếc bàn vuông, nhìn đám sinh viên, nói liên tu bất tận. Chỉ tội nghiệp người con gái Việt Nam ngồi bên cạnh tôi. Đôi mắt của em sao lại làm tôi chết điếng. Như đôi mắt người xưa. Và cả dáng dấp của em, như dáng dấp của một người bên trời Cửa Thuận. Tội tình cho em trong những giờ đầu bỡ ngỡ. Lời giảng của vị giáo sư quá mau, tiếng Anh, tiếng Mỹ chắc làm em phải khó khăn đuổi theo ghi chép. Tôi thấy em chới với cùng trang giấy. Ông thầy thì vô tâm. Không viết gì trên bảng. Chỉ nói, chỉ giảng, chỉ lật trang sách này qua trang khác. Rồi những bài \f3homework.\f2 Ông đọc thật nhanh. Bài 1, 2, 4, 15, 17, 18, 20. Em vô vọng nhìn qua tập vở của tôi, không dám hỏi. Tôi đưa note cho em. Em vừa nhìn vừa viết lại đến tội tình. Sau đó em gật đầu, nói thật ngượng ngùng: - *Thank you.*

Mười phút nghỉ. Bây giờ tôi mới có dịp làm quen. Tôi hỏi bằng tiếng Việt:

"Xin lỗi cháu là người Việt Nam."

"Thưa Bác, dạ."

"Cháu mới đến trường này lần đầu tiên?"

"Dạ."

"Cháu chắc mới qua Mỹ?"

"Dạ. Cháu mới qua vài tháng..."

Tôi biết rồi. Thì ra người thiếu nữ này là sinh viên Việt Nam du học. Tôi biết được điều đó qua nội san của trường về chương trình trao đổi sinh viên quốc tế. Tôi hỏi thêm:

"Quê cháu ở đâu?"

"Thưa Bác, cháu ở Huế."

Tôi bắt đầu đổi giọng Huế của tôi:

"Bác cũng ở Huế đây. Cháu ở Huế nhưng ở mô?"

"Thưa Bác, cháu ở Đập Đá."

"Đập Đá, nhưng mà ở khúc mô?"

"Khúc giữa, chỗ có nhà thật xưa..."

Tôi bàng hoàng run rẩy. Như Hạ ơi, hay là giọt máu của em, kết tinh từ da thịt em, dáng dấp của em, đôi mắt của em. Một thời xa xưa mà như thể một giấc mơ. Mấy mươi năm, khu vườn xưa ngõ đã tàn lụi, giờ đây, một đóa hoa lại nở, hương xưa lại trở về. Cay đắng hay là nỗi vui mừng tràn đầy nước mắt. Những gì hôm qua ngõ đã mất biệt bởi hận thù, chủ nghĩa, đêm nay, đột nhiên sống lại như bão cuồng. Tôi cố nhìn cô bạn học nhỏ. Tôi cố gắng tìm hiểu, đánh giá về một người con gái, con của một cán bộ bên kia hàng ngũ, người đã từng ngồi ở cái bàn oan nghiệt một thời vào năm Mậu Thân. Nhưng tôi chỉ thấy một cõi cô độc đến tội nghiệp. Gương mặt kia, hay là gương mặt người sáng dưới ánh lửa trại, để từ bên này, lòng tôi đã nẩy nở bao nhiêu niềm rung động. Và cả đôi mắt kia, như đôi mắt lung linh dưới ánh trăng trên bãi biển, và cả bờ vai kia nữa, mềm mại, dựa vào người tôi. Gió từ sông thổi vào lạnh cắt, khiến ngời con gái phải run. Tôi bảo:

"Cháu ơi vào lớp đi, kẻo lạnh. Về sau, có gì cần ở bác, bác sẵn sàng giúp. Dù sao bác cũng ở Mỹ mười năm."

Cô gái nói:

"Cháu cám ơn bác. Cháu mới qua không giỏi sinh ngữ nên không ghi chép kịp. Bác có thể cho cháu mượn bài ghi của bác được không?"

"Dĩ nhiên, và hai bác cháu mình sẽ cùng làm *homework* chung nghen cháu? Cháu hẳn biết ông giáo sư này chú trọng *homework* hơn cả thi *final* nữa.

"Cám ơn bác. Cháu sợ không theo kịp. Cháu lo quá."

"Cháu đừng lo. Riết rồi cái gì cũng quen. Cháu có học thêm sinh ngữ không?"

"Dạ họ yêu cầu."

"Này, nếu cháu muốn, bác sẽ mang con gái bác về làm bạn với cháu. Nó sẽ hướng dẫn cháu về Anh văn, nhất là cách phát âm. Nó rất thích bạn."

"Cháu rất cám ơn bác."

Từ buổi học đó, tôi có thêm một cô bạn nhỏ, Như Hiền. Tôi biết rõ về nỗi cô đơn lạc loài của người con gái xa nhà này. Con tôi làm sao hiểu những gì ở tận bề sâu thẳm của con tim cha nó. Nó vui được giúp đỡ một người bạn gái đồng hương. Những ngày cuối tuần hai đứa chở nhau đi *shopping,* hay tham dự các *party* bạn hữu. Nó luôn luôn khen Hiền đẹp, hiền và ít nói. Hiền thì khẩn cầu con tôi đừng nói nàng là du học sinh. Hiền vẫn còn sợ cái mặc cảm con cán bộ. Riêng tôi, tôi không bao giờ nhắc đến những ngày hôm qua. Những ngày mà hàng ngũ tôi bị hàng ngũ Như Hạ trả thù hèn hạ. Những ngày mà những kẻ chiến thắng kiêu ngạo có thể chiến thắng cả Ông Trời. Hãy để Như Hiền chứng kiến và phán đoán lịch sử.

Một ngày sau buổi học, Như Hiền đột nhiên hỏi tôi:

"Thưa bác, có phải bác viết văn lấy tên là Hạ Trường?"

Tôi biết có chuyện gì sắp xảy đến rồi.

"Phải."

"Cháu nhớ lần đầu, bác đã hỏi cháu về căn nhà cổ xưa ở Đập Đá. Hôm qua, Nga có đưa cháu xem một bài văn của bác. Bác nhắc lại khu vườn xưa, ngay cả cái lầu mà bác từng một thời trọ học. Cháu đọc, cháu khóc. Cháu biết bác là người yêu của mẹ cháu."

Tôi cúi đầu xuống. Lòng tôi chau lạnh. Cả khu vườn tôi muốn quên nay lại sống dậy rồi. Cả cõi quan tài kỷ niệm giờ đã mở bung rồi. Bên tôi, người con gái vẫn tiếp tục kể về khu vườn cũ.

"Ba mẹ cháu và những người mà bác nhắc bây giờ họ vẫn tìm đến ngôi nhà cổ xưa của mẹ cháu, nhưng không phải để họp hành sôi nổi như ngày xưa... Hầu hết các bác và các chú mà bác nhắc đều trả lại thẻ đảng, sau khi tờ báo bị đóng cửa. Thỉnh thoảng họ có nhắc đến tên bác. Họ có nói đọc văn bác ở trên một vài tờ báo hải ngoại được lén lút phổ biến. Bác có đọc những bài thơ của chú Trần Vàng Sao?"

"Có. Bác có đọc. Nhưng cháu hãy nói về ba mẹ cháu đi. Bác muốn nghe."

"Ba cháu vẫn còn trong tổ chức. Lúc này, ai cũng cố bám vào đấy để hưởng ít nhiều ân huệ. Và cũng chính nhờ vậy, cháu mới được cơ hội đi du học như hôm nay."

"Còn mẹ cháu?"

"Mẹ cháu bây giờ sống bằng thuốc ngủ và những lá bùa."

Mắt nàng mờ lệ. Tôi nhìn lên gương mặt. Tôi khóc cho một dĩ vãng. Dòng Hudson hay là dòng sông Hương, để tôi phải đau như một lời thơ của cụ Trần Tế xương *Chợt nghe tiếng ếch bên tai. Giật mình cứ ngỡ tiếng ai gọi đò.* Ở đây làm gì có tiếng ếch, nhưng là tiếng đắng cay sông núi. Như Hạ ơi, anh đang thấy lại em, đôi mắt vòi vĩnh anh hái dùm trái ổi, trái khế. Anh thấy lại em, giữa khu vườn rậm đầy bưởi, thanh trà, và em mang áo ấm đỏ khi Huế vào đông, khi con nước sông Đập Đá chảy cuồn cuộn mang theo những thân củi, khúc cây từ rừng xuống sông Hương... Cay đắng này chỉ có một mình anh chôn cất. Còn nữa, còn một đêm đầy sao trên bãi biển Thuận An, để sau này anh phải mang hoài hai vì sao nhỏ từ đôi mắt của em. Để anh mỗi lần cầm viết, cứ nghĩ đến một đôi mắt...

Đến đây, Như Hiền nói như nghẹn ngào:

"Đọc văn bác, cháu biết bác vẫn còn căm hận mẹ cháu. Tự nhiên cháu lại tủi thân bởi vì cháu là con của một người trong cuộc. Bác không biết, đến lúc này, cháu chưa hề biết chủ nghĩa Cộng Sản là chủ nghĩa gì. Cháu đâu là Cộng Sản. Cháu cũng như Nga, như những người bạn mà cháu đã gặp, đều nói tiếng Việt, đều thích vui đùa. Bác không biết trước khi qua Mỹ, ba mẹ cháu đã dặn cháu hãy câm và điếc đừng tiết lộ cho ai biết cháu là con của cán bộ. Bác ơi, làm con của cán bộ đâu phải có tội..."

"Vâng, cháu nói đúng. Nhưng ít ra mẹ ba cháu là những người từng trực tiếp hay gián tiếp chôn sống hàng vạn người vô tội ở Bãi Dâu phải tỏ ra một chút gì liêm sỉ, đừng nên nhân danh này nọ để biện hộ cho tội ác."

"Cháu không dám bào chữa cho mẹ, nhưng thưa bác, trong một tổ chức, tiếng nói là tiếng nói của bí thư. Và mọi người chỉ biết cúi đầu lập lại tiếng nói ấy. Ai cũng biết cái vụ thảm sát tàn bạo nhất trong cuộc chiến tranh, nhưng ai cũng không dám nói lên lương tâm của mình.

Riêng mẹ cháu thì từ bệnh mất ngủ đã biến thành bệnh tâm thần. Mẹ nhìn đâu cũng chỉ thấy những oan hồn về đòi mạng. Mẹ đã kêu thầy bùa để yếm từ cổng nhà đến phòng ngủ, nhưng cũng đành chịu thua. Đôi mắt mẹ, mà bác đã từng viết trên bài văn, là đẹp như hai vì sao nhỏ, bây giờ chỉ là hai vũng mô đục, không một chút gì sinh khí."

LỖI TẠI TÔI

NGUYỄN HÙNG VŨ

Tôi xin cám ơn ông Tôn Thất Phu đã góp ý với tôi và ông Phạm Ngọc khôi qua bài Đông Tây Bất Hợp. Tôi xin được phép trao đổi với ông Phu một vài ý kiến cá nhân về bài đó.

Trước hết, tôi xin đính chánh là ông Khôi vô can, vì ông Khôi không hề khai mào cuộc chiến. Thủ phạm lắm điều và đáng trách chính là tôi. Tôi quý ông Khôi qua những cảm quan ẩn hiện sau ngòi bút của ông ấy. Những bất đồng ý kiến chỉ là chuyện phụ.

Kế đến tôi muốn nói về giọng điệu cố ý hạ mình một cách trửng giỡn của ông Phu. Một điều thường xẩy ra trong giới báo chí hải ngoại. Ông viết: *Tôi chỉ là thợ đập đá, ít học... còn nếu như sai thì tại tôi ngu dốt kẻm cỏi.* Thưa ông Phu, ông không cần phải kê khai lý lịch và trình độ học vấn, ông cũng không cần phải phân bua với độc giả khả năng trí tuệ của ông. Điều đó, hãy để độc giả nhận xét qua những gì ông viết và cách ông viết.

Thưa ông Phu, tôi không hề bác bỏ bộ Kinh Dịch của Á Đông, tôi chỉ muốn xác định lại cái nhìn và cách dùng của chúng ta về nó. Cụ Nguyễn Hiến Lê, khi bàn về dịch lý, cũng đã chịu thua nguồn gốc mù mờ của nó. Còn về ngũ hành của Đông phương thì cũng tương tự như những quan niệm của Plato thời cổ Hy Lạp mà thôi.

Khi ông Phu lập luận rằng Thượng Đế cho Tây Phương duy lý những phép lạ trong quantum physics, và Trời cho Đông Phương duy nhân bộ dịch học (để chúng ta bói toán?), ông lại đem cả Lý Thường Kiệt ra dẫn chứng thì tôi nghĩ ông Phu không còn nghiêm chỉnh bàn luận nữa mà có lẽ ông chỉ mượn ngòi bút bông đùa để giải buồn. Qua cách viết của ông Phu tôi thấy ông thiếu thái độ nghiêm túc của ông Khôi (hãy đọc lý luận ông Khôi viết về chuyện Biện Minh Cho Kẻ Sĩ, TK21, số 99, để thấy sự nghiêm trang trên ngòi bút).

Sau khi bàn qua loa một vài vấn đề, ông Phu kết luận loài người chỉ vẫn là những anh mù sờ voi. Trong điểm bàn cãi số 3, ông nhắc đến những định đề hiển nhiên của vật lý lượng tử, thưa ông, những định đề này là gì tôi chưa nghe qua. Theo tôi được biết, trong vật lý lượng tử, chúng ta chỉ phải chấp nhận có mỗi giải thích *Copenhagen interpretation* của Niels Bohr đặt trên nền tảng của nguyên lý bất định Heisenberg được xem như là một axiom mà thôi. Còn axiom nào khác?

Ông Phu lại còn nói khoa học là môn duy lý, và Kinh Dịch là môn duy nhân. Đó là một lầm lẫn lớn. Khoa học không phải là một môn học như kinh Dịch, mà nó là một thái độ, một tinh thần, thể hiện từ một hệ thống quan sát và khảo sát của con người đối với những giả thuyết và kiểm chứng bằng nhận định của lý trí, của quan sát, và sự đồng nhất của biện giải toán học, chứ không phải chỉ đong đo đếm mà thôi. Đối tượng chính của khoa học là kiến thức. Khoa học không nhằm phục vụ con người, phục vụ con người là những thành quả đem đến từ sự ứng dụng những hiểu biết khoa học. Khoa học không bao giờ xác quyết một điều là đúng, nó chỉ có khả năng nhận định điều đó chưa sai mà thôi. Sao chối được thời cổ Trung Hoa xem như một điểm xấu, gieo rắc chiến tranh. Và đó là một nhầm lẫn của duy nhân chủ nghĩa, xem con người như một cứu cánh và là trọng tâm của mọi vấn đề. Tinh thần khách quan của khoa học cứu chúng ta ra khỏi lối suy diễn chủ quan đó (Karl Popper cho chúng ta hiểu rất nhiều về triết lý khoa học).

Sau cùng, ông Phu phê bình chúng tôi *đi xa vấn đề, chưa giải quyết được gì.* Xa vấn đề gì thưa ông? Nếu thế ông có định được đúng vị trí của vấn đề chưa đã? Ông cũng ám chỉ là chúng tôi suy diễn quy nạp và phóng đại làm tôi rất

ngạc nhiên. Chính ông cũng đã viết, *duy gì đi nữa thì cũng chỉ để cứu rỗi con người thôi, quý vị ạ*. Theo tôi, đây là một kết luận dựa trên duy diễn chủ quan, và được viết bằng một giọng khá trịch thượng.

Tôi mong ông đọc kỹ lại bài của tôi để có một nhận định trung thực hơn. Con người khó có thể nhận thức nếu không có kiến thức tổng quát, và nếu không có nhận thức, làm sao có những cảm quan để mà viết những bài như ông Khôi đã viết. Tôi và ông Khôi có thể bất đồng ý về một vài điểm, nhưng cái đó là chuyện rất nhỏ, điểm chính là chúng tôi, trong cuộc sống tinh thần, cùng đang hướng về điều gọi là chân thiện mỹ, hướng ra sao, bằng cách nào, cái đó còn tùy ngộ tính và sở học của mỗi cá nhân. Ông Khôi không hề cả quyết về lý luận và ý kiến của ông ta, mà có thái độ e dè *let us wait and see*, đây là một thái độ thành thật đáng quý.

Cái ngộ nhận tai hại nhất của chúng ta là tưởng rằng chân lý là một cái gì đó cố định, một vấn đề bất biến. Tôi xin tạm đơn cử một nhận định triết lý của một nhà bác học. Ông nói: *Chân lý căn bản của thiên nhiên được biểu lộ và thể hiện qua mỗi cách chúng ta đặt câu hỏi về nó.*

Khi chúng ta đặt câu hỏi, ví dụ như:

- Giả sử chúng ta đi nhanh hơn ánh sáng trên lý thuyết...

- Giả sử chúng ta đi ngược thời gian trên lý thuyết...

- Con số cuối cùng của hằng số Pi là số mấy?

Thì chúng ta đã phạm cái lỗi tầy trời nhất, đó là phạm và quy ước của physical logics, của mathematical consistency, và những câu hỏi chúng ta hỏi trở thành vô nghĩa và vô giá trị ngay lập tức. Đặt được đúng câu hỏi, là đã tự trả lời được một nửa.

Tôi xin đơn cử một thí dụ rất thông thường: hầu hết chúng ta ai cũng biết thế nào là cầu vồng, một hiện tượng thị giác. Chúng ta có thể chỉ cho ai đó cái cầu vồng, chúng ta cũng có thể giải thích nó theo vật lý quang học. Nhưng khi chúng ta hỏi cầu vồng có hay không có, câu hỏi đó vô nghĩa. Với một người mù bẩm sinh, hay một người não bộ trung khu thị giác bị hỏng, đối với người đó, cầu vồng có hay không? Người mù đó tuy có thể hiểu những điều kiện vật lý tất yếu để tạo ra cầu vồng, như ánh sáng, bụi nước mưa, nhưng hắn sẽ không cảm nhận được cái đẹp của cầu vồng. Anh ta có thể cảm thấy cái nóng của buổi trưa hè do bức xạ của mặt trời khi ra ngoài nắng, nhưng anh ta sẽ không biết ánh sáng nó như thế nào.

Đem một người hành tinh khác xuống địa cầu, chỉ cho hắn cái cầu vồng trong cơn mưa, nhưng nếu khả năng thị giác của hắn nằm ngoài những tần số cảm ứng của ánh sáng bẩy màu, thì người hành tinh đó sẽ kết luận là không có cầu vồng, dầu chúng ta có thuyết phục hắn ra sao đi chăng nữa, và kết luận của hắn không thể bảo là sai! (Dĩ nhiên đây chỉ là ví dụ, vì người hành tinh đó sẽ không thấy gì cả, kể cả trái đất và vũ trụ thấy được). Trái lại hắn sẽ chỉ cho chúng ta những gì hắn thấy mà ta không thấy.

Vậy, trong trường hợp này, anh nào mù, anh nào sáng, anh nào sờ voi? Cầu vồng có hay không có? Và nếu bàn luận rộng ra, trong vũ trụ vô biên, chúng ta lấy tiêu chuẩn tư cách gì để xác quyết một điều là có hay không có, hay là phán quyết Đông Tây Nam Bắc là như vầy như vầy? Để rồi gặp những sự kiện gì không giải thích được thì nói bừa là Trời cho, Thượng Đế cho. Phải chăng đây là một thái độ ăn xổi ở thì của đa số chúng ta?

Chúng ta chưa có đủ tư cách và khả năng để tiêu chuẩn hóa cái thế giới chúng ta đang sống, chúng ta chỉ là những anh mù, i tờ tập đánh vần. Thẩy một phi hành gia ra không gian, xa hẳn địa cầu, hỏi anh ta đâu là Đông Tây Nam Bắc, đâu là bên phải đâu là bên trái, đâu là trên đâu là dưới, anh ta sẽ không khác gì một thằng mù quờ quạng, cái la bàn của anh trở thành vô dụng. Đó là tình trạng của chúng ta bây giờ khi đối diện với bí mật vô biên của vũ trụ, nói gì đến những vấn đề khác như hư vô, sự chết, thế giới siêu linh.

Điểm quan trọng nhất là chúng ta nhận thức được rằng chúng ta mù, và một khi thành thật nhận biết điều đó, chính nó là một sự tự phản tỉnh, và thái độ đó là khởi điểm của tâm thức.

Tôi mong là ông Phu nhận thấy điều đó. Tôi và ông Khôi chỉ trình bày một vài cảm quan đến với độc giả, không hề muốn giải quyết vấn đề gì. Chúng tôi chỉ lượm lên và nhai lại cái bã mà các bậc tiền bối Đông cũng như Tây đã nhổ xuống đất.

Tôi tôn trọng TK21 và độc giả, cho nên tôi thận trọng và nghiêm chỉnh khi bàn cãi. Nếu ông Phu thực tâm muốn chia sẻ đóng góp ý kiến thì có lẽ ngòi bút của ông đã được sử dụng tế nhị hơn một chút. Chúng tôi có thể sai về dữ kiện hay suy luận, nhưng ông Phu đã lầm về thái độ.

Một chút nhã nhặn và khiêm tốn bao giờ cũng đem con người lại gần với nhau để hiểu nhau hơn là một thái độ ngã mạn.

Xin cám ơn tòa soạn TK21, ông Khôi, ông Phu và quý độc giả.

ĐI TÂY

PHẠM XUÂN ĐÀI

(tiếp theo)

Tôi khám phá ra rằng tại một số nơi Paris rất giống Sài Gòn, khiến gây nơi tôi những hoài niệm rất bất ngờ. Một buổi chiều trời mưa, tôi che dù đi ở một phố nào đó tôi không nhớ, bỗng nhiên tôi thấy y hệt như tôi đang đứng chỗ ngã tư Lê Thánh Tôn với đường Tự Do, ngay trước quán La Pagode. Còn giống hơn là ngày ra khỏi tù cải tạo về Sài Gòn tôi đứng ngay chỗ góc phố đó, mà thấy như đang ở nơi xa lạ.

Đi vắng khỏi Sài Gòn mười ba năm kể từ năm 1975, khi quay về tôi ngẩn ngơ vì cái cảm giác "mất hết." Sài Gòn không còn nữa, sau khi được liên tiếp "cải tạo," mọi thứ trở nên xấu xí, tầm thường, mất cái thần sắc mà đô thị mến yêu ấy ngày xưa vẫn tỏa ra, như mùi hương bát ngát của một cây hoa, như vẻ duyên dáng của một người đàn bà. Không riêng Sài Gòn, từ sau năm 1975 cả miền Nam mất cái thần sắc ấy, mất nơi từng cá nhân con người, trong từng xóm làng, từng thành phố. Cái guồng máy gọi là cách mạng kia nó có biệt tài xóa đi rất nhanh cái mà tôi gọi là lớp men của sự sống vốn vẫn tồn tại nơi các xã hội lành mạnh, trong đó chứa đầy hơi hướng của tình người và của sự phát triển tự nhiên các khả năng tinh thần, tình cảm, mơ mộng và cần lao của con người. Nó xóa sạch không thương tiếc, khiến tất cả đều trần trụi, cắt đứt với quá khứ, cắt đứt với tương lai. Tôi đã về lại Sài Gòn đối diện với nỗi trần trụi ấy nơi đường Tự Do, nơi đường Lê Thánh Tôn, trước quán La Pagode, thấy đây không phải là Sài Gòn của ngày xưa nữa. Tôi có một người bác mà tôi rất yêu mến, năm 75 khi chào ông để đi cải tạo bác tôi vẫn còn khỏe mạnh minh mẫn, nhưng khi về gặp lại thì ông đã hoàn toàn lẫn, bác chào thằng cháu ngày xưa như một người xa lạ, không còn phân biệt được ai với ai. Đứng trước bác tôi, tôi cảm thấy lòng quặn đau, biết vĩnh viễn không còn cách gì có lại người bác ngày xưa. Sài Gòn cũng thế, đã già sụm và biến dạng đi không ngờ, và cũng đã đi vào cơn mê lẫn, lờ đờ nhìn tôi không còn nhận biết tôi là ai, cũng như tôi không còn tìm ra một ngôn ngữ chung nào để tôi và cái đô thị mến yêu ấy còn có thể trao đổi nhận ra nhau trở lại. Từ ngày còn ở trong tù, khi biết có một bài hát mới hát rằng "em ra đi nơi này vẫn thế" tôi đã cười và lắc đầu nghi ngờ tính chất chân thật của lời nói ấy, đến khi về đến tận "nơi này" thì tôi thấy không còn phải nghi ngờ gì nữa. Đứng giữa Sài Gòn mà tôi đã mất Sài Gòn. Tôi biết cảm giác đó không phải chỉ riêng tôi có. Vô số bạn hữu đã đau khổ, hụt hẫng, và phẫn nộ nữa, khi đối diện với một Sài Gòn xác xơ và trần trụi.

Nhớ ngày cuối tuần đầu tiên sau khi về tới

Sài Gòn tôi đề nghị với mấy người bạn đến thăm: "Tụi mình xuống Sài Gòn bát phố chơi hè!" họ nhìn tôi ngạc nhiên như nhìn Từ Thức mới về trần. Thì ra đã lâu đã không còn cái món bát phố xưa cũ ấy nữa rồi, một người bạn tội nghiệp tôi vội giải thích: "Bây giờ còn phố xá gì đâu mà bát!" Dĩ nhiên phố xá thì vẫn còn đó, ý bạn tôi nói cái không khí xưa, cái tinh thần tình cảm và cảnh sinh hoạt làm ăn của đám thị dân cũ một thời đã làm nên Sài Gòn bây giờ đã biến mất hết rồi, đến đó thì chỉ thấy một nỗi trống rỗng mà thôi.

Nhưng buổi chiều mưa hôm ấy tôi đã gặp lại Sài Gòn ở giữa Paris. Thì ra tôi cũng chưa mất hẳn Sài Gòn trên đời này. Tôi đã sống ở Sài Gòn bao nhiêu mùa mưa nhỉ? Chẳng còn nhớ là bao nhiêu, nhưng hình ảnh Sài Gòn dưới cơn mưa rạt rào thì ai đã sống ở Sài Gòn khó lòng quên được. Thời còn trọ học, trên căn gác học trò nhìn mưa phơi phới trên những mái tôn, lòng dịu lại với không khí mát lạnh, nhớ xa xôi đến một khuôn mặt, một mái tóc, kết với không gian và âm thanh mưa thành những khoảnh khắc bất hủ của tình trai... Những đêm mặt đường Lê Lợi loáng nước, khoác áo mưa đi cạnh người bạn thân nghe tiếng nước chảy ồ ồ đang thoát xuống các lỗ cống, tìm một quán cà phê để cùng nhau bàn về các băn khoăn triết học vừa mới thu nhận từ giảng đường trường Văn Khoa. Sài Gòn mưa chợ Bến Thành, mưa trên tắc xi, xích lô, mưa lướt thướt các gánh hàng rong, mưa xì xào bí mật trong đám lá me, mưa từ quán nhậu nhìn ra đường đầy bong bóng nước trôi... Hình như Sài Gòn mưa ở lại trong lòng người nhiều và thiết tha hơn là Sài Gòn nắng. Những đêm mưa âm thầm đi trên đường phố hát nho nhỏ

Mùa thu đêm mưa
Phố cũ hè xưa

thì thấy các câu hát viết về Paris đó vẫn hợp với tình và cảnh của Sài Gòn.

Buổi chiều mưa đó ở Paris, tôi che dù đi hơi lầm lũi thì thoáng thấy bên kia đường một cửa kính lớn trên có dòng chữ: Aux Ciseaux d'Art, cái này tôi đã thấy nhiều lần vào những năm xưa chỗ gần Tòa Đô chính Sài Gòn đi về phía đường Tự Do, tôi tiếp tục đi mấy bước nữa thì quả nhiên gặp ngã tư, và tôi hoàn toàn có cảm giác đang đứng tại phố cũ hè xưa Lê Thánh Tôn với Tự Do, tôi sắp bước vào quán La Pagode để uống cà phê trong một buổi chiều mưa. Ảo ảnh, ảo giác hiện lên như trong một giấc chiêm bao. Nhưng tôi vẫn tỉnh để nhận ra rằng đúng Paris và Sài Gòn là những người anh em cùng cha khác mẹ, cái cảm giác quen quen tôi nhận thấy từ ngày đầu khi mới đến bây giờ tôi đã tìm thấy nguyên do. Người Pháp đã xây cất Sài Gòn với rất nhiều hình ảnh của Paris. Dĩ nhiên Paris đẹp đẽ rộng lớn hơn nhiều, nhưng những tác phẩm của cùng một tác giả (hay là những đứa con cùng cha) thì có những nét chung dễ nhận ra lắm. Cảm giác giống đến rất đột ngột, bỗng dưng đang đi tại một chỗ nào đó giữa Paris, cảnh vật và sự cảm nhận của tôi chớp một cái, lập tức tất cả biến thành Sài Gòn. Sự phù phép ấy diễn ra rất nhanh, có thể chỉ trong sát na, nhưng rất triệt để, tôi đã "về" lại Sài Gòn chớp nhoáng như một linh hồn từ cõi âm được xẹt về thăm cõi dương, nhìn thấy mọi cảnh trí mọi sinh hoạt quen thuộc mà mình hằng tham dự xưa kia. Đi giữa Paris tôi rất thường bị xẹt qua xẹt lại như vậy. Có lúc bỗng thấy xe mình đang chạy trên đường Lê Lợi chỗ bùng binh Nguyễn Huệ, tưởng như chỉ cần nhìn lện là thấy tòa nhà Quốc hội ngay phía trước; có bữa thấy một góc phố nhọn y chang chỗ Võ Duy Nghi và Hàm Nghi, nơi Chợ Cũ bán thịt heo quay và xá xíu; một bữa tối đi ăn ở khu Saint Germain Des Prés đến khuya ngồi trên xe ra về, xe dừng lại chỗ đèn đỏ thì miệng không kềm được phải thốt lên: "Đây chính là ngã tư Lê Lợi với Pasteur, chỗ rạp Casino Saigon." Những cơn lên đồng như vậy xảy ra luôn luôn, nhưng xúc động và sâu lắng nhất vẫn là chỗ quán Cái Chùa, có lẽ vì trời mưa, có lẽ vì tôi đang đi bộ, và cái nỗi niềm "phố cũ hè xưa" đang cơn thấm thía. Nơi đây không những tôi bắt gặp Sài Gòn mà còn bắt gặp chính tôi, gã thiếu niên của cuối thập niên 50, chàng thanh niên của thập niên 60, trong một buổi chiều mưa, đứng giữa Sài Gòn, đã nhìn thấy hàng cây lá bên đường ướt nước, mặt nhựa tung bọt trắng, người qua lại trong lớp áo mưa, và bên kia đường, chỗ gần tòa Đô chánh, có tiệm may Aux Ciseaux d'Art. Tôi của buổi chiều nay giữa Paris trong cơn xuất thần của tâm cảm đang về thăm lại Sài Gòn và nhìn thấy tôi của ba thập niên trước đang đứng trước quán La Pagode, cái nào là âm cảnh, cái nào là dương gian? Không, không có sự phân chia như thế, tất cả chỉ là một thôi, qua một cái chớp mắt của thời gian. Sài Gòn —Paris, thập niên sáu mươi — thập niên chín mươi, tất cả gói ghém trong một chỗ mong manh nhạy bén nằm giữa sự sống của tôi, có khả năng phá tan tức thì sương mù của quá khứ để nhìn xuyên suốt như cái nhìn của thần thức sáng trưng nơi một kẻ sắp lìa đời.

Không biết một kẻ lớn lên tại thành phố Hồ Chí Minh từ sau năm 1975, hoặc một người ngoài Bắc vào sống tại đó cũng từ thời điểm ấy, nếu có dịp đi Paris thì có nhận thấy thành

phố Hồ Chí Minh của họ nhiều điểm giống Paris như tôi thấy không? Không chắc. Sự giống nhau giữa hai đô thị phải vừa ở kiểu mẫu kiến trúc, vừa ở khí hậu văn hóa, và cái sau bổ túc và quyết định cho cái trước. Đời sống văn hóa có tương đương mới tạo ra nét tương tự được. Nếu tiệm may thanh lịch Aux Ciseaux d'Art bên kia đường biến thành Cửa hàng May mặc quốc doanh, nếu người ta phóng uế vào các gốc cây bên đường và thi nhau lột vỏ cây đem về làm củi đun, nếu người ta mắc máy phóng thanh khắp các góc phố để cả ngày ra rả các khẩu hiệu tiến nhanh và tiến mạnh..., ở trong một thành phố Hồ Chí Minh như thế, tôi đoan chắc có đi Paris người ta cũng sẽ không nhận ra điểm tương đồng giữa hai thành phố đâu. Trái lại, chỉ nhận ra toàn cái xa lạ, như dương gian và âm phủ. Tôi đã hiểu vì sao ngày ra tù tôi thấy Sài Gòn hoàn toàn xa lạ đối với tôi, mà ngày nay tôi lại thấy Paris giống Sài Gòn. Có lẽ nhờ những cảm nhận như thế người xa quê hương mới có thể sống trên những vùng đất xa lạ của thế giới được. Xa lạ không sao, miễn là còn gần gũi với con người.

Phố cũ hè xưa là lời thơ của Cung Trầm Tưởng thường được hát trong bản nhạc Mùa Thu Paris, và có lội trong khu phố cổ của Paris như khu Marais thì mới thấy bốn chữ đó là tài tình. Nhà phố được xây cao quay mặt nhìn nhau hai bên những con đường hẹp, khiến con đường giống như một cái hầm dài, mà đáy hầm phải chia ra làm ba phần, giữa là lòng đường, hai bên là hè phố hầu hết lát bằng đá cắt ra thành từng phiến nhỏ. Dù được xây cất từ nhiều thế kỷ trước mang nét cổ xưa, kiến trúc ở đây trông vẫn bề thế, cao lớn và chắc chắn chứ không lúp xúp như những khu phố cổ Đông phương kiểu như Hội An hay băm sáu phố phường của Hà Nội. Trong những căn phố đó là cửa hiệu, phần nhiều bán đồ mỹ nghệ, các món hàng cũng như cách trình bày cố làm sao cho nổi lên cái cung cách xưa xưa. Đi trên hè phố ấy, nhẩn nha vào hiệu nọ hiệu kia, thì phải nhận rằng cái mà mình đang tiếp xúc với, mình đang đắm mình vào, không có tiếng nào diễn tả đúng hơn là mấy chữ *phố cũ hè xưa*. Phố và hè ở đây luôn luôn phải cặp đôi với nhau, phải làm chứng cho nhau rằng chúng đã cùng tồn tại qua biết bao sương nắng của thời gian và biến cố của lịch sử, và ngày nay vẫn còn giữ vai trò tích cực cho đô thị này. Ngày xưa là vương tôn công tử và thị dân, ngày nay là khách du lịch bốn phương đi trên các vỉa hè này, không có hè phố để chuyên chở người đi lại thì phố xá còn có nghĩa gì. Hè phố không phải là một lối để đi suông, (làm việc ấy đã có lòng đường) mà chính là nơi đi để nhìn vào các cửa hiệu, là hành lang để thực hiện việc la cà mua sắm, là nơi để ngắm nhìn nhau, quan sát cách phục sức của nhau, để biểu lộ một phong cách của xã hội. Phố và hè là một trường sinh hoạt chung, cùng nương nhau mà sống còn để thực hiện nếp sống đô thị trải qua nhiều thế kỷ. Ngày nay phố đã cũ và hè đã xưa nhưng vẫn còn đó như một đặc trưng của Paris, nét xưa và cũ ấy đem lại biết bao vẻ lãng mạn cho đời sống đã mất rất nhiều thơ mộng giữa thời đại cơ khí, hàng hóa phong phú thừa mứa, với những siêu thị tân tiến rộng mênh mông. Vào với phố cũ hè xưa chúng ta vẫn tiếp tục sống cuộc đời hiện nay chứ không phải tìm đường vào quá khứ, như khi đi thăm những di tích là cái đã xong vai trò của nó rồi, bây giờ bày ra là chỉ để xem. Đi trên hè xưa và ghé vào những căn phố cũ chúng ta không có cảm giác mình đang đóng trò giả vờ làm người xưa để tìm một ít ảo giác hiếm hoi thoát ra trong chốc lát cuộc

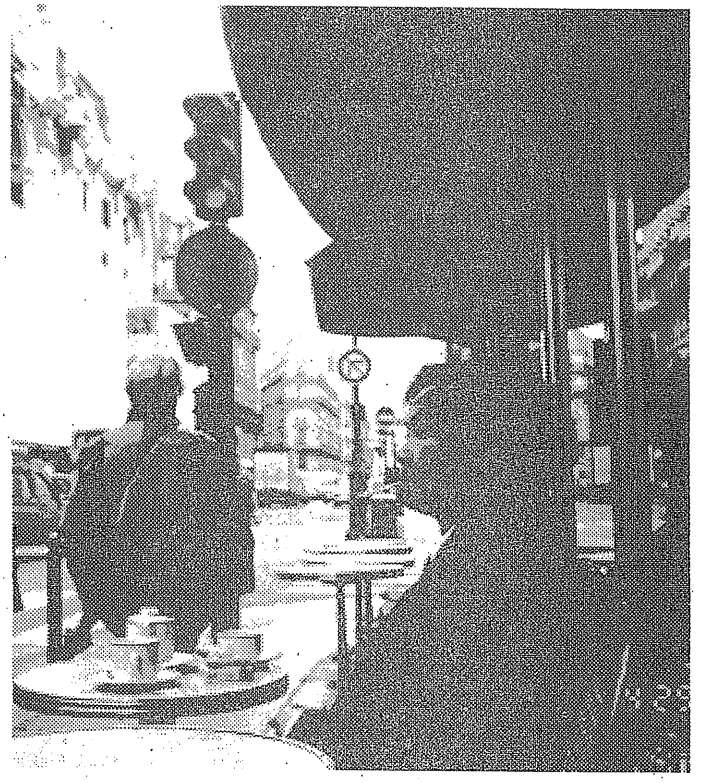

Thưởng thức cái thú uống cà phê hút thuốc lá tại một quán trên vỉa hè đường phố Paris

sống hiện tại, mà là làm công việc trộn lẫn cái hiện tồn với cái cổ xưa, để biết rằng chúng ta không bơ vơ trên bờ vực khi chiếc xe khoa học kỹ thuật đưa chúng ta đi quá nhanh và quá xa đến những nơi lạ hoắc không biết là chốn nào. Những phiến đá lát không phẳng phiu dưới chân, những bức tường nặng nề rêu phong, những cái cầu thang cuốn ngộ nghĩnh đưa lên tầng trên không còn thấy trong kiến trúc ngày nay... tất cả những cái đó như liều thuốc an thần nhắc nhở ta rằng đời sống luôn luôn là một tổng hợp giữa quá khứ và hiện tại, đừng có sợ hãi bơ vơ, các bạn vẫn trong vòng tay ôm của biết bao thế hệ và thế kỷ trước đây mà... Gọi đó là phố cũ, là hè xưa, tức là xác nhận hơi hướng của quá khứ vẫn ra vào đâu đây, xin các bạn cứ tự nhiên thoải mái tự thể hiện cái con người thật của các bạn vốn là một tổng hợp phức tạp, vốn là nơi tàng chứa biết bao chuyện của tiền kiếp, xin cứ thong thả, ở đây không có tiến nhanh tiến mạnh đi đâu cả, ở đây không hề phá bỏ cái gì mà lưu giữ hết và trân trọng hết. Các bóng người tứ xứ qua đây hôm nay rồi cũng sẽ trở thành quá khứ, những cánh cửa dày, những căn nhà tối sẽ là những ống kính và buồng phim ghi lại tất cả những cái áo thụng trắng vùng Trung Đông, những quần jeans áo thun và giày vải thể thao đến từ Mỹ, những đôi mắt đen thẳm dưới làn mi vút cong của xứ Ấn Độ..., để ít trăm năm sau khách qua lại nơi này vẫn man mác cảm thấy có một cái gì đó vẫn *ra vào đâu đây*... Sài Gòn đối với tôi sau mười ba năm cải tạo đáng lẽ phải thành một loại phố cũ hè xưa để tôi bắt gặp lại ít nhất hình ảnh của chính mình mươi lăm năm về trước chứ chưa nói đến thời nào xa xưa hơn, nhưng hình bóng cũ đã bay đi sạch trơn để chỉ còn lại cái xác trần trụi. Phố và hè chỉ thành cũ và xưa khi nó tiếp tục lưu giữ một tinh thần thái độ nào đấy, mà quan trọng nhất là sự liên tục, chứ không phải chỉ là những vật vô tri được tính bằng năm tháng chất chồng. Khi đình chùa miếu mạo chỉ còn một thứ hương khói giả vờ, chỉ cốt để bán vé cho du khách vào xem, thì lập tức biến thành một cái xác rỗng. Không gì thê thảm cho bằng di tích của một đất nước bỗng tắt mất đi cái hơi thở vẫn liên tục từ ngàn xưa để trở nên các ông phỗng vô hồn, không gì gây đau đớn hơn khi đọc trên vách chùa Cửa Võng có suối Giải Oan của Hương Sơn những câu khẳng định rằng chẳng ai giải được cái oan của con người ngoài sự đấu tranh của đảng cộng sản... Khi cái tinh túy của quá khứ đã bị lãng mạ thì còn mong gì phố cũ với hè xưa!

Đi dạo phố mỏi chân cần nghỉ ngơi uống một chút gì và làm vài công việc cần cho cơ thể thì vào quán cà phê, mà hầu như góc phố nào cũng có. Quán cà phê thường có một diện tích không lớn, gồm một cái quầy dài, dăm cái bàn bên trong và một số bàn đặt ngoài hè. Ngoài cà phê quán còn bán các thức uống khác, kể cả bia và rượu, và một ít thức ăn nhẹ. Vào quán, ta có thể đứng uống ngay tại quầy, ngồi vào bàn ở trong quán hoặc gọi thức uống ra ngồi ngoài đường mà nhâm nhi. Cà phê ở đây dĩ nhiên đúng là "cà phê Pháp," không còn nghi ngờ gì như khi đọc các quảng cáo của những nhà buôn Mỹ và Việt ở vùng California để nhắc nhở khách rằng cà phê Pháp mới là cà phê thứ thiệt, uống mới đã, chứ không phải đã được biến chế lung tung để thành một thứ nước chua chua nhạt nhạt như cà phê Mỹ. Tách cà phê nhỏ xíu, nước đen sánh, gặp tay uống phàm thì chỉ ực một ngụm là sạch nhẵn, nhưng nếu biết thưởng thức cái thơm ngon của nó thì có thể nhấm nháp đốt thuốc lá hàng nửa giờ. Rượu và bia thì nhiều thứ, nhưng theo tôi đây không phải chỗ thích hợp để uống rượu, và nếu uống bia thì nên uống bia "bốc" (sau 75 ở Sài Gòn gọi là bia hơi) để thưởng thức vị tươi ngon của bia mới đem từ nơi sản xuất về, không đóng chai đóng hộp gì cả.

Uống đứng thì rẻ tiền hơn ngồi, nếu một cốc cà phê tại quầy trả tám quan thì ngồi tại bàn phải mười quan. Tôi có tật uống cà phê rất chậm, vì phải luôn luôn kèm theo mục thuốc lá, nên phải ngồi mà uống, nhưng uống bia tại quầy thì tôi cho cũng là một điều lý thú. Không phải vì đứng mà người uống phải có thái độ vội vã đâu, anh ta vẫn ung dung, tay cầm một cái 'demi' (một ly bia hơi), lưng tựa vào quầy, mắt lơ đãng nhìn quanh, thỉnh thoảng đưa ly lên làm một tợp rồi đặt xuống mặt quầy. Khi đứng uống như thế tuy bạn không vội nhưng vẫn có vẻ không phải định nhậu nhẹt lâu dài, chỉ là ghé qua làm một ly cho đỡ cơn khát, vẫn có thể quay qua trò chuyện vài câu mưa nắng với người đứng cạnh, rồi khi ly đã cạn, lặng lẽ bước ra. Ở Pháp cũng cấm hút thuốc ở nơi hàng quán, nhưng riêng quán cà phê thì không, chắc vì người ta cũng thấy chỗ vô lý cà phê mà không có thuốc lá. Ngồi uống ngoài đường tôi nghĩ có thể không thích hợp với một số người cho ăn uống là việc riêng tư kín đáo không muốn phơi ra với bàn dân thiên hạ, nhưng với một số người khác là một cái thú có thể thành ghiền. Với đường phố anh có thể có hai thái độ, một là nhập vào dòng người để di chuyển, hai là ngồi một chỗ để nhìn mọi người di chuyển. Cách thứ nhất là bát phố, cách sau là uống cà phê vỉa hè. Hai thái độ một động một tĩnh ấy thật ra chỉ là

nai cách thế khác nhau để tham dự vào cuộc sinh hoạt náo nhiệt của phố phường, một công việc mà cư dân của các đô thị lớn hầu như ai cũng có thời kỳ rất ưa thích. Ngày xưa ở Sài Gòn loại quán có ghế ngồi ngoài đường không nhiều, chỉ vài nơi như Thanh Thế, Thanh Bạch, Kim Sơn, nhưng cũng lắm người rất mê ngồi nhâm nhi ngắm kẻ lại người qua. Paris thì phố nào cũng có, lúc nào mình cũng có cơ hội dừng chân ngồi ngắm thiên hạ sau khi đã đi chán cho thiên hạ ngắm mình. Thực ra người ngồi uống cà phê vỉa hè không chắc đã ngắm ai, đó chỉ là một thái độ tham dự, họ ngồi trước cốc cà phê, tay cầm điếu thuốc, trước mặt là trời xanh mây trắng và cuộc đời đang trôi chảy, họ yên tâm biết điều đó, mắt lơ đãng không đặt rõ rệt vào đâu mà vẫn biết là hơi ấm của đô thị vẫn đầy đủ chung quanh. Cảnh tượng trước mắt là một cần thiết đối với họ, dù là phố đông hay phố vắng, trời nắng hay trời mưa (mưa thì phải ngồi dưới mấy cây dù). Họ nói là ngồi ngoài đường phố "vui" hơn, cái vui ấy chính là được gia nhập vào dòng sống đang ào ạt quanh ta vậy.

Quán cà phê là nơi giới văn nghệ thường lui tới, đó là truyền thống của Pháp từ xưa, và cũng thành truyền thống ở những nước chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp. Những người viết lách, những người vẽ vời thường cần cảm hứng và một môi trường sinh hoạt thích hợp cho họ, quán cà phê đáp ứng được yêu cầu ấy. Có lẽ vì đó là nơi kinh doanh mà ít có vẻ kinh doanh nhất, quán cà phê là nơi luôn có không khí 'văn nghệ,' vì thưởng thức cà phê là một việc nhiều dáng vẻ tinh thần hơn là vật chất, uống một cốc cà phê nóng thơm ngon chỉ để đầu óc thêm sảng khoái chứ không vì no béo hay dinh dưỡng. Nhưng có lẽ cái không khí văn nghệ nơi các quán cà phê là do những người nghệ sĩ đến uống ở đó đem lại hoặc tạo ra hơn là do chính việc bán cà phê. Nếu chủ quán có chút máu nghệ sĩ, biết kính trọng người tài, biết chiêu hiền đãi sĩ (ở đây có nghĩa là biết cho những người nghệ sĩ nghèo mắc nợ) thì quán sẽ dễ trở thành nơi hò hẹn của những người viết văn, làm thơ, vẽ tranh... Người của nghệ thuật và tư tưởng thường có nhu cầu thoát ra khỏi cái không khí quen thuộc của gia đình để tìm những nơi có tần số rung động thích hợp với họ hơn để họ nạp lại năng lượng sau một hồi sáng tác, và quán cà phê là một trong những nơi như thế. Ở đó không hẳn là họ đến với quần chúng, mặc dầu là nơi công cộng. Họ đến để hưởng cái không khí do chính sự có mặt lâu ngày của họ và bạn bè họ đã tạo ra, để nói về những gì họ sáng tác hay dự định sáng tác cho những người nghe hiểu họ, và cũng để nghe những điều như thế từ phía bạn bè. Các cọ xát sẽ làm họ phong phú hơn. Hương cà phê sẽ làm họ tỉnh táo và cảm hứng hơn. Môi trường ấy sẽ giúp họ thêm tự tín. Quán cà phê là nơi khai mở sự sáng tạo cho họ nhiều hơn là những bữa cơm êm ấm ở gia đình thường chỉ làm tròn đầy một cảm giác thỏa mãn hơn là tạo ra sự thao thức, những tranh luận gay go làm đầu óc họ sắc bén hơn là sự chịu ý dễ dàng để vui lòng nhau.

Ở công trường Saint-Germain-des-Prés có

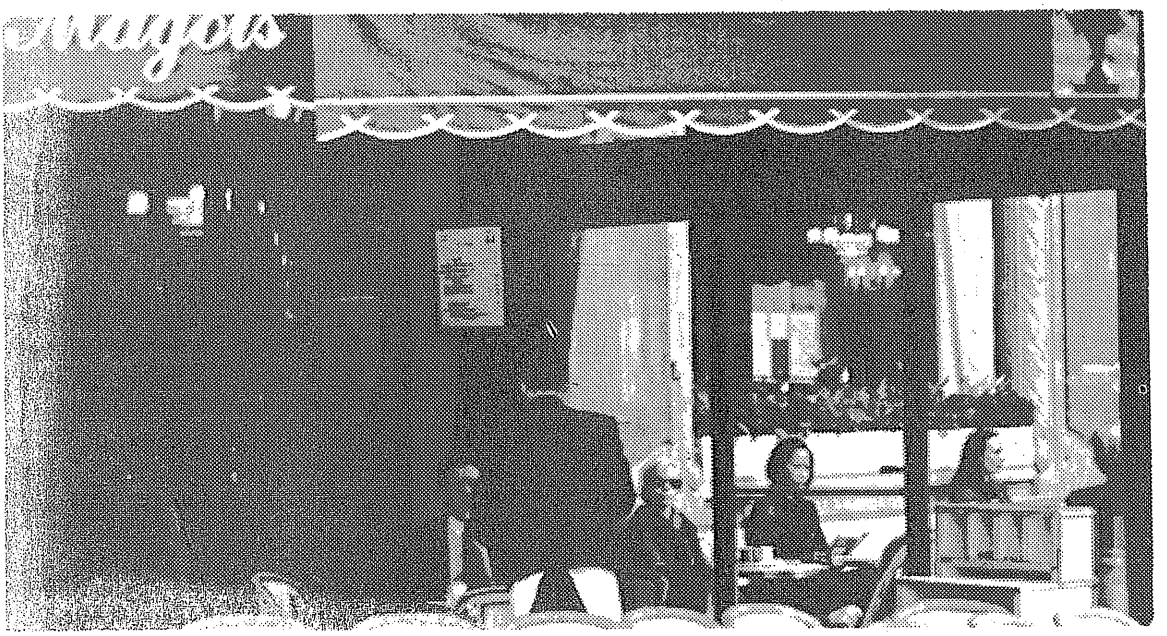

Buổi sáng sớm, du khách đã đến ngồi ngoài hiên mái che của quán "Les Deux Magots" thưởng thức không khí đặc biệt của quán cà phê nổi tiếng này

quán *Les Deux Magots* được gọi hẳn là "Quán cà phê văn học"(Café littéraire). Từ hậu bán thế kỷ mười chín quán này đã đóng một vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa của Paris, với những Verlaine, Rimbaud, Mallarmé lui tới gặp gỡ nhau. Thời nay — tức là trong thế kỷ này — khách quen của quán lại là André Gide, Picasso, Prévert, Hemingway, Sartre, Simone de Beauvoir... Quán cà phê văn nghệ thì trên thế giới này chẳng thiếu gì, nhưng một cái quán có một truyền thống như Les Deux Magots thì chính nó đã vượt khỏi quá xa chức năng "quán" của nó để thành một nơi linh địa cho các thiên thần chuyên lo về việc văn chương nghệ thuật. Có lẽ Paris sẽ giữ nó tồn tại lâu dài trong tương lai với tư cách là một nơi bán cà phê, nhưng đã từ lâu ai cũng hiểu nơi đó được xem như một cái đền thờ phụng các sinh hoạt tự do của tinh thần và của sự sáng tạo, mà nước Pháp đã và đang có cái hãnh diện đi tiên phong cho thế giới.

Ngồi trong quán đó tôi bất giác có một cử chỉ y hệt như khi vào quán chả cá Lã Vọng ở Hà Nội năm nào, là đưa mắt nhìn quanh. Tại quán Lã Vọng tôi nhìn và tự hỏi Thạch Lam và các bạn văn của thời ông đã từng ngồi ở chỗ nào. Quán Lã Vọng đã chết đi sống lại. Cái mà tôi tìm đã vĩnh viễn thuộc về lịch sử. Tôi tìm hình bóng của những người làm văn nghệ của đất nước tôi một thời đã bị tru di và xóa sạch hết hơi hướng tại chính cái nơi họ đã sống, đã viết, đã làm nên những trang văn học vào hạng rực rỡ nhất của lịch sử nước tôi. Tại đây, Les Deux Magots, phản ứng tự nhiên của tôi là cũng hình dung xem Sartre, Hemingway... đã ngồi chỗ nào, nhưng đồng thời tôi cũng ý thức rất rõ rằng tuy họ đã tới và đã ra đi vĩnh viễn nhưng hình bóng các vị vẫn sinh động nơi đây, vì cái tinh thần tự do của các vị vẫn được thừa kế, phát triển từng giây phút bởi các lớp người đến sau. Từ quán cà phê này, hào quang của các vị phát ra không những chỉ soi sáng cho thành phố Paris hay cho nước Pháp, mà cho khắp loài người.

Quán cà phê là một hiện tượng phổ biến của Paris, nó gắn chặt với sinh hoạt của người dân, và qua đó cho thấy tính chất và sở thích của họ. Họ có nhu cầu "ngồi quán," một thói quen vừa xã hội vừa cá nhân, vừa tinh thần vừa vật chất. Vào quán là để uống hay ăn một chút gì, nhưng có thật là họ đang đói hay khát để làm việc đó không? Chưa hẳn. Ăn uống lắm khi chỉ là một cái cớ để họ tham dự vào một không khí mà họ thích. Người dân Sài Gòn trước kia, lui về mãi tận thời Pháp thuộc cho đến thời sau này, cũng đã có thói quen ra ngồi "quán nước," từ sáng sớm tinh mơ đã có người đến quán kêu cà phê rót ra dĩa xì xụp uống, nói với nhau những chuyện mưa nắng. Quán nước cũng là môi trường để trao đổi chuyện áp phe, giá cả, hàng hóa. Gọi là "quán nước" theo lối người dân Sài Gòn là đúng, vì thực chất đó chỉ là các quán hủ tiếu và cà phê nước ngọt của mấy chú ba Tàu thường lập ở những chỗ góc phố. Có lẽ đến thời Việt Nam Cộng Hòa mới bắt đầu có quán thực thụ chuyên bán cà phê, và mới bắt đầu thấp thoáng một chút "quán cà phê văn nghệ" nơi đó giới văn nghệ sĩ thường lui tới. Hình như phải có một nền văn nghệ, phải có một tầng lớp văn nghệ sĩ rồi thì sau đó mới xuất hiện cà phê văn nghệ được. Đó là một giới ưa la cà, ở đâu cũng vậy. Và cũng từ khi họ la cà tại một quán nào thì nơi đó mới mang dáng vẻ tinh thần, văn chương, nghệ thuật vốn là sinh hoạt chính của họ. Không biết nhân loại bắt đầu biết uống cà phê vào năm nào và xuất xứ món đó từ đâu, nhưng tôi có cảm tưởng chính nước Pháp, hay đúng hơn, Paris, đã biến việc uống thức ấy thành một nếp sinh hoạt, một phong cách văn hóa, và phổ biến nó ra khắp thế giới.

(Còn tiếp)

VÕ DOÃN NHẪN

KHỞI THỦY

Tiềm thức chiêm bao dỗ ngủ
Thấy mình Phạm Thái Quỳnh Như
Dung giẻ vào hang tiền sử
Chụm đầu viết bạt cổ thư

Mấy triệu nghìn sau có Lão
Đầu thai soạn Đạo Đức Kinh
"Đạo khả đạo phi thường Đạo
Danh khả danh phi thường Danh."

Họ Phạm bút vung đề bạt
Nàng Trương cầm chịch cổ thư
Hỗn đấu khủng long hổ cáp
Ngoài hang vằng vặc trăng hư.

Santee Hạ 97

CHÓ HOANG

ĐỖ QUANG NGHĨA

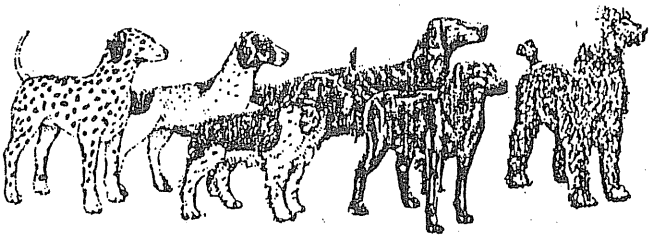

Cái giống chó này vào lúc này chẳng được cái tích sự gì. Thịt nó hôi. Vả có thơm thì chẹp miệng ba cái là hết cả đầu lẫn đuôi nó. Người ta không mất công đập chết chúng, hay mang chúng ra sông dìm. Quan hệ giữa giống chó này với người không phải là quan hệ chủ tớ mà là quan hệ hàng hóa. Khi hàng mất giá thì giản tiện nhất là tống cổ mặt hàng bốn chân ấy ra đường. Và thế là thành phố đêm đêm lách nhách tiếng chó sủa. Sủa đèn đường. Sủa xe máy. Sủa dọa chuột cống. Sủa dọa nhau. Cũng có thể là những con chó bụi đời ấy chỉ sủa để mình nghe tiếng mình cho đỡ sợ. Ông hàng xóm của gã còn bảo là có khi chúng sủa cho đỡ buồn. Chó là giống vật gần với con người nhất trong nhu cầu biểu cảm. Giá mà chúng biết nói như người thì hẳn là lúc đó chúng sẽ ngâm thơ, sẽ rên lên một giai điệu nào đó trong một bài hát nào đó, sẽ khóc một tiếng khô khốc hoặc cười một tràng sặc sụa...

Ông hàng xóm của gã nói điều đó vào buổi chiều mồng một lúc gã sang nhà ông chúc Tết. Thành phố tết nhất không có tiếng pháo, không có hơi pháo phảng phất một vẻ kỳ kỳ. Tiếng chó sủa mưa lách nhách ngoài đầu ngõ làm cảm giác ấy càng rõ. Bà hàng xóm liền vách nhà gã cùng sang chúc tết cười: "Bác nói hay qúa!" Gã cũng cười, ngó bâng quơ phòng khách của chủ nhà. Trường kỷ giả đồ cổ, chẳng biết bằng thứ gỗ gì mà đen bóng, khảm trai nhóng nhánh. Tủ tường bằng foocmica loằng ngoằng một dây đèn xanh đỏ bật chớp nhoang nhoáng. Lịch hoa hậu toàn những mặt nhẵn như sừng trong bộ dạng thơ ngây dịu dàng đông lạnh. Một cành đào bích to đùng ngự trên bàn thờ che lấp cả tấm ảnh ông cụ vừa mất hồi đầu đông dựng đằng sau mấy bát hương. Cơ man là thiếp chúc mừng năm mới gài trên đó. Lại còn, trời ạ, cả đô. Đồng một hay một trăm đô nhỉ? Mắt gã cận và gã phải cố lắm để dẹp đi cái ý muốn đến sát bàn thờ để nhìn cho rõ. Số giàu sao mà sướng. Chắc là trong nhà mừng tuổi nhau đây! Phải vợ gã, giá có được vài tờ một trăm đô như thế! Ả chắc phải kẹp chặt vào đâu đó và dúi thật kỹ vào một đống quần áo lộn tùng phèo. Nửa kín nửa hở thế mới chắc. Cái thói thu vén ấy đã làm gã điên đầu không biết bao lần. Điên nhất là lần ả để lẫn mấy chỉ vàng. Có mấy chỉ thôi, dành dụm suốt bao năm chẳng dám sờ lần tới phòng lúc quẫn bách. Ả lấy một cái khăn mùi xoa thắt từng chỉ thành một cái nút to tổ bố. "Để khỏi rơi." Và ả đã khóc nức lên vì bới mãi không ra cái khăn ấy trong cái tủ đựng trăm thứ bà dằn.

Hồi còn mấy chỉ ấy vợ gã đã tính rước về một ả chó cái lông xù tép bưởi. "Bằng nắm tay thôi, thuần chủng, không lớn được đâu." Ả gạ gẫm. Thằng em ả lúc đó cũng có mặt đánh một câu: - Sao lại nuôi cái thứ không lớn được? Phải kiếm giống tốt, nhất bạch nhì khoang tam lang tứ đốm, cho ăn một bát phải lện được vài lạng. Rồi xức mắm tôm cho nó, sắm cho nó củ riềng đeo cổ. Thằng trời đánh nói xoẹt cái như máy dệt len, rồi cười sằng sặc, xong chạy bắn ra khỏi cửa, vớ xe phóng thẳng, để lại cho đương kim anh vợ là gã nguyên vẹn cơn giận của bà chị nó. Cái ý định làm giàu trên lưng chó vợ gã theo đuổi rất "chì". Bất chấp những nguyên nhân khách quan ngăn cản. Bất chấp chuyện hai vợ chồng một đứa con chỉ có độc một cái giường một cái chạn một cái tivi hai màu đen trắng trong một căn phòng mười bốn mét vuông. Bất chấp chuyện gã cực ghét những giống mềm mềm âm ấm gừ gừ. Ả cũng không cả kịp nhớ ra việc thằng con dị ứng với đủ thứ không nhìn thấy được trong không khí. Tinh thần yêu chó của vợ gã lúc đó làm gã phát hoảng. Nghĩ tới cảnh nhịn miệng để bồi dưỡng cho nó đã đủ rầu. Sữa ông Thọ. Gan tươi. Thăn bò nõn. Cái giống ấy chỉ toàn xơi những của ngon thế. Rồi lại phải hầu hạ chị đàn bà bốn chân ấy cả chuyện dị hóa. Rồi lại phải lo bảo vệ trinh tiết cho ả chó cái chưa mua ấy để ả không đẻ ra những con chó con càng nuôi càng lớn... Gã cũng háo tiền y như vợ. Nhưng đúng là trong sự tính toán này gã thông minh hơn hẳn cô nàng.

Tuy nhiên, vào thời điểm chó lên ngôi chứ không phải lấm lét sủa lách nhách đầu ngõ gã cũng không dám nói điều gì ngăn vợ. Nội cái việc vợ gã hoàn toàn bình thản khi gã nộp lương đã đủ để gã hiểu gã may mắn như thế nào khi cưới ả. Lương "viện sỹ" gã đưa về còn ít hơn lương khoán của ả mỗi khi nhà máy ả tìm được hợp đồng. Gã lại còn không biết gỡ len, dệt len, khâu len như ả. Lấy những thằng như gã là người ta ngõi chuyện chồng đi Tây để rửa mặt với đời. Nhưng ngõi là một chuyện. Có đi được không lại là chuyện khác. Trông vào cái số. "Người quân tử ăn chẳng cầu no..." Có lần gã đã rống lên câu ấy. Rồi tịt mít khi vợ đay bằng giọng vô cảm: "Người quân tử ăn chẳng cầu no! Có quân không ăn thì tử ấy chứ ngồi đó mà thơ với phú." Thế cho nên gã im lặng. Gã biết lắm. Bộ lông xù tép bưởi của con chó cái Nhật bằng nắm tay kia đang phát quang trước mắt vợ gã. Ả nhìn thấy từ đó nhà hai tầng, đầu video cho con tập hát karaoke, cái cúp kim vàng giọt lệ để vợ chống con cái chất lên đấy mà phóng về ông bà nội ngoại. Và còn những quỷ gì có giời biết. Cơ ngơi xây từ chó đã thành đỉnh cao mơ ước của vợ gã và vô khối các bà các cô trong ngõ. Trước, cả ngõ nhà nào cũng giống nhà nào, đều một kiểu mái ngói cửa sổ gỗ lùa được các nhà thầu xây hàng loạt từ trước hòa bình lập lại để cho thuê. Giờ, ông hàng xóm trúng liền mấy lứa chó, đánh đùng một cái ông gọi thợ phá nhà cũ lên luôn nhà ba tầng, chẳng cần giấy phép. Ông truyền đạt kinh nghiệm cho cả ngõ: "Cứ xây! Đội quy tắc tới bắt đình lại thì xin phạt cho phép tồn tại (1). Cái gì? Biên lai ấy à? Vài trăm thôi. Nhưng vấn đề là thống nhất được với nhau ở quán. Mất vài triệu nhưng được việc. Lấy vợ xem tuổi đàn bà làm nhà xem tuổi đàn ông. Chờ được cái giấy phép xây dựng thì tới mùng thất. Mà cái sự tốn thì còn đến đâu ấy chứ." Chưa ai trong ngõ được dịp áp dụng kinh nghiệm của ông. Thì lại đánh đùng một cái ông và hai thằng con cưới Dream. Đánh đùng cái nữa sớm trưa chiều tối nhà ông vang vang tiếng hát karaoke "hôm nay em buồn như con chó ốm" (2). Ông giáo về hưu sát vách phải nhà ông Hoạch than thở: "Cứ nghe tiếng âm li nhà ông Hoạch lại giật mình. Cứ như nghe lại tiếng loa báo động "đồng bào chú ý máy bay địch cách Hà Nội ba mươi ki lô mét" ngày xưa. Không thể nào ngủ được. Cả cái lúc nhà người ta thôi hát đi ngủ. Cứ phập phồng ngửi hít cái im lặng vừa liền lại." Bà hàng xóm sát vách trái nhà ông Hoạch thì cứ trời mưa là chửi đổng. Từ hôm nhà ông Hoạch lên tầng, tường nhà bà bị rạn và mưa ngấm từng vệt loang lổ. Cả ngõ nghe bà chửi với một niềm phấn khích. Ông Hoạch xây nhà, tôn cao mặt đường đoạn trước nhà ông lấy chỗ dựng xe làm cho nước không sao thoát ngay được lúc trời mưa to. Đi làm về gặp chiều mưa rào, tới đầu ngõ lại phải dắt xe bì bõm trong nước bẩn, ai cũng "cú."

Chẳng ai nhìn thấy những gì diễn ra đằng sau

DALAT
LANDSCAPING
Design & Maintenance
Lic. # 699783
P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
Call: Mr PHƯƠNG
(714) 971-9640* (800) 200-9848

tấm cửa lùa bằng sắt kéo hết mặt tiền nhà ông Hoạch, nhưng hình như ai cũng bị ám bởi ngôi nhà ấy. Mấy bà thấy bọn trẻ phải chạy tóe ra khỏi chỗ chơi đầu ngõ khi xe nhà ông Hoạch phóng vào là ngấm nguýt và bàn nhau họp tổ dân phố kiến nghị cấm xe máy chạy trong ngõ để giữ an toàn cho trẻ. Cũng được mấy ngày. Đến cái lúc vài ba nhà khác tậu được cái xe sida (3) thì nội quy kia tuy vẫn chềnh ềnh trên bảng treo đầu ngõ song chẳng ai thèm nhớ. Chẳng lẽ lại hì hục đẩy xe từ đầu ngõ tới cuối ngõ? Cấm hát karaoke to cũng không được. Con mấy bà cứ có trăm nào trong túi là tót vào nhà ông Hoạch thuê máy gào. Thằng con gã cũng thèm theo bạn lắm nhưng vợ gã quản rất chặt. Nhưng chính ả cũng như bị ám bởi cái giàu cứ phồng lên từng ngày của nhà hàng xóm. Một bữa, ngồi bên mâm cơm chiều, vợ gã vừa xới cơm vừa nói đầy vẻ vô tư: - Nhà ông Hoạch vừa "gãy cầu." Nghe bảo thằng con đi Nga buôn bị hải quan Nga thu mất mấy ba lô chó. Một bữa khác, mặt ả nở nang: Con chó đực nhà ông Hoạch người ta trả tới hai sáu cây vàng mà chưa chịu báu "củ" mất rồi. Đúng là hạn. Ai vào đấy mà bẫy được. Kín cổng cao tường thế cơ mà. Bà ấy bảo năm nay ông ấy bị sao Thái bạch. Cũng là của đi thay người. Rồi một hôm ả buồn xịu: - Em đã hỏi con chó cuối đàn lứa vừa rồi nhà ông Hoạch. Bà ấy nhất mực là phải cây mốt. Lại còn thế thọt là hàng xóm với nhau mới có giá ấy. Nhà mình mới có sáu chỉ. Hay anh hỏi thử anh em?! Dĩ nhiên là chả ai có. Mà giá có thì cũng chả ai cho vay. Nếu có đầu tư giúp nhau thì cũng phải chọn mặt biết làm ăn mà góp vốn, mà còn phải chộp cơ hội phong trào vừa lên. Nuôi cá trê phi. Nuôi vẹt Hồng Công. Nuôi chim cút. Rồi giờ là nuôi chó cảnh. Các phong trào đến rồi đi thoăn thoắt. Ai dại gì rót tiền cho kẻ chỉ biết lạch bạch chạy theo thiên hạ lúc thiên hạ đã ăn đủ.

Bây giờ gã vẫn mừng thầm là dạo đó nhà thiếu tiền. Vì chỉ chừng nửa năm sau là giá chó chững, rồi xuống. Ông hàng xóm nhà ba tầng bán tống bán tháo cả đàn chó đổ đồng một chỉ một con. Ông xoa tay hớn hở: - Mình biết tham thì thâm. Ăn mỏng một tý mới không "cháy cầu." Trước chó phải mua từ Liên xô về bồi dưỡng sấy nhuộm lông thật mốt rồi mới đẩy sang Tưng Quốc. Giờ thì bọn Tàu nó mua thẳng từ Liên Xô rồi. Hữu hảo mà. Bây giờ mới gọi bán thì trăm ngàn một con cũng không đắt. Chỉ riêng ông trúng. Trong ngõ cũng có mấy nhà tính toán như vợ gã. Xây bao nhiêu mộng thế mà... Rước con chó mấy cây vàng về lo phục dịch còn hơn phục dịch mấy đấng con, chưa được lứa nào thì giá chó xuống đùng đùng. Một nhà sơ ý để chó chạy ra đường lăng nhăng thế nào đẻ một bầy đúng loại đáng đeo cho củ riềng vào cổ. Và bây giờ thì lũ chó ấy đêm đêm sủa lách nhách ngoài đầu ngõ, nơi cả xóm cứ chập tối lại mang rác ra đổ chờ xe công ty vệ sinh đến hót. Chúng không còn giống những quả bóng bông xinh xẻo, đời sống cao, tự tin và lười biếng độ nào. Mình chúng dài ra, chân cẳng hình như cũng dài ra, lông chỗ thì bết lại chỗ thì trụi thùi lụi. Chúng nhanh nhảu hơn. Mà cũng nhút nhát hơn.

Một hôm gã đưa vợ con về bên ông bà ngoại. Lúc trở lại nhà, vợ gã sai dừng xe để tạt vào chợ mua rau cỏ. Hai bố con đứng chờ ngoài cổng chợ trong khi vợ gã còn lang thang hàng nọ hàng kia. Có thằng bé đeo cái biển tổ bán báo Xa Mẹ ôm một chồng báo đi ngang, gã gọi mua một tờ rồi dí kính vào đọc. Thằng con đứng nhìn vơ vẩn rồi tự dưng níu tay gã: - Bố trông kìa! Đúng rồi! Đúng chị Hạnh rồi. Chị Hạnh ở nuôi chó cho nhà bác Hoạch trước kia kìa. Chị gánh gánh gì có con chó đang chạy theo ấy. Gã nhìn nhưng không thấy. Rất nhiều đàn bà gánh gánh gồng gồng. Rất nhiều đàn bà đẩy những chiếc xe cởi truồng loại không phanh không chuông không gác-đờ-bu, loại xe thồ bán rau bán chuối, đứng trước cổng chợ nhẫn nại mời mọc. Và người thì cứ như nước, lại qua, lại qua.

Chú thích:

1. Hiện tượng phổ biến ở Việt Nam: đội quy tắc các cấp phường, quận, thành phố đi kiểm tra các công trình xây dựng nhà cửa của dân, thu tiền phạt xong thì cho phép tiếp tục xây cất, gọi là phạt tồn tại.
2. Lời một bài hát phổ thơ Nguyên Sa.
3. Xe phế thải của Nhật, được nhập thẳng về Việt Nam hoặc qua Thái Lan, Cam Pu Chia.

* Chết cho một tôn giáo dễ hơn sống hoàn toàn theo tôn giáo ấy.
---- *Jorge Luis Borges*

* Sự sợ hãi nỗi cô đơn lớn hơn lòng e ngại cảnh trói buộc, vì thế chúng ta kết hôn.
---- *Cyril Connolly*

* Tôi thích làm kẻ hành khất độc thân hơn là nữ hoàng mà phải lấy chồng.
---- *Queen Elizabeth I*

* Nghệ thuật không phải dành cho sự thưởng ngoạn đã được giáo dục. Nó giáo dục sự thưởng ngoạn.
— Nikki Giovanni

SẸO MẶT

VŨ TRUNG HIỀN

Một hôm, tôi hỏi người bạn thân:

"Này Hậu, thuở nhỏ bạn du đãng lắm hay sao mà mặt mày sứt sẹo như vậy?'

Bạn tôi cười lớn:

"Sơ sơ thôi, cũng đánh nhau dăm ba trận. Nhưng không phải vì thế mà đầu cổ sứt sẹo đâu."

Anh vạch mảng tóc, chỉ cho tôi xem ba bốn vết sẹo phía sọ khỉ và bên trên tai:

"Chắc bồ bắt đầu thắc mắc về mấy của nợ này từ hồi mình ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, năm 69?"

Tôi gật đầu:

"Hồi ấy, mới quen bạn, tôi đâu dám hỏi."

Hậu cười tán đồng:

"Bạn thắc mắc cũng phải. Dạo đó, tụi mình hớt tóc cao; bao nhiêu bí mật trên đầu phải phơi ra hết. Chính bà xã tôi, thuở ấy đang bị tôi theo tán tỉnh, cũng thắc mắc y như vậy, và bà ta sợ nhìn thấy vết sẹo đó lắm."

Thực ra, đây chỉ là mấy mụn nhọt trên đầu hồi tôi còn bé thôi. Lúc tôi bốn năm tuổi, mẹ tôi vất vả lắm với mấy cái nhọt đó. Chúng mọc liên miên, hết cái này lành, cái khác xuất hiện: cái nào cái nấy to bằng quả nhót. Ở nhà quê làm gì có thuốc trụ sinh; tôi chỉ nhớ mẹ tôi bôi thứ thuốc gì giống như mực xanh lên đầu tôi. Mấy chỗ mụn mọc, tóc chung quanh phải cạo sạch; những chiếc mụn nhô lên như mấy hòn đảo lem nhem, loang lổ. Khi mụn cương cứng tôi đau kêu khóc cả đêm, mẹ tôi phải nhét vú vào mồm cho tôi bú, dù bà đã cạn sữa. Rồi mấy hôm sau, cái nhọt mềm dần, vỡ ra, mủ dính đầy gối, bà phải lau chùi, bôi thuốc cho tôi và giặt áo gối.

Khi mụn nhọt không còn định cư trên đầu tôi nữa, tôi bắt đầu đi học. Lũ bạn cùng lớp và trẻ con hàng xóm, thấy tôi ở đâu là hè nhau reo hò ầm ĩ:

'Sẹo đầu sẹo cổ, ăn dỗ tiền tao!'

Bị chế diễu, tôi không biết đối đáp, phản ứng làm sao. Chỉ nhớ, đôi lúc tôi phát khùng, nhảy tới tống vào mặt đứa to mồm nhất để rồi bị cả bọn năm bảy đứa nhào lại đánh hôi. Về nhà soi gương, nghiêng đầu, tôi thấy rõ vết sẹo bên trên tai phải to bằng một đốt ngón tay. Tóc mọc dài còn che được phần nào. Mỗi lần vừa húi đầu xong mới thê thảm, ông phó húi giơ tấm gương soi hình chữ nhật, cho tôi thấy quang cảnh vùng đồi núi phía sau đầu tôi phản chiếu lên khung gương lớn trước mặt: Mấy vết sẹo chung quanh sọ khỉ lỗ chỗ như những hố bom do B52 trải

thảm trên rừng núi Việt Nam, chụp bằng không ảnh từ trên cao hàng chục ngàn bộ.

Không nói, chắc bạn cũng biết tôi rất khổ tâm về mấy cái sẹo quái ác trên đầu. Tôi sẵn sàng làm mọi điều để chúng biến đi, cho tôi không còn bị lũ trẻ chế diễu nữa. Ai mách bảo tôi phương cách nào cho tóc mọc lên những chỗ sẹo, tôi đều thử hết. Một người cậu bảo:

'Mày cứ ra chợ, tìm mấy bà bán bưởi xin họ vỏ bưởi, về nhà nặn vỏ bưởi lên đầu cho tè he (chất dầu trong vỏ bưởi) thấm vào mấy vết sẹo ấy, tao bảo đảm thế nào tóc cũng mọc.'

Tôi hăng hái làm đúng như lời ông căn dặn. Ngoài vỏ bưởi ra, gặp vỏ chanh, vỏ cam, vỏ quýt, tôi đều lấy về, rửa sạch, nặn lên đầu và chà xát rất kỹ, thậm chí tôi lấy cả chiếc lược sừng của mẹ tôi, gõ liên hồi lên những vết sẹo cho nó mau thấm, tóc chóng mọc.

Một ông khác nói:

'Mày muốn cho tóc mọc, lấy mủ đu đủ xanh bôi lên mấy cái sẹo đó. Mủ đu đủ làm mềm da, chân tóc ở bên dưới lỗ chân lông mới chui lên được.'

Tôi trèo lên cây đu đủ bên hông nhà, bẻ một trái bằng nắm tay. Lấy dao vạt cuống vạt đu đủ, tôi bôi chất nhựa trắng ấy lên đầu. Buổi chiều tắm, tôi không gội đầu, cứ để thế mà ngủ, chờ mong phép lạ xảy ra trong đêm. Đang ngủ, tôi mơ thấy hàng trăm con chấy bò lổn ngổn trên đầu mình, và tôi đưa tay gãi tới tấp. Gãi mãi không đã ngứa, tôi phải ngồi dậy, ra sau nhà múc nước gội đầu, xát xà phòng thật mạnh cho trôi hết nhựa đu đủ. Sát mạnh đến nỗi mấy hôm sau, da đầu tôi thiếu điều muốn trầy, phải bôi thuốc mỡ lên cho đỡ rát.

Lại có người bảo tôi dán thuốc cao Con Rắn lên, tóc sẽ mọc. Tôi chạy qua phía bên kia đường, vào hiệu thuốc bắc Thịnh Đức Đường hỏi mua một lọ cao Con Rắn, ông Tàu chủ hiệu, kiêm đông y sĩ, đưa cho tôi lọ cao làm bằng đất sét to bằng chai dầu cù là Mac Phsu *"chánh gốc Miến Điện."*

Lọ cao không có nắp rời, chỉ đậy bằng một mảnh giấy cứng in hình con rắn màu đen cong queo dán bên trên. Tôi xé mảnh giấy che miệng lọ cao. Chất nhựa bên trong sền sệt như có trộn keo, mùi nồng nồng, vừa thơm như khói thuốc phiện, vừa hắc như mùi nhựa đường. Mỗi tối, tôi cắt mấy mảnh giấy tròn trét cao lên, dán vào các vết sẹo trên đầu. Đến sáng gỡ ra, chất keo dính nhớp đầu, vất vả không ít. Cao dính bết tóc, tôi dùng lược gỡ có khi kéo theo luôn cả chùm tóc.

Chẳng biết có phải lòng chân thành muốn mọc tóc của tôi thấu động tới trời xanh không hay nhờ kết quả tổng hợp của các chất tinh dầu từ vỏ cam, chanh, bưởi ổi, bưởi thanh, quýt, quất, nhựa đu đủ, và cao Con Rắn mà mấy năm sau đó, mấy vết sẹo trên đầu tôi cũng nhỏ dần. Nhỏ dần thôi chứ tóc không chịu mọc kín mấy chỗ ấy được. Để tóc bình thường không sao. Nhưng hễ hớt tóc kiểu quân trường, những vết sẹo đó lại có dịp phô bày dung nhan không lấy gì làm vẻ vang dân tộc của chúng."

Tôi hỏi tiếp:

"Thế còn vết sẹo trên má?"

Hậu thong thả:

"Năm ấy, tôi mới lên ba. Mẹ tôi dạy tôi bài học thuộc lòng đầu tiên:

Em tôi mới lên ba
Xinh đẹp tựa như hoa
Ai nấy cũng yêu quý
Hòn ngọc của cả nhà

Tôi thuộc bài này không mấy khó khăn. Mỗi lần họ hàng, khách khứa tới chơi nhà, mẹ tôi hay cho tôi ra đọc bài này cho họ nghe, để họ biết *"tài"* đứa con út mà bà yêu thương nhất trong số mấy người con của bà.

Là đứa bé nhất trong nhà, tôi được các anh chị luôn phiên bồng ẵm, dắt đi chơi hay dỗ cho nín những khi tôi dở chứng quấy khóc, và bị mẹ đét cho vài roi. Một trong những ông anh của tôi, năm ấy chừng mười bốn mười lăm, có tài làm đồ chơi. Anh *"chế ra"* tàu thủy chạy trên ao, súng trường, súng liên thanh và súng cối làm bằng tre và thân chuối để chơi đánh trận giả với các thiếu niên trong làng. Trong túi anh, cả túi quần lẫn túi áo, lúc nào cũng có sẵn đồ chơi. Một bữa nọ cho tôi đi chơi, anh bế thốc tôi lên, không biết trong túi anh có để con bông vụ gắn đinh mài nhọn, đầu đinh xuyên qua túi anh, nhô ra ngoài. Đầu đinh rạch một vết chừng một phân trên má trái của tôi.

Đưa tay sờ lên vết sẹo gần nửa thế kỷ của Hậu, tôi nói:

"Không đến nỗi nào. Tôi đã gặp vài người mang những vết sẹo trên mặt còn lớn hơn vết này nữa."

Hậu lắc đầu:

"Chưa hết đâu. Bạn chưa thấy vết sẹo dưới cằm của tôi. Cái này mới là kỷ niệm nhớ đời."

Hậu ngửa mặt, xoa xoa vết sẹo dài chừng ba phân, nằm hơi xiên sát bên dưới cằm:

"Vết sẹo này, chỉ những ai gần gũi tôi lắm mới để ý thấy được."

Tôi hất đầu:

"Kể tiếp lịch sử của nó đi."

Hậu nhấp một hớp bia, chậm rãi:

"Cũng ở nhà quê, sau vết sẹo má chừng một năm. Làng tôi cách tỉnh Nam Định mấy chục

cây số thôi, nhưng đi lại khó khăn, ánh sáng văn minh thị thành chưa rọi tới. Đối với dân làng tôi thời ấy, nhất là giới thanh thiếu niên, chiếc xe đạp là một niềm mơ ước. Trong một làng dân số khoảng năm ngàn người, số xe đạp chỉ đếm trên đầu ngón tay thôi. Ông ngoại tôi ở một huyện cách làng tôi chừng mười cây số. Với tài sản hàng trăm mẫu ruộng, ông tôi mua cho cậu tôi chiếc xe đạp loại dành cho các cua rơ. Thỉnh thoảng, cậu đạp xe từ huyện về làng thăm gia đình tôi. Thấy cậu đến, chúng tôi chạy ra mừng. Mừng nhất, có lẽ là các ông anh tôi, vì có dịp mượn xe chạy vòng vòng quanh sân. Sân nhà tôi rộng lắm, lát gạch, dùng làm chỗ phơi thóc mỗi vụ mùa.

Một hôm, cậu xuống chơi. Như thường lệ, cậu giao xe cho các anh tôi mượn đi. Khi anh thứ năm leo lên xe, tôi đòi theo. Anh chiều, cho tôi ngồi một bên trên khung ngang, hai tay bám vào ghi đông xe. Thay vì chạy vòng vòng sân như những lần trước, anh tôi lượn ra ngoài ngõ, rẽ trái vào con đường đất dẫn về phía đầu làng. Cách nhà khoảng gần trăm mét, bánh xe lọt vào một chỗ trơn trợt. Hai anh em tôi ngã xuống đất. Cái cằm bé nhỏ của tôi đập vào cần sắt ở chuông xe đạp, tét một đường, máu chảy ướt ngực áo. Tôi không nhớ mình được đưa về nhà bằng cách nào, chỉ biết mẹ tôi lấy cây đèn Hoa Kỳ trên bàn, đổ dầu hôi trong đó ra miếng vải băng vào vết thương cho tôi. Băng cuốn vòng mang tai, qua đỉnh đầu, thắt lại dưới cằm. Hoàn toàn không có thuốc sát trùng, trụ sinh, thuốc mỡ gì hết. Chỉ dầu hôi thôi. Thay băng mấy lần, khoảng một tháng sau, vết thương lành hẳn..."

Tôi rót thêm bia vào ly của Hậu:

"Vết sẹo trên mặt, có bao giờ bạn thấy mặc cảm?"

Anh trầm ngâm:

"Thực ra, phải tới năm học đệ ngũ, đệ tứ, tôi mới thấy buồn phiền vì vết sẹo ấy. Như tôi có lần kể cho bạn nghe, âm nhạc là môn học tôi ưa thích nhất. Ngay từ đệ thất, nhạc sĩ Thanh Phụng, ông thầy dạy nhạc của tôi đã cho tôi hạng nhất về môn xướng âm. Vậy mà lên đệ ngũ, môn âm nhạc tôi bét lớp."

Tôi nhíu mày:

"Chắc có điều chi khiến bạn chán nản?"

Hậu lắc đầu:

"Dùng chữ 'chán nản' vẫn còn nhẹ. Phải nói tôi đau đớn và phẫn nộ mới chính xác."

"Ai vậy?"

"Một ông thầy. Ông giáo sư âm nhạc của tôi. Một hôm, giờ ra chơi, trong lúc vội vã, chen lấn lên hành lang lầu hai, tôi vô ý huých vào ông ta một cái khá mạnh. Bữa sau vào lớp, ông giáo sư đưa tay chỉ về phía bàn đầu, nơi tôi ngồi: "Thằng mặt thẹo kia, lên đây." Tôi đứng dậy, bước lên phía bục giảng. Ông ta nói, trong lúc

BÙI GIÁNG

ẤY LÀ VÔ TẬN CỦA EM

Ban sơ vâng tạc đá vàng
Sầu lên ngút tận mây ngàn tần thân
Chỉn e nương tử vô ngần
Hẳn nhiên có biết dặm phần chúng tôi
Tôi từ thượng thặng đứng ngồi
Nằm nghe thái thậm thiên lôi sớm chiều
(Đại doanh quan nhạc dập dìu
Ngàn thu rót hột trang liều lĩnh hoa)
Ban sơ tấp nập sơn hà
Về sau ríu rít lập tòa thiên nhiên
Kể từ cổ tái đầu tiên
Đầu văn hắc thủy giữa phiền sương gieo
Giai nhân trường thụ hút heo
Cảm phiền khúc nghiệt phá tiêu tao giùm
Liên tồn mọc cỏ um tùm
Ô thiên thu ạ ngại ngùng dấn thân
Một liều lĩnh một dấn thân
Một ngần ngại một âm thầm chịu chơi
Tôi nay gần đất xa trời
Bài thơ tán tụng muôn đời tạc ghi
Mai sau còn nhớ chút gì
Ấy là vô-tận-nhu-mỳ-của-em

cả lớp yên lặng, hơn năm mươi cặp mắt đổ dồn về chỗ tôi đứng. Ông giáo sư gằn từng tiếng: 'Đồ mất dạy, vô lễ. Cái mặt của mày, lớn lên chỉ đi ăn cướp thôi.' Ông ta nói, tôi mới nhớ lại, lúc huých vào ông hôm nọ ở hành lang, tôi đã vô ý, có thể vì hoảng hốt, vì ngu dại, không biết nói một lời nào để xin lỗi ông ta. Chắc chắn trong lúc tôi giương mắt ngó ông, khuôn mặt có vết sẹo dài trên má của tôi đã in vào ký ức của ông quá rõ, đến nỗi bữa nay, vừa vào lớp, thấy tôi, ông đã nổi cơn thịnh nộ, mạt sát tôi không tiếc lời.

Tôi yên lặng từ lúc đó cho đến khi ông bảo tôi về chỗ ngồi. Những lời ông nói đã như những vết dao cắt lên tâm hồn thơ dại của tôi. Lúc ấy tôi mới mười hai, cái tuổi ai cũng tưởng là vô tư lự, chóng quên nhưng với đối với tôi, một tâm hồn nhạy cảm, lời sỉ nhục đó khiến tôi đau đớn khôn cùng. À, thì ra chính cái bản mặt của tôi, với vết sẹo dài trên má, đã khiến ông nhận ra tôi ngay. Nếu tôi không có vết sẹo này, có thể ông đã không nhớ mặt tôi; và chắc chắn ông đã không lôi chính cái khuyết điểm ấy ra để nhục mạ tôi. Được rồi, ông đã sỉ nhục tôi như vậy, tôi cảm thấy chẳng cần phải xin lỗi ông nữa.

Bắt đầu từ giây phút ấy, tôi coi thường ông giáo sư. Đến giờ ông ta, tôi vẫn ngồi trong lớp nhưng hồn tôi bay bổng bên ngoài cửa sổ. Tôi không thèm để ý gì đến những nhịp ba, nhịp bốn, những khóa Sol, khóa Fa ông cho cả lớp chép theo trên bảng. Hai kỳ thi lục cá nguyệt tôi viết bậy bạ cho xong. Kết quả, như tôi đã nói với bạn, tôi đội sổ môn âm nhạc năm đệ ngũ. Lời ông giáo sư phê trong học bạ cuối năm, tôi phải nhận là khá chính xác: *"Học kém. Lười biếng. Hạnh kiểm dưới trung bình."*

Cũng bắt đầu từ lúc đó, tôi đâm ra ghét vết sẹo trên má tôi. Suốt trong hai năm đệ ngũ và đệ tứ, tôi rất mặc cảm vì khuyết điểm này của mình. Đi đến chỗ nào lạ và đông người, tôi thường có cảm giác bao nhiêu cặp mắt nhìn chăm chăm vào gò má bên trái của tôi. Những lúc ấy, ruột gan tôi thắt lại, tai tôi nóng ran lên, và tôi hay giơ mấy ngón tay trái gãi gãi một bên mặt, cố ý che đi cái dấu vết bất hạnh đang làm tôi đau khổ ấy.

Tôi quyết định làm đủ mọi cách cho vết thẹo ấy biến đi. Tôi lý luận, nếu mình tạo một lớp da mới mọc lên, che lấp vết thẹo, sẽ chẳng ai thấy nó nữa. Nghĩ vậy tôi làm liền. Tôi lấy thuốc cháy, *teinture d'iode*, tối tối bôi lên vết sẹo. Tôi cố ý xát que thuốc thật mạnh cho đến khi da mặt tôi bỏng rát để thuốc ngấm vào. Làm liên tiếp như vậy cả tháng, thấy không có kết quả, tôi nghĩ đến miếng giấy nhám ông anh tôi vẫn dùng để mài chấu *bu gi* chiếc xe gắn máy của anh.

Một đêm, trước khi đi ngủ, tôi vào buồng tắm, soi gương, cắn răng mài miếng giấy nhám lên vết thẹo cho tới khi bật máu ra. Tôi dùng bông gòn thấm máu, bôi thuốc đỏ và thuốc mỡ nữa lên má. Tôi hy vọng khi mới đóng mày, lành dần, tôi lấy nghệ giã nát bôi lên, nghệ sẽ làm biến mất vết sẹo mới. Hy vọng ấy chỉ đúng một phần. Vết thương lành, nhưng vết sẹo vẫn đó. Lại có vẻ rộng hơn trước một chút nữa. Vết sẹo còn, và mặc cảm về sự xấu xí, khác người của mình cứ tiếp tục âm ỉ. Cứ thế, tôi âm thầm đau khổ một mình. Nỗi đau khổ âm thầm ấy, chả biết sao tôi không chịu chia sẻ cùng ai. Ngay đối với mẹ tôi, người tôi yêu thương nhất, tôi cũng chẳng hề hé môi về chuyện đó.

Năm đệ tứ, thấy mấy tờ quảng cáo một thứ thuốc mới, *TOM BARBI,* bảo đảm mọc tóc, mọc râu cấp kỳ trong vòng vài tuần lễ, tôi chợt nẩy ra ý nghĩ: "À, hay là mình bôi thuốc từ mang tai xuống cằm và chung quanh mép, râu quai nón mọc ra sẽ che luôn vết sẹo trên má."

Tôi ra hiệu thuốc tây đầu đường, mua lọ *TOM BARBI* về giấu trong ngăn tủ, mỗi tối bôi cái chất lỏng hăng hắc ấy lên má, cằm, và chung quanh mép. Bôi hết một lọ không thấy gì, tôi mua tiếp lọ nữa, vừa bôi vừa chà xát cho thuốc thấm. Cái ngu xuẩn của tôi là vào thời điểm ấy, tôi chưa có tí râu ria nào, chỉ tóc thằng bé mới bắt đầu mọc lún phún. Như vậy thì trông mong gì râu quai nón trổ bông? Thế là *"toi"* mất tiền để dành vào hai lọ thuốc vô dụng; tôi nghĩ vô dụng đối với cả những người lớn chứ không riêng gì với một thằng nhóc như tôi..."

Tôi ngắt lời Hậu:

"Bạn nói đúng. Ngay cả *Rogaine* mấy chục đôn một chai, có phải ai dùng cũng hiệu quả hết đâu. Huống gì dân mình, vốn rất ít người có râu quai nón. *TOM BARBI* dám bảo đảm *mọc râu cấp kỳ* chỉ là quảng cáo thôi. Nhưng còn chuyện vết sẹo, đến bao giờ bạn mới thấy bớt mặc cảm?"

Hậu cười buồn:

"Nó cứ khi sụt khi trồi, bạn ạ. Bây giờ, gần năm mươi tuổi đầu, mình không còn đau khổ như lúc còn bé nữa, nhưng bảo rằng hoàn toàn hết mặc cảm thì chưa đâu. Để tôi kể tiếp cho bạn nghe, có khá nhiều trường hợp, lắm khi chỉ một câu nói thôi cũng đủ mình lên tinh thần, bớt mặc cảm rất nhiều. Ngược lại, có khi một lời nói, một cái nhìn cũng có thể làm tôi xuống tinh thần, để bụng suy nghĩ và buồn phiền cả tháng về cái khuyết điểm của mình."

Rót thêm bia vào ly của tôi, anh ngừng một lát rồi nói:

"Năm mười bốn tuổi, thi đỗ bằng Trung học Đệ Nhất Cấp xong, tôi mang khuôn mặt với vết sẹo dài đó vào lớp đệ tam B3. Lớp tôi nằm ngay chân cầu thang lên lầu một; mỗi lần vào học hay tan lớp đều ồn ào hơn cái chợ, vì những tiếng chân rầm rập cố tình dẫm lên những bậc thang gỗ vọng xuống.

Trong suốt những năm trung học, tôi rất ghét các môn Toán, Lý Hóa và Vạn Vật. Trái lại, đối với những môn Sinh Ngữ, Quốc Văn, Công Dân, Sử Địa, tôi học thật say mê, thuộc lòng thật dễ dàng.

Năm đệ tam, môn Công Dân, tôi khoái nhất là các thể chế chính trị trên thế giới. Ông thầy dạy môn học này không phải giáo sư chuyên nghiệp. Ông hành nghề luật sư là chính; đi dạy thêm ít giờ cho vui thôi. Ông là một trong vài ba giáo sư lái xe hơi đến trường. Xe của ông mới toanh, loại xe đua. Lúc ấy, ông mới ngoài ba mươi tuổi, còn độc thân. Nói về thước tấc, ông không được cao cho lắm nên ông thường đi giầy Italy mũi ngọn, đế cỡ ba phân. Bù lại chiều cao hơi khiêm tốn, ông ăn mặc thật chải chuốt, quần áo đầu tóc lúc nào cũng láng cóng. Nói chung, đối với nhiều đứa trong bọn học trò chúng tôi, ông là biểu tượng cho sự thành công. Một điều khiến chúng tôi mến ông là ông rất bình dân, gần gũi với học sinh. Giờ ra chơi, lắm khi ông không vào nghỉ trong phòng giáo sư, mà ngồi lại lớp, giải thích thêm những gì chúng tôi còn thắc mắc, hoặc ra góc sân, nói chuyện thân mật với chúng tôi.

Trong một lần ông ngồi lại lớp, khi các bạn tôi đã hỏi xong, tôi nhờ ông giải thích về sự khác nhau giữa lối bầu Thượng viện và Hạ viện ở Hoa Kỳ. Nghe ông trả lời xong, tôi cám ơn và vừa quay đi thì ông gọi tôi lại, nhìn thẳng vào mắt tôi, ông nói thật từ tốn:

'Này cậu, tôi đã quan sát cậu, tướng mặt cậu tốt lắm.'

Đó là lần duy nhất ông nói riêng với tôi trong suốt một niên học. Cuối năm đệ tam, ông phê vào học bạ của tôi: *"Học được. Hạnh khá. Cư xử có tình."*

Lời nói tâm cảm và nhận xét chân tình của người thầy đã tác động mạnh đến suy nghĩ của tôi về con người mình. Thì ra, cũng với khuôn mặt này, tôi có thể trở thành tướng cướp dưới mắt một người nhưng đối với người khác, khuôn mặt tôi lại hứa hẹn một tương lai không đến nỗi nào u ám.

Tôi biết ơn ông thầy công dân năm đệ tam, và tôi đã mang lời ông phê trong thông tín bạ bước vào đời như một điều tâm nguyện."

Tôi hỏi Hậu:

"Có bao giờ bạn gặp lại ông thầy cũ ấy không?"

Hậu gật đầu:

"Một lần thôi. Mười hai năm sau, gặp lại, ông ấy vẫn còn nhớ khi tôi nhắc tới chuyện xem tướng. Tôi đến thăm ông ở văn phòng luật sư, đường Lê Lai. Lúc đó ông đã lập gia đình. Vợ ông là con gái một tỉ phú. Ông hoạt động chính trị, đắc cử Thượng nghị sĩ. Nhưng chúng tôi nói toàn chuyện xưa, không mảy may đề cập gì đến chính trị hết. Một năm sau miền Nam mất, tôi ở lại, nghe nói gia đình ông qua Canada."

"Từ ngày sang Mỹ, bạn có nói chuyện với ông?"

"Lúc ở trại tị nạn, thấy tên và địa chỉ ông trên báo, tôi viết về 2562 Rue Nantei #5, Brossard PQ. Canada, không thấy hồi âm. Có thể là một người nào đó trùng tên với ông ngụ tại địa chỉ ấy. Sáu năm trước, một người bạn ở Montreal sang chơi, cho tôi biết ông đang tu thiền. Tôi nhờ hỏi số điện thoại và địa chỉ của ông để cho tôi liên lạc. Chờ hoài không thấy gì. Tuần rồi, đọc báo thấy tên ông trong mục Cáo Phó, tôi bâng khuâng mãi. Ông mới có 66."

Tôi nói:

"Năm nay, những người ở lớp tuổi 60 chết khá nhiều."

Hậu bảo:

"Ông thầy chết rồi, tôi mất đi một người vẫn tin tưởng vào tôi. Tôi muốn ông ta biết dù đã hơn ba mươi năm trôi qua, tôi vẫn ghi nhớ mãi cái tình giữa ông và tôi."

Tôi hỏi:

"Ngoài ông thầy công dân ra, có người nào hoặc câu chuyện nào khác góp phần làm nhẹ mặc cảm tự ti đó đi không?"

Hậu đáp:

"Có chứ. Bạn còn nhớ phim *Tant qu'il y aura des hommes* mà mấy ông thiên tài điện ảnh thời ấy dịch là *Thói Đời* không?"

"Nhớ. Phim có Frank Sinatra, Earnest Borgnine, Monty Clift chứ gì?"

Hậu gật đầu:

"Lúc ấy chưa nghe Sinatra hát bao giờ, tôi không để ý đến anh chàng gầy nhom đó. Tôi khoái Monty Clift thôi. Nhất là đoạn cuối, anh chàng cầm đèn trompet thổi, nhớ đến bạn, nước mắt rơi dài trên má, cảm động không chịu được!"

Tôi thắc mắc:

"Tự dưng, sao bạn lại nhắc đến cuốn phim và anh chàng Monty Clift?"

Hậu thong thả:

"Vì có liên quan đến mấy vết sẹo trên mặt tôi. Chắc bạn biết Monty Clift điển trai như thế nào rồi. Tôi ưa thích nét đẹp rất đàn ông của anh ta. Ít lâu sau, tôi đọc trong một tạp chí điện ảnh bài viết về tài tử này, theo đó, sau một tai nạn xe hơi, bị mảnh kính vỡ cứa nát khuôn mặt, anh được bác sĩ giải phẫu tạo hình nhiều lần; khi đóng phim phải nhờ hóa trang và xảo thuật điện ảnh mới có được hình ảnh hấp dẫn như thế. Câu chuyện này giúp tôi bớt buồn phần nào. Tôi nghĩ mình chỉ bị có hai vết sẹo, thấm thía gì so với hàng chục vết sẹo trên mặt của Monty."

Tôi nói:

"Đúng vậy. Nhiều khi cần phải so sánh hoàn cảnh mình với những bất hạnh của người khác để thấy mình chưa đến nỗi nào. À, thế còn thời gian sau khi xong trung học thì sao?"

Hậu trầm ngâm:

"Lúc ấy, tôi vừa đến tuổi làm căn cước. Trên tấm thẻ bọc nhựa, bên cạnh dấu tay, có dòng chữ đánh máy rõ *"vết sẹo dài 1.5cm bên má trái."* Như có lần kể với bạn, tôi vào sư phạm trễ mất một năm. Vì mãi đi giang hồ. Tôi ra tận Cam Ranh làm cho một công ty xây cất phi trường và các kho đạn ở đó. Trong số các tài xế xe ủi đất làm trong nhóm của tôi, có một anh chàng quê ở Cần Thơ. Năm Thạnh, tên anh tài xế này, vốn làm nghề lái xe đò các tuyến đường miền Trung. Anh ta chừng 31, 32 tuổi, người tầm thước, rắn chắc, đen đủi, mắt xếch và đặc biệt là bốn năm vết sẹo kéo dài trên trán và gò má bên phải. Mới gặp Năm Thạnh lần đầu, tôi thấy sợ anh ta. Dần dà, trong những dịp nói chuyện giữa giờ nghỉ và lúc trở về trại, tôi biết nhiều hơn về Năm Thạnh, và chúng tôi khá thân nhau. Giữa một tập thể hỗn độn năm bảy trăm người, toàn dân tứ chiến giang hồ, chúng tôi phải sống thành từng nhóm, mỗi nhóm chừng bốn năm người để giúp đỡ và bảo vệ lẫn nhau. Trong bốn tháng trời, Năm Thạnh ở cùng nhóm với tôi.

Một lần, tôi bị một đứa lớn con gây sự ở cửa phòng ăn tập thể. Tôi đã định nếu nó tấn công trước, tôi sẽ chống trả đến nơi đến chốn. Không biết từ đâu Năm Thạnh xuất hiện. Anh đứng chắn trước mặt tôi, và gằn giọng bảo tên kia:

"Anh Hậu là bạn tao, không thằng nào được đụng tới ảnh."

Dù cao hơn Năm Thạnh gần một cái đầu, tên gây sự phải bỏ đi chỗ khác. Có lẽ nó ngán cái mặt cô hồn và những vết sẹo giang hồ của Năm Thạnh sau mười mấy năm dong ruổi trên hàng chục tuyến đường, biết bao nhiêu lần đụng độ, có khi bằng tay chân, có lúc với ma ni ven, mỏ lếc... Thạnh kể cho tôi nghe, anh mồ côi cha mẹ từ thuở bé, được chú thím đem về nuôi. Mười sáu tuổi anh bỏ nhà lên Sài Gòn, tự làm lấy đời mình. Anh đã từng đứng bến, khuân vác hành lý, giành giật khách cho chủ xe. Anh được nhận làm lơ xe cho một hãng xe đò chạy các tuyến đường miền Trung. Sau năm năm chịu khó làm việc và học hỏi, Thạnh trở thành tài xế. Lái xe đò đã mười năm nay, anh bắt đầu chán. Nhân có hãng xây cất tuyển tài xế xe ủi đi Cam Ranh xây cất phi trường, Thạnh xin việc và được nhận ngay. Anh kể cho tôi nghe, chỉ một tuần huấn luyện và thực tập, anh biết lái cả xe ủi lẫn xe xúc đất. Ở bán đảo Cam Ranh khi ấy đã có sẵn một phi trường ở gần nhà thờ Mỹ Ca, nơi mấy ông cha sản xuất một thứ rượu mạnh, hương vị thơm kỳ lạ, mỗi lần đi phép về Sài Gòn, tôi đều mang theo vài chai làm quà cho gia đình. Công việc của toán chúng tôi, khoảng hai mươi người là san bằng khu đồi phía nam phi trường, đắp một con đường dọc theo đó, làm những ụ đất khổng lồ nghiêng nghiêng khoảng 45 độ, che chở cho kho đạn..."

Tôi ngắt lời hậu:

"Anh chàng giang hồ Năm Thạnh đó, chắc đã ảnh hưởng phần nào tới những suy nghĩ của bạn?"

Hậu gật đầu:

"Đúng vậy. Anh ta nói với tôi nhiều chuyện lắm. Nhưng có hai điều tôi nhớ rõ nhất. Điều thứ nhất, Thạnh tỏ ý tiếc là tôi đã bỏ học, phá ngang đi làm. Anh bảo con người tôi không thích hợp với lối sống xô bồ, trâu bò, tại trại tập thể đó đâu. Anh khuyên tôi nên về lại Sài Gòn, tiếp tục học cho có tương lai hơn..."

Tôi nôn nóng:

* Một bà tâm sự với bạn:

"Ông chồng tôi có tật mê chợ trời lắm, chị ạ. Hễ có chút thì giờ rảnh là lê la ngoài chợ trời để tìm mua đồ cũ về dùng. Cả đời ổng toàn xài đồ đã dùng rồi."

Chợt nhớ ra điều gì, bà nói thêm:

"Chỉ trừ khi lấy vợ."

* Hai vợ chồng cãi cọ rùm beng, bát đĩa bay kêu loảng xoảng. Người vợ xách va li đùng đùng ra cửa. Nhưng chỉ hai tiếng đồng hồ sau lại thấy nàng trở về, đứng trước mặt chồng dõng dạc phán:

"Có thể nói rằng anh rất hên! Tôi về nhà má vừa đúng lúc má đang hăm hở xách va li về nhà bà ngoại..."

"Thế còn điều thứ nhì?"

Hậu chậm rãi:

"Năm Thạnh kể cho tôi nghe những cuộc tình anh đã trải qua trong mười năm cầm tay bánh. Anh nói về những phụ nữ buôn hàng từ Sài Gòn ra miền Trung đã thương mến, trao đổi ân ái với anh khi xe ngừng qua đêm ở mấy quán trọ bên đường. Có lần, Thạnh bảo tôi: Anh Hậu à, đàn ông mình mê bóng sắc. Còn đàn bà, con gái họ cảm mình vì tài. Như tui đây, đen đủi xấu xí ai bằng, học hành dốt nát, chỉ có cái tài gan lì mà được các bà, các cô thương. Dĩ nhiên, cũng có người không ưa mình. Nhưng nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ đó. Mình cứ nhỏ nhẹ, ngọt ngào là dzô. Được thua tính sau. Anh nhớ lời tui nói, mấy bà nội đó ưa ngọt lắm. Anh cứ nói sao cho ngọt, sao cho họ thấy anh coi họ như 'bà trời,' là ăn tiền cái chắc. Tới lúc họ cảm, họ thương mình rồi thì nhằm nhò chi mấy vết sẹo trên mặt này..."

Tôi lại ngắt lời Hậu:

"Và bạn đã nghe lời anh ta?"

Hậu gật đầu:

"Ít nhất, cũng hai điều vừa kể. Mùa thu năm đó tôi về Sài Gòn ghi tên học lại. Qua năm sau, tôi vào sư phạm và tụi mình gặp nhau. Tôi vẫn nhớ tới những lời Năm Thạnh tâm sự với tôi. Nhất là những lúc chán nản, mặc cảm vì khuyết điểm của mình, tôi hình dung khuôn mặt đen đủi, sứt sẹo của anh, mường tượng nghe tiếng cười ngạo nghễ và những lời thủ thỉ tâm sự của anh, để thấy bớt buồn nhiều."

Tôi hỏi:

"Ban nãy, bạn có kể là lúc theo tán tỉnh bà xã bây giờ, bà ta sợ mấy vết sẹo trên đầu của bạn. Nhưng có bao giờ bà ấy nói cho bạn biết không?"

Hậu lắc đầu:

"Không. Lúc ấy bà ta còn trẻ con lắm, ngang tuổi học trò đệ nhị, đệ nhất của tụi mình. Dù sao, bà ta cũng nể nang mình, đâu dám nói ra. Mãi tới cả chục năm sau, nhân một chuyện gì đó, tôi hỏi, vợ tôi mới kể lại như vậy. À, mà tôi quên chưa nói cho bạn biết, ông bố vợ tôi cũng giúp cho tôi bớt mặc cảm đi rất nhiều. Lúc mon men đến nhà tìm gặp em lần đầu, tôi đụng đầu ngay ông già vợ tương lai. Tôi chưa gặp ông lần nào, chỉ biết tiếng ông thôi. Tôi ngạc nhiên thấy ông có một vết sẹo trên má, còn dài hơn vết sẹo của tôi nữa. Vậy mà, ông cũng cưới được một người phụ nữ xinh đẹp, đức hạnh, là bà mẹ vợ của tôi bây giờ, và thành công ngoài xã hội, được nhiều người quý mến, nể nang. Tôi nghĩ, có thể ông có cảm tình với tôi phần nào nhờ vết sẹo trên mặt tôi. Nghĩ vậy, tôi yên tâm theo đuổi con gái ông và rất ít khi nhớ tới khuyết điểm đó của mình."

Tôi rót nốt chỗ bia còn lại vào ly của Hậu:

"Có trường hợp nào làm bạn nhớ tới khuyết điểm ấy không?"

Hậu nâng ly bia lên uống một nửa, và đặt xuống bàn:

"Có. Trước khi gặp bà xã bây giờ, tôi quen một cô lớn hơn tôi vài tuổi. Như bạn biết, con gái bằng tuổi mình cũng đã khôn ngoan, trưởng thành hơn mình rồi. Huống gì khi họ hơn mình vài ba tuổi. Lúc đó, tôi chỉ là thằng con trai mới lớn, ngu ngơ, chẳng biết tán tỉnh, nịnh đầm, chiều chuộng... là cái gì hết. Nói chung, tôi là đứa hoàn toàn y tờ rít trong tình trường. Thế mà không hiểu sao, tôi lọt vào mắt xanh của người đẹp này. Ngây ngất trước những khám phá mới lạ, tôi hăm hở bước vào chuyến phiêu lưu tình cảm. Gần nửa năm trời tôi đi với cô ta, gia đình chẳng biết gì cả. Mãi tới khi người đẹp yêu tôi quá, đòi tôi hứa hẹn cưới nàng sau khi ra trường, tình cờ bố mẹ tôi mới biết chuyện. Và buộc tôi phải dứt khoát với nàng. Thú thật với bạn, tôi không hề yêu người thiếu nữ đó. Tôi đi dạo phố, đi ăn uống với nàng cũng chỉ để thỏa mãn cái tự ái của mình, là trong khi bao nhiêu gã đàn ông có đầy đủ địa vị, tiền bạc theo đuổi nàng, nàng không bằng lòng mà chỉ thích chơi với một đứa thư sinh gàn dở, ngang bướng như mình thôi..."

Tôi hỏi:

"Cuộc tình kết thúc như thế nào?"

Hậu cười:

"Bạn còn nhớ chuyện "Con Cáo và Chùm Nho," ngụ ngôn của Aesop chứ. Đôi khi nghĩ lại, tôi hay lẩn thẩn so sánh kết cuộc của một vài mối tình với câu chuyện ngụ ngôn đó. Nghĩa là chẳng có thơ mộng tí nào cả..."

Tôi gật đầu:

"Nhớ chứ. Nhưng mà câu chuyện của Aesop có liên quan gì tới chuyến phiêu lưu của bạn?"

Hậu nói:

"Cứ từ từ, tôi kể cho nghe. Trong buổi chiều cuối cùng gặp nhau, nàng đưa lại cho tôi một phong bì lớn. Tôi mở ra. Tất cả thư từ, hình ảnh, nàng đã cắt vụn thành từng miếng nhỏ xíu. Ngửng đầu nhìn tôi bằng đôi mắt sưng mọng vì khóc suốt từ đêm hôm trước. Nàng cắn chặt môi: 'Anh về đi. Và đừng bao giờ đến đây gặp tôi nữa. Tôi không yêu anh nhiều như anh tưởng đâu. Anh về soi gương lại mà xem, kẻo tưởng rằng anh đẹp trai lắm. Vết sẹo trên má kìa. Sẹo dưới cằm nữa. Cút đi, đồ sẹo mặt!' Và nàng gục xuống bàn, khóc tức tưởi..."

Tháng Mười Hai 1996

Xem tranh Trịnh Cung:

CHUYỂN ĐỘNG VÀ ÂM THANH

QUỲNH GIAO

Nếu các lục địa xô đẩy nhau, như vào thuở tạo thiên lập địa, ta có thể thấy sự vỡ nát của đá và có khi sự tuôn trào của nham thạch đỏ ối như vàng, hay nâu xậm tựa bùn đất. Nếu hoàn cảnh xô đẩy khiến một nghệ sĩ hội họa từ Việt Nam được lãng du trên lục địa Hoa Kỳ, để ngắm nhìn người và đất, ta có thể có 10 họa phẩm hoàn tất trong thời gian ngắn - vài giây động đất của thiên nhiên vĩnh cửu. Nhưng, người đó phải có sức sáng tác của một hoạ sĩ trẻ và nghệ thuật già dặn của người đã sống để vẽ từ đời thái cổ. Trịnh Cung là người đó, và nơi ông, âm vang của đất đã thành bản hợp xướng hoành tráng của màu sắc và ánh sáng.

Là một trong những người sáng lập Hội họa sĩ trẻ của Sài Gòn từ đầu thập niên 60, Trịnh Cung vẫn là một hoạ sĩ trẻ trong phong cách lao về trước mặt để tìm cái mới trong sáng tạo. Ông hoàn tất 10 tác phẩm mang tên *Âm vang của đất* trong thời gian ngắn, và gây niềm kính phục cho chúng ta ở sức sáng tác và sự mới mẻ đó. Ông cần cù làm việc như người 20 năm bị chôn trong im lặng của núi, và bất thần phá vách trở ra, với 10 bức tranh sơn dầu ông vừa giới thiệu qua cuộc triển lãm tiếng là "bỏ túi" tại phòng tranh VAALA, mà thực sự là một sinh hoạt gây nhiều hứng khởi cho những ai yêu văn học và nghệ thuật. Niềm hứng khởi đó khiến tôi muốn viết về 10 tác phẩm của ông, không phải là với con mắt của người am hiểu hội họa, mà với cảm quan 'ngoại đạo' của người yêu nhạc.

Những người am hiểu hội họa— và bạn hữu của ông có rất nhiều trong giới này nếu ta có dịp chen chân thăm viếng buổi triển lãm đông nghẹt ngày 28 tháng Sáu ở quận Cam— có thể yêu bố cục chặt chẽ trong thế chênh vênh núi vực hoặc màu sắc tỏa sáng từ đất đá xù xì ở 10 bức tranh. Trong những tác phẩm mới này, Trịnh Cung sử dụng chính yếu màu nâu trầm mặc của đất cùng những vành dương rất ấm, điểm xuyết với các tảng trắng và khối vàng rực rỡ, cho người xem cảm giác về một nổ tung chan hoà lênh láng của màu sắc trong thể lỏng. Ánh sáng trong tranh Trịnh Cung — tỏa ra từ cả những mảng đậm tím hay nâu cam — là ngôn ngữ của âm nhạc trong giai điệu majeur, êm và sáng, dịu mà không buồn. Âm vang của đất, nơi Trịnh Cung, là một bài hợp xướng vui tươi không ủ dột như quá nhiều ca khúc của ta. Bố cục linh động như tuôn chảy và hình thể

chuyển động của bài hợp xướng giàu âm sắc này không là lối đồng ca (unisson) của một khúc hát kém phần hoà âm và trình bày đơn điệu.

Tôi sở dĩ nghĩ tới thanh âm của màu sắc vì trước mỗi bức tranh lại rung động như nghe được một giai điệu âm nhạc. Âm nhạc đã dẫn tôi vào hội họa Trịnh Cung vì ông thường kết hợp màu sắc để đưa người xem vào nhạc.

Bức *Âm vang của đất* số 1 hay số 5 chẳng hạn làm tôi nghĩ đến các ca khúc về vẻ đẹp của chiều. Hình ảnh một buổi chiều của Lâm Tuyền đã trở lại trong tôi qua bức số 1, với màu xám xanh nổi trên sắc nâu cam và le lói khoảng sáng bàng bạc tắt dần. Ở Âm vang số 5, cảnh chiều tà với màu hồng xậm chuyển qua tím thẫm được điểm bằng vệt xanh rất ngọt làm tôi liên tưởng tới *Áng mây chiều* của Dương Thiệu Tước. Trong sáng và mát mắt là bức số 10, tập trung hình thể cách giản và trừu tượng, nghe như nhạc của Mozart, nhẹ nhàng mà dễ thấm.

Họa phẩm gây ấn tượng về cảnh đêm ảo diệu là bức số 3, trên kích thước 46x60 inches. Màu xanh xám với nâu hồng im ắng như ngả vào đêm làm nổi vùng xanh lung linh trong một bài Nocturne của Chopin. *Âm vang số 4* có chất cân đối của tím pha xám và trắng pha xám trên khuông nâu cam vuông vức, là nét rộn ràng chừng mực của Schubert trong một bài Impromptu. Một bức được ưa thích ở màu vàng rực rỡ và nóng ấm là *Âm vang số 2*, lại gợi nhớ nơi tôi buổi trưa chói chang ở *Hạ trắng* của Trịnh Công Sơn. Gần đó *Âm vang số 9* có vẻ cuộn chảy của phù sa bát ngát trên vùng đất tím, hoà quện và nhạt nhoà như một nhạc khúc của Debussy. Lãng mạn và sắc mạnh, với hai vạt xanh tươi soi nhau ở vũng tím mù sương bên phải là đặc điểm của bức số 6, đặc điểm tôi nghĩ là có thể diễn tả bằng nét nhạc trữ tình của Tchaikovsky hay Rachmaninoff.

Âm vang của đất số 7, được trưng bày lộng lẫy ở góc trong của phòng triển lãm đã gợi nơi tôi nét rực rỡ đa điệu của một bản hòa tấu vĩ đại của Beethoven. Cùng với bức số 8, đây là hai tác phẩm có nhiều nhạc tính nhất. Bức số 8 tôi yêu hơn cả, có màu tím và màu xanh đua vẻ huyền ảo quanh một mảng kim nhũ như vàng chảy xuống vực sâu thẳm ở dưới. Ngắm bức tranh, tôi hân hoan liên tưởng đến một tấu khúc của Lizst viết cho dương cầm.

Trịnh Cung đã như một mình dựng lên, hay dựng lại, tất cả, để hoàn thành 10 tác phẩm và cuộc triển lãm. Buổi triển lãm còn giới thiệu điều tôi gọi là *Âm vang thứ 11*, tuyển tập một số hình ảnh và tiểu luận mới về hội họa Trịnh Cung, trong đó có cả 10 tác phẩm được triển lãm. Tuyển tập được trình bày mỹ thuật và ấn loát công phu. Ở ngoài này, ta hiếm có cơ hội thưởng ngoạn phong phú như vậy, và phải cám ơn Trịnh Cung ở cố gắng của ông, một cố gắng ông thường nói đùa không một chút châm biếm, là "khá đơn độc."

Tranh Trịnh Cung có thể được xếp loại "trừu tượng," hoặc "hậu trừu tượng," hoặc một tên gọi bác học nào khác để nói đến cây cầu nghệ thuật diễn tả một tâm hồn và nhiều cảm xúc Á Đông bằng kỹ thuật và chất liệu Tây phương. Riêng tôi, tôi tìm thấy trong tranh của ông một sức biểu cảm mãnh liệt ở lối cách giản hóa hay trừu tượng hoá sự diễn tả. Cái mới trong tranh Trịnh Cung chính là sức biểu cảm ngày một phóng túng và độc đáo hơn, mà có lẽ lạc quan hơn, khi so sánh với các họa phẩm trước đây của ông.

Một trong những tác phẩm đã gây ấn tượng cho tôi là hình ảnh của chính ông bị treo trên giá vẽ đang ngùn ngụt lửa dưới chân, như người bị đóng đanh trên thập giá. Bức tranh làm tôi nhớ bức họa thời danh của Gauguin, nhưng có lẽ không mang ý nghĩa tôn giáo như người ta thường hiểu.

Bị đóng đanh cho cái đẹp là cái nghiệp hay niềm hạnh phúc của nghệ sĩ?

Câu hỏi này thời nào cũng có người nêu lên. Nhìn cách Trịnh Cung say mê sáng tác và nói về cuộc sống chật vật trong mấy chục năm vừa qua, người ta không tin rằng ông bị đóng đanh. Hoặc, nếu có thì cái giá vẽ và cây cọ của ông đã cứu ông khỏi cảnh bị trói. Nói về hội họa, các họa sĩ ưa diễn giải bằng ngụ ngôn. Tôi xin được tặng ông một truyện ngụ ngôn đã được đọc, về người họa sĩ bị trói và sự cứu rỗi của nghệ thuật trong nỗi đớn đau khó tránh của sáng tạo.

...Bạo chúa bèn ra lệnh treo cổ Họa sĩ. Ông ta bị treo lủng lẳng, chỉ có hai ngón chân cái chấm trên mặt đất. Cho tới kiệt sức thì...

Họa sĩ đã giữ thân mình trên một ngón bấp bênh. Ngón kia ngoáy trên cát một bầy chuột. Bầy chuột được vẽ đẹp đến nỗi chúng leo lên thân hình người nghệ sĩ, và gậm đứt dây trói. Trước khi Bạo chúa trở lại xem nghệ sĩ hấp hối thì Họa sĩ đã nhẹ gót ra đi cùng bầy chuột, trong âm vang của đất. Như tiếng nhạc vui trên cung 'majeur'...

Xin mừng Trịnh Cung đã có một chuyến đi đầy bổ ích cho sự nghiệp sáng tác của ông, và xin cám ơn ông ở nỗi người đến từ xa lại có quà thật đẹp cho chúng ta, ở nơi chốn yên bình này...

Tháng Sáu 97

QUẬN CAM

Nhà thơ Cao Đông Khánh từ Texas sang Cali ra mắt sách

Nhà thơ Cao Đông Khánh vốn cư ngụ ở quận Cam trong nhiều năm trước đây, nhưng hiện đang ở Houston, Texas.

Ngày 29 tháng Sáu, nhà thơ họ Cao tới quận Cam để trình làng tập thơ có tựa đề "Lửa Đốt Ngoài Giới Hạn," với những bài thơ làm rải rác suốt 20 năm qua.

Nhà thơ Cao Đông Khánh

Buổi ra mắt sách được tổ chức tại Hội VAALA, thị xã Garden Grove, với sự bảo trợ của các tạp chí *Văn*, Thế Kỷ 21, nhật báo *Người Việt* và Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ.

Trong buổi ra mắt sách, nhà thơ đã đọc, với giọng độc đáo thật lôi cuốn, nhiều bài thơ trong tập thơ mà ông gọi là "truyện dài" — truyện của một thân phận lưu vong, lúc nào cũng có quê hương trong tâm tưởng.

Các nhà văn nhà thơ Nguyễn Mộng Giác, Du Tử Lê góp ý kiến về thơ Cao Đông Khánh, và nhiều ca nhạc sĩ cũng có mặt đóng góp những tiết mục thơ nhạc, làm cho không khí buổi ra mắt sách thêm ấm cúng, đầy chất văn nghệ.

QUẬN CAM

Hòa Nhạc Mùa Hè

Một buổi trình tấu nhạc đặc biệt với các thiếu niên Việt Nam, trong một chương trình phong phú gồm nhạc cổ điển Tây phương, nhạc hiện đại, nhạc cổ truyền Việt Nam, do Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ tổ chức, vào hồi 8 giờ tối 28 tháng Sáu 1997, tại thính đường trường đại học Concordia, thị xã Irvine, California.

Các thanh thiếu niên trong các ban nhạc hoặc ca đoàn như Dàn Nhạc Hòa Tấu Thiếu Niên Việt Mỹ, Dàn Nhạc Hòa Tấu Thanh Niên Việt Mỹ, Ban Thiếu Nhi Ngàn Khơi, Ban Thiếu Nhi Lạc Hồng, trình diễn các tiết mục độc tấu, hòa tấu và hợp xướng.

QUẬN CAM

Trịnh Cung triển lãm tranh bỏ túi

Một cuộc triển lãm tranh bỏ túi, với 10 tác phẩm mới của họa sĩ Trịnh Cung, do một nhóm thân hữu của Trịnh Cung tổ chức, khai mạc vào hồi 10 giờ 30 sáng thứ Bảy 28 tháng Sáu 1997, tại phòng triển lãm VAALA, số 11022 Acacia Parkway, Garden Grove.

Trịnh Cung từ Việt Nam sang Mỹ để nói chuyện về nghệ thuật tạo hình tại đại học San Francisco, theo lời mời của đại học này. Trong thời gian hơn ba tháng tại Mỹ, ông cũng đã đi nói chuyện ở một số nơi khác, và sáng tác tại chỗ loạt tranh mới mà ông đặt tên chung là "Âm Vang Của Đất."

Cùng với cuộc triển lãm, Trịnh Cung cũng ra mắt tuyển tập tranh và tiểu luận của ông vừa in xong.

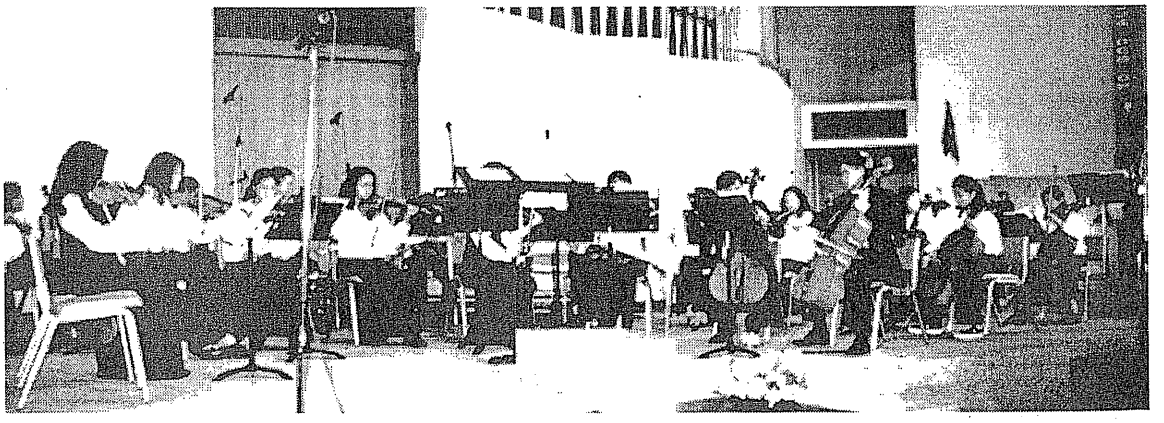

Dàn nhạc hòa tấu thiếu niên

Nữ tài tử điện ảnh Kiều Chinh nói trước khi cắt băng khai mạc phòng tranh rằng "tôi rất thích cái tựa 'Âm Vang Của Đất,' vì

Họa sĩ Ngô Bảo nói rằng ông thích /những tranh Trịnh Cung vẽ vào đầu thập niên 90 với những nét lãng mạn hơn loạt tranh trừu tượng mới vẽ này. Nhưng nữ họa sĩ Ann Phong lại cho rằng loạt tranh mới này đạt tới tầm quốc tế, vì ngôn ngữ trừu tượng là ngôn ngữ vượt mọi biên giới sắc tộc.

Còn chính họa sĩ Trịnh Cung cho biết ông cảm hứng từ chuyến đi qua nhiều vùng đất của nước Mỹ bao la, ông thấy đất cho ông nhiều điều quý giá, và những rung cảm đến từ đất là những rung cảm chân thành, bền vững.

Họa sĩ Trịnh Cung, nhà sưu tập tranh Nguyễn Trương và nữ tài tử điện ảnh Kiều Chinh

QUẬN CAM

Chương trình văn nghệ "Tìm Tài Năng Mới"

Vào hồi 8 giờ tối thứ Sáu, mùng 4 tháng Bảy 1997, tại Hội quán Thùy Dương trên đường Westminster, gần 100 người đã đến dự

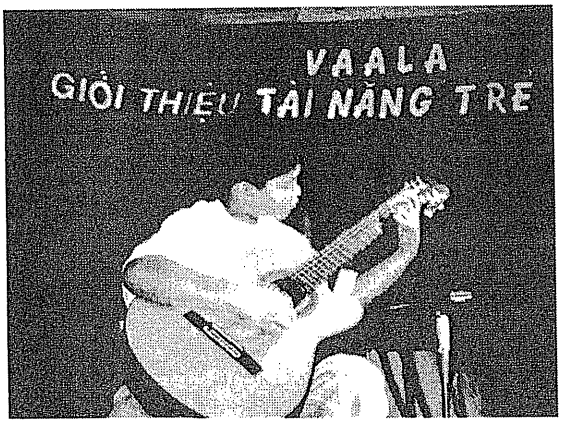

Em Trần Quang Minh, 10 tuổi, đàn ghi-ta

buổi văn nghệ "Tìm Tài Năng Mới" do Hội VAALA phối hợp với Hội quán này tổ chức.

Đây là buổi đầu tiên trong chương trình dự trù sẽ được tổ chức mỗi tháng hai lần vào tối thứ Sáu đầu và giữa tháng.

Nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát, điều hợp chương trình, đã chào mừng các khách tới dự và lần lượt giới thiệu các tài năng trẻ lên trình diễn.

Trong số các em tham gia chương trình, có em mới tập đàn được vài tháng, nhưng cũng có em đã theo đuổi ngành nhạc hàng chục năm. Tiếng đàn non nớt của các em mới lần đầu xuất hiện trên sân khấu cũng nhận được những tràng vỗ tay khuyến khích, và nhiều em trả lời cuộc phỏng vấn tại chỗ của người điều hợp chương trình đã tạo những tràng cười vui vẻ vì những câu trả lời rất tự nhiên.

Nhiều phụ huynh đã tham dự để cổ võ con em của mình, nhưng cũng có phụ huynh, như ông Vũ Hùng, còn tham gia một tiết mục trình diễn đặc biệt: hát ba bài "Hòn Vọng Phu" của Lê Thương, với tiếng đàn dương cầm đệm theo đầy nghệ thuật của nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát. Ông Vũ Hùng đã nêu một tấm gương hội nhập hết mình, dù chỉ là hội nhập vào một chương trình nho nhỏ, tạo hứng khởi và sự dạn dĩ cho các em.

Ngoài những màn trình tấu đàn, sáo, còn có một em múa hai bài với những bước *ballet* điệu nghệ. Đặc biệt, cả một gia đình đã tham gia chương trình. Đó là gia đình ông Hà Văn Lệ. Hai ông bà đã đưa ba con gái là Thục Vi, Thục Chi và Thục Tố đến trình tấu vĩ cầm, trung vĩ cầm và trung hồ cầm.

Nhà giáo Mai Thái Bằng, đại diện tổ chức các Trung Tâm Việt Ngữ Miền Nam California, đã lên ngỏ lời ca tụng cố gắng của Hội VAALA trong ý hướng tạo cơ hội cho các em thiếu niên sinh hoạt vui tươi lành mạnh.

QUẬN CAM

Ra mắt "Rong Biển" của Trần Thị Diệu Tâm

Vào hồi 3 giờ chiều thứ Bảy mùng 5 tháng Bảy, tại trụ sở báo *Thế Kỷ 21*, trên đường Acacia Parkway, thị xã Garden Grove, một cuộc họp mặt thân mật do tòa báo này tổ chức đã quy tụ một số tham dự viên đông đảo (không còn chỗ trống trong phòng), nhân dịp đón tiếp

hai cộng tác viên từ Paris sang. Đó là nhà văn Trần Thị Diệu Tâm và chồng là giáo sư Phạm Kế Viêm.

Ông Phạm Phú Minh, chủ nhiệm tạp chí *Thế Kỷ 21*, đã giới thiệu nhà văn Diệu Tâm và cuốn sách mới in của bà, cuốn "Rong Biển," gồm một truyện dài và bảy truyện ngắn.

Nhà văn Trần Thị Diệu Tâm

Tác giả Trần Thị Diệu Tâm sinh ra ở Huế, học ở Dalat, chỉ mới bắt đầu viết văn khi ra hải ngoại từ thập niên 1980. Truyện của bà đi sâu vào nội tâm của các nhân vật nữ, để nói lên những tâm tình muôn đời của người phụ nữ, nhưng cũng ghi lại dấu ấn của thời đại trong đó hầu hết phụ nữ Việt Nam đã phải gánh chịu nhiều tai ương của đất nước.

Giáo sư Phạm Kế Viêm đã dạy học trong nhiều năm, từng nổi tiếng ở Saigon và Dalat, nên trong số người tham dự buổi họp mặt có rất nhiều cựu môn sinh của ông.

Nhà văn Đào Trung Đạo đã trình bày một bài nhận định ngắn về đề tài "tỏ tình" để làm nổi bật tính chất đặc thù trong văn Trần Thị Diệu Tâm — điều mà ông gọi là "mật mã" cần được giải. Ông đọc một số trích đoạn trong "Rong Biển" để minh chứng cho luận cứ nhà văn họ Trần đã "tỏ tình" — có sớm và có muộn.

Bác sĩ Trần Sĩ Lâm nói với cử tọa về một vài kỷ niệm thời tuổi nhỏ ở Huế, nơi ông quen biết với gia đình nhà văn Trần Thị Diệu Tâm.

Sau cùng, nhà văn Trần Diệu Hằng đã giới thiệu một chương trình văn nghệ thân hữu, mà cô gọi là "văn nghệ mì ăn liền," với những bài hát và bài thơ, do Diệu Hằng, Tạ Chương, Tạ Kỳ Linh, Diệu Hương, Mai Ly, Ngọc Quỳnh trình bày, làm tăng thêm phần thân mật cho buổi họp mặt.

QUẬN CAM

Ra mắt sách "Giầy Sô, Nói Phét và Đàn Bà"

Hội Ái Hữu Nha Trang - Khánh Hòa tổ chức vào hồi 2 giờ chiều Chủ Nhật mùng 6 tháng Bảy 1997, tại Hội Quán Thùy Dương, trên đường Westminster, buổi ra mắt sách của Huỳnh Văn Phú, cuốn "Giầy Sô, Nói Phét và Đàn Bà."

Huỳnh Văn Phú là một cựu quân nhân Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, binh chủng Thủy quân Lục chiến. Ông hiện cộng tác với một số báo Việt ngữ ở hải ngoại.

Trong cuộc phỏng vấn của VNCR tại Hội Quán Thùy Dương, trong lúc chuẩn bị chương trình ra mắt sách, nhà văn Huỳnh Văn Phú nói: 'Trong cuốn sách mới này, tôi nói đến giày sô, là thời gian học trong trường sĩ quan Dalat, có những chuyện khó tin trong đời lính, cuối cùng cũng phải coi là chuyện vui mà thôi. Rồi đến chuyện cộng đồng, có nhiều người cứ hay "nói quá" những điều thực tế, tôi ẩn dụ trong những mẩu chuyện gọi là "nói phét." Còn đàn bà, đó là "tai họa" nhưng là thứ tai họa đáng yêu không thể thiếu trong đời sống."

Nhà văn Huỳnh Văn Phú

QUẬN CAM

Nhà văn Trà Lũ ra mắt "Đất Yêu Thương"

Nhà văn Trà Lũ từ Canada sang California nhân dịp có cuộc hội thảo về Linh Mục Hoàng Quỳnh tại Trung Tâm Công Giáo Việt Nam hồi đầu tháng Bảy.

Giới thiệu ông với cử tọa ngồi kín hội trường, nhà báo Nguyễn Hữu Công nói: "Trà Lũ nói chuyện bà đầm già, cô đầm tóc vàng, ở Canada, ở Mỹ, nhưng thực ra ông nói về quê hương, về Bùi Chu, Phát Diệm, về nơi ông đã sinh ra, và nơi sáu đời tổ tin ông đã lập nghiệp."

"Đất Yêu Thương" là cuốn sách thứ năm của Trà Lũ in ở hải ngoại. Điều đặc biệt là tất cả các tựa sách của ông cuốn nào cũng có chữ "đất."

Họa sĩ Nguyên Khai, ca sĩ Quỳnh Giao, và nhà báo Nguyễn Xuân Nghĩa

QUẬN CAM

Triển lãm tranh Nguyên Khai

Một phòng triển lãm của người Mỹ, Tustin Renaissance Gallery, ở số 300 El Camino Real, Tustin, California, đã trưng bày loạt tranh mới của Nguyên Khai từ 12 tháng Bảy đến 16 tháng Tám 1997.

Nguyên Khai đã nổi tiếng từ khi còn ở Việt Nam với những tranh sơn mài. Từ khi sang Mỹ năm 1981, ông chuyển sang vẽ sơn dầu nhiều hơn, với những đề tài phụ nữ, chim, lá cây. Gần đây ông dùng tạp liệu để xây dựng những tranh hiện đại — trong đó ngoài gỗ, nhựa dẻo, kim loại, ông còn dùng cả những con *chip* điện toán — mô tả những dằn vặt nội tâm của con người trong thời đại điện tử, sự tranh chấp giữa tâm linh và kỹ thuật.

Ông Nguyễn Ngọc Lan

Trong cuộc triển lãm tại Tustin Renaissance Gallery, Nguyên Khai lại trở về với sơn dầu, qua các đề tài quen thuộc của ông như ngựa, cây lá và thiếu nữ. Đề tài quen thuộc nhưng dường như được nhìn bởi cặp mắt khác, được cảm bởi những rung động lạ, những tranh mới của ông lại mở ra một giai đoạn mới cho riêng ông. Thấp thoáng trong những hình tượng quen thuộc, những màu sắc đầy lãng mạn, vẫn hiện ra những sắc độ của thép trên da thịt, của máy móc trên những nét kỷ hà, tưởng như đây là một bước chuyển của giai đoạn "con người và computer" xung khắc sang một hòa nhịp phải có của đời sống.

Hàng trăm người đã đến dự buổi khai mạc phòng tranh này vào hồi 6 giờ chiều thứ Bảy 12 tháng Bảy 1997. Phòng tranh Tustin Renaissance nằm trên một con đường thuộc loại 'phố cổ" có dáng dấp Âu châu, rất dễ thương. Cùng bày trong một tòa nhà lớn này, ngoài Nguyên Khai còn có một số tranh tượng của các tác giả nghệ thuật tạo hình khác, người Mỹ, Đại Hàn, Nhật Bản...

VIỆT NAM

Giải văn học nhân quyền của Human Rights Watch / Asia

Năm người viết của Việt Nam vừa được tổ chức tranh đấu cho nhân quyền, trụ sở ở New York, trao giải thưởng văn học nhân quyền. Đó là các tác giả Bùi Minh Quốc, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Văn Trấn và Nguyễn Đình Huy.

Bùi Minh Quốc là một nhà thơ, từng là đảng viên cộng sản, nhưng đã đứng lên đòi quyền tự do sáng tác, nên bị khai trừ khỏi đảng. Hiện ông đang sống ở Dalat (cùng với Hà Sĩ Phu và Tiêu Dao Bảo Cự, được mệnh danh là ba nhà hiền sĩ đất cao nguyên).

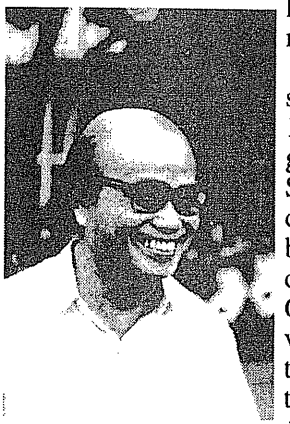

LM Chân Tín

Linh mục Chân Tín sống ở Saigon từ trước 1975, chủ trương hòa giải hòa hợp dân tộc. Sau 1975 ông vẫn giữ chủ trương đó, nhưng bị nhà cầm quyền cộng sản quản chế. Ông đem những bài viết có nội dung chỉ trích chế độ vào nhà thờ giảng cho các tín đồ nghe, nên cộng sản cấm ông viết.

Giáo sư Nguyễn Ngọc Lan cũng nằm trong trường hợp giống như linh mục Chân Tín, nhưng ông còn có một số sách gửi được ra nước ngoài in, trong đó có những cuốn "Nhật Ký" ghi lại những chuyện tai nghe mắt thấy ở Việt Nam.

Ông Nguyễn Văn Trấn là đảng viên kỳ cựu và cao cấp của cộng sản Việt Nam, nhưng gần đây ông cũng công khai chỉ trích đảng này. Ông viết cuốn sách "Gửi Cho Mẹ Và Quốc Hội," bị cấm in trong nước, đã in ở hải ngoại. Ông bị cấm viết và bị theo dõi rất kỹ.

Ông Nguyễn Đình Huy nguyên là giáo sư ở miền Nam Việt Nam trước 1975. Ông bị tù cải tạo nhiều năm, và khi ra tù ông vận động

thành lập một phong trào xây dựng dân chủ, nên ông lại bị bắt giam cho đến nay.

Giải văn học nhân quyền hàng năm được trao cho những người cầm bút bị bách hại ở trong nước hay bị tống xuất lưu vong mà vẫn theo đuổi công cuộc đòi hỏi nhân quyền và tự do.

VIỆT NAM

Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba từ trần

Sau nhiều năm mang bệnh lãng trí, nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba đã từ trần hồi 1 giờ 30 sáng ngày 10 tháng Bảy 1997, tại Saigon, hưởng thọ 84 tuổi. Ông đã được hỏa táng ngày 18 tháng Bảy.

Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba là một trong số các nhạc sĩ tiền phong của nền tân nhạc Việt Nam. Những ca khúc *Lửa Rừng Đêm, Thu Khói Lửa, Quãng Đường Mai...* của ông đã một thời được đông đảo thanh niên ca hát để nuôi dưỡng và phát huy lòng yêu nước.

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa ký lưu niệm trên sách

Nguyễn Hữu Ba cũng là một giáo sư hàng đầu thông hiểu về truyền thống dân ca dân nhạc Việt Nam. Ông đã đào tạo một thế hệ ca nhạc sĩ đông đảo truyền thừa âm nhạc cổ truyền Việt Nam mà ở hải ngoại có thể kể các nhạc sĩ Phương Oanh (Pháp), Nguyễn Thị Mai (Mỹ), đã và đang tiếp nối con đường nhạc sĩ Nguyễn Hữu Ba đã đi. (NMT)

QUẬN CAM

Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ giới thiệu nhạc sĩ vĩ cầm Nguyễn Thi

Tối thứ Bảy 12 tháng Bảy, Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ (*Vietnamese American Philharmonic* VAP) đã tổ chức một buổi họp mặt thân mật với khoảng 100 thân hữu, tại nhà riêng của một thành viên Hội Hiếu Nhạc, để thưởng thức tiếng đàn vĩ cầm của một nhạc sĩ trẻ gốc Việt: Nguyễn Thi.

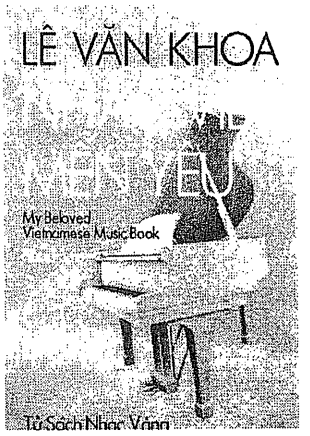

Nguyễn Thi sinh ở Việt Nam, được thân phụ là nhạc sĩ vĩ cầm Nguyễn Mô dẫn dắt từ nhỏ, nên năm lên chín đã được chơi trong dàn nhạc hòa tấu Modesto Chamber Orchestra. Năm 16 tuổi, Nguyễn Thi là nhạc sĩ trẻ nhất chơi trong dàn nhạc Philharmonia Orchestra trong dịp có đại hội âm nhạc Aspen. Hiện dạy nhạc tại đại học Cal State Long Beach, Nguyễn Thi cũng còn chơi cho dàn nhạc Hollywood Bowl và tham dự những buổi trình diễn đàn dây tại đại hội âm nhạc Mountain Music tại Colorado.

Cùng với dương cầm thủ Marla, Nguyễn Thi đã trình tấu ba tác phẩm cổ điển của Bach, Beethoven và Tchaikovsky. Được hoan nghênh nồng nhiệt bằng những tràng pháo tay kéo dài đến nỗi hai nhạc sĩ phải đàn thêm hai bài nữa trước khi chia tay. (VA)

QUẬN CAM

Ra mắt sách "Ngón Tay Và Mặt Trăng"

Buổi sinh hoạt giới thiệu tác phẩm "Ngón Tay Và Mặt Trăng" của giáo sư Đỗ Mạnh Tri đã được tổ chức tại Westminster Community Center, vào hồi 10 giờ sáng Chủ Nhật 13 tháng Bảy.

Mở đầu, giáo sư Lê Tinh Thông, đại diện nhóm Đường sống và thân hữu của tác giả chào mừng quan khch. Sau đó, nhà văn Trần Phong Vũy nói về lý do đưa đến việc phát hành cuốn sách này. Nhà văn họ Trần nói rằng cuốn sách này nhằm "bắc một nhịp cầu thông cảm giữa các tập thể tôn giáo, giữa người với người, mà cụ thể là giữa những người Việt Nam với nhau."

Sau đó các ông Trần Tấn Toan, Đặng Cao Thăng, Lưu Trung Khảo và đỗ Như Điện lần lượt lên diễn đàn nói về tác giả, tác phẩm, và những cảm nghĩ riêng tư của mỗi người.

Buổi sinh hoạt do bác sĩ Trần Việt Cường điều hợp, xen kẽ bằng những màn văn nghệ vui tươi, và đã kết thúc vào lúc 12 giờ trưa.

QUẬN CAM

Văn nghệ Nhạc Việt Mến Yêu

Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi tổ chức buổi văn nghệ giới thiệu bốn cuốn sách của nhạc sĩ Lê Văn Khoa, vào hồi 2 giờ trưa Chủ Nhật 20 tháng Bảy 1997, tại phòng Sinh Hoạt Người Việt, trên đường Moran, thị xã Westminster.

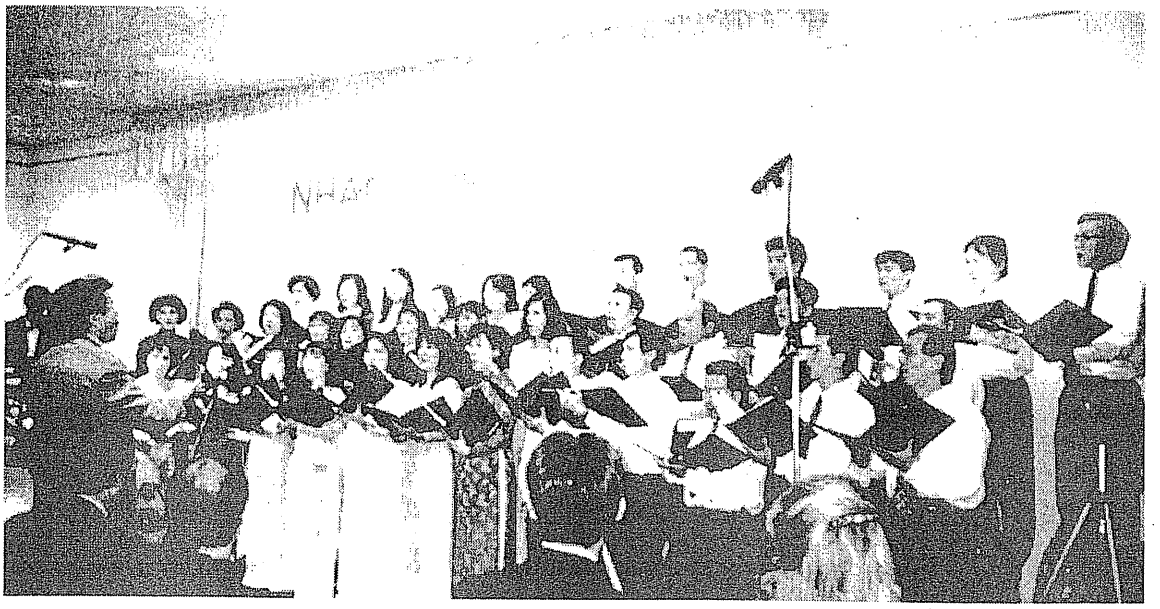

Ban hợp xướng Ngàn Khơi, dưới quyền điều khiển của nhạc trưởng Trần Chúc, hát bài *Dừng Bước Giang Hồ* của Hoàng Trọng, do Lê Văn Khoa soạn hòa âm.

Buổi văn nghệ có sự góp mặt của Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi, ban tứ tấu đàn dây Nguyễn Khánh Hồng thuộc Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ, các nhạc sinh trường nhạc Westminster và lớp nhạc Lê Văn Khoa, Ban Thiếu Nhi Ngàn Khơi, và các ca sĩ Quỳnh Giao và Lê Hồng Quang.

Hơn 100 người đã ngồi kín hội trường, trong khi một số rất đông khán thính giả phải đứng quanh phòng, hoặc ngoài cửa. Nhiều người không tìm ra chỗ đậu xe, đã phải ra về, nhưng không quên ghé vào bàn bày sách trước cửa hội trường để mua bốn tập nhạc của Lê Văn Khoa: *Nhạc Việt Mến Yêu, Dân Ca Việt Nam, Gợi Nhớ* và *Nhạc Giáng Sinh.*

Chương trình ca nhạc phong phú, hấp dẫn, đã làm cho buổi ra mắt sách trở thành một buổi trình diễn mà ngay cả những buổi văn nghệ chính tức cũng ít có được. Khán giả cũng đã nhiệt tình ủng hộ trong việc mua sách để soạn giả có thêm phương tiện xuất bản các cuốn sách nhạc khác.

QUẬN CAM

Nhà thơ Thái Thủy đến Hoa Kỳ

Nhà thơ Thái Thủy, một trong ba người sáng lập chương trình *Tao Đàn, tiếng nói thi ca của miền Nam tự do* trên đài phát thanh Saigon (gồm Thái Thủy, Thanh Nam và Tô Kiều Ngân) vừa đến Hoa Kỳ theo chương trình "HO."

Ông sinh năm 1937, nguyên Chủ Sự Phòng Chương Trình Đài Phát Thanh Saigon. Năm 1976, ông bị cộng sản Việt Nam bắt và tù 10 năm cùng với rất đông văn nghệ sĩ khác. Năm 1990, ông bị bắt lại, vì đã tham dự nhóm *Diễn Đàn Dân chủ* cùng với giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Năm 1995, ông được ra tù, và nay mới sang Mỹ định cư. Ông dự trù sẽ sống tại Quận Cam và sẽ hoạt động trở lại trong ngành phát thanh.●

(Bài và hình: Lê Tam Ca, Vũ Ánh, Ngô Mạnh Thu, Anh Thành và Trương Tuấn)

* Ba người Việt, một Bắc, một Trung, một Nam, vừa chết lên trình diện Ngọc Hoàng Thượng Đế. Người Bắc vào trước, chào Ngọc Hoàng:

"Con xin chào bác ạ."

Ngọc Hoàng gật gù ra lệnh cho Thổ Thần:

"Cấp cho anh ta một căn chung cư."

Người Trung vào:

"Xin chào chú."

Lại ra lệnh cấp cho một căn chung cư.

Đến người Nam vào chắp tay chào:

"Cháu chào dượng."

Ngọc Hoàng ra lệnh không suy nghĩ:

"Thổ Thần, cấp cho người này một cái biệt thự."

Hai người Bắc và Trung khiếu nại vì có sự phân biệt đối xử. Ngọc Hoàng giải thích:

"Hai em chào qua bằng bác với bằng chú thì là bà con phía của qua. Còn người kia chào qua bằng dượng thì rõ ràng bà con bên bả. Mà bà con bên bả mà cấp nhà không tử tế thì... qua không chịu nổi đời với bả đâu các em ơi!"

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI và LÊ TAM CA

Chân Trần

tập truyện của Y Chi, Văn Nghệ xuất bản, 218 trang, giá US$12.00, ngoài nước Mỹ thêm $2.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O.Box 2301, Westminster, CA 93683. Tel: (714) 527-5761.

Nhìn hình tác giả ở bìa sau: một "cô bé" tóc mới chấm vai, mắt đeo kính trắng, đầu đội mũ nồi, ngồi xếp bằng trên bờ hồ, tất cả toát ra một vẻ trẻ thơ và vô tư. Nhưng đọc sách của cô bé ấy thì biết rằng sự vô tư đã biến mất từ lâu nơi cô. Khi vừa ở tuổi hai mươi, nghĩa là cách đây mười năm, cô đã bắt đầu viết những truyện in trong cuốn sách này, và văn của cô diễn tả một cách nhìn đời và một thế giới nội tâm trĩu nặng vấn đề.

Đó là một cây bút viết tiếng Việt trưởng thành trên đất Pháp — cô đến định cư tại Pháp lúc mới 14 tuổi, và hiện nay vẫn còn theo đuổi việc học ở Đại học. Mặc dầu cầm bút khi còn khá trẻ, truyện cô già dặn ngay về hình thức cũng như nội dung. Cô có một văn phong cứng cáp của một kẻ đã sống lâu với Việt ngữ, nhưng hoàn toàn không theo một lối mòn nào, sự sáng tạo trong veo của từng câu chữ khiến người đọc ngạc nhiên. Nhưng sự sáng tạo ấy không phải chỉ thuần túy hình thức, chính nội dung, ý tưởng của tác giả đã làm cho câu văn luôn luôn được khoác áo mới, và khẳng định sắc thái của văn chương cô. Thế giới của cô là những người trẻ tuổi Việt Nam, phần nhiều là phái nữ, trong đời sống Tây phương, với các vấn đề bất tận của một thế hệ người di dân. Cô mô tả cảnh ngộ và đời sống rất có tài, nhưng cô không ngừng ở các sự việc. Càng đọc sâu vào cuốn sách người đọc càng 'hoảng sợ" vì tầm vóc đời sống nội tâm của tác giả, nó quá mênh mông so với số tuổi của cô — mới ngoài hai mươi — khi các truyện ấy được viết ra.

Viết văn là viết về một ý thức nào đó về cuộc sống. Cái khác nhau giữa người này với người kia là mức độ ý thức và cách diễn đạt. Y Chi là một người có ý thức rất sâu xa, nhờ thế không những cô nắm bắt được ngọn ngành của sự việc của đời thường mà có khi còn lội sâu vào những vùng huyền hoặc của tâm thức. Cô chưa đủ sức để tả xung hữu đột trong vùng ấy nhưng cô đã tới, đã bắt đầu thấy, và đã trao cho độc giả một vài cảnh giới sơ khởi. Các truyện *Phiến Diện*, *Chân Trần* và phần nào *Chùm Hoa Trắng* đã cho thấy khả năng đầy hứa hẹn ấy của tác giả. Đọc truyện *Chân Trần* chẳng hạn, người đọc dễ có mơ ước giá nó biến thành truyện dài thì nó sẽ có cơ hội đi xa hơn về chiều rộng và chiều sâu về những vấn đề mà ở đây hình như nó mới chớm đặt ra thôi. Tất cả những khả năng của Y Chi lộ ra trong toàn tập sách cho người đọc một cảm tưởng rất chắc chắn: Một nhà văn có tài.

Có những lỗi chính tả tiếng Việt trong sách mà người ta dễ nhận ra là do tác giả chứ không phải do lỗi đánh máy. Ví dụ: *bạt* màu, *khoát* áo, (uống nước bị) *sặt*, (đau) *buốc*, *chặt* lưỡi... Hoặc một thói quen dùng chữ, như câu: *Bà chủ tiệm đứng sau quầy lau mấy ly nước* (Dĩ nhiên là lau ly không, nhưng viết như là ly có đựng nước). Những lỗi đó có vẻ không phải do hoàn cảnh sớm sống ở nước ngoài của tác giả, mà thuộc thói quen ngôn ngữ của một vùng đất, từ đó có thể đoán quê quán gốc của tác giả. Hình như đó là một quãng giữa miền Trung Việt Nam, vùng Huế chẳng hạn, không biết có đúng không?

Trốn Vào Giấc Mơ Em

thơ của **Nguyễn Thị Thanh Bình**, Thanh Văn xuất bản, 141 trang, giá US$10.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Cũng như mọi người làm thơ khác, với thơ của mình, Nguyễn Thị Thanh Bình tạo cho mình một thế giới riêng. Ai cũng có một thế giới riêng, khi một tập thơ ra đời, tác giả mời mọi người đi vào thế giới ấy. Có thế giới đơn giản cạn cợt mới bước vào đảo một vòng mắt đã hết chuyện xem; có thế giới kỳ thú mời du khách vui chân đi mãi; lại cũng có những vùng bí hiểm, xa lạ, nhọc nhằn. Thế giới của Nguyễn Thị Thanh Bình ra sao? Đó là một nơi có những vẻ đẹp lạ, nhưng khi

vào hãy cẩn thận, lối đi khúc khuỷu, có thể gặp những tình huống bất ngờ.

Thơ Nguyễn Thị Thanh Bình có nhiều vẻ, tạo nên do hình thức của nó. Có những bài thơ "ít lời," chỉ bốn câu, thường là thất ngôn, mang nội dung phần nhiều dễ cảm thông, chuyên chở bằng vần điệu quen thuộc, ở trong tần số rung của nhiều người. Tuy nhiên đó là những bài rất cô đọng, ý và lời như đặc quánh lại trong một không gian ít ỏi trên mặt giấy, như một câu tuyên ngôn. Đối cực với loại này là những bài thơ dài hơi, theo thể tự do, chiếm ba bốn trang, là nơi sự sáng tạo có thể bay bổng thật cao hay lặn xuống thật sâu, đi theo tác giả cho đến hết bài là một công việc thích thú nhưng nhọc nhằn. Ý, lời, sự diễn đạt ẩn dấu nhiều tài hoa nhưng phần nhiều đó không phải là những gì ta đã bắt gặp rồi, người đọc phải cảnh giác để khám phá chụp bắt cái bất ngờ nấp ở những khúc quanh xa lạ trong cuộc hành trình không theo công thức vần điệu có sẵn. Dù khúc khuỷu gập ghềnh nhưng đó là cuộc hành trình đáng giá, bạn sẽ bắt gặp những nét lạ và đẹp mà không phải giở tập thơ nào bạn cũng có thể dễ dàng gặp được. Ở giữa hai đối cực là những bài vần điệu bình thường, dễ đọc, dù câu thơ không hề dễ dãi. Đề tài tình yêu chiếm đa số và là loại thơ thành công nhất của tác giả, ở đó nỗi khắc khoải của tình yêu với đủ sắc thái của nó nảy nở và giàn trải tưởng như không cùng. Chỉ một đề tài đó tưởng cũng quá đủ để nói về thơ Nguyễn Thị Thanh Bình.

Câu Nam Ai Thất Lạc

tập truyện của **Hồ Minh Dũng**, Văn Mới xuất bản, 197 trang, giá US$10.00, ngoài nước Mỹ thêm $2.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 S. La Cienega Bl. Los Angeles, CA 90035, USA. Tel: (310) 559-0413.

Đọc Hồ Minh Dũng trong tập truyện mới này, người ta bắt gặp hai sắc thái, một là không khí của đời hiện đại, hai là cái vẻ khói sương lãng đãng của những truyện lịch sử. Truyện đời nay là những truyện cảm động. Hình như tuổi đời và hoàn cảnh sống ổn định đã giúp tác giả nhìn ra cái tinh túy, cái chất lắng sâu của mọi chuyện, từ xã hội Việt Nam sau cuộc đổi đời lịch sử 1975 cho đến đời sống mới ở Hoa Kỳ. Chất ấy là lòng nhân ái. Chiết xuất được chất nhân ái giữa bao phức tạp đảo điên của cuộc đời là một việc làm khó nhưng rất đẹp, không những đòi hỏi cái tài của người cầm bút, mà quan trọng hơn cả là tấm lòng. Cảnh ngộ đầy oái ăm sau 1975, đời sống bất như ý khi mới đến Hoa Kỳ, được tác giả nói tới nhưng giọng không bực bội bất mãn như thường vẫn có, trái lại thấp thoáng vẻ dịu ngọt và một nụ cười hiền lành. Tùy bút Khi Xa Cali là một bài tác giả viết để từ giã bạn bè để qua sinh sống bên miền Đông Hoa Kỳ, nhiều ý nghĩ thấm thía, nhiều mối tương quan cảm động giữa những người cầm bút.

Với đề tài lịch sử, tác giả hình như không có ý dựng truyện có vẻ 'thật,' trí tưởng tượng của tác giả tạo ra nhiều tình tiết lạ, nhiều khi có vẻ hoang đường, (như mảnh giấy dán trong nách Nguyễn Hữu Chỉnh chẳng hạn,) làm cho câu truyện lịch sử giống như chuyện đùa, hoặc thành cái cớ để chuyên chở một ngụ ngôn của tác giả. Lịch sử là đời sống thật đã xảy ra trong quá khứ, nếu hư cấu thì cũng nên hư cấu trên cái thật ấy, chứ không nên đi quá xa như người ta tha hồ làm trong các truyện viễn tưởng. Chúng ta có nên huyền thoại hóa lịch sử, hoặc làm cho nó thành dị dạng một cách quá đáng so với thời đại của nó trong khi dùng những đề tài lịch sử, những nhân vật lịch sử để viết truyện? Cho nên truyện lịch sử của Hồ Minh Dũng, đọc thì vẫn thích vì có thể gặp nhiều cái lạ bất ngờ trong cá tính của người xưa, nhưng vẫn cho ta một cảm giác bất an.

Giày Sô, Nói Phét và Đàn Bà

Ký và Phiếm của **Huỳnh Văn Phú**, Nhật Thanh xuất bản, 155 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Huỳnh Văn Phú, 5900 N. Water Street, Philadelphia, PA 19120.

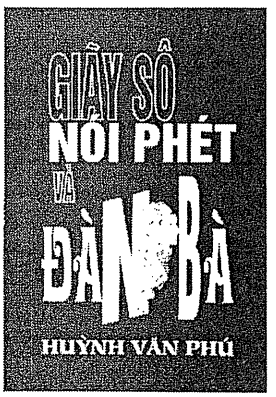

Nghe qua cái tựa người ta có thể đoán được phần nào nội dung bỡn cợt của cuốn sách. Giày sô là tượng trưng đời lính, Nói phét là một phong cách đặc biệt của những người ưa vung vít (mà cộng sản Việt Nam cũng là những tay có hạng), và Đàn bà muôn thủa vẫn là biểu trưng cho nguồn yêu dấu cũng như bao chuyện rắc rối cho đàn ông. Ba đề tài ấy được viết khi thì ở dạng ký, như bài Tôi Vào Võ Bị, khi ở dạng phiếm lúc tác giả nói về... nói phét và về đàn bà. Cuốn sách chứng tỏ tác giả là một người có khiếu đùa cợt và nói đùa rất có

duyên. Cái khiếu và cái duyên ấy là trời cho, muốn bắt chước cũng không được. Việc huấn nhục trong trường Võ Bị, lứa tuổi con trai lớn lên ở miền Nam trong thời chiến trước kia ít nhiều đều có nghe qua nếu không phải chính mình đã nếm, nhưng đọc Huỳnh Văn Phú vẫn thấy thú vị, vì lối kể rất vui. Lịch sử quân đội của chúng ta trước kia thì chắc đã được nhiều người viết đến trong những bộ quân sử, nhưng những sinh hoạt kỳ lạ trong quân trường thời kỳ huấn nhục như thế thiết tưởng cũng cần có người ghi lại, vì không có nó thì đã chẳng có được các trang quân sử kia. Về nói phét, tác giả đã nhìn ra một triết lý cho nó, thấy nó không có hại cho ai như khi nói điều gian dối, tuy rằng lắm khi phản ảnh một tâm lý không được bình thường cho lắm. Người ta còn có thể còn cảm thấy được hạnh phúc trong khi nói phét nữa kia.

Tại sao tôi nói họ hạnh phúc? Bởi vì khi họ nói ra những điều mà họ chỉ tưởng tượng như vậy thôi, nghĩa là những điều chưa từng có hay chưa từng xảy ra trong đời họ tức là họ sống trong cái thế giới của sự tưởng tượng. Đó là cái thế giới riêng của chính họ...

Một quyển sách vui, đọc đôi khi không ngăn được cười. Nhưng sau cái cười không phải không có gì để suy ngẫm.

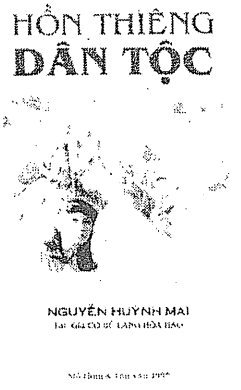

Hồn Thiêng Dân Tộc

sách tôn giáo của **Nguyễn Huỳnh Mai**, Mõ Làng và Tân Văn xuất bản 1997, 677 trang, giá US$25.00, ngoài Hoa Kỳ US$28.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Tác giả, Nguyễn Huỳnh Mai, là một tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, trước 1975 tốt nghiệp khoa Báo Chí Đại học Vạn Hạnh, sang Mỹ từ 1975, tốt nghiệp ngành truyền thông truyền hình tại Đại học Long Beach năm 1980. Cuốn *Hồn Thiêng Dân Tộc* là tập hợp những chương viết về sinh hoạt tâm linh dựa trên niềm tin tôn giáo của tác giả, đồng thời cũng có khía cạnh thông tin báo chí với những trang đăng tải các tài liệu hình ảnh liên quan đến nhiều việc khác nhau, thuộc nhiều thời kỳ khác nhau. Phần viết về tôn giáo tác giả ghi lại những chứng nghiệm của mình về các trạng thái tu tập và suy tưởng chứ không phải phát triển bình giảng những kinh kệ sẵn có của giáo lý. Đó là những điều rất khó truyền thông bằng ngôn ngữ thường, nhiều chương chỉ toàn là những câu riêng rẽ như cách ngôn, có lẽ được tác giả ghi ngay khi nó đến như một khám phá của riêng mình, chứ không theo một quá trình tư biện mạch lạc. Hoặc nếu có được phát triển thêm thì chỉ là những đoạn viết ngắn rất súc tích, hình như những khám phá ấy nói càng dài thì chỉ càng bị pha loãng ra mà mất cái màu sắc nguyên thủy đi thôi. Trong lời tựa đầu sách, giáo sư Phạm Công Thiện có viết:

...Tôi thấy rằng có một khía cạnh rất kín đáo của Bà và ít ai nhận ra được: Bà thường hay sống trong một nỗi ám ảnh tâm linh kỳ diệu gì đó, dường như phải chịu mang một sứ mạng vô hình nào đó để thực hiện một đại nguyện Bồ Tát Hạnh nào đó, khiến nhiều lúc Bà trở nên ngơ ngác lạc lõng trong những lộ trình tưởng chừng như bất tận...

Đó là một nhận xét rất đúng nói hộ cho nhiều người cái cảm tưởng hơi lạ kỳ khi đọc những trang suy nghiệm của tác giả.

Từ Chương VII, Tiếng Nói Từ Trái Tim, là phần tài liệu, hình ảnh. Có những bức ảnh khá hiếm chụp quân đội Hóa Hảo từ thời 1947, 48. Có bản Tuyên cáo của ông Lê Quang Liêm, đại diện Khối tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo làm tại Sài Gòn năm 1994 để lên án cuốn sách Dòng Sông Thơ Ấu của nhà văn cộng sản Nguyễn Quang Sáng, một cuốn sách viết cho nhi đồng mà đầy giọng điệu bài bác tôn giáo, nhất là đả kích nặng nề Phật giáo Hòa Hảo, có cả phóng ảnh bìa sách và chân dung Nguyễn Quang Sáng do Trịnh Công Sơn vẽ. Và nhiều bài viết của các tác giả khác cùng hình ảnh về nhiều đề tài khác nhau, nhưng cùng một lập trường tố cáo sự vi phạm nhân quyền của cộng sản, đồng thời bênh vực cho chính nghĩa của phía quốc gia.

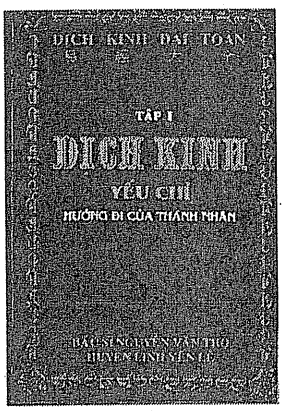

Dịch Kinh Đại Toàn

biên khảo của Bác sĩ **Nguyễn Văn Thọ** và **Huyền Linh Yến Lê**, các tác giả tự xuất bản, gồm ba tập: Tập I, *Dịch Kinh Yếu Chỉ*, 495 trang; Tập II, *Thượng Kinh - Đạo Người Quân Tử*, 367 trang; Tập III, *Hạ Kinh - Đạo Người Quân Tử*, 645 trang. Giá trọn bộ ba cuốn US$70.00 chưa kể cước phí. Giá cước phí cho toàn bộ: tại Hoa Kỳ US$5.00, Canada $10.00, Âu châu và Úc $26.00. Liên lạc: Lê Thị Yến, 9702/89 Bolsa Avenue, Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 531-6531.

Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ tốt nghiệp Đại học Y khoa Hà Nội năm 1952, ngoài hoạt động trong y giới, còn giảng dạy môn Triết học Đông phương tại Đại học Văn Khoa và Minh Đức, Sài Gòn, từ năm 1967 đến 1975. Ông đã hoàn tất 23 tác phẩm, về hai đề tài chính là Triết học Đông phương và Tôn giáo Đối chiếu.

Tác giả Nguyễn Văn Thọ đã viết xong bộ sách này vào năm 1973 nhưng nay mới lần đầu tiên xuất bản, sau khi được bà Nguyễn Văn Thọ, tức Huyền Linh Yến Lê, bổ túc bằng các phần *Áp dụng vào thời đại*. Tập I bàn về Thiên đạo, về Cốt Dịch, về cách làm Thánh Hiền. Xưa nay các nhà khảo về Dịch ít đi sâu tường tận về các vấn đề này mà chỉ đi ngay vào quẻ, vào Hào, và như vậy Dịch sẽ mất đi phần Thái Cực, tức cái Hằng Cửu, mà chỉ chú ý phần Âm Dương là cái biến thiên. Tập II phần đầu có 'Dịch Kinh giản lược," giảng tổng quát để người coi về sau khi vào các quẻ sẽ hiểu dễ dàng hơn, sau đó là giải 30 quẻ Dịch đầu tiên, bắt đầu có phần "áp dụng vào thời đại," chỉ cách dùng Dịch để giải quyết những khó khăn trong đời sống. Tập III tiếp tục như Tập II, bàn về Đạo Quân tử, đạo làm người, gồm Hạ Kinh, Hệ Từ, Thuyết Quái, Tự Quái, Tạp Quái.

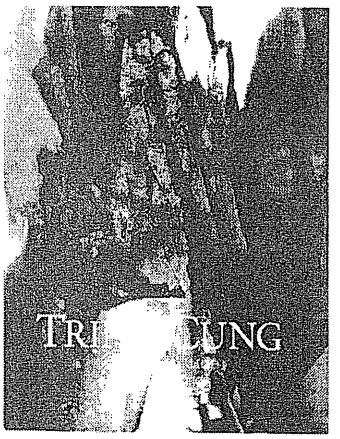

Đây là một công trình đồ sộ của một tác giả uyên bác về triết học Đông phương, với một lối dịch và giải rất khúc chiết sáng sủa giúp người đọc khảo sát mọi hiện tượng biến thiên của vũ trụ và suy ra những định luật chi phối sự biến thiên ấy, từ đó liên hệ đến cuộc sống cụ thể của mình. Mỗi quẻ được trình bày thoạt tiên bằng nguyên bản chữ Hán, rồi đến phần dịch ra bằng văn vần, tiếp theo là phần bình giảng bằng văn xuôi. Cuối mỗi quẻ là phần áp dụng quẻ vào thời đại. Ước mong của tác giả là *sau khi đã hiểu Dịch, biết áp dụng Dịch, ta thấy ta trở nên thông thái, khôn ngoan hơn trước nhiều.* Do cách trình bày linh động, trong bộ sách dày hơn ngàn rưỡi trang đó, chúng ta có thể đọc phần nào trước phần nào sau cũng được, mỗi phần với tính độc lập của nó đều giúp ta đến gần với Dịch học, một ngành triết học cổ Trung Hoa xưa nay rất nổi tiếng nhưng cũng rất khó đi đến chỗ am tường.

Âm Vang Của Đất

tuyển tập tranh và bài phê bình hội họa, của họa sĩ **Trịnh Cung**, do tác giả xuất bản, 1997, 64 trang khổ lớn, in trên giấy láng, không đề giá.

Sau "Tuyển Tập Tranh và Tiểu Luận"của Thái Tuấn (VAALA, 1996), đây là cuốn sách thứ hai, ở hải ngoại, có hình thức in ấn công phu, nói về hội họa.

Trịnh Cung tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế năm 1962, nguyên Tổng Thư Ký Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam, hiện cư ngụ tại Saigon. Tháng Mười Một 1996, ông được đại học San Francisco mời sang nói chuyện về hội họa, và ông đã nhân dịp này đi một vòng nước Mỹ, chuyên chú vào việc tìm hiểu hội họa của người Mỹ và người Mỹ gốc Việt.

Sau sáu tháng ở Mỹ, ông đã hoàn tất loạt tranh mới đặt tên là "Âm Vang Của Đất," được in toàn bộ trong tuyển tập nói trên. Ngoài ra, tuyển tập cũng có thêm một số tranh cũ, từ thập niên 1960 đến 1990, cho người xem một ý niệm tổng quát về tiến trình sáng tác của Trịnh Cung.

Các bài nhận định của Huỳnh Hữu Ủy, Peggy J. Printz, Jeffrey Hantover, và Judith Hughes Day, in trong tuyển tập này, với nguyên bản tiếng Anh hoặc tiếng Việt (không có bản dịch) giúp người thưởng ngoạn hiểu sâu thêm về thế giới màu sắc và đường nét Trịnh Cung. (LTC)

Yêu Con Dạy Con Nên Người Việt

tập tiểu luận của **Đỗ Quý Toàn**, do Văn Nghệ tái bản, dày 152 trang, giá 8.00 mỹ kim. Liên lạc: Văn Nghệ, (714) 527-5761.

Tác giả sinh năm 1939 tại Bắc Ninh. Ông may mắn được học chữ Hán trước khi học chữ quốc ngữ, nên được thụ hưởng nền giáo dục cổ truyền bằng kinh nghiệm bản thân.

Nhà xuất bản Văn Nghệ giới thiệu cuốn sách, trong lần tái bản, như sau: "Cuốn **Yêu Con Dạy Con Nên Người Việt** xuất bản lần đầu năm 1987 và được độc giả khắp nơi đón nhận như một cuốn sách hữu ích. (...) Tác giả duyệt lại để xuất bản lần thứ hai vì nhận thấy cộng đồng người Việt Nam sống ở nước ngoài vẫn có nhu cầu tiếp tục suy nghĩ, thảo luận về

cộng đồng người Việt Nam sống ở nước ngoài vẫn có nhu cầu tiếp tục suy nghĩ, thảo luận về vấn đề giáo dục trẻ em trong gia đình. (...) Điều quan trọng là chúng ta biết thể hiện tình yêu đối với con cái. Hiểu biết về tình yêu và cách biểu lộ tình yêu là yếu tố chính để chúng ta làm công việc dạy dỗ con em." (LTC)

Hậu Liêu Trai

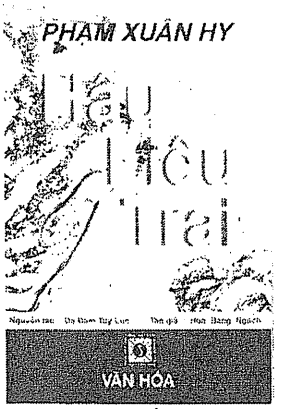

tập truyện dịch từ Hoa ngữ, nguyên tác *Dạ Đàm Tùy Lục* của *Hòa Bang Ngạch*, bản dịch **Phạm Xuân Hy**, gồm 19 truyện ngắn (trong đó có một số truyện đã đăng trên TK 21, như *Dị Khuyển, Giả Nữ*...)

Nói đến liêu trai, người ta nghĩ tới Bồ Tùng Linh, với những chuyện ma quỷ, hoang đường, nhưng chứa đựng những ngụ ý nhân bản, khiến cho tác phẩm được lưu truyền lâu dài và rộng rãi.

Cái tên truyện — *Hậu Liêu Trai* — cũng cho thấy đây là loại truyện mô phỏng lối văn Bồ Tùng Linh. Không gian và thời gian trong truyện thường mơ hồ, không rõ ở đâu, nhưng cũng có thể ở bất cứ nơi nào. Văn dịch của Phạm Xuân Hy khúc chiết, nhẹ nhàng —một lối dịch thoát làm người đọc thấy gần gũi với truyện. (LTC)

Lược Sử Triết Lý Giáo Dục Việt Nam

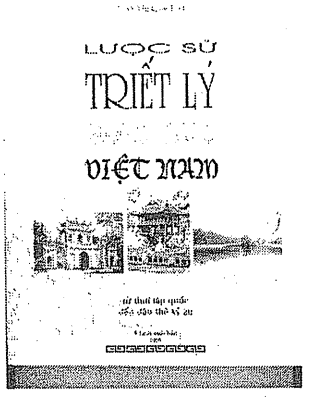

biên khảo của **Ngô Thị Quý Linh**, do Ý Linh xuất bản 1997, khổ lớn, dày 400 trang, không đề giá bán.

Nhà xuất bản Ý Linh, từ năm 1989, đã in loạt sách "Tôi Yêu Quê Tôi" gồm bốn cuốn, đều ở dạng sách khổ lớn, in ấn công phu, của cùng một tác giả Ngô Thị Quý Linh.

Soạn giả vốn là cựu sinh viên Y khoa Saigon, nhưng từ ngày sang Mỹ (1975) và lập gia đình (1977), đã dành hết thì giờ cho việc săn sóc gia đình.

Nếu bộ sách "Tôi Yêu Quê Tôi" nhắm vào các độc giả tuổi măng non, thì cuốn "Lược Sử Triết Lý..." là một khảo luận thuộc loại khó đọc. Nội cái tựa, với tám chữ Hán, và hai chữ *triết lý* cũng đủ làm người đọc phải... rón rén khi mở sách.

Cuốn sách có một khuyết điểm nhỏ, về hình thức, là dùng nhiều kiểu chữ trong bản văn, không thích hợp với loại sách biên khảo.

Sách đẹp, nội dung tốt, đây hẳn là một cuốn sách cần có trong mọi tủ sách gia đình. (LTC)

Ba cuốn sách của Du Tử Lê

Du Tử Lê vừa cho tái bản **Thơ Tình / Love Poems**, trong đó mỗi bài thơ tiếng Việt lại có bản dịch Anh ngữ. Cùng lúc, ông cho in lần đầu hai cuốn: **Chỉ Như Mặt Khác Tấm Gương Soi / Reflection in The Looking Glass**, thơ, và **Tiếng Kêu Nào / Bên Kia Thời Tiết**, truyện.

"Chỉ Như..." là một tập thơ song ngữ, gồm những bài thơ đã đăng báo, được Phạm Trọng Lệ chuyển sang Anh ngữ. Cuối sách, là bài viết của nhà thơ trích từ bài nói chuyện của ông ở đại học UCLA, về "cách tân thơ lục bát," trong đó ông biện minh cho việc dùng một số dấu chấm câu độc đáo theo kiểu của ông trong số những bài mới làm gần đây.

"Tiếng Kêu..." là một tập truyện (ngoài bìa ghi là tập*truyện*, bên trong ghi tập *chuyện*, không rõ ông mặn với *tr* hay với *ch*?)

Văn của Du Tử Lê có nhiều dấu vết thơ ông, và có cả những "cách tân" mà ông dùng trong thơ, tức là những gạch xéo — như ngay ở nhan đề của sách. (LTC)•

Tìm đọc:

"LỐI XƯA XE NGỰA..."

biên khảo
của
Nguyễn Thị Chân Quỳnh

NẮNG HÈ TRÊN PHỐ ACACIA

LÊ ĐÌNH ĐIỂU ghi

Trời bắt đầu mùa hè, nhưng người California không cảm nhận được rõ ràng. Chỉ ở những vùng có mùa lạnh kéo dài, người ta mới "thấy" mùa hè đến một cách rõ rệt, qua nắng, qua hơi nóng, qua hoa cỏ, và qua... những chuyến đi xa.

Tòa soạn *Thế Kỷ 21* "thấy" mùa hè đến theo những bước chân thân hữu từ xứ lạnh đến chơi.

Hoài Cẩm Lê Văn Hưng

Hoài Cẩm Lê Văn Hưng, đến từ miền quanh năm mưa ướt: thị trấn Issaquah, tiểu bang Washington, miền Tây Bắc Hoa Kỳ — cùng "quê" với nhà thơ Trần Mộng Tú.

Sinh năm 1956, Hoài Cẩm đang học đại học Văn Khoa Saigon thì biến động tháng Tư 1975 xảy ra. Anh bỏ dở học hành, lao vào kiếm sống, và đến năm 1982 vượt biên đường bộ sang Căm Bốt, rồi Thái Lan, cuối cùng được định cư tại Mỹ năm 1987.

Làm thơ từ những năm trung học, Hoài Cẩm mới bắt đầu viết ký sự khi còn ở trong trại tị nạn Thái Lan - gởi đăng trên các báo *Người Việt, Chính Luận* ở Hoa Kỳ.

Từ 1995 anh mới bắt đầu viết truyện ngắn, và *Thế Kỷ 21* đã đăng hai truyện của anh: *Mười Thừa,* và *Gió Nghiệp.*

Hà Kỳ Lam, đến từ Philadelphia — nơi anh có nhà hàng ăn, còn nơi cư trú lại là thành phố bên kia sông, thuộc tiểu bang New Jersey.

Sinh ra ở làng Kỳ Lam, Quảng Nam, anh lấy tên làng làm bút hiệu từ khi bắt đầu viết văn. Những truyện đầu tay anh gởi đăng trên các báo rải rác nhiều nơi, nhưng từ 1992, truyện của anh xuất hiện đều đều trên *Thế Kỷ 21.* Năm 1993, Thế Kỷ đã xuất bản cho anh tập truyện đầu tay: *Vùng Đá Ngầm* (đã bán hết).

Hà Kỳ Lam

Mùa hè này Hà Kỳ Lam sang California, không phải để nghỉ hè, mà để 'vác một cái ngà voi" cho họ Nguyễn ở làng Kỳ Lam: In cuốn gia phả của gia đình — một cuốn sách in ấn công phu chưa từng thấy.

Hà Kỳ Lam, ngoài thì giờ làm việc kiếm sống, thỉnh thoảng viết văn, còn bỏ nhiều công sức cho một sinh hoạt khác mà anh rất say mê. Đó là tổ chức những buổi họp mặt văn nghệ cho Nhóm "Duyên Văn" gồm các văn nghệ sĩ cư ngụ quanh vùng Philadelphia và New Jersey.

Giáo sư **Phạm Kế Viêm** và nhà văn **Trần Thị Diệu Tâm** đến từ Paris, mang theo một cuốn sách để ra mắt (cuốn "Rong Biển" - xin xem *Vòng Chân Trời VHNT* số này), và nhiều mẩu chuyện 'bên Tây."

Cặp uyên ương này hiện có một tiệm ăn nhỏ, là tiệm An Hiên, ở quận 13 Paris. Cái tên An Hiên chắc hẳn có một lịch sử gắn bó với đời sống của hai người, vì đọc trong "Rong Biển" của Trần Thị Diệu Tâm, chúng ta thấy nhân vật chính trong truyện tên là An Hiên.

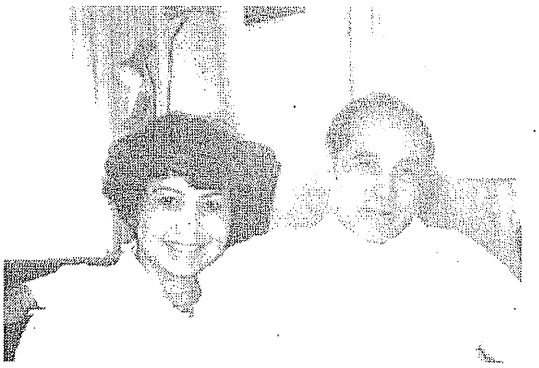

Nhà văn Trần Thị Diệu Tâm và giáo sư Phạm Kế Viêm

Làm nhà hàng thường rất bận rộn, nhưng Diệu Tâm vẫn dành được thời giờ để viết văn, hẳn là tâm đã 'diệu" hiểu theo nghĩa tĩnh lặng như một thiền sư. An Hiên, nếu đọc nhanh cũng có thể là "an nhiên [tự tại]!"

Giáo sư Viêm trước đây nổi tiếng ở Saigon và Dalat với việc dạy học, môn toán lý hóa. Nhưng từ khi sang Paris, ông lại nổi tiếng với kinh Dịch: ông coi bói rất hay.

Hôm nhà văn Diệu Tâm ra mắt sách, ở tòa báo Thế Kỷ, thì đó cũng là ngày giáo sư Viêm gặp lại bạn cũ trò xưa, tạo thành một buổi kỳ ngộ rộn rã, luyến lưu.

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341

Lê's Florist Boutique

Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions

14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

DAN RX PHARMACY

6255 University Ave., Ste. F, San Diego, CA 92115
Tel: (619) 287-2660 * Fax: (619) 287-5968

THUỐC MỚI NHẬP NGÀY ĐÁO HẠN CÒN XA
GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG
GẦN PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI
GIAO THUỐC TẬN NHÀ, MIỄN PHÍ
CMS

NHẬN: MEDI-CAL, MEDICARE CIGNA; DMERC & CÁC LOẠI BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU

CaliforniaCare: Blue Cross, CompCare
TelePAID: Blue Shield, PersCare, PCS
Medimpact: PHP-CHG, MedCare, Value-RX, PacifiCare, Cigna, Rx-Prime, CareMark, Aetna, Columbia-PS, PharmaCare, PCN, MetraHealth, MediMet, TheTravelers, Foundation Health, Champus, GEM, USC, MPS, GPP, DPS, CPM, Wellpoint Pro-Serv, Community-RX, APB America, Provantage, Rx-America, SHARP H. Plan, SinglePoint

WELCOME: COMMUNITY HEALTH GROUP MEMBERS
ĐẶC BIỆT: NHẬN CHƯƠNG TRÌNH CMS

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

DƯỢC SĨ NGUYỄN THẾ DANH kính mời

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

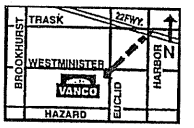

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Từ điển điện tử thế hệ thứ năm

EV-98

Anh-Việt, Việt-Anh, Anh-Anh

và 10 bộ chuyên ngành bách khoa

13 bộ từ điển trong một máy

MỚI NHẤT

*** ƯU ĐIỂM ĐẶC BIỆT:**

- 1 đại từ điển phổ thông: tổng hợp căn bản cùng 10 cuốn bách khoa chuyên ngành, trên 600,000 từ
- 3 từ điển căn bản

Anh-Anh : tiêu chuẩn người Mỹ
Anh-Việt : trên 150,000 từ
Việt-Anh : tăng cường và hiệu chỉnh trên 100,000 từ

- 10 bộ chuyên ngành bách khoa:

Mỗi bộ là cuốn từ điển hoàn chỉnh 20,000-80,000 từ

Tóc
Móng Tay
Toán Học
Y Khoa
Tin Học
Kinh Tế Thương Mại
Du Lịch
Pháp Luật
Vật Lý
Kiến Trúc

- Luyện thi đặc biệt:

Tóc và Móng Tay: dù cả hai phần Nhập Tịch có phần rút gọn cho tuổi già và điện đặc biệt

- Văn phòng & tư liệu:

Hiện lên màn ảnh đủ các danh mục điện thoại, sổ hẹn ngày càng nhỏ

- Phát âm:

Tiếng toàn bộ từ và câu tiếng Anh
Phát âm giọng Mỹ tiêu chuẩn Đại Học Berkeley

Máy được bảo hành khắp thế giới
Nhận sửa chữa tất cả các loại máy từ điển

$279.00 + tax
Giá chính thức
$349 + tax

Đã có bán khắp nơi

Tổng Đại Lý:

SMART WORLD

8450 E. VALLEY BLVD. # 116,
ROSEMEAD, CA 91770
TEL: (626) 280-3313 FAX: (626) 280-3778
TOLL FREE: 1-888- 280-1289

Ấn Phí: Bốn Mỹ Kim